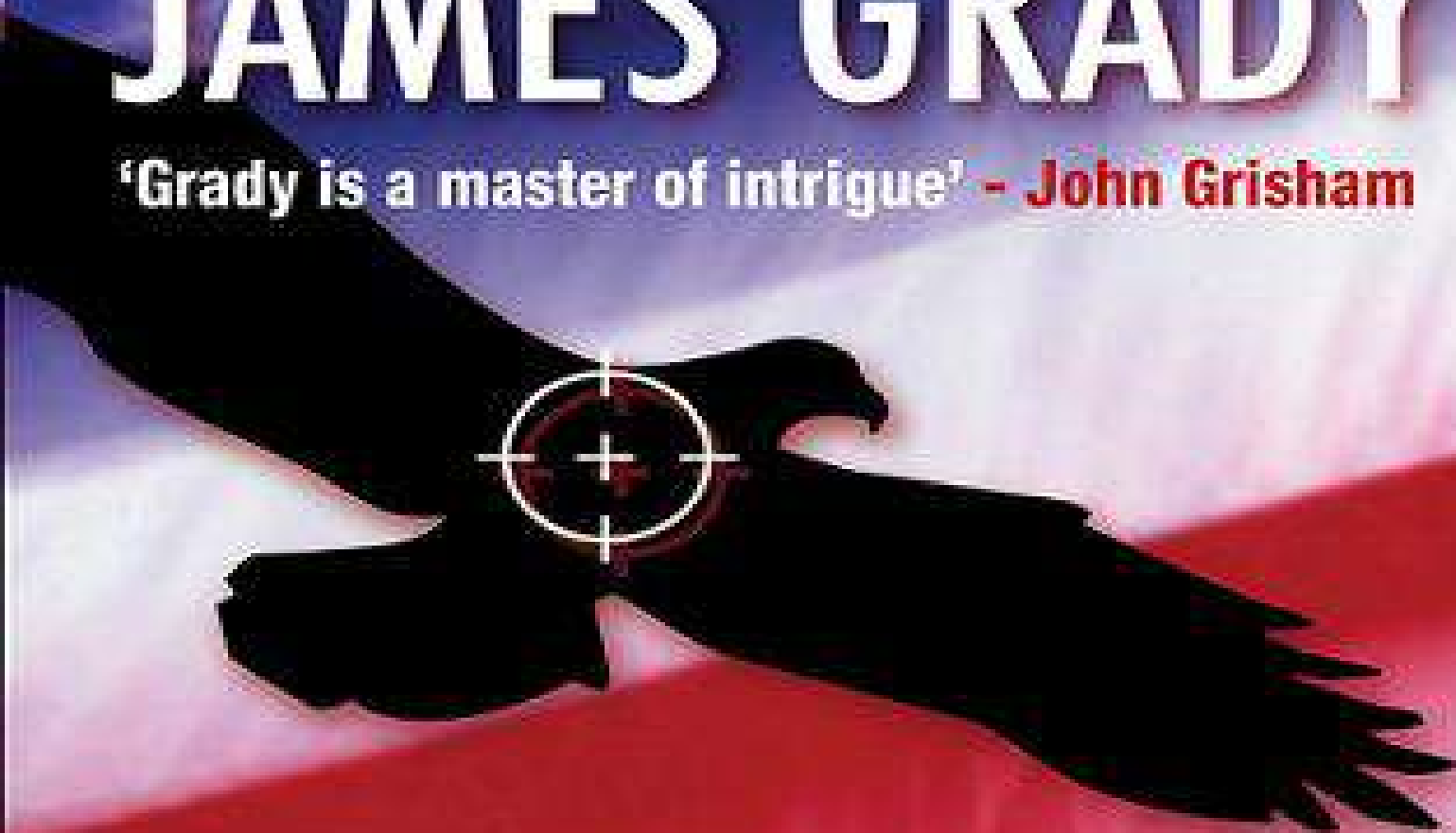


JAMES GRADY

'Grady is a master of intrigue' - **John Grisham**



SIX DAYS OF THE CONDOR

HIS CODE NAME IS CONDOR, IN THE NEXT FEW DAYS,
EVERYONE HE TRUSTS, WILL TRY TO KILL HIM...

INCLUDES
BONUS MATERIAL
Condor.net

Sáu ngày của Condor

James Grady

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU

THỨ TƯ

THỨ NĂM

Thứ Năm (Chiều)

THỨ NĂM (Tối)

Thứ bảy

CHỦ NHẬT

THỨ HAI

THỨ HAI (Chiều)

THỨ BA

THỨ BA (Đêm)

THỨ TƯ (Sáng)

THỨ TƯ (Chiều)

James Grady

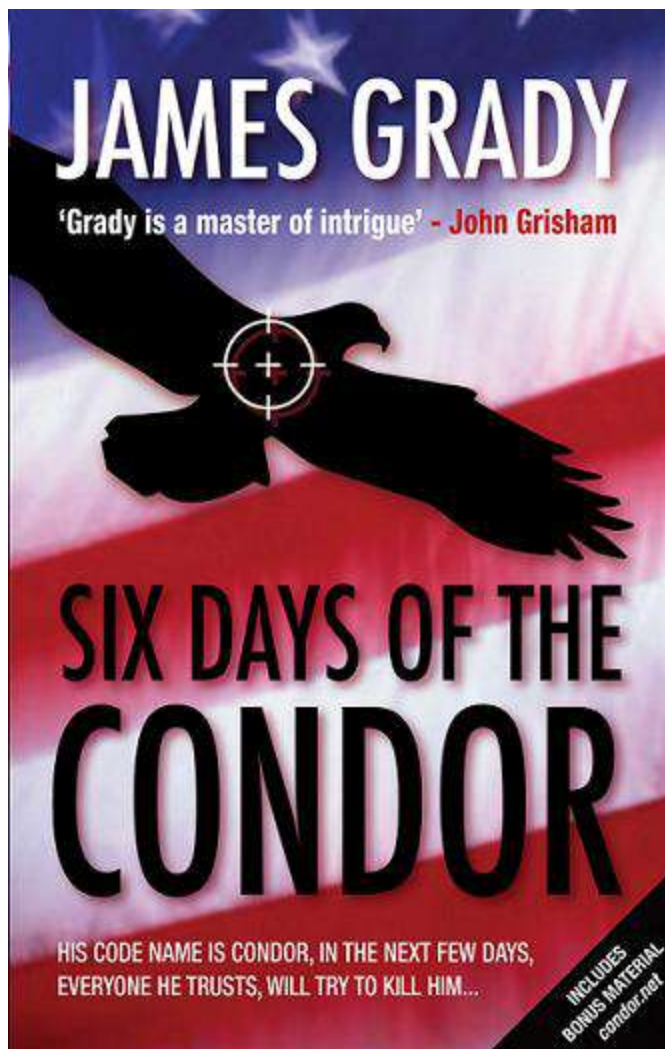
Sáu ngày của Condor

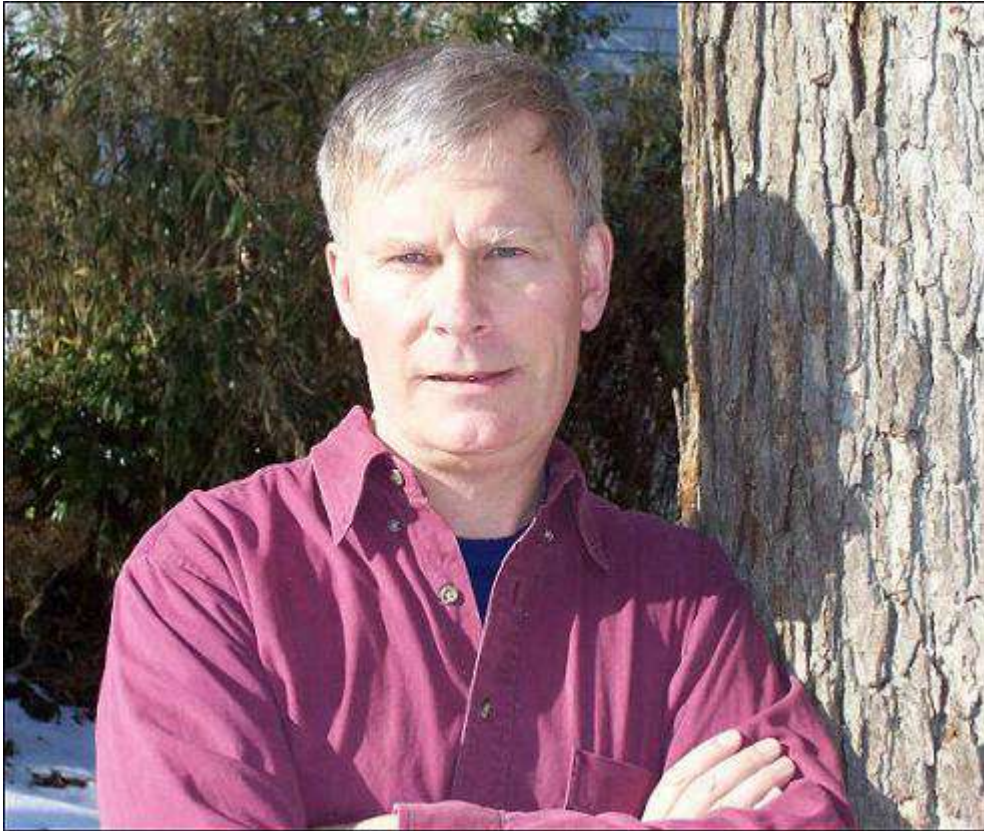
Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

LỜI GIỚI THIỆU

Nguyên tác: SIX DAYS OF THE CONDOR

Tiểu thuyết trinh thám





Tác giả James Grady

James Grady là nhà văn tiến bộ Mỹ. Ông sinh năm 1949 tại một thị trấn nhỏ thuộc bang Montana.

Ngày nhỏ sống tại quê nhà. Sau khi tốt nghiệp đại học Montana, J. Grady trở thành nhà báo. Ngay từ khi còn ngồi trên ghế trường đại học, ông đã say mê tìm hiểu các môn khoa học xã hội – chính trị và sử học. Tuy rất có năng khiếu về văn chương, nhưng J. Grady vẫn không dám sống bằng nghề cầm bút, vì ông vốn biết chắc mười mười rằng “phàm đã là nhà văn thì khó lòng được sống một cuộc đời no đủ”. Bởi thế, J. Grady xin vào làm trợ lý các vấn đề lập pháp tại Ủy ban soạn thảo hiến pháp bang Montana. Tiếp đó, suốt nhiều năm liền ông đã làm qua đủ mọi nghề: khi thì công nhân, khi thì chuyên gia bài trừ tệ nạn phạm pháp trong trẻ em, khi thì phóng viên báo chí.

Cuộc sống của ông cứ tiếp tục trôi qua như thế cho mãi đến năm 1974, năm J. Grady công bố cuốn truyện đầu tay, làm chấn động dư luận: “Sáu ngày của Condor”(1) (trong những lần tái bản sau này được đổi tên thành “Ba ngày của Condor”). Cuốn tiểu thuyết đã đem lại cho tác giả danh tiếng ấy lập tức được đạo diễn Mỹ có tên tuổi là Sydney Pollack đưa lên màn ảnh và càng làm xôn xao dư luận.

Năm 1975, J. Grady cho ra mắt bạn đọc thiên tiểu thuyết thứ hai: “Cái bóng của Thần Ưng”. Nhân vật chính ở đây vẫn là anh chàng Ronald Malcolm quen thuộc mà một nhà phê bình đã từng tặng cho danh hiệu là “gã điệp viên đáng mến và hấp dẫn nhất, nhưng đồng thời cũng lại là tên điệp viên khó gặp và phi hiện thực nhất trong lịch sử tồn tại của cơ quan CIA”.

Ngay cả khi tác phẩm đầu tay đã có tiếng vang rộng khắp, J. Grady vẫn còn nấn ná khá lâu mãi tại quốc hội Mỹ với chức vụ trợ lý của một hạ nghị sĩ. Còn hiện thời, J. Grady đang làm thư ký riêng cho một nhà báo Mỹ lừng danh. Ông chỉ sáng tác truyện trinh thám những khi rỗi việc. Các cốt truyện trong sáng tác của ông thường xây dựng trên chất hiện thực. Những gì được hư cấu hoàn toàn không phải nhằm mục đích “thêm như thêm nhĩ” mà chỉ là phương tiện để gắn kết các biến cố thực lại với nhau cho bố cục tác phẩm được cân xứng, thật hài hoà.

Năm 1980, tác phẩm thứ ba của J. Grady ra đời: “Bắt lấy ngọn gió lạnh”. Mùa xuân năm 1981, lại một tiểu thuyết hấp dẫn nữa của nhà văn, thiên truyện thứ tư ra mắt bạn đọc: “Kẻ trốn chạy ngoài phố”.

Những biến cố trong “Sáu ngày của Condor” bắt đầu từ việc một nhân viên trong một tiểu ban của CIA (gọi là “Hội Văn Sử”) phát hiện ra một vụ gian lận về chứng từ, sổ sách, và muốn làm “sáng tỏ”, anh bèn viết một tờ trình khẩn gửi lên cấp trên. Tờ trình rơi vào tay một “ông lớn” ở Tổng hành dinh CIA.

Nhân vật này cho thi hành “những biện pháp khẩn cấp nhằm huỷ diệt hết tất cả các “khoản” cùng những hồ sơ lưu trữ có liên quan đến công việc, lẫn những nhân viên của cái tiểu ban có dính đến câu chuyện nêu trong “tờ trình”.

Thế là ngay đêm hôm đó, nhân viên viết tờ trình bị thủ tiêu tại nhà. Và sáng hôm sau thì toàn bộ người của tiểu ban bị giết một cách thảm khốc, trừ mỗi một mình anh chàng Malcolm, vì sáng hôm đó đi vắng, nên thoát chết. Trở về trụ sở và chứng kiến cảnh giết chóc tàn khốc nọ, Malcolm với biệt danh Thần Ưng (Condor), đã dùng điện thoại báo động.

Báo động! Báo động khẩn cấp! Phong toả ngay căn cứ!... Và từ đó bắt đầu cuộc săn lùng, cuộc đấu trí, chung quanh cái trục là Malcolm, “người hùng” trong một tình thế bắt buộc, như anh thú nhận: “không có con đường nào khác”. Cả hai phía; phía “chính thống” và phía “buôn lậu ma tuý” đều lùng sục Malcolm, bởi vì anh là người nắm được đầu mối của cái tấn kịch khủng khiếp. Malcolm, cái anh chàng “thư lại” ấy, bỗng chốc phải đối phó với hàng trăm tình huống gay cấn – và tình huống cũng đã buộc anh phải hành động mưu trí, sáng tạo để thoát chết và để khám phá ra bọn thủ phạm vụ án. Vấn đề là trong khi hành động như thế, Malcolm cũng dần dần hiểu ra một điều cơ bản là cả hai phía săn lùng anh cùng có chung một bản chất: “Maronic là đứa giết người thuê. Malcolm bỗng nhớ lại giọng nói của những nhân viên nhà nghề ở đầu đường dây “Báo động”, những người cũng y hệt như Maronic vậy. “Không”, anh nghĩ bụng, - cuộc săn lùng từ trước đến giờ chỉ nhằm vào mỗi một mình mình. Vấn đề đặt ra chỉ có thể này họ chống lại mình, họ hại mình” (chương Thứ ba (đêm) – Thứ tư (Rạng sáng)).

Thông qua toàn bộ câu chuyện, J. Grady cũng phơi bày được một bộ mặt bản chất của xã hội Mỹ: đó là một xã hội với những tội ác kinh điển, thường trực, một xã hội đầy dẫy bọn buôn lậu, bọn găng-xtơ thích máu, mà đối với chúng việc giết người “chỉ là công việc làm ăn, không hơn không

kém” và “họ không xúc động mảy may nào về những hậu quả do họ gây nên”.

Điều đáng chú ý nữa là cái bọn tội phạm ấy lại chính là những nhân vật có cỡ nằm ngay trong nội bộ CIA. Đúng hơn, một số nhân vật có cỡ trong CIA đã móc ngoặc với bọn gang xơ, làm ăn phi pháp và gây tội ác. Và việc chúng khử cả một tiểu ban của CIA một cách lạnh lùng, tàn bạo... để bịt đầu mối, đã nói lên cái bản chất của những con người trong cái công cụ đáng nguyền rủa ấy của nước Mỹ.

Qua cuốn tiểu thuyết, nội tình của CIA, cái mặt trái của tổ chức công kênh này, đã bị phơi trần. Nó có nội gián. Nó mọt ruỗng từ bên trong. Nó kém hiệu lực mặc dù hùng hổ. Đứng trước sự khủng hoảng, nó đối phó lúng túng. Cái gì sẽ xảy ra nếu không có anh chàng Malcolm? Nhân vật “ông già hiền hậu” chỉ là nhân vật tinh táo gần như duy nhất, trong trường hợp ấy cũng sẽ chẳng làm nên chuyện gì. Còn Malcolm? Anh là “người hùng” trong một tình thế bắt buộc, như anh thú nhận: “không có con đường nào khác”.

Cái kết thúc phần nào “có hậu” của cuốn truyện, tuy không hẳn đã phản ánh chân xác lô-gích của xã hội Mỹ, nhưng cái kết thúc ấy cùng với phần nào cái chất lương thiện trong con người bình thường Malcolm, biểu tượng của khát vọng về lẽ phải và lòng nhân đạo của nhân dân Mỹ, đã đem lại cho người đọc cảm tình và hy vọng. Đó là một tích cực đáng nói của cuốn truyện này

Hội Văn nghệ Quảng Nam – Đà Nẵng

(1) Dưới đây chúng tôi sẽ dịch Condor là Thần Ưng.

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

THỨ TƯ

Ngay tại ngã tư đường Đông-Nam “A” và phố Số Bốn có một ngôi nhà gạch nhỏ ba tầng rất đỗi khiêm tốn. Chỉ cách Thư Viện Quốc Hội có đâu bốn dãy phố, lại nằm lọt thỏm giữa những toà ngang dãy dọc ở hai bên chái, ngôi nhà quả khó lòng thu hút nổi sự chú ý của khách qua đường, nếu không có được cái lượt nước vôi quét tường trắng toát bên ngoài, khiến nó nổi bật hẳn lên giữa những mặt tiền xanh xanh, đỏ đỏ hoặc trắng bần, đã dãi dầu nhiều, nên bệch bạc cả đi của đám nhà cửa chung quanh. Ngoài ra, dãy hàng rào thấp, bằng gang, ở mặt trước và thảm cỏ xanh rì, tuy nhỏ thôi, nhưng được chăm sóc rất chu đáo, cũng tôn thêm cái vẻ tĩnh mịch rất đáng giá, mà những toà nhà kế bên không sao có được.

Tuy vậy, hoạ hoãn lắm mới gặp được một khách qua đường để mắt đến ngôi nhà. Lý do thật đơn giản: những người sinh sống tại khu này thì đã quá quen mắt đi rồi, còn hàng trăm viên chức làm việc trong các công sở và ở Thư Viện Quốc Hội, nằm trên đồi Capitol kia, thì lấy đâu ra thời giờ để ngắm cảnh, mặc dù ngày nào họ cũng lê bước qua đây đôi ba bận. Riêng đám khách du lịch đông đúc, hết tốp nọ đến tốp kia, vẫn thường lảng vảng quanh ngọn đồi này, thì chẳng bao giờ thềm lạc bước đến đây, vì ngôi nhà nằm khuất nẻo quá. Nói cho công bằng thì cũng có đôi ba người đặt chân đến đây, nhưng thường chỉ vì tình cờ: họ rẽ vào để cầu cứu một thầy cảnh sát là “hay xảy ra các loại tội phạm hình sự”, bất chấp những hệ thống bảo đảm an ninh cẩn mật của các nhà chức trách, để giữ gìn các di tích lịch sử của đất nước tại đây.

Nhưng ví thử một vị khách qua đường nào đó, vì quá tò mò mà để ý đến ngôi nhà và bắt đầu ngắm nghía nó kỹ lưỡng hơn, thì chắc hẳn anh ta cũng chẳng phát hiện được một nét gì đặc sắc hoặc khác thường cả. Bất quá anh

ta cũng chỉ nom thấy tấm biển đồng to tướng (tư vuông mỗi bề đến nửa mét), nhìn thẳng xuống vạt cỏ trước sân và mách bảo với khách rằng đây là trụ sở Trung ương của Hội Văn – Sử Hoa Kỳ. Nhưng ở Washinton này, một thành phố vốn có đến hàng trăm danh thắng và trụ sở trung ương của vô vàn hội này hội nọ, thì công dụng của toà nhà sẽ hoàn toàn chẳng khiến ai ngạc nhiên hết. Còn nếu vị khách qua đường nọ mà tỏ ra quan tâm đến nghệ thuật kiến trúc và không thể thờ ơ với những thành tựu của ngành mỹ thuật công nghiệp, thì chắc hẳn anh ta sẽ dán mắt vào hai cánh cửa gỗ sồi màu đen tuyệt đẹp mà chẳng rõ vì lẽ gì lại bị trở một lỗ cửa tò vò to tướng, kệch còm, bất chấp mọi thứ tỷ lệ hài hoà trong nghệ thuật. Và nếu thói tò mò của anh ta còn lấn át luôn cả tính e thẹn, thì hẳn anh ta sẽ với tay ra để mở luôn cánh cửa hàng rào. Nhưng dù có làm thế đi nữa, chưa chắc anh ta đã để ý đến cái tiếng “tách” khẽ của chiếc then cửa bằng nam châm, vốn là một khâu trong toàn bộ mạng lưới của hệ thống báo động điện tử. Rồi bước dần thêm vài bước nữa – là khách sẽ đặt chân lên cái bậc tam cấp đầu tiên; và leo tiếp mấy bậc nữa, anh ta đã đứng ngay bên cạnh cửa gỗ trứ danh kia và giơ tay bấm chuông.

Nếu lão Walter mà đang ngồi nhấm nháp cà phê trong căn bếp bé tí, như lão vẫn quen làm, hoặc giả đang bận sắp xếp lại mấy cái thùng đựng sách cho gọn mắt, hoặc giả đang quét sàn, thì khách sẽ nghe bên tai cái giọng the thé, chối tai, của mục Russell, vừa quát lớn: “Vào đi”, vừa vội vàng chìa tay ra ấn khoá điện tự động.

Điểm đầu tiên khiến khách ngạc nhiên là đồ đạc bày biện trong cái văn phòng trung ương của hội này sao mà ngăn nắp đến thế và cửa nhà đâu đâu cũng đều hết sức sạch sẽ, tinh tươm đến thế. Ngay từ lúc còn đứng trên cái bậc tam cấp thấp nhất, cặp mắt của khách đã rơi đúng ngay tầm với mặt bàn của lão Walter, nhưng tiếc thay trên bàn lại không có qua một thứ giấy má, sổ sách gì. Khách hẳn còn ngạc nhiên hơn nữa, vì không tài nào hiểu nổi công dụng của cái thành bàn ở phía trước: tại sao lại phải thừa bằng thép dày 5 ly đạn bắn không thủng? Khi khách rẽ sang phải để bước lên cầu

thang, thì anh ta sẽ gặp ngay mục Russell. Không như trên bàn làm việc của Walter, bàn mục ta chất đầy ắp không biết cơ man nào là giấy má, sổ sách, đến nỗi che lấp luôn cả chiếc máy đánh chữ cũ kỹ, to tướng, nằm chềnh ềnh ở ngay chính giữa. Thấp thoáng sau cái đồng giấy má bừa bộn ấy là mái đầu bạc trắng của mục nhân viên văn thư, với mái tóc lưa thưa, mà bao giờ cũng dựng ngược lên và cắt ngắn quá, khiến người ngoài chẳng ai thèm chú ý đến gương mặt mục cả. Cái kim cài áo hình móng lừa, nổi rõ con số “1932”, trang điểm cho nửa bên trái của cái bộ phận thân thể mà dễ tính lắm, may ra mới có thể tạm gọi là ngực. Đã thế, trên mép mục lúc nào cũng phì phèo một điếu thuốc lá rẻ tiền.

Tuy nhiên, ngoài mấy bác đưa thư và đám nhân viên chuyên vận chuyển bưu kiện ra, thì chẳng mấy ai lại có thể đột nhập sâu vào cái trụ sở này đến như vậy, mà không hề gặp qua một trở ngại. Những vị khách tốt số kia, mà khi đã chịu đựng nổi cái nhìn thử thách của lão Walter, nếu lão ta có mặt tại bàn làm việc, sẽ lập tức rơi ngay vào vòng ảnh hưởng của mục Russell. Mục sẽ đưa ngay khách đến gặp nhân viên hữu quan (nếu khách đến vì công việc), dĩ nhiên là sau khi biết chắc khách đã được phép của cấp trên. Còn nếu khách chỉ là một gã “tò mò táo tợn”, thì mục ta sẽ cất cái giọng đều đều, đến phát ngấy lên được, để đọc cho khách nghe một bản tường trình dài năm phút về lai lịch của “Hội Văn Sử Hoa Kỳ”, rồi nói rõ tôn chỉ và mục đích, cùng nhiệm vụ của việc phân tích tác phẩm văn chương, cũng như những thành tích cùng thành tựu mà Hội đã thu được. Đoạn, mục sẽ trao cho khách vài tập sách mỏng, mà anh ta phải miễn cưỡng nhận lấy, rồi tuyên bố là hiện giờ, tất cả các nhân viên có thể giải đáp những vấn đề chi tiết mà khách quan tâm, đều đi vắng hết: và khuyên khách nên viết thư đến để hỏi kỹ thêm những gì cần biết, nhưng không bao giờ bảo rõ phải viết cho ai và gửi vào địa chỉ nào. Tiếp đó, mục cất tiếng chào gọn lỏn và dứt khoát: “Tạm biệt!”.

Sững sờ vì cách cư xử quá ư cứng nhắc và dứt khoát ấy, khách thường ngoan ngoãn cáo lui ngay, nên hẳn chẳng để ý gì đến cái hộp nhỏ, đặt trên

bàn lão Walter (nó đã tức khắc ghi ngay dung mạo của khách lên phim) và đến ngọn đèn đỏ con con trên cửa, vẫn cháy sáng suốt từ khi anh ta vừa đẩy cửa bước vào cho đến tận lúc trở gót quay ra. Nhưng vẻ ngán ngẫm của khách chắc hẳn sẽ lập tức nhường ngay chỗ cho trí tưởng tượng tung hoành, nếu anh ta chợt hiểu ra rằng mình vừa đặt chân vào nơi làm việc của một trong vô vàn những ban, những phòng của Cục Tình Báo Trung Ương Mỹ.

Cơ quan tình báo này được thành lập vào năm 1947, sau khi một sắc luật về an ninh quốc gia được ban hành, cũng như sau khi nổ ra những sự kiện nổi tiếng trong thế chiến thứ hai: Mỹ bị bọn Nhật bất ngờ tấn công vào Cảng Trân Châu. Giờ đây, cơ quan này là mắt xích lớn nhất và năng nổ nhất trong mạng lưới tình báo cực kỳ đông đúc và rộng khắp của nước Hoa Kỳ. Mạng lưới đó có một biên chế gần hai trăm nghìn nhân viên, với một ngân sách hàng năm lên đến hàng tỷ đô la. Hoạt động của Cục cực kỳ đa dạng. Nó bao quát không biết cơ man nào là phương thức – từ tiến hành các điệp vụ bí mật và do thám, nghiên cứu kỹ thuật, tài trợ các nhóm hoạt động chính trị đủ mọi loại, cho đến việc đỡ đầu các chính phủ đồng minh và trực tiếp thực hiện các chiến dịch quân sự. Những hoạt động đa dạng ấy, vốn nhằm thực hiện một nhiệm vụ là đảm bảo an ninh quốc gia, đã biến Cục thành một trong những cơ quan trọng yếu nhất của chính phủ. Cựu giám đốc của CIA là Allen Dulles có lần đã nhận định: “Sắc luật về an ninh quốc gia năm 1947... đảm bảo cho hoạt động tình báo của chúng ta một vị thế đầy trọng trách và có những ưu thế to tát đối với chính phủ mà không một tổ chức tình báo nào của chính phủ các nước khác trên thế giới có thể có được”.

Một trong những khía cạnh hoạt động cực kỳ quan trọng của CIA là tiến hành nghiên cứu và phân tích một cách đơn thuần và cực kỳ tỉ mỉ. Hàng trăm nhân viên, ngày nào cũng như ngày nào, cứ phải lần giở hết từ trang nọ đến trang kia mọi loại tạp chí kỹ thuật, mọi ấn phẩm định kỳ của Mỹ và nước ngoài, phải ngồi hàng giờ bên máy ghi âm, máy thu hình và thu thanh,

để nghe những bài diễn văn và những bài phát biểu, cùng những chương trình phát hình và phát thanh của các đài truyền hình và phát thanh ở trong nước, cũng như nước ngoài. Công tác nghiên cứu đó chính là nhiệm vụ của hai trong số bốn Cục sau đây của CIA. Cục Thông tin đảm trách việc do thám về kỹ thuật. Nhân viên Cục này chuyên soạn thảo những báo cáo chi tiết về những thành tựu khoa học và kỹ thuật mới nhất của tất cả các nước trên thế giới, kể cả Mỹ và các đồng minh của Mỹ. Cục Mật vụ đảm nhiệm những hình thức nghiên cứu khoa học chuyên biệt. Gần 80 phần trăm thông tin mà Cục nhận được đều rút ra từ các nguồn tin công khai: sách, tạp chí, xuất bản phẩm định kỳ, các loại chương trình phát thanh. Cục xử lý những thông tin đó, rồi trên cơ sở ấy, soạn thảo ra ba loại báo cáo chủ yếu dưới đây: loại đầu đề xuất những dự báo dài hạn cho các khu vực hoặc những vấn đề mà Hoa Kỳ đặc biệt quan tâm; loại thứ hai – dành cho những nhận định tổng quát hằng ngày về các biến cố chính trên trường quốc tế và tình hình chính trị chung trên toàn thế giới; còn loại cuối cùng – đề cập đến những thiếu sót trong hoạt động hiện hành của chính cơ quan mình.

“Hội Văn Sử Hoa Kỳ”, mà trụ sở trung ương đặt tại Washington, cùng một chi điểm nhỏ nữa, đóng ở Seattle, chỉ là một tổ công tác trực thuộc, do một tiểu ban khiêm tốn, nằm trong Cục Mật vụ, quen gọi là Ban 17, điều hành.

Nhiệm vụ chính của các nhân viên trong Hội là moi ra từ các tác phẩm văn chương mọi cách thức hoạt động gián điệp, tình báo được miêu tả trong đó, cùng những hành động có liên quan đến chúng. Nói khác đi, phận sự của các nhân viên Hội này là thường xuyên nghiền ngẫm các tiểu thuyết tình báo, gián điệp và trinh thám. Họ phả ghi lại những tình huống được miêu tả trong hàng nghìn tập truyện loại ấy với đầy đủ mọi tình tiết của các “vụ việc”, rồi phân tích chúng thật cặn kẽ, thật toàn diện. Nhờ vậy, hội viên nào cũng được dịp nghiền ngẫm hết sức kỹ lưỡng sáng tác thuộc thể loại trinh thám. Số sách đó, phần lớn đều là tài sản của CIA và được tàng trữ tại trụ sở chính của Cục, đặt ở Langley, bang Virginia. Tuy thế, “Hội Văn Sử Hoa Kỳ” cũng có một thư viện riêng, gồm trên dưới ba nghìn quyển, đặt ngay

tại trụ sở của nó. Trước kia, hội đóng ở kế bên toà nhà của Thượng viện. Nhưng từ mùa đông năm 1971, khi cơ quan CIA dời về căn cứ mới ở Langley, thì trụ sở của Hội cũng được chuyển ra ngoại ô Washington. Đến năm 1970, sổ sách cần nhập về để nghiên cứu tăng lên rõ rệt, đòi hỏi phải tính đến việc bảo quản và các khoản tốn kém về tiền bạc. Hơn nữa, viên phó giám đốc CIA, người cai quản Cục Mật vụ lúc bấy giờ, còn đặt vấn đề: phải tính toán đến khả năng sử dụng hợp lý nhất các khoản kinh phí, để đài thọ cho một cơ quan có biên chế đông đúc như thế, lại chuyên đảm nhiệm một công việc thuộc loại tuyệt mật, và vì thế cần phải được trả lương với một mức cao hơn. Rồi cục Hội lại bị dời về trung tâm Washington, và được bố trí tại một địa điểm ngay sát vách Thư viện Quốc Hội để thuận tiện cho hoạt động.

Các nhân viên chuyên trách việc nghiên cứu và phân tích của Hội phải theo dõi thật sát sao mọi tác phẩm trinh thám mới được công bố. Công việc thường được họ phân chia với nhau trên cơ sở thoả thuận tay đôi hoặc nhiều bên. Nhờ vậy, mỗi nhân viên đã nghiêm nhiên trở thành một chuyên gia có uy tín của từng tiểu loại mà họ ưa thích nhất và của từng tác giả mà họ có thiện cảm nhất trong thể loại truyện trinh thám.

Sau khi đọc xong một tác phẩm, nhân viên của hội phải gửi về tổng hành dinh của CIA một bản tóm tắt nội dung, kèm theo một bản miêu tả chi tiết các phương pháp và kỹ thuật tiến hành những điệp vụ hoặc hành động bí mật, mà tác giả đã sử dụng trong truyện. Hằng ngày, nhân viên của Hội cũng nhận được từ Langley những bản báo cáo đặc biệt, được soạn riêng cho họ. Đây là những bản lược thuật hết sức vắn tắt các sự kiện biến cố xảy ra trong thực tế. Báo cáo chỉ nhắc đến những chi tiết thật sự cần thiết, còn tên họ người thực hiện thì hoàn toàn bỏ qua. Các sự kiện của điệp vụ, một hành động cụ thể nêu trong báo cáo sẽ được đem ra so sánh, đối chiếu với những tình tiết tương tự trong các tác phẩm hư cấu của một tác giả nào đó. Nếu người nhân viên chuyên trách công tác phân tích phát hiện được một sự trùng khớp, dù là nhỏ nhất đến những mấy đi nữa, thì Tổng hành dinh sẽ lập tức gửi thêm đến những tài liệu bổ sung, để nhân viên này có điều kiện

tìm hiểu kỹ hơn. Nếu sự trùng khớp đó lại được xác nhận, thì thông tin về vấn đề đang xét sẽ được chuyển ngay sang một tiểu ban cơ mật hơn trong Cục Mật vụ để kiểm nghiệm lại. Sau khi kiểm tra như thế, tiểu ban ấy sẽ kết luận về vấn đề này. Nếu đó chỉ là sự trùng khớp tình cờ, thì dĩ nhiên mọi chuyện đều êm đẹp. Nhưng nếu sự trùng khớp đó chính là tác giả đã biết được quá nhiều những điều không đáng biết, thì thật không may cho anh ta: sớm, muộn rồi anh ta cũng sẽ phải giơ lưng ra mà hứng chịu những biện pháp “ngăn chặn” do thượng cấp của tiểu ban nói trên cho thi hành, theo chính những đề nghị tương ứng của tiểu ban nọ.

Các chuyên gia phân tích và nghiên cứu của Hội thường cũng được thượng cấp khuyến khích là nên gửi kèm theo một bản đề nghị hoặc khuyến cáo thoả đáng, khuyên các điệp viên và nhân viên tác nghiệp nên làm gì trong các hoạt động thực tế. Những bản đề nghị hoặc khuyến cáo ấy sẽ được chuyển đến các chỉ đạo viên tương ứng – những người vẫn thường xuyên tìm kiếm các phương pháp và “ngón nghề” mới mẻ để tiến hành các điệp vụ bí mật của CIA trong tương lai.

Sáng hôm ấy, Ronald Malcolm cũng đang phải ngồi soạn thảo một trong những báo cáo kiểu đó. Tuy nhiên, thay vì làm việc, anh chàng lại “cười” lên cái ghế gỗ hồ đào, cảm ghêch trên cái lưng tựa đầy vết sây xát. Bây giờ là chín giờ kém mười lăm. Nhưng Malcolm vẫn cứ giữ nguyên cái tư thế mà anh đã ngồi từ lúc hắt chỗ cà phê còn thừa trong tách đi, chửi đồng một câu rõ to, rồi phóng như bay lên phòng làm việc trên tầng hai, khi đồng hồ mới chỉ tám giờ rưỡi. Cà phê thì anh ta đã uống ở nhà rồi, tuy thế vẫn đang còn muốn nhấp thêm một tách nữa. Song anh ta không dám rời mắt khỏi khung cửa sổ vào lúc này.

Số là sáng nào cũng thế, cứ vào khoảng từ tám giờ bốn mươi đến chín giờ, một thiếu nữ đẹp mê hồn vẫn duyên dáng diễu ngang qua trước khung cửa sổ phòng Malcolm và đi về phía Thư viện Quốc Hội. Cho nên sáng nào anh chàng cũng phải đôi mắt trông theo, nếu không bị bệnh tật đến quấy rầy hoặc không phải hoàn thành gấp một việc gì đó chẳng thể dừng. Đối với

Malcolm, chuyện ấy đã trở thành một thứ lễ nghi độc đáo; nó giúp anh ta bò ra khỏi chần đệm, rồi mài miết cạo râu và học tốc cước bộ đến sở.

Tiết trời đang độ giữa xuân. Hương hoa anh đào đang cố len lỏi qua màn sương sớm tràn vào phòng. Nhạc thấy bóng cô gái, Malcolm hồi hải nhắc ghé lại sát bên cửa sổ, nhồm hăn người lên, trở mắt ra nhìn.

Cô gái bước đi trên phố, dáng đi không được tự nhiên, nom như thể đang bơi trên đường, mắt nhìn thẳng và đầy vẻ kiêu hãnh, một niềm kiêu hãnh vốn bắt nguồn từ một lòng tự tin, tuy hãy còn rụt rè, nhưng không giấu diếm, là mình xinh đẹp. Mái tóc màu hạt dẻ sáng bồng bênh sau vai, rồi tuôn dài như một dòng suối xuống gần tận thắt lưng. Cô không hề son phấn, và những hôm không đeo kính, Malcolm còn có thể nhìn thấy rõ cả đôi mắt to, cân đối, hài hoà một cách tuyệt vời với cái mũi dọc dừa, với khuôn miệng hơi rộng, với gương mặt trái xoan, cùng cái cằm nghiêm nghị. Chiếc áo săng-day màu nâu nhạt ôm sát lấy thân người. Chiếc vẩy len Scotland càng tôn thêm vẻ quyến rũ của bộ đùi rắn chắc, đầy đặn. Đôi cẳng chân cân đối uyển chuyển bước tránh những vũng nước trên đường. Thôi chỉ còn ba bước chân sai rộng nữa thôi là nàng đã mất hút!

Malcolm thở dài và lại gieo người xuống ghế. Từ trong cuộn ru-lô máy chữ nhô lên nửa trang giấy đầy chữ. Anh tin chắc thế nào cũng kịp làm xong phần việc định mức cho buổi sáng hôm nay, nên lại cầm cái tách không, bước ra khỏi căn phòng làm việc nhỏ, trang trí bằng những tờ giấy dán tường sọc đỏ sọc xanh xen kẽ.

Đến đầu cầu thang, Malcolm dừng lại. Trong nhà này có đến những hai quầy cà phê. Một quầy đặt ở tầng dưới, trong gian bếp bé tí, ngay sau chỗ làm việc của mục Russell. Một quầy nữa ở tầng ba, chỗ bàn đóng kiện sách báo, đằng sau mấy cái giá để sách. Mỗi quầy đều có cái hay, lẫn cái dở của nó. Quầy ở dưới tầng một thì tách cà phê có hình hơn và đầy đặn hơn, nên hầu hết nhân viên ở đây đều uống ở dưới đó. Ngoài ra, chỗ làm việc của mục

Russell và của lão cựu huấn luyện viên về môn đội hình Walter (“Trung sĩ Jennings, nếu ngài không phản đối!”) Cũng như văn phòng của ngài hội trưởng, tiến sĩ Lappe, và của viên thủ thư kiêm kế toán mới, là Heidegger, đều ở tầng dưới. Vì thế, cả mấy người đó đều dùng cà phê của quầy này. Người pha cà phê dĩ nhiên là mụ Russell. Mụ không phải thuộc hạng người “thực bất tri kỳ vị”, tuy vậy, quầy của mụ có hai điểm bất tiện. Nếu Malcolm, hay Ray Thomas, cũng là nhân viên phân tích và cũng làm việc trên tầng hai, xuống dưới đó uống, họ sẽ có nguy cơ chạm trán với tiến sĩ Lappe. Những cuộc gặp mặt kiểu ấy kể cũng khó được gọi là dễ chịu. Hơn nữa, mụ Russell còn có cái tật là xúc nước hoa lắm quá: hay như biệt hiệu mà Ray đã đặt cho mụ: “Lò nấu nước hoa của nàng Polly chúng ta”.

Quầy trên gác ba ít ai thèm đến, vì đây là căn cứ địa của Harold Martin và Tamatha Reynold, cũng là hai nhân viên phân tích, bạn đồng nghiệp của Malcolm. Thỉnh thoảng, Ray hoặc Malcolm cũng có mò lên. Thậm chí cả lão Walter nữa, lão cũng hay lân la lên đó, phần để “thông gió” cho tách cà phê, phần để ngắm thêm bạn nữa cái dáng người mảnh dẻ của cô Tamatha xinh đẹp. Tamatha là cô gái ưa nhìn về mọi phương diện, nhưng lại chẳng hề có một tí khái niệm nào về kỹ thuật pha cà phê. Hơn nữa, mỗi lần Malcolm trèo lên tầng ba uống cà phê, anh không chỉ có nguy cơ trở thành nạn nhân của tài gia chánh của cô Tamatha kháu khỉnh, mà còn có nguy cơ bị Harold Martin dồn sát vào chân tường bằng những tin tức thể thao và những kết quả các trận thi đấu vừa rồi, cùng hàng lô hàng lố những ý kiến và dự đoán từ cái lĩnh vực, vốn gắn liền với những kỷ niệm về quê hương cùng những cuộc phiêu lưu táo tợn của anh ta trong những năm còn mài đũng quần trên ghế trường trung học. Bởi thế, phân vân một lúc, Malcolm đành quyết định rẽ xuống tầng một.

Khi đi qua bàn mụ Russell, Malcolm thấy mụ ta lần đầu cất tiếng chào bằng cái giọng khinh khỉnh quen thuộc của mụ. Thỉnh thoảng, anh cũng dừng chân lại “tán tỉnh” dăm câu, để kiểm tra xem cách cư xử của mụ có khá hơn không. Nhưng gặp những việc như thế, mụ Russell bao giờ cũng tắt bật

sắp xếp lại giấy tờ và bất kể Malcolm đề cập đến chuyện gì, bao giờ cũng đều bỏ ngoài tai, để dành thì giờ tuôn ra hàng tràng dài những lời than vãn đầu ngô mình sở: nào là mù phải làm việc nhiều, nào là mù đau ốm luôn, nhưng chẳng ai thèm kính nể mù. Vốn biết trước thế rồi, nên sáng hôm ấy Malcolm chỉ mỉm cười giấu cợt suông và cố ý nghiêng người chào mù thật lịch duyệt.

Đến lúc Malcolm bưng tách cà phê lên tay, toan bước nhanh lên thang gác, thì sau lưng anh chợt vang lên tiếng chốt cửa lách cách. Anh chàng đành bấm bụng dừng lại, chuẩn bị đón nghe bài giảng đạo quen thuộc của ngài tiến sĩ hội trưởng.

- Ô, ông Malcolm, tôi có thể ... ông cho phép gặp ông một lát được chứ ạ? Chỉ phiền ông một tích tắc thôi!

Hú vía! Người nói câu đó là Heidegger, chứ không phải ngài Lappe. Malcolm thở phào nhẹ nhõm, rồi mỉm cười, quay lại với gã kế toán viên kiêm thủ thư, vóc người ốm yếu, khuôn mặt đỏ gay đỏ gắt như gà chọi, đến nỗi cái đầu hói nhẵn của hắn như thể sáng rực lên. Chiếc sơ mi trắng quen thuộc, vói hai cái cúc to tướng dính ở hai góc cổ áo và chiếc cà vạt đen hẹp bản càng làm cho cái đầu kếch sù của hắn nổi bật hẳn trên cái cổ khẳng khiu.

- Chào Rich, - Malcolm lên tiếng. – Khoẻ chứ?

- Khoẻ...Ron ạ. Khoẻ thôi. – Heidegger cười hề hề như mọi người, vẻ đặc biệt xúc động. Tuy đã cai rượu hoàn toàn suốt nửa năm nay và công việc lúc nào cũng ngập đầu ngập cổ, nhưng thần kinh hắn vẫn dễ bị kích động như dạo trước. Bất cứ câu hỏi nào về tình trạng sức khoẻ, ngay cả những câu hỏi vô thưởng vô phạt và lời chào thông thường nhất, cũng gọi lại cho Heidegger những ngày khốn khổ, khi mà hắn vẫn tái người vì sợ hãi mỗi lần lén lút, mang rượu vào nhà vệ sinh uống trộm, rồi phải hối hả nhai kẹo cao su như điên, cho át bớt cái mùi tai hại, vốn có thể biến thành “mối đe dọa ngấm ngầm” cho nền an ninh của toàn bộ cơ quan CIA ấy đi. Sau nhiều ngày “tình nguyện” đi chữa bệnh, rồi nhiều tháng rỗng thui thui sống trong

“địa ngục” cô đơn, Heidegger đã bình phục dần. Mãi đến lúc đó, các bác sĩ điều trị mới rỉ tai cho hắn biết là bọn nhân viên của Cục an ninh, vẫn thường bí mật theo dõi các nhà vệ sinh, từ lâu đã biết rõ những việc làm lén lút của hắn...

- Ông ghé vào phòng tôi... tôi muốn nói ông có thể quá bộ vào phòng làm việc của tôi một lát, được không ạ?

Malcolm sung sướng với bất kỳ lời “đề nghị” nào, miễn là khỏi phải quay về phòng để làm báo cáo:

- Dĩ nhiên.

Họ đưa nhau vào căn phòng bé tí dành cho viên kế toán kiêm thủ thư, rồi ngồi xuống: Heidegger – sau bàn làm việc của gã, còn Malcolm – trên chiếc ghế đệm của gã nhân viên trước đây bỏ lại. Cả hai cùng nín thình đến mấy phút đồng hồ.

“Tội nghiệp cho anh chàng nghiệp – Malcolm nghĩ bụng. – Đã một phen bở vía thế rồi, mà bây giờ vẫn còn nuôi hy vọng lấy lại được lòng tin của cấp trên. Lúc nào anh chàng cũng tin rằng sẽ được phục hồi chức cũ và sẽ được rời khỏi căn phòng bụi bặm bé tí, với giấy dán tường màu xanh lục, của một gã viên chức quèn, để chuyển sang một căn phòng khác, tuy cũng bụi bặm như thế, nhưng lại được coi là loại cơ mật hơn.

“May lắm thì căn phòng mới của cậu cũng chỉ được trang trí bằng thứ giấy dán tường thuộc một trong ba cái màu, mà thượng cấp cho là sẽ tạo ra được “không khí làm việc hữu hiệu nhất” thôi Heidegger ạ.

Một căn phòng “xinh đẹp” với màu tường y như đảng phòng làm việc của mình và hàng trăm, hàng nghìn viên chức nhà nước khác, thì có gì là đáng ao ước kia chứ?”

- Sự thế nó thế này... - Heidegger lên tiếng, giọng to một cách khác thường so với căn phòng bé tí. Gã đâm bối rối, vì nói quá to, nên vội vàng ngả người vào lưng ghế, hạ giọng, tiếp: - Tớ... tôi rất buồn vì phải đem những chuyện vớ vẩn thế này làm phiền anh, Ronald ạ...

- Ồ, đừng lo, Rich ơi.

- Vâng, thế thì được. Sự thế nó thế này, Ron ạ... Anh không bực với lối xưng hô suồng sã như thế chứ? Tôi, như anh biết đấy, tôi là dân mới về.

Thành ra tôi mới quyết định: phải xem lại giấy tờ, sổ sách mấy năm gần đây, để quen công quen việc hơn. – Heidegger lại cười hề hề, vẽ kích động. – Những lời chỉ giáo của tiến sĩ Lappe có thể nói chưa đâu vào với đâu cả. Malcolm theo gương bạn: anh cũng nhoén miệng cười khi. Nếu có ai đó dám mở miệng chế riễu tiến sĩ Lappe, thì người đó rõ ràng là dân chơi được – Malcolm nghĩ bụng. Biết đâu ít nữa gã Heidegger này lại sẽ là chỗ thân thiết của chính mình?

- Vâng. Anh làm việc ở đây đã hai năm, đúng không nào? Từ độ ta dời trụ sở ở Langley về đây, chứ ít đâu! Heidegger tiếp.

“Đúng thế thực”, - Malcolm tự nhủ thế là gật đầu tỏ ý xác nhận. Hai năm hai tháng mấy ngày.

- Sự thể nó thế này... Tôi bỗng phát hiện được mấy điểm... không ăn khớp trong giấy tờ, sổ sách, mà tôi cho là phải có phận sự làm sáng tỏ. Tôi nghĩ chắc anh có thể giúp được tôi ít nhiều. Heidegger nín lặng. Malcolm chỉ lặng thinh nhún vai, vừa tỏ ý sẵn sàng, nhưng lại vừa tỏ ý ngạc nhiên.

- Sự thể nó như thế đấy. Tôi phát giác được hai chỗ không ăn khớp kỳ lạ, nói đúng hơn là mấy điểm sai khác thuộc hai công tác trong địa hạt công tác tài vụ. Điểm thứ nhất liên quan đến sổ sách thu chi. Hình như các anh không rành lắm về các khoản này? Bởi thế, mai kia tôi sẽ tự tìm hiểu lấy. Còn điểm thứ hai thì động chạm đến chuyện sách vở nhập khẩu về. Khoản này tôi đang cố làm sáng tỏ bằng cách hỏi ý kiến tất cả các nhân viên trong tiểu ban chúng ta, để xem cách giải thích của tôi có thể thuyết phục được họ không, rồi mới viết báo cáo, trình lên tiến sĩ. – Anh ta lại im lặng, chờ cái gật đầu đồng tình của Malcolm. Nhưng Malcolm lại biểu lộ vẻ chán ngán với câu chuyện đã làm Heidegger xúc động.

- Có bao giờ các anh... tôi muốn hỏi: các anh, từ trước đến giờ, có khi nào nghe nói đến chuyện sách vở ở tiểu ban ta bị mất mát không nhỉ? Khoan đã, xin chờ một chút... anh ta vội vã thanh minh, khi thấy vẻ chán ngán trên nét mặt Malcolm – cho phép tôi nói lại những điều tôi đang nghĩ: cho dễ hiểu hơn. Đã bao giờ anh nghe nói đến chuyện sách ta đã đặt mà không được nhập về, hay sách lẽ ra phải có trong thư viện của tiểu ban ta, nhưng lại không thấy trên giá?

- Không, tôi chưa bao giờ nghe thấy: chưa hề có ai phàn nàn về khoản đó, - Malcolm đáp, vẻ mặt càng tỏ ra ngao ngán. – Giá anh hỏi tôi những quyển nào không có hay những quyển nào có thể không tìm thấy ở đây, thì... - Anh không nói hết câu và cố ý để câu nói cứ lơ lửng như thế, mặc cho Heidegger muốn hiểu sao thì hiểu.

Heidegger lập tức vồ ngay lấy câu nói bỏ lửng ấy:

- Đấy, toàn bộ vấn đề chính là ở chỗ ấy. Tôi thực sự chẳng hề biết tí gì về khoản này. Tôi muốn nói là tôi không hoàn toàn tin chắc rằng chúng ta có bị mất sách hay không, và nếu có mất, thì mất những quyển nào, và tại sao chúng lại bị mất. Mọi chuyện quả là một mớ bòng bong!

Malcolm nín lặng đồng tình.

- Anh biết đấy, - Heidegger tiếp, vào năm 1968 ta có tiếp nhận từ cơ sở thu mua của ta trên Seattle hàng nghìn quyển sách. Tất cả số sách họ gửi về, ta đều nhận đủ. Nhưng tôi tình cờ nhận thấy rằng nhân viên nhận sách của chúng ta ở dưới này chỉ ghi trong biên nhận có năm thùng: trong khi đó thì trên phiếu gửi lại viết rất rõ ràng có những bảy thùng tất cả. Tôi xin nói thêm để anh rõ: cái phiếu gửi ấy có đầy đủ mọi chữ ký – cả của người kiểm hoá, cả của nhân viên chúng ta trên ấy và cả của các nhân viên vận chuyển nữa. Như thế tức là rõ ràng chúng ta bị mất đứt đi hai thùng sách, mặc dù trên thực tế, tổng số sách trên ấy gửi về, ta đều nhận đủ hết, không hề thiếu một quyển nào. Anh hiểu tôi muốn nói gì rồi chứ?

Tuy hơi trái với lương tâm, nhưng Malcolm cũng đành phải nói thật ý nghĩ của chính mình:

- Anh muốn nói gì, cố nhiên là tôi hiểu, mặc dù tôi cho rằng đây chắc hẳn chỉ là một sự sơ suất vặt vãnh gì đó thôi. Một nhân viên nào đó trong tiểu ban ta chưa biết thấu đáo mấy phép cộng, trừ, nhân chia, thế thôi. Dẫu sao thì sách vở ta đều nhận được đủ, như anh vừa nói đấy. Đã thế, thì việc quái gì lại đi bới chuyện ra cho ồm xác?

- Thế tức là anh hoàn toàn chưa hiểu tí gì! Heidegger kêu lên, người chồm hẳn ra đằng trước và Malcolm phải sững sốt vì sự căng thẳng thần kinh lộ ra trong giọng nói của hắn. – Tôi là người chịu trách nhiệm về toàn bộ số giấy tờ và sổ sách ở đây. Khi nhận công việc, tôi đã phải kiểm tra xem giấy

má, sổ sách có ổn cả không và có phù hợp với thực tế hay không. Bây giờ, sự sơ suất kia đã làm rối tung hết thầy mọi thứ giấy tờ, sổ sách quyết toán. Đó là chuyện hoàn toàn chẳng hay hớm gì. Ít nữa,, nếu người ta phát hiện được, thì mọi thứ đều đổ lên đầu tôi cả, chứ ai vào đó. Một mình tôi thôi nhé! – Lúc nói xong câu đó, Heidegger đã chồm hẳn người về phía Malcolm, đến nỗi hẳn gần như đang nằm vắt ngang trên mặt bàn, và giọng nói oang oang của hẳn choán hết cả gian phòng chật chội.

Tất cả những thứ ấy khiến Malcolm chán ngán đến cùng cực. Anh chẳng thấy chút hứng thú nào, nếu cứ phải ngồi nghe tiếp những câu ba hoa đầu ngô mình sở của Heidegger về chuyện sổ sách không ăn khớp. Hơn nữa, anh rất lấy làm khó chịu với cặp mắt náy lửa của Heidegger nó cứ long lên sòng sọc sau cặp mắt kính dày, trong cơn kích động mạnh. Phải chuẩn thôi. Anh bèn chồm dậy, nhào người về phía viên kế toán:

- Rich này, anh nghe tôi bảo đây. Tôi thừa biết là chuyện sổ sách nhằm lẫn rất hệ trọng đối với anh. Nhưng tôi e rằng tôi chẳng giúp ích được gì đâu. Chắc sẽ có một nhân viên nào đấy trong tiểu ban ta biết được một đôi điều gì đó mà tôi không nắm vững lắm. Nhưng cả điểm đó nữa, tôi cũng rất ngờ vực. Còn nếu anh muốn hỏi ý kiến tôi, thì tôi chỉ có thể khuyên thế này: hãy quên hết mọi thứ, rồi giấu thật kín chuyện này đi, Rich ạ. Anh cứ làm như là mình chả hề phát giác được gì. Gặp những chuyện kiểu ấy, thẳng cha kế toán cũ, lão Johnson mà anh thay chân hẳn đó, bao giờ cũng xử xử như vậy đấy. Còn nếu anh vẫn giữ nguyên ý định cũ, quyết định dò cho ra manh mối thì tôi khuyên anh là, dù gì đi nữa, cũng đừng bao giờ đem câu chuyện ấy ra mà nói cho tiến sĩ Lappe. Vì chỉ nghe qua là ông ấy đã nẫu ruột nẫu gan ra rồi. Đến khi thấy chuyện lôi thôi đến mức chẳng biết đâu mà lẫn, ông ta sẽ càng cáu tơn. Rốt cục, chẳng còn được yên thân với ông ấy nữa... Malcolm đứng lên, bước ra cửa. Anh ngoái cổ nhìn lại lần chót thì thấy viên kế toán gầy gò run lên vì sợ hãi trong chiếc ghế gỗ, cặp mắt trống rỗng nhìn trừng trừng vào quyển sổ kế toán để mở ở trên bàn.

Mãi đến khi bước ngang qua chỗ làm việc của mục Russell, Malcolm mới thở phào nhẹ nhõm. Anh hất chổ cựa cựa phê nguội ngắt còn trong tách vào bồn rửa mặt, rồi lững thững leo lên gác. Về đến phòng, anh gieo người

xuống ghế, ghếch cả hai chân lên bàn, rồi nhắm mắt lại.

Lát sau, anh mở mắt ra, ngược nhìn lên bức phiên bản kiệt tác Don Quichotte của Picasso. Bức tranh chiếm một chỗ hết sức trang trọng trên bức tường, dán kín giấy đỏ đến già nửa, ngay trước mặt. Mọi chuyện trong đời Malcolm vốn bắt đầu từ chính nhân vật Don Quichotte này. Nhờ nhà hiệp sĩ cao lênh kênh nọ mà Malcolm có công ăn việc làm trở thành nhân viên của CIA. Câu chuyện cách đây vừa đúng hai năm...

Vào giữa tháng chín năm 1970, Malcolm phải dự một kỳ thi viết cuối khoá về môn văn chương, một môn thi mà anh cứ phải hoãn đi, hoãn lại mãi. Hai giờ đầu, mọi chuyện đều diễn ra hết sức trôi chảy: Malcolm trình bày vừa súc tích, vừa lưu loát bản chất của văn chương tự sự trong mỹ học của Platon; phân tích tâm trạng của hai kẻ hành hương trong Truyện Canterbury của Chaucer; thẩm định về vai trò và ý nghĩa của hình tượng con chuột cống trong tiểu thuyết Dịch hạch của Camus và nêu lên những kỹ xảo tuyệt vời của Salinger, khi ông miêu tả những hành động của nhân vật chính Haden Colefield trong tác phẩm Vực thăm trên đồng hắc mạch. Nhưng lúc chuyển sang câu hỏi cuối cùng, Malcolm đâm cần bút, như húc đầu phải một bức tường đá: người ta đòi hỏi thí sinh phải “phân tích tỉ mỉ ít nhất ba tình tiết quan trọng trong tiểu thuyết Don Quichotte của Cervantes, để nêu bật được ý nghĩa tượng trưng của từng tiết một và mối liên quan giữa chúng với nhau, cũng như với một nội dung của toàn bộ tiểu thuyết; đồng thời, nói rõ phương thức mà Cervantes đã dùng, khi đưa những tình tiết trên vào tác phẩm, nhằm khắc hoạ cô đọng hơn nhân vật Don Quichotte và Sancho Pansa.

Malcolm chưa đọc Don Quichotte bao giờ: Anh ngồi cần bút năm phút đồng hồ quý báu, mắt nhìn trân trân vào tờ giấy in câu hỏi. Rồi anh thận trọng mở tờ giấy thì trắng tinh ra, nắn nót viết:

Tôi chưa đọc Don Quichotte bao giờ. Nhưng theo tôi nghĩ, gã hiệp sĩ này đã thất bại thảm hại trong cuộc tỉ thí với những chiếc cối xay gió. Tôi không tin chắc lắm là Sancho Pansa cũng sẽ cam chịu cảnh đó.

Những cuộc phiêu lưu của Don Quichotte và Sancho Pansa, cặp nhân vật cao thượng, gắn bó với nhau như hình với bóng, những người vẫn được coi

là chiến sĩ đấu tranh cho công lý, có thể đem ví với những cuộc phiêu lưu của hai nhân vật chính trong các thiên tiểu thuyết trinh thám của nhà văn Rex Stout là Nero Wolf và Archie Goodvean. Chẳng hạn, trong thiên truyện trinh thám cổ điển Hắc sơn, nhân vật Wolf...

Sau khi kết thúc bài tường thuật hết sức tỉ mỉ và dài dòng về những cuộc phiêu lưu của Nero Wolf, lấy thiên truyện Hắc sơn làm nguồn văn liệu chính, Malcolm ngán ngẩm đem bài thi lên nội rồi thất thểu ra về.

Hai hôm sau, anh bị gọi lên phòng làm việc của vị giáo sư dạy văn học Tây Ban Nha. Malcolm sửng sốt; anh không bị đặt vấn một câu nào về bài thi hôm trước! Trái lại, vị giáo sư cứ dò hỏi cặn kẽ rằng có thật là Malcolm rất say mê tiểu thuyết trinh thám không? Phấn vân một lúc, anh đành thú thực: truyện trinh thám đã giúp anh giữ được sự thăng bằng thần kinh trong suốt những năm theo học tại trường cao đẳng. Vị giáo sư nọ mỉm cười, hỏi tiếp là anh có muốn tiếp tục “giữ thăng bằng thần kinh” theo kiểu đó, mà lại được trả thù lao tử tế không. Dĩ nhiên là Malcolm ưng thuận ngay. Vị giáo sư gọi điện, báo cho ai đó, và ngay ngày hôm ấy, Malcolm đã được tiếp xúc với nhân viên đầu tiên trong cơ quan CIA tại bữa cơm chiều hội ngộ.

Ở đây, chẳng có gì đáng lấy làm lạ hết: nhiều vị giáo sư đại học, nhiều viên trưởng khoa và đại diện khác nữa của giới học thuật, lâu nay, vẫn âm thầm đứng ra tuyển mộ người cho CIA trong khắp nước Mỹ.

Sau hai tháng ròng rã thẩm tra, Malcolm đã được tuyển dụng vào làm việc cho CIA với tư cách là “nhân viên tạm tuyển”, y như 17% những ai có nguyện vọng muốn phục dịch Cục Tình báo Trung ương. Được ít lâu, Malcolm lại phải dự qua một khoá huấn luyện, tuy gọi là đặc biệt, nhưng rất chung chung và hời hợt nữa, rồi mới chính thức được bước chân qua cánh cổng bằng gang, trèo lên những bậc thang gác của toà trụ sở “Hội Văn-Sử Hoa Kỳ”, đánh bạn cùng mục Russell và tiến sĩ Lappe, trở thành nhân viên thực thụ của cái cơ quan tình báo khổng lồ đó.

Malcolm mỉm cười, ngấm bức tường gian phòng làm việc. Nó đã gọi anh nhớ lại một chiến công đối với tiến sĩ Lappe, đã được anh chuẩn bị rất công phu. Mới “nhập Hội” được ba ngày, Malcolm đã đến nhiệm sở trong bộ áo quần vẫn mặc hồi còn đi học, không vét tông, không cà vạt. Anh cứ giữ lối

ăn mặc đó trong suốt một tuần lễ, bỏ ngoài tai mọi lời xì xầm bóng gió của đồng sự, cho mãi đến hôm được tiến sĩ Lappe gọi lên văn phòng, để trao đổi “thân tình trong chốc lát” về vấn đề phép tắc xử thế nơi công sở. Vị “tiến sĩ hội trưởng nhân hậu” tuy đồng ý với Malcolm rằng lễ thói quan liêu rất dễ dẫn đến hậu quả là làm cho không khí làm việc trở nên tẻ nhạt và phần nào nặng nề, khó thở, nhưng ông vẫn nhắc khéo cho anh chàng nhân viên dưới quyền rằng: nếu biết tìm cách “trang điểm” cho thật “ưa nhìn”, thì bầu không khí của công sở sẽ trở nên, theo lời tiến sĩ, “chan hoà ánh nắng”, nghĩa là sẽ sáng sủa hơn, tươi tắn thêm và lẫm lẫm vẻ hơn. Malcolm chẳng đáp lại câu nào, sau khi nghe bài thuyết giáo tràng giang đại hải đó. Nhưng sáng hôm sau, anh đã đến sớm hơn thường lệ, ăn mặc chỉnh tề, diện cả com-lê, cà vạt hảnh hoi, và lễ mễ mang theo một cái hộp bằng các tông lớn tướng.

Trước khi lão Walter kịp báo cáo lên với tiến sĩ vào lúc mười giờ về những gì đã xảy ra, Malcolm đã hoàn tất việc trang hoàng cho bức tường dán giấy bồi màu đỏ rực, như xe chữa cháy, ở ngay phía trước bàn làm việc. Choáng váng, tiến sĩ Lappe ngồi im; trong khi đó thì Malcolm, với vẻ mặt hết sức thản nhiên, đã múa may ba tắc lưỡi, cắt nghĩa cho ngài hội trưởng cái phương thức trang điểm rất mực tân kỳ, mà anh mới nghĩ ra, để làm cho bầu không khí nơi làm việc thêm “chan hoà ánh nắng”.

Đúng lúc đó, hai nhân viên phân tích nữa bỗng đẩy cửa bước vào. Họ lên tiếng tán thưởng phương thức trang trí tối tân của Malcolm. Vị “tiến sĩ hội trưởng nhân hậu” không còn biết làm gì khác hơn là rụt rè nhận định rằng có lẽ Malcolm có lý, khi anh ta quyết định đem lại cho gian phòng một vẻ ngoài sáng sủa và tươi tắn; nhưng lối trang trí ấy vị tất đã nên đem phổ biến rộng khắp trong trụ sở Hội. Malcolm liền chớp ngay lấy thời cơ, bày tỏ sự tán thành thành thực với ý kiến sáng suốt của cấp trên. Khi mấy tờ giấy dán tường lại được đem cất lại vào gian nhà kho trên tầng ba, thì bộ com-lê và chiếc cà-vạt của Malcolm cũng lập tức biến mất. Tiến sĩ Lappe cho là hãy nên tỏ ra khôn ngoan: thà cứ nhượng bộ sự gàn dở của một gã nhân viên đơn độc, còn hơn là phải đương đầu với cuộc nổi loạn của toàn bộ đám nhân viên trong Hội.

Malcolm thở phào nhẹ nhõm, rồi bắt tay ngay vào việc miêu tả tiếp phương pháp kinh điển của Jahn Dixon Carra để tạo ra các tình huống “sau những cánh cửa khoá trái”.

Lúc này, Heidegger lại tiếp tục công việc của hắn ta. Tuy vẫn nhớ đến lời khuyên của Malcolm về cách thức cần cư xử với tiến sĩ Lappe, nhưng nghĩ đến chuyện giấu diếm cấp trên điều sai sót mà mình phát giác được, hắn ta lại toát mồ hôi hột. Ngoài ra, hắn còn hiểu rằng nếu tỏ ra tận tâm với công việc và dò tìm được ngọn nguồn của cái sai sót đó, hay ít ra chứng minh được với cấp trên năng lực của mình trong việc xử lý những vấn đề rắc rối, thì cơ hội để phục chức và được cấp trên chiếu cố rõ ràng sẽ tăng thêm gấp bội. Bởi thế, hắn đã phạm phải một sai lầm không thể tha thứ. Thói tự phụ và tâm trạng hoảng hốt (hai khoản ấy mà hội lại với nhau thì bao giờ cũng dẫn đến một kết cục chẳng ra gì!) là ngọn nguồn của tấn bi kịch dưới đây.

Hắn viết một tờ trình ngắn, gửi lên trưởng ban 17. Lời lẽ tuy được cân nhắc đâu ra đấy và đầy vẻ úp mở, nhưng vẫn ám chỉ rất rõ đến cái sai sót, mà hắn vừa mới tâm sự cùng Malcolm. Thông thường, mọi thứ giấy tờ công vụ bao giờ cũng phải trình lên cho tiến sĩ Lappe xem trước, mặc dù lâu nay vẫn hay xảy ra không ít trường hợp ngoại lệ. Giả như Heidegger cũng tuân theo thông lệ ấy, thì mọi chuyện hắn đã tốt đẹp: ai chứ tiến sĩ Lappe thì đừng hòng được ông cho phép chuyển lên cấp trên những thứ giấy tờ công vụ phê phán các sơ suất này nọ. Thừa hiểu chuyện đó, Heidegger đã tự tay bỏ bản tờ trình vào một chiếc phong bì gửi công văn, dán lại cẩn thận, rồi nhét vào chiếc bao vải đựng các thứ văn kiện cần chuyển đi.

Cơ quan CIA vẫn có hai chiếc ô tô riêng, được vũ trang đầy đủ, chuyên dùng để chở công văn, giấy tờ của các cơ sở trực thuộc, đóng tại Washington và các vùng phụ cận, về Tổng hành dinh, mỗi ngày hai lần, trưa và tối. Tại Langley, cách thủ đô tám dặm, người ta sẽ tiến hành phân loại, và chuyển những thứ ấy đến các địa chỉ cần thiết. Bản tờ trình của Rich đã được chuyển đi vào chuyển trưa, ngay trong ngày, trên một trong

hai chiếc xe thư chuyên dùng kia.

Ngay sau khi rời khỏi tay Rich, bản tờ trình đã lập tức trải qua một chuyến phiêu lưu kỳ quặc và rất đổi dị thường. Cũng như bất cứ thứ giấy tờ nào khác, được chuyển đến và chuyển đi từ “Hội Văn-Sử Hoa Kỳ”, bản tờ trình đã không được đưa thẳng đến bộ phận phân loại, mà lại rơi vào tay một nhân vật mắc chứng suyễn kinh niên, có một căn phòng làm việc rộng thênh thang trong một toà nhà lớn thuộc cánh phía đông của Tổng hành dinh CIA. Ông này đọc bản tờ trình ấy hai lần: lần đầu chỉ lướt qua, lần sau, đọc kỹ từng dòng một. Rồi ông ta rời ngay phòng làm việc, cho thi hành những biện pháp khẩn cấp nhằm huỷ hết tất cả các “khoản” cùng những hồ sơ lưu trữ, liên quan cả đến công việc, lẫn những nhân viên của Hội, có dính dáng đến câu chuyện được nêu trong bản tờ trình của Heidegger. Xong ông ta lại hối hả quay ngay về phòng làm việc, gọi dây nói, hẹn gặp ai đó tại một cuộc triển lãm nghệ thuật tạo hình, đang được tổ chức tại thủ đô lúc bấy giờ. Kế đó, ông ta cáo ốm, rồi lên xe buýt, về Washington. Đến nơi, ông ta đã trò chuyện hết sức sôi nổi với một nhân vật tướng mạo rất đường bệ, chắc hẳn là một chủ nhà băng có thế lực. Cuộc trò chuyện giữa hai người diễn ra trong lúc họ đi tản bộ dọc đại lộ Pennsylvania.

Ngay tối hôm đó, nhân vật có vẻ ngoài đường bệ ấy đã tức tốc hẹn gặp một người nữa. Cuộc “hội ngộ” lần này diễn ra tại một quán rượu huyền ảo, khách khứa ra vào chen chân không lọt, tên là Clyde, nằm trong quận Georgetown, nơi mà dân cư sinh sống quanh Đồi Capital thường tụ tập. Sau đó, hai người cũng đã đi dạo. Chốc chốc, họ lại dừng chân để ngắm bóng mình in hình trong các tủ kính bán hàng. Nhân vật thứ hai này vẻ ngoài trông cũng rất mực chững chạc, nhưng xem ra có thể nói chắc đó là một người “dễ gây ấn tượng mạnh”, mà không sợ mang tiếng quá lời. Ánh mắt anh ta ẩn hiện một nét gì đó, khiến không ai nghĩ rằng anh ta là một chủ nhà băng. Lúc này, anh ta chăm chú lắng nghe những điều nhân vật có vẻ ngoài đường bệ đang nói.

- Tôi sợ cánh mình sắp vướng vào một chuyện lôi thôi to.
 - Thật thế ư?
 - Thật chứ. Wasserby vừa hay được tin trưa nay. – Rồi ông ta vẫn tắt kể lại nội dung bản tờ trình của Heidegger.
- Nhân vật có vẻ ngoài dễ gây ấn tượng chỉ liếc mắt đọc qua một lần mảnh giấy của gã thủ thư kiêm kế toán.
- Tôi hiểu ngài muốn nói đến chuyện gì rồi.
 - Tôi biết là anh sẽ hiểu ngay tức khắc. Ta phải tính liệu mọi đường thôi; mà phải làm gấp đi, không được trì hoãn mới ổn.
 - Tôi sẽ cho thi hành ngay mọi biện pháp cần thiết ạ.
 - Dĩ nhiên.
 - Ngoài ra, - người thứ hai nói tiếp, vừa huơ huơ bản tờ trình trước mặt, - ngài nên hiểu là ta còn phải tính liệu cả đến những chuyện lôi thôi khác, có thể sẽ nảy sinh tiếp theo sau đó.
 - Ồ, dĩ nhiên. Tôi rất lấy làm tiếc, nhưng chẳng còn cách nào khác cả.
- Người thứ hai gật gù ra dáng thông cảm, để tỏ ý tán thành, rồi ngược nhìn người kia, chờ nghe tiếp.
- Ta phải tin chắc, tin chắc mười mười rằng thế nào ta cũng sẽ vướng phải những chuyện lôi thôi kia.
- Người thứ hai lại gật đầu, chờ nghe tiếp.
- Còn khoản này nữa. Đó là sự khẩn trương. Ở đây, thời gian là nhân tố cực kỳ quan trọng. Vì thế, anh hãy xuất phát từ tiền đề đó mà hành động.
- Người thứ hai ngẫm nghĩ một lát, rồi lên tiếng:
- Vội vã quá có thể đưa đến..., những hành động hấp tấp và sai lầm.
- Người thứ nhất trao cho anh ta chiếc cặp đựng những hồ sơ “đã được thủ tiêu”, moi ra từ tủ lưu trữ của “Hội Văn-Sử Hoa Kỳ”, rồi nói tiếp:
- Hãy làm những gì mà nghĩa vụ đòi hỏi ở anh.

Nói xong, họ vội chia tay ngay, gần như chỉ kịp gật đầu chào. Người thứ nhất đi bộ qua bốn dãy phố, rồi rẽ vào một góc đường, trước khi lên tắc xi. Ông ta hài lòng vì đã ngã ngũ được với nhân vật kia. Còn người thứ hai thì đứng nhìn theo bóng ông bạn một hồi lâu, rồi mắt vẫn chăm chú quan sát

khách qua đường, chờ thêm dăm ba phút nữa, lại quay về cái quán rượu ban nãy, gọi dây nói cho ai đó.

Khuya hôm ấy, vào lúc 3 giờ 15 phút, Heidegger đẩy then cửa lúc nghe thấy có tiếng gọi giật giọng, tựa như tiếng cảnh sát. Nhưng đến khi mở cửa ra, hẳn lại thấy hai người đàn ông, mặc thường phục, mỉm miệng cười với mình. Một người dáng cao lênh khênh và gầy gò. Còn người kia thì tướng mạo rất dễ gây ấn tượng, nhưng có thể nói dứt khoát anh ta không phải là chủ nhà băng, nếu bạn nhìn thẳng vào mắt anh ta.

Cả hai bước vào, rồi với tay, đóng sập ngay cửa lại.

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

THỨ NĂM

(Từ sáng đến trưa)

Hôm thứ năm trời rả rích mưa ngay từ tờ mờ sáng. Tỉnh dậy, Malcolm thấy người bải hoải như muốn ốm; cổ họng đau ran và hơi chóng mặt. Giả không ốm, thì giờ này chắc anh đã dậy lâu rồi. Ngẫm nghĩ một lúc, anh bèn quyết định: vẫn đến sở như mọi hôm. Tội gì để thiệt mất một ngày nghỉ phép chỉ vì những chuyện vặt vãnh, như cảm lạnh! Anh mãi một cạo râu. Vì vội, nên làm đứt cả mặt. Nhưng Malcolm cứ thây kệ. Anh lại hối hả tém tém qua quýt mấy lọn tóc ở hai bên mép tai, rồi lóng ngóng lắp bừa cái mắt kính cận vào mắt bên phải, và bước ra cửa. Nhưng chưa được nửa đường thì sức nhớ chiếc áo mưa chẳng biết đã bị vất vào xó nào. Vừa chạy vội qua tám dãy phố để đến sở, Malcolm vừa thấp thỏm lo muộn: thế này chắc chẳng còn kịp chiêm ngưỡng cô nàng xinh đẹp ấy nữa đâu. Khi ngoặt ra đường Đông Nam “A” anh đưa cặp mắt hy vọng nhìn quanh. Vừa lúc ấy thì anh nhác thấy cô gái rẽ vào cổng Thư Viện Quốc Hội. Malcolm mê mãi ngắm theo bóng hồng, không để ý gì dưới đất, đến nỗi thọc ngay chân vào một vũng nước. Tội nghiệp, anh chàng bối rối nhiều hơn là giận mình. Tuy vậy, anh cảm thấy người đang ngồi trong chiếc Sedan sơn xanh, đỏ bên lề đường, cách trụ sở của Hội có một quãng ngắn, chẳng hề chú ý gì đến cách cư xử buồn cười đó. Mụ Russell lên tiếng chào anh một câu gọn lỏn, vẻ chê trách: “Khiếp, giờ mới dẫn xác đến!”. Lúc lên thang gác, anh còn đánh đổ cả cà phê nóng ra tay khiến mu bàn tay rất bỏng. Thường có những ngày ta toàn gặp những chuyện xui xẻo như vậy đấy!

Quãng gần mười giờ, cửa phòng anh khẽ vang lên mấy tiếng “cốc, cốc!”. Rồi Tamatha đẩy cửa bước vào.

Cô gái im lặng nhìn anh đến mấy giây qua cặp kính cận, miệng mỉm cười e

thẹn. Tóc trên đầu Tamatha thưa đến nỗi Malcolm cảm tưởng như anh có thể đếm được từng sợi một.

- Ron này, anh có biết tại sao hôm nay Rich không đến không? Anh ta ốm chẳng? - Tamatha khẽ hỏi.

- Không, tôi chẳng biết. - Malcolm la lớn, rồi xì mũi âm ỉ.

- Tôi chỉ hỏi thế thôi, chẳng có gì đâu. Sao anh lại hét âm lên thế? Tôi chỉ lo cho anh ấy thôi mà. Vì chẳng thấy anh ta đi làm, mà cũng không thấy gọi điện tới.

- Có quý may mới biết được tại sao. - Malcolm lại cố ý hét rõ to, vì anh biết tính cô gái: hễ thấy ai quát tháo là lập tức hoảng hốt.

- Trời ơi, sao hôm nay anh khoẻ gắt thế? - Tamatha rụt rè hỏi.

- Tôi bị cảm xoàng...

- Tôi mang aspirine đến cho anh nhé?

- Tôi chả làm sao đâu, thuốc thang khi gì! - anh đáp chẳng mấy niềm nở - ăn thua quái gì ba cái thứ thuốc cảm vứt đi ấy.

- Hôm nay anh dễ cáu lạ! Chào anh nhé! - Tamatha bước ra, rồi cẩn thận khép cửa lại.

“Lạ chúa!”, - Malcolm nghĩ bụng và lại cầm cúi đọc quyển truyện mới in của nữ văn sĩ Anh Agatha Christie.

Lúc 11 giờ 15, một hồi chuông điện thoại réo vang. Malcolm nhắc ống nghe lên và nhận ngay ra giọng nói tẻ nhạt của tiến sĩ Lappe:

- Malcolm này, tôi có việc cần nhờ đến anh. Ngoài ra, trưa nay đến lượt anh phải đi lấy bánh cho anh em đấy. Tôi nghĩ trời này chắc ai cũng thích ở lại trưa ngay tại sở.

Malcolm ngược nhìn ra ngoài trời. Mưa vẫn đập rào rào không ngớt vào kính cửa sổ. Anh cũng đi đến ý nghĩ như ngài tiến sĩ hội trưởng:

- Vì thế, anh có thể dùng một mũi tên, hạ luôn hai con thỏ: vừa giải quyết được công việc tôi sắp giao, vừa nhận bánh trưa cho anh em ở nhà, - tiến sĩ Lappe tiếp, - Walter sẽ gặp từng người, hỏi họ muốn ăn gì. Vì anh phải chuyển cái bưu kiện này đến toà nhà cũ của Thượng Viện, nên tôi khuyên anh nên ghé luôn vào nhà hàng Hap mà đặt các món. Anh có thể đi ngay từ bây giờ đấy.

Năm phút sau, Malcolm vừa hắt hơi liên tục, vừa ung dung băng ngang qua tầng trệt. lách người qua cổng hậu bé tí, ngày trước vẫn dùng để chở than và củi đun cho người chủ cũ, lên đường thừa hành “công vụ”. Nhân viên ở đây hẳn không ai biết đến cánh cổng hậu ấy (vì nó mới được trở về sau, khi toà nhà đã xây xong xuôi đầu vào đó) nếu như lão Walter, một hôm, không dịch cái tủ to tướng, đẩy những ngăn kéo, nằm án ngữ ở đằng trước ra, để đuổi chú chuột cống lì lợm, vẫn ngang nhiên công phá sách vở của Hội. Người ngoài nhìn vào sẽ không trông thấy cánh cổng kia, bởi nó nằm khuất sau mấy khóm tử đinh hương. Tuy nhiên, nếu muốn đột nhập vào toà nhà, thì họ chỉ cần khôn khéo nép sát người vào vách tường, là có thể lách qua được. Nói thế chứ đổ ai làm nổi chuyện đó, bởi một lẽ rất giản đơn: chốt cửa lại cài ở phía trong.

Vừa chạy vội đến toà nhà cũ Thượng Viện, Malcolm vừa không ngớt rửa thầm. Chốc chốc, anh lại phải dừng lại xì mũi, trong khi mưa vẫn tuôn xối xả. Anh đến nơi thì mưa đã biến chiếc vét-tông màu nâu nhạt trên người thành màu gan gà. Cô nữ thư ký tóc vàng, ngồi trong phòng khách của một vị thượng nghị sĩ, rất ái ngại cho chàng trai, nên rót mời khách một tách cà phê, và ngồi ngắm anh chàng nhấm nháp. Cô ta cho Malcolm biết là anh phải “chính thức” ngồi đợi tờ biên nhận về gói bưu kiện vừa mang đến. Cô gái “hoàn toàn tình cờ hoàn tất việc kiểm lại sổ sách” đúng vào lúc Malcolm nhấp hết tách cà phê. Cô ngược nhìn Malcolm, mỉm cười rất tươi trước đế từ già, đến nỗi anh phải nghĩ bụng: việc mang đến cho ngài thượng nghị sĩ nọ những quyển truyện trinh thám, tả những vụ án mạng đầy bí hiểm, suy cho cùng, cũng chẳng đến nỗi hoài công.

Thường thường toà nhà cũ của Thượng Viện đến cái quán Hap kia, người ta phải đi bộ chừng năm phút. Nhưng hôm đó, vì trời mưa to, nên Malcolm chỉ cần vèn vện đúng ba phút đồng hồ. Hap là một nhà hàng rất nổi tiếng trong đám viên chức làm việc trên Đồi Capitol. Ở đây, việc phục dịch rất mau lẹ, thức ăn lại ngon. Ngoài ra, nhà hàng còn có một món ăn “đặc sản”,

chỉ dành riêng cho những thực khách quen biết.

Malcolm trao cho cô bán hàng tờ “thực đơn” do lão Walter lập ra, rồi gọi thêm cho mình một chiếc bánh kẹp thịt băm viên và một ly sữa...

... Giữa lúc Malcolm đang khoan khoái nhấm nháp từng ngụm cà phê nóng tại phòng khách của ngài thượng nghị sĩ nọ, thì một người lịch duyệt, khoác áo mưa, chiếc mũ đội đầu kéo sụp xuống quá trán, che lấp mất gần phân nửa khuôn mặt, đã từ phố số một rẽ sang đường Đông Nam “A”, tiến thẳng đến chỗ chiếc Sedan sơn xanh, vẫn đỗ bên vệ đường từ sáng. Chiếc áo mưa tuyệt đẹp rất hợp với tướng mạo đường bệ của người khách lạ. Tiếc thay đường phố lúc này lại vắng ngắt vắng ngơ, nên chẳng có ma nào ở gần để mà trầm trồ. Người khách lịch duyệt nọ dáng bộ tỏ ra rất thản nhiên, nhưng đôi mắt vẫn nghiêng nghiêng ngó ngó, để quan sát thật kỹ lưỡng dãy phố vắng và những toà nhà quanh đó. Đoạn ông ta chui vội vào ghế sau của chiếc Sedan, dáng điệu không hẳn là không trang nhã, rồi khép chặt cửa lại, và cất tiếng hỏi xẵng, sau khi gườm gườm nhìn gã lái xe một lúc:

- Thế nào? Có động tĩnh gì không?

Không rời mắt khỏi toà nhà của “Hội Văn Sử”, người lái xe chậm rãi đáp bằng cái giọng khàn khàn thường gặp ở những kẻ bị suyễn kinh niên:

- Ổn cả, thưa ngài.

- Tuyệt. Tôi sẽ quan sát tiếp toà nhà, còn anh thì đi gọi điện đi. Bảo họ chờ khoảng mười phút, rồi hẵng ra tay.

- Tuân lệnh, thưa ngài. - Người lái xe toan rời ô tô, thì từ trong xe một giọng nói thất thanh liền gọi giật hẳn lại:

- Wazerby, - người khách lạ ngừng một lát, để gây ấn tượng, - không được phạm một sai sót nhỏ nào đấy nhé!

- Vâng, thưa ngài, - Wazerby đáp, sau khi đã nuốt ực một cái, để nén xúc động.

Wazerby tiến đến bên chiếc máy điện thoại tự động, treo trên một bức tường, cạnh một quầy bán thực phẩm phụ ở góc đường Đông Nam “A” và

phố số 6. Tại quán rượu “Mister Henry”, nằm trên đại lộ Pennsylvania, cách đó năm dãy phố, lão chủ quán nhắc máy lên. Rồi lão gọi to: “Ông Varburn!”. Một người gầy gò, cao lênh khênh, nghe gọi đến tên liền ngoảnh lại. Varburn đứng vội lên, bước tới bên máy. Ông ta im lặng nghe những lời chỉ thị ngắn gọn ở đầu máy đằng kia, đầu gật lia gật lịa, rồi quay về với hai người đàn ông đang chờ mình. Họ trả tiền ba tách cà phê pha cô-nhắc, rồi ra đường, rảo bước trên phố số một, đến một con hẻm nhỏ, nằm ngay sau lưng đường Đông Nam “A”. Tại ngã ba, cạnh chốt đèn tín hiệu, họ gặp một thanh niên để tóc dài, choàng một chiếc blu-dông bằng da nai, sừng nước. Một chiếc mi-crô-buýt sơn vàng, đỗ ngay ở đầu con hẻm, giữa hai toà nhà. Trên xe không có qua một người nào. Cả ba mở cửa, trèo lên, và cho lao tới, chuẩn bị ra tay...

Khi Malcolm dặn cô hầu bàn mang thêm cho mình một chiếc bánh nhân thịt băm nữa, thì một người đưa thư, từ phố số một, ngoặt vào đường Đông Nam “A” rồi lững thững bước đi trên vỉa hè, vai mang túi đựng thư to tướng. Một người tầm thước, dáng chắc nịch, bước theo sau anh ta, cách mấy bước chân, người cứ thẳng đuồn truông rất không tự nhiên. Từ đầu đằng kia, một gã gầy gò, cao lênh khênh, tiến lại gặp họ, sau khi vượt qua năm dãy số. Anh ta cũng khoác trên vai một chiếc áo mưa rộng, nhưng khác hai người kia là chiếc áo chỉ mới dài đến ngang đầu gối.

Vừa quay về với chiếc Sedan và ngồi sau tay lái, Wazerby đã nhìn thấy người đưa thư ngoặt ra đường Đông Nam “A”. Hắn vội vã cho xe chuyển bánh. Chờ cho ngớt cơn ho, Wazerby hít một hơi thở dài khoan khoái. Hắn rất đổi mừng rỡ vì phận sự của hắn trong chiến dịch này đến đây là hết. Tuy là một tay sừng sỏ, nhưng dẫu sao Wazerby vẫn rất lấy làm mừng là đã không phạm một sai sót nào khi hắn liếc nhìn người khách lạ, cảm như thóc đang ngồi ở ghế sau.

Thực ra, Wazerby đã nhầm. Hắn đã phạm phải một sai sót nhỏ và hết sức bình thường, một sai sót mà hắn có thể dễ dàng tránh được. Một sai sót mà lẽ ra hắn phải không được phạm.

Nếu có ai đó tình cờ nhìn đường Đông Nam “A” vào lúc này, hắn ta chỉ

thấy ba người - một là nhân viên đưa thư, còn hai người kia là dân buôn bán, kinh doanh, - hoàn toàn tình cờ tiến lại gặp nhau cùng một lúc trước cổng trụ sở “Hội Văn Sử”. Hai gã dân buôn lịch sự bước tránh cánh cửa rào ra, nhường đường cho người đưa thư để anh ta bấm chuông và vào trước. Cũng như mọi bữa, hôm nay lão Walter cũng không có mặt tại bàn làm việc của lão (mà dù lão có mặt ở đó đi nữa, thì sự thế chắc gì đã khác). Đúng lúc Malcolm nuốt trôi miếng bánh nhân thịt chót cùng tại nhà hàng Hap, thì mụ Russell gắt gỏng lên tiếng: “Vào đi!” khi nghe hồi chuông thứ hai réo lên. Ba người lạ mặt chỉ mong có vậy. Họ tiến ngay vào, đi đầu là viên đưa thư...

Malcolm vẫn ung dung ngồi ăn chưa muốn kết thúc bữa cơm trưa. Để tận hưởng nỗi khoan khoái trong lòng, anh gọi thêm một đĩa bánh ga-tô phết sô-cô-la trộn rượu rom - món ăn đặc sản của nhà hàng Hap. Sau tách cà phê thứ hai, lương tâm đã bắt Malcolm phải đứng dậy ra về. Mưa rào lúc này đã ngớt, nhưng trời vẫn lất phất mưa bay. Sau bữa cơm trưa, tâm trạng anh đã có phần nhẹ nhõm hơn. Cả thể trạng cũng khá hơn lúc sáng. Nhưng anh không vội. Vì, một là, còn gì khoái bằng được ung dung dạo bước sau khi no bụng; hai là, anh không muốn đánh đổ cái túi bánh nhân thịt, đang ôm khệ nệ trên tay. Khác với lệ thường, hôm nay anh quay về phía vỉa hè bên kia. Nhờ thế, anh đã có cơ hội để nhìn kỹ toà nhà trước khi bước vào. Chính cái cơ hội đó đã giúp chàng trai nhận thấy được những gì trước đây vẫn bị bỏ qua, nếu cứ cắm đầu cắm cổ trở về theo đường cũ.

Chỉ một chi tiết nhỏ, nhưng chính chi tiết đó đã buộc Malcolm phải cảnh giác. Chi tiết ấy chỉ hơi lạ mắt chút đỉnh thôi và lại nhỏ nhặt đến mức tưởng chừng như vô nghĩa. Nhưng chàng trai vẫn được trời phú cho một khả năng quan sát khá tinh tường, biết nhận thấy cả những chuyện vặt vãnh, như cánh cửa sổ trên tầng ba đã mở toang kia chẳng hạn. Số là cửa rá trong nhà này cánh nào cũng mở ra phía ngoài, chứ không phải kéo lên phía trên. Vì thế, cánh cửa mở nào cũng dễ đập ngay vào mắt. Thoạt nhìn thấy cánh cửa sổ ấy, chàng trai chưa hiểu ngay được mọi chuyện. Nhưng khi chỉ còn cách toà nhà có đâu nửa dãy phố, anh chợt hiểu ngay là đã xảy ra một chuyện gì

đó trong khi mình đi vắng, nên đừng phất lại, sững sờ...

... Kể ra thì chẳng có gì khác thường cả, nếu tại Washington này mà có một toà nhà nào đó lại mở toang cửa sổ, thậm chí cả trong một ngày mưa to gió lớn thế này: tiết trời ở thủ đô, cả những hôm có mưa xuân, vẫn ấm áp, hết như trong mùa hè. Nhưng toà nhà của Hội thì lâu nay đã được lắp hàng loạt máy điều hoà nhiệt độ rồi, người ta chỉ mở cửa sổ khi nào muốn thông gió thôi. Bởi thế, Malcolm thấy sẽ rất phi lý, nếu muốn cắt nghĩa cái cánh cửa sổ mở toang trên tầng ba kia là để nhằm mục đích ấy. Nó càng phi lý hơn nữa khi cánh cửa được mở ra đó lại là cánh cửa sổ ấy - cánh cửa sổ phòng làm việc của cô Tamatha!

Nhân viên ở tiểu ban không ai còn lạ gì chuyện Tamatha rất kiêng mở cửa sổ. Số là hồi mới lên chín, cô đã chứng kiến một cảnh tượng rợn người. Hai anh trai cô, dạo ấy cũng đang còn bé, đã tranh giành nhau rất quyết liệt một bức hoạ, mà họ đã tìm thấy trên rầm thượng. Trong cuộc ẩu đả, người anh cả chẳng may bị trượt chân, và lăn từ cửa sổ rầm thượng xuống đường. Cậu bé bị gãy xương sống và phải mang tật suốt đời, từ đó quanh năm phải nằm liệt giường liệt chiếu. Có lần, Tamatha đã thú thật cùng Malcolm rằng: chỉ hoả hoạn hoặc bị doạ cưỡng dâm hoạ may mới có thể xô đẩy cô đến một bên khung cửa sổ mở rộng. Ấy thế mà hôm nay, chính cánh cửa sổ phòng cô gái ấy lại mở toang!

Malcolm cố nén cảm giác lo sợ và hồi hộp đang trỗi dậy trong lòng. “Xì, mình chỉ hay sợ bóng sợ gió, hông quá đi mất, - anh tự nhủ. - Biết đâu đấy chỉ là một chuyện hết sức bình thường. Như có anh chàng nào đó muốn trêu Tamatha, chẳng hạn”. Nhưng, nói của đáng tội, nhân viên ở đây thì làm gì có thì giờ để đùa cơ chứ. Malcolm cũng tin chắc là không một ai dám đem cái hình phạt khủng khiếp kia ra để trêu Tamatha. Dầu sao, anh cũng đi tiếp, cố điều bước thật chậm. Và sau khi qua hết toà nhà rồi, anh còn bước thêm mười bước nữa, cho đến tận góc phố. Ngoài cánh cửa sổ kia ra, mọi thứ khác trong nhà quả tình đều không có gì đặc biệt. Anh cũng không nghe thấy một tiếng la hét nào ở bên trong. Hẳn ai nấy đang cặm cuội làm việc.

“Vớ vẩn thật! Thần hồn nát thần tính!” - Malcolm tự nhủ. Rồi anh băng qua đường, bước vội về phía cánh cửa rào, leo lên mấy bậc tam cấp. Do dự một lát, rồi Malcolm cũng vội tay bấm chuông. Không một tiếng trả lời. Chuông réo khá to, nhưng mẹ Russell vẫn không lên tiếng. Anh nhấn chuông lần nữa. Vẫn thế. Anh thấy lạnh buốt sau sống lưng.

“Walter chắc đang dọn dẹp sách vở” - Malcolm tự nhủ, - còn “lò nấu nước hoa của nàng Polly chúng ta” hẳn đang ở trong buồng vệ sinh. Chắc chỉ thế thôi, chứ họ còn đi đâu được nữa”. Anh từ từ cho tay vào túi, lục tìm chiếc chìa khoá riêng.

Nếu có người tra chìa khoá vào ổ giữa ban ngày, thì toàn bộ toà nhà sẽ vang lên một chuỗi tín hiệu báo động đặc biệt. Còn nếu có ai đó làm thế vào ban đêm, thì tín hiệu sẽ vang lên cùng lúc chẳng những ngay tại đây, mà cả ở Cục Cảnh sát Washington, lẫn tại Tổng hành dinh CIA trên Langley và trụ sở Cục Bảo vệ, đóng ở đâu đó ngay tại thủ đô nữa. Tín hiệu lập tức vang lên khe khẽ ở bên trong nhà, ngay khi Malcolm vừa tra chìa vào. Anh mở cửa và bước vào trong.

Ngay từ lúc đặt chân lên bậc tam cấp đầu tiên trước cửa ra vào, Malcolm đã cảm thấy như đây là một toà nhà không có người ở. Bóng mẹ Russell không lấp ló sau bàn làm việc của mẹ. Anh liếc mắt nhìn sang phòng làm việc của tiến sĩ Lappe thì thấy cửa chỉ khép hờ. Trong toà nhà phảng phất một mùi là lạ. Malcolm vất gói bánh xuống bàn lão Walter, rồi chậm rãi bước lên. Mới leo được ba, bốn bậc thang gác, anh đã hiểu ngay vì lẽ gì ở đây lại bốc lên cái mùi là lạ đó.

... Mẹ Russell vẫn đứng ngay sau bàn, mỗi khi có người lạ đi vào. Một loạt tiểu liên, giấu trong túi đựng thư của gã đưa thư, lia ra, đã hất ngược mẹ về phía sau, đến sát bên quầy pha cà phê. Điều thuốc rơi xuống, vẫn tiếp tục cháy trên ngực áo nạn nhân, làm giộp cả một mảng da, rồi mới tắt hẳn...

Malcolm thấy người bủn rủn khi đứng nhìn cái xác cứng đờ nằm sõng soài trong vũng máu. Mãi sau, anh mới từ từ trở gót quay đi và chạy vội vào phòng làm việc của tiến sĩ Lappe, như bị ma quỷ xui khiến vậy...

... Lão Walter và tiến sĩ Lappe đang lúi húi trên mấy tờ biên lai, biên nhận gì đó, thì chợt nghe những âm thanh lạ tai, như thể tiếng hăng giọng, và

tiếng một vật nặng rơi đánh “bịch” xuống sàn nhà. Lão Walter mở vội cửa, chạy ra định để giúp mụ Russell nâng một kiện sách nặng, bị mụ đánh tuột tay đánh rơi (lão đoán thế, vì khi tiếng chuông gọi cửa vừa réo lên, lão đã nghe thấy tiếng mụ Russell quát lớn: “Thế nào, hôm nay cậu mang đến những gì cho chúng tôi đây?”). Hình ảnh cuối cùng mà lão nhìn thấy trong đời là một gã đàn ông gầy gò, cao lênh khênh, tay lăm lăm một vật dài dài, lạ mắt, hình chữ L.

Kết quả điều tra về sau cho hay: lão Walter đã chết ngay tức khắc, sau khi bị năm phát tiểu liên xuyên vào ngực. Tiến sĩ Lappe nom rõ toàn bộ cảnh đó nhưng chẳng còn đường nào thoát thân. Xác ngài hội trưởng nằm bất động ngay dưới chân tường gian phòng làm việc của ông ta.

... Gã “nhà buôn” cao lớn đột ngột mở toang cửa phòng làm việc của Malcolm. Nhưng bên trong chẳng có ai. Ray Thomas đang quỳ trên sàn, sau bàn làm việc, để tìm chiếc bút chì bị rơi ở đâu đó, thì gã vạm vỡ mở cửa. Ray chỉ kịp kêu to: “Trời ơi, đừng...”, thì đã nát sọ, óc văng tung toé.

Tamatha và Harold Martin nghe tiếng thét thất thanh của Ray, nhưng cả hai đều chẳng hiểu vì lẽ gì. Cùng một lúc, hai người đều mở cửa, lao ra cầu thang. Tất cả lại yên tĩnh một lúc. Nhưng rồi lại có tiếng chân khe khẽ vang lên: ai đó đang bước lên cầu thang. Bỗng tiếng chân ngừng bật. Tiếp đó có tiếng gì rảng rặc phát ra mấy lần liền. Tiếng động khiến cả hai choáng váng. Dĩ nhiên là họ chẳng hiểu gì về những âm thanh lạ đời ấy (vì đó là tiếng thay băng đạn tiểu liên và tiếng kéo khoá nòng). Nhưng bản năng vẫn mách bảo với họ rằng nguy hiểm đang đến gần. Cả hai cùng bỏ chạy về phòng làm việc và khoá trái cửa lại.

Harold tỏ ra rất có bản lĩnh và không mất tinh thần. Anh cài chặt chốt cửa lại và nhắc máy điện thoại lên. Nhưng anh mới chỉ kịp quay ba con số trên đĩa dây nói, thì gã vạm vỡ đập tung cửa, lao vào nổ súng.

Tamatha thì phản ứng thật kỳ dị trước tình huống gay cấp nọ. Từ lâu, cô gái vẫn cho rằng chỉ những nguyên nhân thật đặc biệt mới có thể bắt cô mở tung cửa sổ. Giờ đây, cô hiểu rằng thời điểm đó đã đến gần. Cô gái hốt hoảng cố tìm đường thoát thân, và lối thoát duy nhất cô tìm thấy: mở rộng cả hai cánh cửa sổ. Nhìn xuống đất, Tamatha thấy chóng mặt. Cô bỏ kính

ra, đặt lên bàn. Khi nghe thấy tiếng đập cửa bên phòng Harold, rồi những âm thanh y như tiếng hăng giọng, tiếp theo là tiếng một vật nặng rơi đánh ầm xuống sàn nhà, cô gái lại chạy ra bên cửa sổ. Rồi cửa phòng cô từ từ mở rộng...

Tamatha quay mặt về phía gã gầy gò hiện ra trước cửa ra vào. Hãn không dám nổ súng ngay, vì sợ đạn bay qua cửa sổ, nổ ở ngoài đường, khiến người ngoài có thể đổ xô đến trụ sở Hội. Hãn đành liều nổ súng, khi cô gái kêu la. Nhưng Tamatha vẫn nín thính. Cô chỉ nheo mắt nhìn cái hình người lơ mờ trước mặt. Nhưng cô cũng hiểu là hãn ra hiệu bảo cô đứng tránh ra chỗ khác, xa khung cửa kia. Tamatha từ từ bước lại bên bàn làm việc. “Nếu phải từ giã cõi đời, - cô tự nhủ - thì cứ thử nhìn mặt mũi tử thần một bận xem sao”. Cô gái vờ tay ra tìm chiếc kính. Gã cao lênh khênh chờ cho Tamatha đeo kính vào hãn hơi rồi mới bóp cò, khi nhìn thấy trên gương mặt xinh đẹp lộ rõ cảm giác cam chịu. Hãn chỉ buông tay ra khỏi cò súng khi bắn hết băng đạn vừa mới thay. Xong, hãn trở gót quay ra, sóng bước bên gã vạm vỡ, lúc này cũng đã thanh toán xong xuôi hết thấy những gì cần thanh toán trên tầng ba. Đoạn cả hai ung dung đi xuống cầu thang không chút vội vã.

Trong khi gã đưa thư vẫn lăm lăm khẩu súng trong tay đứng canh trước cửa, thì gã vạm vỡ lần xuống tầng trệt sục sạo. Hãn cũng phát hiện được cánh cửa bé tí, vẫn dùng để chở than, củi, nhưng không buồn để ý lắm. Giá hãn không sơ ý đến thế, thì chắc đã có thể vớt vát được phần nào cái sai lầm mà Wazerby phạm phải. Nhưng hãn không làm, mà chỉ dò tìm hệ thống cáp điện thoại, rồi phá hỏng đi. Thường thì đường dây điện thoại có sự cố lại ít gây lo lắng hơn là khi ống nghe bị bỏ ra khỏi máy, mặc cho chuông cứ réo triền miên.

Cùng lúc đó, gã hung thủ cao lênh khênh đã bắt tay lục soát phòng làm việc của Heidegger. Tập tài liệu hãn cần tìm nằm trong ngăn kéo thứ ba, bên trái. Chỉ một lát sau, hãn đã lôi ra được cái hãn tìm. Hãn mở một chiếc phong bì cỡ lớn, cho vào đó một nắm vỏ đạn vừa mới dùng xong, rồi nhét thêm một mẫu giấy con con, lấy từ trong túi áo ra. Xong xuôi, hãn dán kín bì thư lại, và lấy bút ra. Tay hãn rất lỏng ngóng vì đang đi găng. Nhưng

chẳng sao hết: đăng nào thì hẳn cũng muốn đổi nét chữ. Rốt cục trên phong bì ngoằn ngoèo mấy dòng địa chỉ: “Gửi Cục Tình Báo Trung Ương: Tổng hành dinh Langley”. Gã vạm vỡ lúc này đã từ dưới tầng trệt mò lên. Hẳn lồi trong ngăn kéo bàn làm việc của lão Walter ra chiếc máy ảnh bí mật, xoá cuộn phim đang dùng. Gã cao lênh khênh cũng đã bước ra, quẳng chiếc phong bì xuống bàn mục Russell. Rồi cả ba gập báng súng tiểu liên lại, giấu trong áo mưa, và đẩy cửa rón rén bước ra, hệt như lúc cả ba cùng đi vào. Đúng lúc đó thì tại nhà hàng Hap Malcolm cũng vừa thanh toán xong chiếc bánh ga tô phết kem sô-cô-la có pha một ít rượu rom...

... Malcolm chậm rãi đi hết phòng làm việc này sang phòng làm việc khác, hết tầng lầu này sang tầng lầu khác. Đầu óc anh chờ đợi, không sao hiểu nổi những gì vừa chứng kiến. Mãi lúc nhìn thấy cái xác lơ lơ chỗ vết đạn của Tamatha, anh mới thấu hiểu sự tàn bạo của những gì vừa xảy ra. Chàng trai giương to mắt, nhìn trừng trừng vào cái xác cô gái xinh đẹp đến cả mấy phút đồng hồ, người run lẩy bẩy. Rồi nỗi sợ hãi bất thần xâm chiếm anh, khiến anh tự nhủ: “Mình phải rời khỏi đây ngay”. Anh lao xuống cầu thang. Mãi đến lúc sắp xuống đến tầng một, chàng trai mới tự chủ được và bắt mình đứng lại.

“Rõ ràng là bọn chúng đã đi rồi, - anh tự nhủ - nếu không, mình đừng hòng thoát chết. Thậm chí, anh cũng chẳng buồn nghĩ xem “bọn chúng” là ai. Đột nhiên, anh nghĩ đến một cách rõ nét tình cảnh bất lực của chính mình. “Trời ơi, - anh tự nhủ - đến vũ khí, mình cũng không có trong tay! Mình sẽ lấy gì để chống trả đây, nếu bọn chúng quay lại?”. Anh nhìn xuống cái xác lão Walter và thấy một khẩu súng ngắn tự động to kèn, lủng lẳng bên hông viên cựu trung sĩ. Nhưng khẩu súng bê bết máu, nên Malcolm không dám chạm tay vào. Anh chạy vội lại bên bàn làm việc của Walter. Cạnh đó có một chiếc tủ con bị đóng chặt vào vách tường. Trong tủ, lão vẫn cất giấu một thứ khí giới hoàn toàn lạ đời nữa: khẩu súng săn cỡ 20, nòng bị cửa ngăn mất đi mấy tấc. Tuy chỉ bắn được phát một, nhưng viên cựu trung sĩ vẫn không ngớt lời ca ngợi khẩu súng, vì nó đã có lần cứu mạng lão... Malcolm cầm khẩu súng săn lên, chìa nòng về phía cửa ra vào, rồi anh nghiêng người tiến lại bên bàn làm việc của mục Russell. Anh biết Walter

bao giờ cũng cất trong ngăn kéo bàn mộc văn thư một khẩu súng nữa, để phòng xa. Anh lôi khẩu súng ngăn đó ra, giắt vào thắt lưng, rồi nhấc máy lên gọi điện. Không nghe thấy một âm thanh gì. Tuy vậy, anh cũng lần lượt quay số, gọi từng nhân viên một trong tiểu ban. Không một ai đáp lại hết.

“Mình phải rời khỏi nơi đây ngay, - Malcolm lại tự nhủ - để cầu cứu ai đó đến giúp, chứ không thì nguy mất”. Anh cố nhét khẩu súng sẵn vào trong áo vét-tông nhưng chẳng ăn thua: tuy đã cựa ngăn nòng đi rồi, họng súng vẫn còn thò ra ngoài, cổ áo chạm vào mang tai, rất vướng. Malcolm tiếc rẻ cất khẩu súng vào chỗ cũ, vì anh nghĩ bụng: phải giữ nguyên trạng mọi thứ ở đây, để người ta còn dễ bề điều tra. Anh gân cổ nuốt một cái gì cứng cứng, đau đau nơi cổ họng, rồi lặn đến bên cánh cửa, ghé mắt vào cái hốc lớn, có lắp chiếc kính hình cầu, để nhìn ra ngoài. Trên khúc đường trước mặt nhà vẫn chẳng có ai qua lại. Mưa đã tạnh hẳn. Nép sát người vào bờ tường, anh vớ tay về phía quả đấm cửa, từ từ mở ra. Không thấy động tĩnh gì hết. Anh mạnh dạn bước xuống thềm im vắng. Anh đập mạnh cánh cửa, rồi bước vội đến bên cánh cửa rào, lách người qua. Tuy đã rảo bước trên vỉa hè, anh vẫn luôn đảo mắt nhìn quanh, căng thẳng chờ đợi. Nhưng phố xá vẫn yên lặng. Malcolm tiến thẳng đến chòi điện thoại tự động đặt ở góc đường.

Cả bốn Cục của cơ quan CIA đều có những số điện “báo động” riêng, không đăng ký trong bất cứ danh bạ điện thoại nào, và chỉ được phép dùng khi xảy ra những tình huống thật khẩn cấp. Kẻ nào lạm dụng những số máy ấy sẽ bị trừng trị hết sức nghiêm khắc - thậm chí có thể bị thải hồi mà không được lấy một xu trợ cấp. Mỗi nhân viên của CIA - từ giám đốc cho đến người gác cổng đều phải biết ghi nhớ nhập tâm một trong bốn số điện thoại ấy, - một trong những điều tuyệt mật của cơ quan này.

Đường điện thoại “Báo động” bao giờ cũng do những nhân viên có năng lực và dày dạn kinh nghiệm phụ trách. Họ phải có khả năng ứng phó tuyệt vời mỗi lần gặp tình huống khẩn cấp, mặc dù chính họ rất ít khi trực tiếp tham dự vào các hoạt động tác chiến. Khi nhận được tín hiệu “Báo động”, bộ phận này phải ra ngay quyết định nhanh chóng và đúng đắn.

Vào ngày hôm đó, phiên trực tại tuyến điện thoại “Báo động” ở Cục Mật

Vụ đã rơi đúng vào tay Setphen Mitchell. Mitchell đáp lại ngay hồi chuông gọi của Malcolm. Trước đây, hẳn từng là một điệp viên giữ “chân chạy” năng nổ nhất của CIA. Suốt mười ba năm trời, lão đã đi khắp đó cùng đây, chủ yếu là các nước Nam Mỹ, có mặt tại hầu hết các điểm nóng. Đầu năm 1968, một gã điệp viên hai mặt ở Buenos Aires đã gài một quả bom dẻo vào chỗ ngồi sau vô-lăng trên chiếc xe của Mitchell. Lần đó, gã điệp viên nọ chỉ phạm một sai sót nhỏ: sức nổ quả bom thấp quá. Bởi thế, quả bom chỉ tiện cụt của Mitchell mất cặp giò năng nổ, chứ không cho hẳn về châu trời. Sai lầm đó khiến gã điệp viên nọ phải trả một giá rất đắt: người ta tìm thấy xác gã tại Rio de Janeiro với chiếc thòng lọng trên cổ. Không muốn mất đi một điệp viên có hạng như Mitchell, cấp trên đã điều hẳn về bộ phận “Báo động”.

Ngay sau hồi chuông đầu tiên, Mitchell đã nhắc máy lên nghe. Hẳn cũng đã lập tức mở máy ghi âm và máy tự động dò tìm số dây nói của người gọi.

- 493-7282 nghe đây.

Tất cả các thuê bao của CIA đều phải đáp ngay, khi nghe tiếng chuông điện thoại gọi số ấy.

- Tôi là... - Suốt cả một giây đồng hồ quý giá dài dằng dặc, Malcolm vẫn không sao nhớ ra bí danh của chính mình. Anh biết là phải xưng rõ bí số của ban và của tiểu ban, để họ khỏi lẫn mình với những nhân viên khác cùng mang bí danh ấy. Nhưng lúc này, chàng trai vẫn không tài nào nhớ lại nổi cái tên người ta đã đặt cho mình. Mặt khác, anh cũng thừa biết là không được phép xưng tên thật. Bỗng chàng trai vụt nhớ lại được cái bí danh ấy:

- Thần Ứng đang ở bên máy đây. Tiểu ban 9, ban 17 của chúng tôi vừa bị tiến công.

- Anh đang dùng điện thoại công vụ đấy chứ?

- Không. Đây là máy công cộng, ở cách... căn cứ của chúng tôi một quãng ngắn. Máy ở chỗ chúng tôi hỏng sạch cả rồi.

“Ồ quý, - Mitchell nghĩ bụng - đã đến nông nỗi này mà còn nói bằng thứ ngôn ngữ ám hiệu đó làm gì”. Hẳn với bên tay còn rỗi về phía nút “Báo động” ấn khê: năm tổ tác chiến khác nhau - ba đặt ngay tại Washington, hai ở Langley - sẽ được vũ trang đến tận răng và lao ngay ô-tô, rồ máy, rồi

đứng chờ chỉ thị tiếp theo.

- Tiểu ban có bị thiệt hại nặng không?

- Tổn thất tối đa. Không còn một ai nữa. Tôi là người độc nhất, được...

Mitchell ngắt lời chàng trai:

- Rõ rồi. Dân ở quanh đó biết chuyện chưa?

- Chắc là chưa ai biết. Cuộc tiến công diễn ra rất yên ắng.

- Anh có bị thương không vậy?

- Không.

- Đã mang theo vũ khí gì chưa?

- Đã.

- Quanh đó thấy hoạt động “thù địch” nào không?

Malcolm nhìn quanh. Anh chợt nghĩ: một buổi sáng hoàn toàn bình thường.

- Hình như là không. Nhưng tôi không dám nói chắc đâu.

- Nghe cho kỹ những điều tôi sắp nói đây. Rồi xa ngay khu vực đó. Nhưng phải thật thận trọng đấy. Tìm mọi cách để đến một nơi ẩn nấp thật an toàn. Rồi chờ ở đó chừng một giờ đồng hồ. Sau khi biết chắc không ai bị theo dõi, lại gọi điện về cho tôi lần nữa. Lúc ấy sẽ là 13 giờ 15. Anh hiểu chứ?

- Vâng, tôi hiểu.

- Ô-kê. Cúp máy ngay đi và nhớ đừng để mất đầu đấy nhé.

Mitchell cúp máy nhanh đến mức Malcolm chưa kịp buông ống nghe ra khỏi tai đã không còn nghe thấy gì nữa hết.

Anh treo ống nghe lên, đứng yên mấy giây ở góc đường, để cố vạch một kế hoạch hành động, dù là sơ sài nhất. Anh biết là phải tìm một nơi an toàn quanh khu vực này, để có thể nương náu quãng một tiếng đồng hồ. Lát sau, chàng trai đã chậm rãi quành lại, rảo bước trên đường phố. Mười lăm phút sau, anh đã trà trộn giữa một tốp thanh niên, thuộc một tổ chức gì đó ở bang Iowa đang ghé thăm toà nhà Quốc Hội trong một chuyến tham quan thủ đô...

... Giữa lúc Malcolm đang còn trò chuyện với Mitchell qua dây nói, thì một trong những guồng máy đồng đảo nhất và phức tạp nhất của chính phủ đã được khởi động. Đám trợ lý của Mitchell, nghe được câu chuyện trên

dây nói, đã lập tức tung vào chiến dịch bến xe, chở đầy các nhân viên thuộc bộ phận an ninh, đóng ngay tại Washington, và một xe chở các chuyên viên pháp y từ Langley đi. Cả năm xe đều nhắm vào mục đích: tiểu ban 9, ban 17. Chỉ huy trưởng các nhóm đều được thông báo văn tắt tình hình xảy ra tại hiện trường trước lúc xuất phát. Trong khi xe đang phóng như bay đến đích, các trưởng nhóm vẫn tiếp tục được thông báo tỉ mỉ mọi chuyện qua máy điện đàm gắn trên xe. Đồn cảnh sát tại khu vực hữu quan của Washington cũng được báo cho biết trước là hãy sẵn sàng phối hợp hành động và kịp thời giúp sức các “nhân viên của bộ phận bảo vệ luật pháp liên bang” đang tác chiến tại khu vực do họ cai quản. Trước lúc Malcolm treo ống nghe lên máy, tất cả ban trực thuộc của CIA, đóng trong Quận Columbia, đều được thông báo về cuộc tiến công vào các nhân viên “Hội Văn-Sử”. Các đơn vị này lập tức cho thi hành ngay mọi biện pháp đề phòng theo đúng như những kế hoạch đối phó đặc biệt đã được soạn thảo sẵn từ trước. Malcolm vừa gọi đến chưa đầy ba phút thì tất cả các viên phó giám đốc cơ quan CIA đã được báo cáo đầy đủ về “sự cố nghiêm trọng” đó. Mười phút sau, đích thân ngài giám đốc CIA, lúc này đang làm việc với Phó tổng thống Hoa Kỳ, cũng được Mitchell báo tin hết sức chi tiết qua đường dây điện thoại đặc biệt. Trong phòng tám phút đồng hồ, tin tức về cuộc tiến công nói trên cũng đã đến tai tất cả các viên chỉ huy các cơ quan tình báo Hoa Kỳ.

Sau khi nói chuyện với “Thần Ưng”, Mitchell đã ra lệnh mang ngay lên phòng làm việc của chính hãn mọi hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hoạt động của Hội. Hễ gặp tình huống khủng hoảng, trực ban của bộ phận “Bảo động” sẽ nghiêm nhiên trở thành nhân vật có mọi thứ quyền hành và là đại diện đặc mệnh toàn quyền của giám đốc cơ quan CIA. Nhân vật này sẽ điều hành mọi chiến dịch đối phó trong thực tế, cho đến lúc một viên phó giám đốc của cơ quan này thế chân hãn. Đúng là chỉ mấy giây sau khi Mitchell ra lệnh chuyển mọi hồ sơ lên bộ phận lưu trữ đã gọi điện tới.

- Thưa ngài, máy tính điện tử, sau khi kiểm tra, đã báo cho biết: hồ sơ của tiểu ban 9, ban 17 đều đã biến mất.

- Cho biết cái gì-ì?!

- Cho biết là tất cả các hồ sơ đều đã biến mất.

- Thế thì chuyển ngay cho tôi các bản sao, rồi, quý bắt anh đi, nhớ gửi ngay tức khắc mọi thứ sang cho Cục Cơ mật để bảo quản.

Mitchell quẳng mạnh ống nghe xuống, khi gã nhân viên lưu trữ luống cuống chưa kịp đáp. Rồi hắn vồ lấy một chiếc máy khác và liên lạc ngay với nơi cần gọi.

- “Phong toả” ngay căn cứ! - hắn ra lệnh.

Chỉ mấy giây sau, tất cả các lối vào ra của Tổng hành dinh cơ quan CIA đều đóng kín cửa. Nếu ai đó cố lao vào hoặc lên ra lúc này đều bị bắn vỡ sọ ngay. Đèn báo động màu đỏ chớp sáng liên hồi trong tất cả các toà nhà tại Langley. Một loạt nhân viên bảo vệ, chia thành nhiều tốp, tức thì toả ra khắp mọi nơi để “quét dọn” các hành lang. Họ ra lệnh cho ai nấy phải về phòng làm việc hoặc các ban trực thuộc, trừ những người đang trực tiếp tham dự vào công việc của bộ phận “Báo động” hoặc đang bị đặt vào tình trạng “khẩn cấp tối đa”. Kẻ nào không tuân lệnh hoặc tỏ ra trù trù sẽ bị gí súng vào người, áp giải đến phòng giam, để cho tay vào còng số tám.

Chỉ vài giây sau Mitchell ra lệnh “phong toả” căn cứ, cửa phòng chỉ huy “Báo động” bỗng mở toang và một người đàn ông to con mạnh bạo bước vào. Vì Mitchell đang đàm thoại bằng dây nói với ai đó, nên gã to con nọ lạng lẽ gieo người vào chiếc xa-lông đặt bên cạnh viên chỉ huy phó.

- Có chuyện gì vậy, quý quái thật?

Vào lúc khác người ta sẽ thông báo tình hình cho gã ngay, chẳng đợi hỏi. Nhưng lúc này Mitchell là chủ nhân toàn quyền ở đây. Viên chỉ huy phó ngược nhìn hắn. Mitchell, tuy vẫn tiếp tục ra lệnh bằng một giọng gắt gỏng trong ống nghe điện thoại, nhưng hắn vẫn nắm bắt được vẻ lo lắng trong câu hỏi của gã to con. Hắn lạng lẽ gật đầu với viên chỉ huy phó. Được lệnh, viên chỉ huy này liền vặn tắt thuật lại các chuỗi biến cố vừa xảy ra và thông báo cho gã rằng sếp đã thi hành những biện pháp đối phó gì. Trước lúc viên chỉ huy phó ngừng lời, Mitchell đã buông máy ra, đưa chiếc khăn tay ướt nhoét lên lau mồ hôi trán.

Gã to béo ngọ nguậy trong xa-lông một lúc, rồi rụt rè nói:

- Anh Mitchell ơi, nếu anh không phản đối, tôi sẽ xin ở lại đây để giúp anh.

Suy cho cùng thì tôi vẫn là trưởng ban 17 mà.

- Cảm ơn ngài, - Mitchell, - tôi sẽ rất lấy làm cảm kích nếu được ngài giúp chúng tôi một tay trong tình thế này.

Gã to con lồi bầu câu gì đó trong mồm đáp lại, rồi ngã người vào lưng ghế cho thoải mái hơn và bắt đầu chờ...

... Giá hôm thứ năm mưa gió ấy, vào lúc 13 giờ 09, mà bạn có dịp đi ngang qua khúc đường Đông Nam “A”, sau lưng Thư Viện Quốc Hội, chắc hẳn bạn phải sửng sốt vì cảnh náo nhiệt bất ngờ ở đây. Trên đường, chợt xuất hiện sáu người, từ hai hướng khác nhau, vội vã tiến đến bên toà nhà ba tầng quét vôi trắng. Khi họ vừa đến bên cánh cổng hàng rào thì hai bên chiếc xe, cũng từ hai ngả, ập lại, hãm phanh đánh “két” ngay trước toà nhà. Những người ngồi trên xe chăm chú và căng thẳng quan sát mọi động tĩnh chung quanh. Sáu người kia mở cửa rào bước vào, nhưng chỉ một trong số họ là bước lên thềm, trên những bậc tam cấp bằng gang. Anh ta lôi một chùm chìa khoá ra và loay hoay một lúc với cái ổ khoá. Khi đã đẩy được cái then sang một bên, anh ta mở rộng cửa, và gật đầu mời năm người còn lại bước lên thềm. Cả sáu người nhanh chóng đi vào bên trong toà nhà, sau khi đã sập cửa lại. Lúc này, những người ngồi trên hai chiếc xe kia cũng nhảy xuống, khoan thai đi tới đi lui trên vỉa hè, ngay trước trụ sở Hội. Hai chiếc xe tức thì chạy đi ngay, tìm chỗ thích hợp. Lúc đi qua hai đầu phố, cả hai người tài xế đều gật đầu chào hai người nữa đang đứng canh ở hai góc đường.

Ba phút sau, cánh cửa trụ sở Hội lại mở ra. Một người xuất hiện, chậm rãi đi về phía chiếc xe đang đỗ gần đó. Anh ta trèo ngay vào ghế ngồi, nhắc máy điện đàm lên, và chỉ mấy giây sau đã trò chuyện được với Mitchell.

- Đúng là họ bị tiến công thực thụ. Nhìn hiện trường mà phát khiếp!

Người đang nói là Allen Newberry. Trước, hẳn đã từng tham chiến ở Việt Nam, từng có mặt trong đám quân đổ bộ lên bãi biển Hiron ở Cuba, từng len lỏi trong các vùng đồi núi Thổ Nhĩ Kỳ, từng dự hàng chục chiến dịch trên các đường phố và đánh giáp lá cà tại nhiều nơi trên khắp thế giới. Tuy thế, Mitchell vẫn nhận rõ vẻ thảng thốt trong giọng nói cố kìm giữ của hẳn.

- Chúng làm những gì ở đây? - Mitchell dần dà bắt đầu tin vào tính xác

thực của sự cố vừa xảy ra.

- Chắc bọn hung thủ là một nhóm từ hai đến năm tên. Không thấy dấu hiệu là bị đột nhập cưỡng bức: nhân viên ở đây đã để chúng vào phòng hoang. Vũ khí được dùng là tiểu liên giảm thanh, chứ không thì cả Washington này chắc phải đến nhức óc vì tiếng súng. Sáu người bị giết - bốn nam, hai nữ. Kết quả khám nghiệm sơ bộ cho thấy: phần lớn nạn nhân đều chưa kịp hiểu cái gì sắp xảy đến với họ. Cũng không phát hiện thấy dấu hiệu là bọn hung thủ đã lục soát gì nhiều lắm những hồ sơ, giấy má ở đây. Phim trong máy ảnh bí mật đã bị xoá hỏng. Điện thoại không làm việc - chắc là, dây cáp đã bị cắt. Có hai nạn nhân phải khám nghiệm thật kỹ may ra mới xác định được diện mạo của họ. Tóm lại, bọn tiến công đã hành động êm thấm, mau lẹ và khôn ngoan, không để lại dấu vết gì. Chúng đã biết đến tận chân tơ kẽ tóc phải làm gì và làm như thế nào trước khi ra tay.

Mitchell kiên nhẫn chờ cho đến lúc biết chắc Newberry đã báo cáo hết.

- Được rồi. Tôi sẽ duy trì hiệu lực những mệnh lệnh cũ, cho đến lúc cấp trên ra lệnh thi hành những biện pháp thích đáng. Bây giờ, anh và người của anh phải khám nghiệm kỹ hai nạn nhân kia đi. Chớ có đụng vào bất cứ thứ gì. Toà nhà phải được “phong tỏa” ngay, nhé. Anh cứ làm mọi thứ anh cho là cần thiết để “phong bế” toà nhà ấy.

Mitchell ngừng một lát để nhấn mạnh tầm quan trọng của mệnh lệnh. Trong thâm tâm, hẳn tin chắc là mình không phạm một sai lầm nào. Thực ra, như thế là hẳn vừa mới cho phép nhóm của Newberry hành động rất rộng tay: nghĩa là có thể làm bất cứ thứ gì mà không sợ bị chính phủ liên bang truy tố trước pháp luật. Hẳn đã chuẩn y cho Newberry muốn giết ai thì giết, bắn ai thì bắn, tùy sở thích, nếu gã này cho rằng việc đó là có ý nghĩa hoặc đem lại kết quả mong muốn. Hậu quả của cái mệnh lệnh khác thường và hẳn hữu kia có thể rất bi đát cho hết thảy những ai có dính dáng trực tiếp đến mệnh lệnh ấy. Mitchell tiếp:

- Để đảm bảo an toàn, tôi sẽ phái thêm đến cho anh một tốp nữa. Họ sẽ giúp anh kiểm soát và cô lập toà nhà ấy với các ngôi nhà lân cận. Ngoài ra tôi sẽ phái đến một nhóm chuyên gia tội phạm học, nhưng chỉ cho phép họ khám nghiệm sơ bộ thôi đấy. Trong bất cứ trường hợp nào, họ cũng không

được phép xê dịch những đồ vật tại hiện trường và làm thay đổi quang cảnh chung của vụ án mạng. Họ cũng sẽ mang đến cho anh một hệ thống thông tin chuyển tiếp, để anh duy trì liên lạc thường xuyên. Rõ cả rồi chứ?

- Vâng. À, khi khám xét toà nhà, chúng tôi phát hiện được một chi tiết nhỏ, nhưng khá lý thú.

- Thế à? - Mitchell hỏi.

- Khi nghe thông báo qua máy điện đàm về sự kiện ở đây, người ta cho biết là nhà này chỉ có một lối ra. Thế nhưng chúng tôi tìm được đến những hai cổng. Anh có cảm tưởng gì về chi tiết đó?

- Tôi chưa kịp nghĩ đến, - Mitchell nói. Nói chung, mọi cái trong vụ này đều là kỳ lạ và mù mờ thế nào ấy. Còn gì nữa không?

- Còn, còn chuyện này nữa. - giọng Newberry trở nên rầu rĩ - Một thằng chó đẻ nào đó trong bọn hung thủ đã làm biến dạng một cách cực kỳ man rợ cái xác của cô gái trên tầng ba. Hẳn không chỉ đơn thuần hạ sát, mà còn xả súng, bắn cả một băng tiểu liên dài, đến nỗi không còn nhận ra mặt mũi cô ta được nữa.

Newberry ngừng nói và gác máy.

- Ta làm gì bây giờ đây? - Gã to con cất tiếng hỏi.

- Ta sẽ chờ. - Mitchell đáp và ngả người vào lưng ghế cho thoải mái - Ta hãy ngồi đây, chờ Thần Ưng gọi điện về lần nữa.

... Đúng 13.40, Malcolm tìm được một trạm điện thoại tự động vắng khách toà nhà Quốc Hội, trên Đồi Capitol. Chàng trai bỏ đồng xu vào máy, gọi về phòng chỉ huy "Báo động". Đồng xu đó anh đã đổi được của một cô gái trẻ măng, ghen ngào vì sung sướng và xúc động với cử chỉ hào hiệp của anh chàng bánh trai, dễ mến. Tín hiệu đầu tiên chưa kịp vang lên, Malcolm đã nghe thấy tiếng trả lời.

- 493-7282 đây. - Trong giọng nói lộ rõ sự hồi hộp và tâm trạng căng thẳng.

- Thần Ưng, tiểu ban 9, ban 17 đang ở bên máy. Tôi gọi từ một trạm tự động công cộng. Tôi nghĩ là không hề bị ai theo dõi. Tôi hoàn toàn tin chắc là không ai có thể nghe được câu chuyện trao đổi trong máy.

- Chúng tôi đã kiểm tra: quả đúng thế thật. Chúng tôi đang cần gặp anh ở

Langley, nhưng không dám để anh tự đến một mình. Anh biết dây rập chiếu bóng “Circus - 3” ở khu Georgetown chứ?

- Dĩ nhiên.

- Một tiếng nữa, anh có mặt ở đó, được không?

- Được.

- Tốt lắm. Anh có biết một nhân viên nào, hiện làm việc ở Langley không nhỉ? Biết mặt thôi cũng được?

Malcolm ngẫm nghĩ trong chốc lát.

- Tôi có quen một nhân viên huấn luyện, mang bí danh là Chim Sẻ.

- Chờ một tí, nhé. - Nhờ đặc quyền được ưu tiên sử dụng máy tính và các phương tiện liên lạc, Mitchell cho kiểm tra ngay và xác nhận: quả có một gã nhân viên huấn luyện tên là Chim Sẻ thật; hơn nữa gã lại đang có mặt tại Tổng hành dinh. Lão tiếp tục câu chuyện: - Tuyệt, ta sẽ hành động như sau. Nửa giờ nữa, Chim Sẻ sẽ cùng một nhân viên nữa đi xe riêng, đến đón anh tại một ngõ hẻm nhỏ, sau lưng dây rập “Circus - 3”. Họ sẽ đợi anh ở đó đúng một giờ đồng hồ. Con hẻm này có ba lối vào. Nhờ thế, anh có thể nhìn rõ họ, trước lúc họ nhận thấy anh. Khi nào anh tin chắc không bị ai theo dõi, thì đến ngay địa điểm. Nhưng nếu cảm thấy có gì khả nghi, hoặc nếu Chim Sẻ và người đi cùng anh ta không có mặt tại đó hoặc có thêm kẻ thứ ba nữa đứng bên cạnh họ, - dù đó là bồ câu bồ kiếc gì đó đi nữa cũng mặc, thì anh hãy nhanh chóng lánh xa ngay tức khắc lui về một địa điểm an toàn nào đó, rồi gọi điện cho tôi lần nữa. Giả sử có bị trắc trở gì đó, thì anh cũng làm như tôi vừa dặn. Nhớ nhé. Hiểu cả rồi chứ?

- Hiế... hắt-xì!

Mitchell suyt nữa thì chồm hẳn người ra khỏi chiếc ghế đang ngồi:

- Quỷ quái gì vậy? Anh không ốm đấy chứ?

Malcolm lấy lòng bàn tay chùi tí mũi dính ống nói.

- Không, thưa ngài. Xin lỗi, tôi thấy người hơi ớn lạnh. Chắc là bị cảm. Tôi hiểu rõ là phải làm gì rồi.

- Thôi được, cầu Chúa che chở cho anh, - và Mitchell đặt ống nghe xuống, ngả người vào lưng ghế.

Hắn chưa kịp mở miệng, thì gã to con đã lên tiếng ngay.

- Mitchell này, nếu anh không phản đối, thì tôi sẽ xin đi cùng với Chim Sẻ đây. Suy cho cùng, tôi vẫn là người chịu trách nhiệm về ban 17 mà lại. Mitchell ngược nhìn gã to con đầy tự tin ngồi ngay trước mặt mình, rồi mỉm cười.

- Tốt thôi. Ngài ra công đón Chim Sẻ đi, được chứ? Nên dùng xe của chính ngài thì hơn. Ngài đã gặp Thần Ưng bao giờ chưa?

Gã to béo lắc đầu.

- Chưa, chưa gặp bao giờ. Giá cho tôi một tấm ảnh của anh ta, thì hay quá.

Mitchell gật đầu, đáp:

- Chim Sẻ đã giữ một tấm rồi đấy. Ban kỹ thuật sẽ cung cấp cho ngài hết thấy những gì ngài cần, kể cả tiểu liên. Riêng tôi, tôi khuyên ngài nên đem theo vũ khí nhẹ. Ngài thích món nào?

Gã to béo đã toan bước ra cửa thì dừng lại, quay về phía Mitchell, nói:

- Súng ngắn cỡ 36 có lắp ống giảm thanh. Để phòng khi chúng tôi phải ra tay thật kín đáo.

- Người ta sẽ mang đến tận xe ngài, cả đạn dự trữ nữa, - Mitchell nói, rồi gọi giật gã to con lại lần nữa, khi gã đã bước hẳn ra ngoài.

- Một lần nữa xin cảm ơn ngài, đại tá Wazerby.

Gã to con ngoảnh lại, mỉm cười:

- Ờn huệ gì đâu, Mitchell. Suy cho cùng, đây cũng là công việc của chính bản thân tôi thôi mà.

Gã đóng cửa lại, bước ra công. Được vài bước chân, gã bỗng thấy lòng nặng trĩu. Hơi thở của gã trở nên đứt đoạn, nghe rõ tiếng khò khè như tất cả những người bị suyễn kinh niên.

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

Thứ Năm (Chiều)

Tuy trời xấu, nhưng Malcolm vẫn vậy tắc xi rất dễ dàng. Hai mươi phút sau, anh đã trả tiền cho tài xế, xuống xe cách dãy rạp “Circus-3” chừng hai dãy phố. Lúc này, chàng trai đã hiểu rõ rằng phải lẩn tránh thật khôn khéo, không được để cho bất cứ một cặp mắt tò mò nào nom thấy. Chỉ sau vài phút, anh đã ngồi thu lu trong góc tối nhất của một quán rượu đông nghịt khách. Chẳng hiểu sao ở đây chỉ toàn thấy khách đàn ông. Malcolm hy vọng rằng mình sẽ không quá nổi bật tại nơi này – thêm một anh mê rượu nữa, thì có gì là đặc sắc, trong cái quán toàn là khách đàn ông?

Cầm ly cốc-tai trong tay, chàng trai vừa thích thú nhấp thật chậm từng ngụm nhỏ chất nước uống vừa dễ chịu đó, vừa quan sát đám khách hàng đông đúc, cố chớp lấy thật nhanh những cái nhìn quá chăm chú từ phía họ. Trong đám đông cũng có vài người nhìn anh bằng cặp mắt hệt như anh.

Nhưng không một ai chú ý đến việc Malcolm chỉ đặt có mỗi một tay trái trên bàn. Tay bên phải anh giấu dưới gầm bàn, anh lăm lăm khẩu súng ngắn. Nó luôn hướng thẳng nòng về phía những ai tiến đến gần.

Đúng 14-40, Malcolm đường đột đứng phắt dậy, trà trộn vào một số khách hàng đông đúc, rời khỏi quán. Ra đến ngoài, anh vội vã tách ra, bước sang bên kia đường. Tiếp đó, suốt gần mười lăm phút đồng hồ, Malcolm cứ đứng loanh quanh trong mấy con hẻm nhỏ ở khu Georgetown. Anh đổi hướng đi liên tục, mắt luôn luôn theo dõi những người xung quanh. Đúng 3 giờ, khi biết chắc không bị ai theo dõi, chàng trai liền nhắm hướng dãy rạp chiếu bóng “Circus” mà sải bước.

* * *

Chim Sẻ là một viên chức nhỏ người, hay cáu gắt, đeo kính cận. Ông bị lôi vào một chiến dịch, mà ông chẳng hiểu mình sẽ đóng vai trò gì, mặc dù người ta đã báo cho ông biết đó không phải là phận sự của ông và ông phản đối khá quyết liệt. Ngoài ra, ông còn rất lo cho bà vợ vụng dại và bốn đứa con nhỏ. Bởi thế, để buộc ông nín thinh và nguôi giận, đám nhân viên bên bộ phận kỹ thuật đã choàng thêm lên người ông chiếc áo gi-lê đạn bắn không thủng. Chim Sẻ đã mặc chiếc áo đồng thau nặng trĩu và nóng bức đó vào bên dưới sơ-mi. Bị gò bó trong thứ trang phục lạ lẫm này, Chim Sẻ càng cáu gắt. Ông không tài nào nhớ nổi Thần Ưng hay Malcolm là đứa cha căng chú kiết nào, vì học trò mà ông đào tạo lâu nay đã đông đến dăm bảy chục, và họ đều là những anh chàng trẻ măng, ngấp nghé bước chân vào con đường làm điệp viên cho CIA. Đám nhân viên ở bộ phận kỹ thuật bỏ ngoài tai hết thảy những chuyện đó, tuy họ vẫn kiên nhẫn ngồi nghe cho hết những lời ca cẩm của ông nhân viên huấn luyện lẩm cẩm.

Trên đường ra ô tô, Wazerby dặn dò hai viên tài xế để họ sẽ giúp hẳn trong việc yểm trợ. Hẳn kiểm tra khẩu súng có lắp ống giảm thanh to sụ như một con cá thu con và gậy đầu, tỏ ý tán thưởng với gã nhân viên ban Kỹ thuật có bộ mặt ủ dột như đi đưa ma. Thông thường Wazerby phải ký vào biên lai nhận vũ khí, nhưng nhờ uy tín của Mitchell, nên thủ tục đó được xem là không cần thiết. Gã nhân viên nọ giúp Wazerby đeo cái bao súng đặc biệt vào dưới nách, rồi trao cho hẳn hai mươi lăm viên đạn dự trữ, đoạn chúc hẳn thành công. Wazerby lầu bầu câu gì đó trong mồm để đáp lại, rồi trèo vào chiếc Sedan sơn xanh.

* * *

Ba chiếc xe nối đuôi nhau rời Tổng hành dinh ở Langley. Chiếc Sedan chạy giữa. Vừa mới ra đến xa lộ dẫn về Washington, chiếc xe làm nhiệm vụ yểm trợ chạy cuối cùng bất thần bị nổ lốp. Người tài xế không còn làm chủ được tay lái nữa, và chiếc xe lạng quạng quay ngang ra, nằm chềnh ềnh giữa đường. Chẳng một ai lo lắng vì cái “tai nạn” bất ngờ đó. Nhưng mãi mười phút sau, hậu quả mới được khắc phục. Wazerby bám sát đuôi chiếc xe

chạy đều, vẫn phóng băng băng trên các phố phường Washington rồi rầm như bàn cờ. Đến một con hẻm vắng vẻ trong khu Tây-Nam, chiếc xe yếm trở vòng lại. Khi lướt ngang qua chiếc Sedan để phóng về nhà, người tài xế khoanh tròn hai ngón tay lại thành hình chữ O, giơ cao lên, ngụ ý bảo với Wazerby rằng: “Mọi thứ đều ô kê, ổn cả rồi nhé!”, Wazerby vẫn cho xe chạy thẳng về hướng Georgetown, mắt luôn luôn liếc vào chiếc gương chiếu hậu, xem có bị ai theo dõi ở phía sau không.

Rốt cục, Wazerby cũng hiểu ra rằng hắn đã phạm phải một sơ suất nhỏ, nhưng không thể tha thứ. Khi phái ba tên kia đến toà nhà “Hội Văn-Sử”, hắn chỉ ra lệnh giết hết tất cả những ai đang có mặt tại đó, mà quên dặn kỹ số người phải thanh toán là bao nhiêu. Bọn kia đã thi hành mệnh lệnh một cách chính xác. Nhưng chúng không biết còn một nhân viên nữa đã đi vắng, - vì mệnh lệnh không rõ ràng. Tại sao nhân viên ấy vắng mặt, Wazerby không biết; hơn nữa, chuyện đó đã bị hắn sơ ý bỏ qua. Giá biết sớm Thần Ưng đang ở ngoài trụ sở Hội, thì hắn đã trừ liệu chu tất cả cho gã nhân viên này nữa. Nói gọn một lời, hắn đã phạm sai lầm! Bây giờ chính là lúc phải sửa chữa.

Rất có thể là Thần Ưng hoàn toàn không nguy hiểm, vì anh chàng đã quên bém câu chuyện giữa anh ta và Heidegger rồi. Nhưng Wazerby không thể mạo hiểm. Chính Heidegger đã đem chuyện đó ra hỏi tất cả các nhân viên ở tiểu ban 9, trừ tiến sĩ Lappe. Vì thế, không nên để cho bất kỳ ai nhớ lại câu chuyện. Giờ đây, chỉ còn một người độc nhất biết chuyện. Chính vì lẽ ấy nên cả người này nữa cũng phải cùng chịu chung số phận với sáu người kia, cho dù anh ta có không nguy hiểm đi chăng nữa.

Kế hoạch của Wazerby cực kỳ đơn giản, nhưng cũng đầy mạo hiểm: hễ Thần Ưng đến chỗ hẹn là hắn, Wazerby, sẽ nổ súng ngay. Để “tự vệ” mà! Hắn liếc nhìn lão Chim Sẻ đang run như cây sậy vì sợ hãi. Một thứ “chi phí” tất yếu... Lương tâm hắn không hề cắn rứt một máy may nào, khi phải hạ sát gã nhân viên huấn luyện này. Nhưng kế hoạch của hắn cũng có một

đôi điểm rất mạo hiểm: Thần Ưng có thể bắn giỏi hơn hẳn vẫn tưởng, và ở chỗ hẹp, có thể có người nhìn thấy. Nếu đã vậy thì cấp trên của tổ chức tình báo đồ sộ này có thể không tin vào những lời bịa đặt của hắn về trường hợp sắp xảy ra, và sẽ lôi các phương pháp “thử nghiệm” ra sử dụng, để làm sáng tỏ sự thật. Rốt cục, Thần Ưng có thể gây ra đủ mọi thứ lồi thoi. Nói gọn một lời, bất cứ phương án nào trong hàng trăm phương án có thể có cũng đều ít nhiều nguy hiểm đối với Wazerby. Tuy nhiên, hắn thừa hiểu là dù có phải mạo hiểm đến bao nhiêu chẳng nữa, thì sự mạo hiểm đó cũng chẳng đáng kể gì so với những điều đang chờ hắn, khi cơ sự vỡ lở. Với cách giải thích bịa đặt mà hắn dự tính, chắc hắn sẽ đánh lừa được đám chóp bu của CIA và bọn chuyên gia của các cơ quan khác. Và thế là hắn tai qua nạn khỏi. Để đạt được mục đích đó chẳng thiếu gì cách hành động, mà hắn đã từng dùng rất thành công trước đây. Gì chớ khoản này Wazerby vẫn là một tay sừng sỏ. Nhưng hắn cũng thừa biết là đừng hòng đánh lừa nổi người có vẻ ngoài dễ gây ấn tượng và có cái nhìn kỳ dị. Người đó chưa bao giờ thất bại, nếu chính hắn ta nhúng tay vào. Chưa bao giờ! Wazerby hiểu rất rõ tất cả những thứ đó, và cứ nghĩ đến những hậu quả có thể xảy ra, hắn đã cảm thấy khó thở. Hiểu rõ tình cảnh không thể tránh khỏi sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc đã khiến cho bất cứ ý nghĩ nào về khả năng tránh trở đều trở nên vô nghĩa, cũng như ý nghĩ về sự không hoàn thành nhiệm vụ được giao vậy. Vì thế, Wazerby cần phải tìm mọi cách sửa chữa sai lầm đã phạm và Thần Ưng nhất thiết phải bị hạ sát...

... Wazerby cho xe chạy rất chậm từ đầu hẻm đến cuối hẻm, rồi vòng lại. Hắn đỗ xe bên cạnh mấy thùng rác, ở ngay sau lưng dây rập “Circus-3”. Con hẻm vắng ngắt, đúng như lời Mitchell tả. Wazerby hầu như tin chắc mười mươi rằng sẽ chẳng có ai dám liếc mạng dẫn xác đến đây, khi thấy những người lạ mặt đang loanh quanh tại đó – dân Washington vốn có thói quen tránh những nơi vắng vẻ. Hắn cũng biết là Mitchell đã dàn xếp để cảnh sát đừng ai lộ mặt đến địa điểm này: bộ cảnh phục của chúng có thể làm Thần Ưng bật vía. Tất cả những khoản đó đã khiến Wazerby thấy vững dạ thêm... Hắn đưa mắt ra hiệu cho Chim Sẻ xuống xe. Rồi cả hai cùng

đứng bên này, tựa người vào cửa xe, để dễ nom thấy, dù nhìn từ bất cứ ngã nào, và cũng để cho “người trong cuộc” thấy rõ rằng ngoài họ ra, trong hẻm chẳng còn ai khác. Tiếp đó, hết như một thợ săn thực thụ đang rình mồi, Wazerby “gác bỏ” hết thầy mọi chuyện và dồn hết tâm trí cho chiến dịch đã sắp đặt.

Malcolm nhìn thấy “kẻ đến đón” trước khi họ phát hiện được sự có mặt của anh trong con hẻm. Đứng cách họ sáu mươi bước, anh chăm chú quan sát họ hồi lâu. Chàng trai phải chật vật lắm mới nhìn được hắt hơi. Nhưng rất cục, không sao nhìn được và đã tự tố giác. Khi biết chắc chung quanh quả không còn ai khác cả, anh rời cái cột điện đang nấp, chậm rãi tiến về phía chiếc Sedan sơn xanh. Cảm giác lo lắng và căng thẳng vẫn dần vạt anh suốt từ sáng đến giờ, vội dần, vội dần... khi anh càng bước đến gần.

Wazerby nhận ngay ra Malcolm, và cũng rời cửa xe, thẳng người lên, chờ đợi. Hắn muốn thật chắc ăn trăm phần trăm. Nhưng cái khoảng cách sáu mươi bước xem ra quá xa đối với loại súng ngắn có lắp giảm thanh. Hơn nữa, hắn không muốn đứng gần Chim Sẻ quá vào lúc này. “Phải thanh toán lần lượt” – ý nghĩ đó thoáng qua óc Wazerby như một ánh chớp.

Chỉ phải bước khoảng hăm lăm bước nữa là sẽ đến được chỗ họ, nghĩa là chỉ còn thiếu có năm bước chân nữa thì vừa đúng với tầm súng, mà Wazerby ao ước, Malcolm đã bất thần nhận diện được một trong hai “người đến đón”. Trong tiềm thức chàng trai hiện lên khá sắc nét khuôn mặt của kẻ ngồi trong chiếc “Sedan” sơn xanh, đỗ ngay ở đầu phố hồi sáng, chỉ cách trụ sở “Hội Văn Sử” có mười mét. Kẻ ngồi trong xe và kẻ đang đứng kia, trước mặt Chim Sẻ, chỉ là một! Nguy to rồi, không ổn rồi, không đúng như điều đáng lẽ phải diễn ra! Malcolm dừng lại, rồi từ từ đi giật lùi. Gần như vô thức, anh rút ngay khẩu súng ngắn giắt trong thắt lưng ra...

Wazerby cũng bất giác phải đứng trước tình thế nằm ngoài dự kiến. Con mồi của hắn bất thành linh dừng ngay trước cạm bẫy, và chắc hắn đang cố

lủi mất. Mà không chừng còn sẵn sàng chống trả nữa! Cách “cư xử” ngoài dự kiến của Malcolm buộc Wazerby phải từ bỏ kế hoạch ban đầu, và phải tìm cách ứng phó thích đáng với tình huống mới xuất hiện. Hắn rút vội súng ra, sững sờ vì sợ hãi và bối rối. Người huấn luyện viên nhút nhát nọ vẫn chưa hình dung nổi nỗi nguy hiểm đang chờ mình.

Qua kinh nghiệm, Wazerby biết rõ rằng gặp những tình huống tương tự phải hành động thật nhanh và thật dứt khoát. Malcolm chưa kịp rút súng ra, thì Wazerby đã bóp cò.

Tuy súng ngắn là thứ vũ khí hết sức hữu hiệu, nhưng dùng nó trong tác chiến lắm khi rất khó khăn, ngay cả đối với những xạ thủ từng trải. Súng có lắp ống giảm thanh lại càng khó khăn trong những điều kiện tương tự. Thiết bị giảm thanh được cái ưu điểm là không gây náo động, nhưng lại làm giảm đáng kể độ chính xác của hỏa lực: nòng súng quá nặng ở đằng trước đòi hỏi xạ thủ phải điều chỉnh thật chính xác đường đạn bắn ra. Thiết bị giảm thanh cũng làm giảm đáng kể sơ tốc của đạn và, do đó, ảnh hưởng lớn đến đường đi của nó. Nói gọn một câu, súng ngắn lắp bộ phận giảm thanh là thứ vũ khí cồng kềnh, vừa khó rút ra khỏi bao, vừa khó bắn nhanh, và càng khó trúng đích.

Tất cả những nhân tố ấy giờ đây đang phản lại Wazerby. Phải chi trong tay hắn là loại súng thường, thì dù có phải mất thời giờ để sửa đổi kế hoạch đi nữa, phần thắng của một cuộc đọ sức nhất định sẽ nghiêng về phía hắn. Đó là cái chắc. Tuy nhiên, như đã nói, bộ phận giảm thanh bị vướng vào bao súng, khiến Wazerby rút mãi không ra. Hơn nữa, để bù lại thì giờ đã mất, hắn lại phải bắn vội. Rốt cục, độ chuẩn xác của phát đạn giảm rõ rệt. Ngoài ra, tên sát nhân lâu năm này còn muốn chắc ăn hơn, nên đã nhắm vào đầu đối thủ, một cái đích quá nhỏ. Kết quả, cái cục chì nặng trích từ nòng súng vọt ra chỉ xén gọn có một mảng tóc ở mép tai bên trái của Malcolm thôi, rồi bay vèo xuống mặt sông Potomac.

Malcolm, từ thuở cha sanh mẹ đẻ đến giờ, mới chỉ bắn súng ngắn có một lần. Khẩu súng chàng trai dùng hôm đó lại là thứ súng cỡ nhỏ, để tập bắn bia, của một cậu bạn cho mượn. Năm phát đạn nổ đoàng, nhưng chẳng phát nào trúng bia: “Bắn đuổi cò!”.

Lần này, Malcolm cũng bắn, nhưng không ngắm như lần trước. Một tiếng nổ choáng óc vang rền trong con hẻm nhỏ. Mãi đến lúc đó, anh mới hiểu là mình đã bóp cò.

Khi bị một phát đạn quân dụng cỡ 35 bắn vào người, nạn nhân không chỉ bị một vết thương nhỏ toé máu, mà còn bị hất ngửa xuống đất ngay tức khắc, như một gốc cây bật rễ. Xơi một phát đạn từ cự ly hai mươi lăm bước, thì chẳng khác nào bị một cái xe tải húc hết đà. Phát đạn của Malcolm xuyên thẳng vào đùi bên trái của Wazerby, hất tung hẳn lên không, rồi quật sập viên đại tá tình báo xuống mặt đường nhựa.

Chim Sẻ sững người vì kinh ngạc. Ông ta ngược nhìn Malcolm, thấy chàng trai đang từ từ quay về phía mình khẩu súng chĩa thẳng vào bụng.

“Hắn chính là một trong những đứa đã tiến công tiểu ban mình! – Malcolm nghĩ bụng, người bỗng đăm đũa mồ hôi, mặc dù anh chẳng phải làm gì quá sức cả. Hắn là một trong những đứa ấy!”

Malcolm bất thần lùi xa gã nhân viên huấn luyện, đang ở người ra, không còn mở nổi miệng để kêu tiếng nào. Đến cuối con hẻm chàng trai quay ngoắt lại và bỏ chạy...

... Wazerby bị thương nằm dưới đất, rên khê, và cố giữ cho khỏi choáng. Cơn đau đã tạm nguôi. Vốn sức khoẻ như hùm, nhưng hắn phải dốc hết chút sức tàn mới giơ nổi tay lên, cánh tay vẫn còn đang giữ được khẩu súng ngắn nặng trĩu, chẳng hiểu sao chưa bị văng đi. Đầu óc hắn vẫn còn tỉnh táo lạ thường. Hắn giương súng lên, ngắm cẩn thận rồi bóp cò. Một tiếng nổ khê buột ra, và phát đạn găm vào vách tường một rập chiếu bóng. Nhưng trước đó nó đã xuyên qua cổ họng Chim Sẻ, một nhân viên huấn luyện dạn dày kinh nghiệm, một người chồng cả lo, một người cha hiền

lành đang phải nuôi bốn đứa con thơ. Khi cái xác bất động ngã vào thành xe, từ từ đổ xuống mặt đường, lòng Wazerby bỗng trào lên một cảm giác nhẹ nhõm khác thường. Hẳn vẫn sống! Của đáng tội, Thần Ưng lại biến mất, nhưng đám chuyên viên của ban đạ đạ, dẫu có tài thánh cũng không tài nào tìm ra được cái đầu đạ và, vì thế, họ sẽ không có cách gì để xác minh là ai đã bắn ai. Nghĩ là vẫn còn có hy vọng. Nghĩ đến đó thì hẳn ngất đi...

Khi cảnh sát phóng ô tô đến hiện trường, thì họ chỉ thấy có hai cái xác nằm chơ chỏng trong con hẻm. Họ đến đó là theo cú điện thoại báo tin của một ông chủ tiệm, sợ quá nên nói câu được câu mất. Sở dĩ họ đến trễ vì tất cả cảnh sát ở đồn Geortown lúc đó đều đã bị tung đi truy tìm một tên loạn óc bắn bừa vào khách qua đường... Về sau, người ta mới xác minh được rằng: hoá ra đó chỉ là tin đồn nhảm...

... Malcolm chạy như bay qua bốn khúc phố, cho đến lúc hiểu ra rằng làm thế người ngoài nhìn vào dễ bị khả nghi. Anh thôi chạy, chuyển sang bước vội. Sau mấy lần thay đổi hướng đi trong các con hẻm và phố vắng, anh vẫy một chiếc tắc-xi tình cờ chạy qua, và trở về lại trung tâm thành phố.

“Trời ơi, - Malcolm nghĩ, - hẳn là một trong số những đứa ấy... chính hẳn là đồng bọn của lũ hung thủ... Cục chắc hẳn chưa biết điều đó... Mình phải tìm một điện thoại, mà gọi gấp về báo ngay cái tin ấy...”. Nhưng nỗi sợ hãi dần dần xâm chiếm tâm trí anh. “Ngộ nhờ kẻ mình gặp trong con hẻm ấy không phải là điệp viên “hai mặt” độc nhất trong cơ quan CIA thì sao?... Ngộ nhờ cái kẻ phái hẳn đến đón mình là điệp “hai mặt” thì sao? ... Biết đâu cả viên chỉ huy ban “Báo động” cũng là một điệp viên “hai mặt”?...

Mãi sau, chàng trai mới hiểu ra rằng đoán mò và nghĩ ngợi vớ vẩn như thế thật vô bổ. Điều cần bận tâm trước hết lúc này là lo sao cho tính mạng anh toàn! Trong khi nỗi đe dọa còn lơ lửng trên đầu, thì tốt nhất khoan hẵng gọi điện về Tổng hành dinh vội. Dĩ nhiên, là người ta sẽ cố tìm mình, mà không chừng họ đã bắt đầu tìm kiếm mình ngay từ khi chưa xảy ra cuộc

bắn nhau nữa kia, vì mình là người độc nhất còn sống sót... Ồ, mà... không phải! Còn một người nữa cũng thoát nạn! Ý nghĩ đường đột ấy khiến anh kinh ngạc. Không, anh không phải là người độc nhất còn sống sót trong số các nhân viên làm việc ở tiểu ban 9. Còn Heidegger nữa! Anh ta không đến sở, vì ốm! Malcolm cố căng óc nhớ. Địa chỉ nhà Heidegger thế nào ấy nhỉ? Đúng rồi, một lần, anh ta có nói địa chỉ của anh ta cho tiến sĩ Lappe. Lần ấy, Malcolm tình cờ đã nghe được: chung cư “Mount royal arms”!...

Malcolm cắt nghĩa cho người tài xế tắc-xi là một cô gái, mà anh chỉ mới quen biết qua thư từ, có hẹn gặp. Nhưng tiếc thay, anh quên mất địa chỉ... Anh chỉ nhớ là cô bạn ấy sống tại toà nhà “Mount royal arms”. Đám tài xế tắc-xi vốn luôn sẵn lòng giúp các chàng trai si tình. Anh ta gọi đây nói ngay về cho người nhân viên điều độ ở nhà, và được biết địa chỉ chính xác: khu Tây-Bắc Washington. Khi anh ta đỗ xe lại trước một toà nhà cũ kỹ, Malcolm đã cảm ơn rồi rít, và thù lao cho anh ta cả một đô-la về sự tận tụy.

Tấm bảng gỗ khắc tên “Heidegger” treo ngay trên khung cửa của căn hộ số 413. Malcolm bấm chuông. Không có tiếng trả lời. Máy “interphone” cũng không làm việc. Khi giơ tay ra bấm chuông lần nữa, trong óc chàng trai chợt thoáng qua một linh cảm không lành, nhưng hết sức có lý. Anh bấm ba cái nút ở bên cạnh vẫn yên ắng. Anh lần lượt bấm hết những cái nút còn lại. Máy “interphone” đột nhiên hoạt động trở lại. Anh quát to: “Có thư!”. Đáp lại tín hiệu gọi, khoá cửa lách cách mở. Rồi cánh cửa mở rộng ra, và anh bước vội vào phòng ngoài.

Không có tiếng trả lời từ trong phòng 413 khi Malcolm gõ cửa. Anh không hề đợi tiếng trả lời. Anh quỳ xuống, nhòm vào lỗ khoá. Nếu anh đoán đúng thì cánh cửa chỉ bị khoá bởi một ổ khoá Anh, loại thông thường. Đứng trước tình thế đó, cuốn phim anh đã xem, đều dùng một mảnh nhựa cứng, nhỏ đẩy then ra. Nhựa cứng à? Biết lấy đâu ra bây giờ? Sau một hồi rít rít lục tìm khắp túi trên túi dưới, cuối cùng, Malcolm đành mở ví, lôi ra tấm giấy chứng nhận của CIA, ghi rõ rằng anh là nhân viên của công ty “Tantrex” (để bảo mật), được bọc ngoài bằng một cái bao nhựa rất cứng và

khá dày. Trên giấy cũng ghi rõ họ tên, quê quán và nhân dạng. Ngoài ra, còn dán hai tấm ảnh – một chụp thẳng, một chụp nghiêng mà Malcolm đều rất thích.

... Suốt hai mươi phút đồng hồ, chàng trai vừa hắt hơi, vừa thở phì phò, vừa càu nhàu, rồi nào đấy, nào lôi, nào lắc cánh cửa, thậm chí có lúc anh còn đập mạnh tấm giấy chứng nhận vào ổ khoá nữa. Nhưng, rốt cục, đầu vẫn hoàn đấy. Cuối cùng, mép cái bao nhựa bong ra, mảnh giấy chứng nhận bên trong rơi xuống đất, rồi lọt qua khe cửa và bay vèo vào bên trong phòng.

Malcolm nổi cáu, vì thua cuộc. Anh đứng phắt dậy cho đỡ tê chân. “Nếu không ai ngăn mình suốt từ nãy đến giờ - chàng trai nghĩ bụng, - thì đầu mình có phá cửa, chắc cũng chẳng có ai để ý”. Anh co chân, ráng hết sức bình sinh, đập thật mạnh vào cái cửa, trút lên đó toàn bộ nỗi phẫn uất, nỗi sợ hãi và sự bức dọc bị nén lại trong người suốt từ sáng đến giờ. Cả khoá, lẫn cửa của toà nhà ọp ẹp này quả chẳng mấy kiên cố. Chủ nhân cho khách thuê với giá rẻ mạt, nên cũng trang bị cho các căn hộ ở đây những thứ hoàn toàn tương xứng với giá tiền thuê. Cách cửa căn phòng 413 mở toang ngay. Lò xo đóng mở tự động bị nén mạnh, hất ngược cánh cửa trở lại. Malcolm vội đưa tay ra giữ, rồi lén vào. Xong, lại khép nhẹ lại như cũ. Anh nhặt tấm giấy chứng nhận lên, đi thẳng vào trong và tiến ngay lại phía cái giường đôi thấp tè...

... Vì bọn chúng có đủ thời giờ, nên chẳng cần phải đóng kịch và giở các phương pháp “êm thấm” ra để thi hành với Heidegger, mặc dù, những phương pháp đó sẽ đỡ gây lôi thôi cho bọn chúng. Giá Malcolm chịu khó vén cao vạt áo pyjama lên, hẳn anh sẽ nhìn thấy những vết thâm tím còn để lại trên da nạn nhân, do những cú đấm phũ phàng vào mạng mỡ và bụng dưới, nhất là nếu nạn nhân dễ bị xuất huyết dưới da. Mặt mũi Heidegger đã tím rìm. Trong phòng lúc này nồng nặc mùi xác chết bắt đầu thối rữa.

Malcolm rầu rĩ nhìn xác bạn. Anh không phải là chuyên gia pháp y, nhưng anh cũng thừa biết Heidegger không chỉ mới chết cách đây vài giờ, mà phải lâu hơn nhiều. Hoá ra anh ta là nạn nhân đầu tiên. Nghĩa là bọn chúng đến đây trước cả khi tiến công vào trụ sở Hội, chứ không phải đến đây khi thấy Heidegger vắng mặt tại nhiệm sở sao? Malcolm không tài nào hiểu nổi.

Cánh tay áo bên phải của chiếc pyjama Heidegger mặc trên người nằm vắt vương trên sàn nhà. Malcolm nghĩ rằng chắc nó xé rách trong ấu đả. Anh vén tấm chăn mỏng lên, nhìn kỹ cánh tay của Heidegger. Anh thấy ở mặt trong có một vết sưng nhỏ như răn cắn. Nhớ lại một lần xuống trạm xá sinh viên khám bệnh, Malcolm biết ngay: đó là vết tích của một mũi tiêm vụng về. “Bọn chúng hẳn đã tiêm một thứ gì đó, để bắt Heidegger khai ra điều gì chẳng? – Malcolm nghĩ bụng. – Nhưng khai gì nhỉ?”. Anh không thể trả lời nổi câu hỏi đó. Anh bắt đầu ngắm căn phòng, thì chợt nhớ đến chuyện dấu tay. Rút trong túi ra chiếc khăn tay, anh lau sạch những gì vừa mới đựng vào, kể cả mặt ngoài cánh cửa ra vào. Trên mặt tủ com-mốt anh thấy một đôi găng đầy bụi, để chơi bóng ném. Đôi găng chặt quá, nhưng dấu sao cũng giúp anh tránh để lại dấu vết.

Lục lọi mấy cái ngăn kéo trong tủ com-mốt xong, Malcolm quay sang chiếc tủ đứng, đóng liền vào vách tường. Ở ngăn trên cùng, anh tìm thấy một chiếc phong bì, nhét đầy tiền mới cứng, còn nguyên xấp, loại 100 và 50 đô-la. Chẳng cần mất thì giờ đếm điếc lồi thoi, chàng trai cũng biết chỗ tiền có ước khoảng 10 nghìn là ít.

Malcolm bối rối gieo người xuống chiếc ghế chất đầy áo quần. Anh không sao hiểu nổi điều mình vừa nhìn thấy. Anh chàng kế toán nát rượu, lúc nào cũng luôn mồm khen để những ưu điểm của việc giao tiền cho các quỹ tiết kiệm giữ hộ, một người chỉ nghe đến chuyện trộm cướp là đã cuống cà kê, mà lại dám nghiêm nhiên giữ cả một đồng tiền như thế trong tủ đứng! Không, chuyện này vượt quá sức tưởng tượng của anh. Malcolm lại nhìn sang cái xác. “Ít ra, - anh nghĩ bụng – Heidegger cũng không cần đến chỗ

tiền ấy nữa”. Anh nhét chiếc phong bì đầy ắp tiền vào túi quần. Anh ngoái nhìn lần cuối toàn bộ căn phòng, rồi thận trọng mở cửa, bước xuống thang gác. Đến góc đường, chàng chạy nhảy lên xe buýt, quay về trung tâm thành phố.

Malcolm hiểu rằng nhiệm vụ đầu tiên của anh lúc này là phải lẩn tránh. Giờ đây, anh bị ít nhất hai nhóm săn lùng: nhân viên của Cục và bọn hung thủ tiến công vào trụ sở Hội, cả hai đều biết tường tận mặt mũi anh. Vì thế, trước hết, phải cải trang cái đã.

Trước cửa hiệu cắt tóc có treo một tấm biển khá to: “Ở đây, quý vị không phải chờ đợi”. Lời quảng cáo đó thật lạc lõng đối với chàng trai; chẳng hợp với tình cảnh anh chút nào! Malcolm đứng quay mặt vào tường, cởi vét-tông ra. Trước lúc ngồi vào ghế, anh kín đáo dúi khẩu súng ngấn vào chiếc áo đã cuộn tròn. Và trong suốt thời gian cắt tóc, chàng trai không rời mắt một giây nào khỏi chiếc vét-tông ấy.

- Cắt kiểu nào đây, anh bạn trẻ? Ông thợ cạo, tóc hoa râm, cất tiếng hỏi anh vẫn xấp xấp chiếc kéo giòn già.

Malcolm không mảy may do dự. Anh hiểu rất rõ một kiểu để tóc mới có thể làm thay hình đổi dạng người ta khá nhiều.

- Ông húi ngắn giúp đi. Nhưng đừng để đến mức nom như một anh tân binh vừa nhập trại. Nghĩa là tóc để năm, chứ đừng dựng đứng lên như lông nhím.

- Chà, kiểu tóc này sẽ làm anh trông lạ mắt lắm đấy nhé, - ông thợ cạo lấy làm lạ, nhưng vẫn nhét cái phích cắm của chiếc tông-đơ vào ổ điện.

- Vâng, tôi biết rồi.

- Này, anh bạn trẻ, anh có khoái bóng chày không? Tôi thì cực kỳ hâm mộ. Tôi vừa đọc một bài nói về đội “Oriols” trong tờ Washington post hôm nay. Họ tả những đợt tập huấn mùa xuân rất thú vị, với cả cái chuyện chàng trai ấy đang tính tẩu thoát ra sao nữa...

Malcolm nhìn vào gương: một chàng trai ngô ngược mà anh nhìn thấy lần chót cách đây năm năm, đang trở mặt nhìn ra.

Trạm xe buýt tiếp đó của anh là cửa hàng bán quân trang cũ, tên là “Sunny”. Malcolm biết rõ ràng muốn cải trang tốt phải tính toán cho thật sát với tình thế. Chàng trai cũng hiểu rằng các phương tiện hỗ trợ giữ vai trò rất quan trọng. Anh sục sạo khắp gian hàng bán y phục mặc ngoài. Cuối cùng, anh tìm được một chiếc va-rơ đính đầy lon và cấp hiệu, hoàn toàn hợp với vóc người anh. Cái lon đính trên nắp túi bên trái chứng tỏ rằng chủ nhân của nó tên là Evans, còn vai áo bên trái thì được tô điểm một phù hiệu đẹp, thêu một chú đại bàng ba màu, và trên nền đen nổi bật hẳn lấy mấy chữ thêu bằng kim tuyến: “Đỗ bộ đường không”. Malcolm hiểu rằng từ giờ trở đi, anh đã là một cựu chiến binh thuộc sư đoàn đỗ bộ đường không số 101. Anh mua thêm một chiếc quần Jean xanh và một đôi giày cao cổ khá đắt tiền (những 15 đô-la, đảm bảo là đã từng được tham gia vào các chiến dịch tiểu trừ du kích tại Việt Nam). Rồi đóng bộ vào ngay tức khắc tại phòng thử quần áo. Ngoài ra, anh cũng sắm thêm vài chiếc sơ-mi, chiếc xăng-đay rẻ tiền, đôi găng da màu đen để lái xe, mấy đôi bút-tất, hộp dao cạo an toàn và chiếc bàn chải đánh răng. Khi ra khỏi cửa hàng với gói hàng mới mua cắp dưới nách – dáng đi hết sức hùng dũng của một “chiến binh” từng trải. Anh ném những ánh mắt đầy khiêu khích về phía những cô gái xinh xắn đi qua mặt. Qua được chừng năm khúc phố, chàng trai cảm thấy phải ngồi nghỉ một lát. Anh rẽ vào một trong số không biết bao nhiêu là quán ăn kiểu Hotshop gần đó.

- Làm ơn cho tôi tách cà phê và một gói thuốc, cô em. – Malcolm nói, bắt chước giọng của dân miền Nam.

Cô bán hàng trở mắt ra nhìn, khi nghe cái “giọng miền Nam đặc sệt” của chàng chiến binh từng trải. Rồi cô vội vã mang tách cà phê với gói thuốc lá đến. Malcolm ngồi xuống rút thuốc là ra châm và ngẫm nghĩ xem phải thu xếp thế nào cho ổn đây...

Bất chợt vang lên giọng nói của hai cô gái đang ngồi sau lưng anh, ở bên kia tấm bình phong bằng gỗ dán. Sức mạnh của thói quen nghề nghiệp buộc chàng trai phải dỏng tai lên nghe.

- Nghĩa là cậu không đi đâu trong cả dịp hè này chứ gì?

- Không. Mình quyết định nằm nhà hai tuần, để nghỉ ngơi, xa lánh hết thầy mọi thứ.

- Cậu sẽ phát điên lên đấy!

- Rất có thể. Nhưng đừng gọi điện cho mình, đừng hỏi han công việc ở nhà, mà mất công. Mình không thèm nhắc máy lên đâu, mà gọi cho mẹ.

Cô gái kia cười phá lên.

- Thế ngộ nhờ có anh chàng bánh trai nào gọi điện đến hẹn gặp thì sao?

Cô bạn lập tức “xì” một tiếng thờ dài, vẻ khinh thị:

- Thì xin anh ta chờ hai tuần nữa. Mình muốn nghỉ ngơi thật thoải mái ít lâu mà.

- Cậu gàn bỏ mẹ. Thôi, thì mặc cậu! Cậu dứt khoát từ chối bữa cơm từ già, chúng mình sẽ tổ chức tối nay à?

- Ừ. Cảm ơn các cậu đã có lời mời. Nhưng mình chả thấy hứng thú tý nào, Anne ạ. Uống cạn tách cà phê này là mình về nhà ngay. Từ giờ phút này, mình chẳng còn gì phải tất bật nữa. Cho đến cuối tháng.

- Thôi được. Chúc cậu tận hưởng những lạc thú của nỗi cô quạnh, Wandy nhé!

Rồi, tiếng tà áo sột soạt. Cô gái tên Anne đi ngang qua chỗ Malcolm, bước nhanh ra cửa. Trước khi cô gái khuất, Malcolm đã kịp nhận thấy bộ đôi xinh xắn, mái tóc vàng và chiếc mũi dọc dừa của cô nàng. Anh ngồi thật yên, chỉ thỉnh thoảng mới khẽ khịt mũi, căng thẳng chờ, vì lời giải đáp cho câu hỏi: “Phải nương thân ở đâu?” chợt loé sáng trong óc.

Phải mất năm phút nữa, cô Wandy mới nhấp cạn tách cà phê. Khi đứng dậy, thậm chí cô cũng chẳng buồn liếc nhìn chàng trai đang ngồi sau lưng, mà chỉ lấy tiền ra trả, rồi rời ngay quán. Malcolm tức thì bám sát theo sau. Trước lúc bước ra, anh không quên vút thêm lên quầy mấy đồng xu lẻ.

Ngắm từ sau lưng, anh vẫn có thể đánh giá được đây là một cô gái vóc người khá cao, hơi gầy (nhưng không đến nỗi khăng khiu như Tamatha), tóc đen, bộ đôi trông được. “Trời ơi, - anh tự nhủ, - giá tóc cô ta mà không đen nhỉ?”. Dẫu sao thì anh vẫn gặp may: xe của cô đỗ mãi tận cuối bãi, trong một bãi giữ xe đông nghịt. Anh thản nhiên đi theo sau cô gái, qua mặt người gác bãi béo núc ních, đội chiếc mũ phớt đã tàng. Đúng lúc cô gái mở

cửa xe, thì Malcolm gọi rõ to:

- Wandy! Trời ơi, cậu làm gì ở đây thế?

Ngạc nhiên, nhưng không chút sợ hãi, cô gái ngược nhìn chàng trai mặc va-rơ quân nhân đang tươi cười tiến lại gần mình.

- Ông gọi tôi?

Trước mặt Malcolm hiện ra một đôi mắt màu hạt dẻ, hơi gần nhau, một khuôn miệng khá rộng, chiếc mũi nhỏ và đôi gò má cao. Một gương mặt rất đổi bình thường. Cô ta hầu như – hoặc hoàn toàn – không son phấn...

- Dĩ nhiên. Cậu không nhớ mình sao Wandy?

Lúc này, chàng trai chỉ còn cách Wandy vền vện có ba bước chân.

- Tôi... tôi không...

Cô nhận thấy người gọi mình một tay xách một cái gói nhỏ, còn một tay kia thủ trong túi áo va-rơ.

Malcolm lúc này đã đến sát bên cô gái. Đặt gói áo quần lên nóc xe, anh giơ tay trái ra như thể muốn ôm cổ cô gái để hôn. Rồi anh cúi đầu cô ta xuống thấp hơn để Wandy có thể nhìn rõ khẩu súng ngắn đang thủ trong túi áo.

- Đừng kêu và đừng làm gì điên rồ, không thì tôi bắn đấy, rõ chứ? – Malcolm thấy cô gái run bắn lên, nhưng vẫn mau lẹ gạt đầu, - cô lên xe đi và mở cửa bên kia ra. Coi chừng, cái này xuyên thủng cả kính 5 ly đấy! Hơn nữa, tôi không run tay đâu.

Cô gái nhanh nhẹn ngồi vào sau vô-lăng, rồi nghiêng người sang bên kia, mở cửa. Malcolm xách bọc quần áo lên, vòng ra trước mũi xe, rồi ngồi vào bên cạnh.

- Chỉ xin ông đừng làm gì khiến tôi phải đau đớn về thể xác. Giọng cô gái đã dịu lại, không như lúc còn ở trong hiệu cà phê.

- Cô nhìn tôi đây. – Malcolm thậm chí phải hăng giọng, cho tiếng nói trong trẻo hơn. – Tôi không hề có ý định làm hại cô, chừng nào cô còn làm đúng những điều tôi ra lệnh. Tôi không định cướp tiền của, mà cũng không định giở trò đều cáng. Nhưng cô phải nhất nhất làm theo những gì tôi bảo. Nhà cô ở đâu?

- Đường Alexandrie.

- Hãy đưa ngay tôi về đó. Xe, cô cứ tự lái lấy. Nếu định ra hiệu cho ai hoặc

kêu cứu, thì tốt nhất là hãy vất bỏ ý định đó đi! Cô mà làm thế, thì tôi buộc lòng phải nổ súng đấy. Rất có thể là tôi sẽ gặp lỗi thôi nhưng cô thì thiệt thân. Đừng nên thế. Ta thoả thuận rồi đấy nhé! – cô gái gật đầu.

- Thế thì, nào lên đường thôi.

Cho mãi tới lúc xe họ rẽ vào khu Virginia, cả hai đều nín thình, mắt găm ghè nhìn nhau. Malcolm không sếnh mắt khỏi cô gái một tích tắc nào, Wandy thì luôn luôn nhìn thẳng phía trước. Vừa đến đường Alexandrie, cô gái đã cho xe chạy vào một vuông sân nhỏ, ở nằm lọt thỏm giữa những nhà cao thấp đủ kiểu.

- Nhà cô là ngôi nào?

- Ngôi đầu tiên. Tôi thuê hai tầng. Tầng trệt là của một người đàn ông mới dọn tới.

- Bây giờ, cô nhớ là hãy cư xử cho phải phép, như từ nãy đến giờ. Ta vào nhà như cách vừa đi dạo chơi ở đâu đó về; còn tôi là anh bạn cô mới làm quen.

Họ xuống xe, và chỉ vài phút sau đã đứng ngay trước cửa nhà. Cô gái run bắn lên đến mức không sao mở được khoá. Nhưng, rốt cục vẫn tự xoay sở được, Malcolm theo chân cô gái đi vào và nhanh tay khép cửa lại cẩn thận...

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

THỨ NĂM (Tối)

THỨ SÁU

(Sáng)

- Tôi không tin. - Cô gái ngồi trên đi-văng, mắt nhìn Malcolm chăm chăm. Cô không còn sợ hãi như lúc đến, mặc dù tim vẫn đập mạnh, như thể muốn vượt ra khỏi lồng ngực.

Malcolm thở dài, ngao ngán. Anh ngồi đối diện với cô gái như thể là đã gần cả tiếng đồng hồ. Qua giấy tờ tìm thấy trong túi sách của cô, anh biết họ tên cô là Wandy Ross, 27 tuổi, sinh ở thành phố Carbondale bung Illinois, nặng 61 kg, cao 1,65m (mặc dù anh tin chắc rằng con số này đã bị tăng thêm), thường xuyên hiến máu cho Hội Hồng thập tự địa phương, có thể đọc sách tại thư viện công cộng Alexandrie, là hội viên của đội cựu sinh viên đại học Nam Illinois và đang làm việc tại một văn phòng pháp luật. Nhìn vẻ mặt, Malcolm hiểu ngay rằng cô vẫn sợ hãi vì hoàn toàn không tin anh. Anh chẳng trách cứ gì cô gái về khoản ấy vì chính anh, anh cũng không sao tin nổi câu chuyện của chính bản thân mình. Anh biết mười mười rằng tất cả những khoản đó đều là sự thật một trăm phần trăm.

- Nghe tôi bảo đây – anh nói – nếu tất cả những gì tôi vừa kể với cô là bịa đặt, thì việc quái gì tôi lại phải mất công thuyết phục cô.

- Điều đó tôi không được biết.

- Trời? – Malcolm tức tối đi tới đi lui trong phòng. Dĩ nhiên, anh có thể cứ việc trói cổ cô gái lại, chiếm lấy căn phòng. Nhưng làm thế thì mạo hiểm quá. Ngoài ra, cô gái còn có thể sẽ là trợ thủ rất đắc lực cho anh từ nay trở đi. Ý nghĩ đó chợt lóe lên trong trí anh, khi anh hắt hơi một lần nữa. Anh đưa tay quệt vệt mũi trên, rồi nói tiếp:

- Chờ một lát, lần này tôi có thể chứng minh cho cô thấy tôi đích thực là nhân viên CIA. Bấy giờ, cô sẽ tin hết thấy những gì tôi nói đều là chuyện

thật.

- Lúc ấy, chắc tôi sẽ tin. – Khuôn mặt cô gái lộ rõ vẻ quan tâm.

- Được, thế cô nhìn đây.

Malcolm ngồi xuống bên cô gái trên đi-văng. Anh cảm thấy cô gái phải gồng người lên để cố nén nỗi sợ hãi, nhưng vẫn cầm mảnh bìa nhỏ anh chìa ra.

- Giấy gì thế?

- Giấy chứng nhận do CIA cấp cho tôi. Thấy chưa, đây là ảnh tôi, chỉ khác một điểm: tóc vẫn để dài.

- Nhưng ở đây ghi là công ty “Tantrex”, chứ đâu phải là CIA. Anh tưởng tôi không biết đọc chắc? – Giọng cô gái đầy vẻ ghê lạnh và mỉa mai. Malcolm cảm thấy ngay là cô ta rất lấy làm tiếc về câu nói không đúng chỗ ấy, mặc dù cô vẫn không lên tiếng xin lỗi.

- Tôi biết trong ấy ghi gì rồi. – Malcolm cúi kính và vì thế càng tỏ ra nóng nảy hơn. Anh bắt đầu mừng tượng ra cảnh dự định của mình không đem lại kết quả như anh mong mỏi. – Cô có danh bạ điện thoại đấy chứ?

Cô gái gật đầu, rồi liếc nhìn chiếc bàn con dùng để tạp chí và báo hàng ngày. Malcolm cầm ngay quyển danh bạ dày cộm lên và vất cho cô gái. Cô phản ứng nhanh đến mức chẳng cần cố gắng vẫn bắt được quyển sách đang bay trên không.

- Cứ thử tìm cái công ty có tên là “Tantrex” trong ấy xem! Cô có thể dò ở bất cứ phần nào, tùy thích. Trong giấy chứng nhận có ghi rõ rành rành cả số điện thoại lẫn địa chỉ đấy. Bởi thế, tất nhiên nó phải được đăng ký vào danh bạ, đúng không nào? Đấy, cứ việc tìm đi! – Malcolm quát to.

Cô gái tìm, hết lật tới lại lật lui quyển danh bạ. Cuối cùng, cô gấp sách lại, nhìn Malcolm chăm chăm.

- Thôi được. Ông có một giấy chứng nhận chứng tỏ ông là người của một tổ chức không hề tồn tại trong thực tế. Nhưng cái đó thì chứng minh được gì nào?

- Đúng! – Malcolm đã sốt ruột đến mức không còn kiên tâm được nữa. Anh tiến đến bên cô gái, tay cầm chiếc máy điện thoại, hệt như cầm một thứ đồ chơi sắp vứt đi. – Bây giờ - anh tiếp, vẻ mặt trông như thể một tên đang

mưu mô làm loạn, - cô quay số dãy nói của CIA ở Washington đi. Số điện ấy cũng chính là số điện của công ty Tantrex này.

Cô gái lại mở danh bạ ra, tra số điện thoại của CIA. Cô nín lặng hồi lâu, rõ ràng là bị sững sốt. Rồi vẻ mặt đổi khác hẳn, cô thốt lên một câu, nhưng là gặng hỏi:

- Khéo anh biết trước cả rồi, trước cả lúc anh thuê làm mảnh giấy chứng nhận này, để chuyên dùng vào những việc tương tự.

- “Quý sứ chứ chẳng phải đàn bà” – Malcolm nghĩ bụng. Anh thở hắt ra một tiếng rõ to, đoạn hít một hơi thật dài, và bắt đầu lại từ đầu.

- Thôi được, cú cho là tôi đã làm đúng như cô vừa nói. Nhưng kiểm tra chuyện ấy để thôi. Cô cầm máy lên, quay số đi.

- Nhưng đã sáu giờ rồi. - cô gái đáp – Muộn thế này, còn ai ở đó mà trả lời tôi nữa? Nghĩa là tôi cứ phải tạm thời tin vào lời ông từ giờ cho đến sáng mai?

Malcolm lại nhấn nhục cắt nghĩa cho cô gái bằng giọng thật bình thản:

- Cô nói đúng. Nếu công ty Tantrex là một tổ chức có thực, thì giờ làm việc của họ đã hết lâu rồi. Nhưng CIA thì làm việc suốt ngày suốt đêm, cô lạ gì. Cứ quay số đi, rồi hỏi công ty Tantrex thử xem.

Anh trao máy, đoạn dặn thêm:

- Nhưng hãy nhớ là tôi luôn luôn đứng bên cạnh để nghe câu chuyện của cô với người ở đầu máy đăng kia đấy nhé. Vì thế, đừng có làm điều gì ngu ngốc, và hãy đặt máy xuống khi tôi ra lệnh.

Cô gái gật đầu ưng thuận, rồi quay số. Ba hồi chuông réo dài.

- 934 – 3926 đây, - một giọng nói vang lên trong máy.

- Cho tôi nói chuyện với nhân viên công ty Tantrex, được chứ ạ? – Cô gái hỏi, giọng khô khan.

- Rất tiếc, - người ở đầu dây đăng kia dịu dàng đáp. Ngay lúc đó, trong ống nghe vang lên, một tiếng “tách” khẽ rất quen thuộc, - nhân viên của Tantrex chúng tôi đã về cả rồi. Sáng mai họ mới trở lại. Xin được phép hỏi: ai ở đầu dây thế ạ?...

Malcolm ấn mạnh cái giá đỡ ống nghe trên máy, để cắt đứt câu chuyện, trước khi nhân viên ở đó kịp dò ra số máy của người gọi đến. Cô gái từ từ

hạ ống nghe xuống. Lần đầu tiên kể từ lúc gặp Malcolm đến giờ, cô ta mới dám nhìn thẳng vào mắt chàng trai.

- Không biết tôi có nên tin tất cả những gì ông đã nói không đây, nhưng hình như tôi bắt đầu cảm thấy ông nói thật. – cô nói, giọng đầy vẻ tự lự.

- Bây giờ còn một bằng chứng nữa, bằng chứng cuối cùng. – Malcolm rút khẩu súng giật trong thắt lưng ra và thận trọng đặt lên đùi cô gái. Anh đi lại đầu tường đối diện, gieo người xuống chiếc ghế mây. Hai tay anh ướt nhoét mồ hôi vì căng thẳng, nhưng anh vẫn nhất quyết: thà mạo hiểm lúc này, còn hơn để mang họa về sau.

- Đây, súng đang trong tay cô đây. Cô có thể bắn vào tôi, ít ra cũng được một phát đấy, trước khi tôi kịp xông lại. Cả điện thoại nữa. Tôi tin cô và tôi nghĩ cô cũng tin tôi. Cô gọi đi đâu tùy thích. Cho cảnh sát, cho CIA, cho FBI, tôi cũng mặc. Báo với họ là tôi đang ở đây. Nhưng tôi phải báo trước để cô biết những gì có thể xảy ra, nếu cô làm thế. Hồi chuông cô gọi, có thể bị những kẻ không đáng biết là tôi đang ở đây chộp được. Thế là, họ sẽ xông đến trước tiên. Họ mà nhanh chân hơn những kẻ khác, thì cả hai ta sẽ coi như đi đứt!

Cô gái ngồi yên một hồi lâu không nhúc nhích, trầm ngâm ngắm khẩu súng nặng trĩu đặt trên đùi. Mãi một lúc lâu sau mới lên tiếng, nhưng khẽ đến nỗi Malcolm phải căng tai hết cỡ mới nghe thấy gì cô nói:

- Tôi tin ông.

Bỗng dưng cô trở nên hoạt bát hẳn lên. Cô đứng dậy, đặt khẩu súng ngăn lên bàn và đi đi lại lại trong phòng.

- Tôi... tôi không biết có thể giúp được gì cho ông đây, nhưng tôi sẽ cố. Ông có thể cứ lưu lại ít hôm, vì tôi có đến hai phòng ngủ. Còn bây giờ - cô thêm, ra cách như xin lỗi, mắt liếc nhanh về phía căn bếp bé tí, - tôi sẽ làm qua vài món gì đó, để có cái mà ăn tối đây.

Malcolm nhòe miệng cười, cái cười nhân hậu, thực lòng, mà anh có cảm tưởng như mình đã đánh mất lâu rồi.

- Thế thì còn gì tuyệt bằng. Nhưng trước hết xin cô giúp cho việc này đã.

- Cần gì ông cứ bảo, tôi xin làm tất. – Giờ đây, khi Wandy hiểu chẳng có gì đe dọa mình nữa, cô đã tươi tỉnh hẳn lên, thần kinh không bị căng thẳng

như trước.

- Tôi muốn phiền cô cho tôi dùng nhờ phòng tắm trong chốc lát. Được chứ? Kéo không, lưng với cổ tôi cứ ngứa ngáy như điên vì tóc con suốt từ chiều đến giờ.

Cô gái nhoẻn miệng cười. Rồi cả hai tức thì cùng cười phá lên thích thú. Cô đưa chàng trai lên phòng tắm trên gác, trao cả xà phòng, đá kỳ và hai chiếc khăn lông mới. Cô chẳng nói gì, khi thấy Malcolm mang súng theo. Cô gái vừa quay xuống, Malcolm đã rón rén ra khỏi nhà tắm ngay, nhón gót đi xuống cầu thang. Anh không nghe thấy cả tiếng mở cửa, lẫn tiếng quay điện thoại. Khi dưới bếp bắt đầu vọng lên tiếng mở tủ lạnh và tiếng xoong chảo khua loảng xoảng khe khẽ, thì anh lại quay lên buồng tắm, cởi quần áo ra rồi đứng vào dưới vòi nước.

Anh tắm mất chừng nửa tiếng. Tận hưởng sự khoan khoái được dầm mình dưới dòng nước ấm, anh thấy người khỏe lại. Hơi nước nóng nghi ngút trong phòng khiến mũi anh không còn cảm giác nghẹt thở như từ sáng đến giờ. Khóa vòi nước lại, chàng trai thấy mình như vừa được tái sinh. Khi đã mặc sơ-mi và săng-đay xong, anh bất giác nhìn vào gương để chải tóc. Nhưng tóc tai lúc này ngắn đến mức chỉ cần đưa tay vuốt qua mấy cái là đã tươm tất.

Anh xuống dưới nhà, thì đã nghe văng vẳng một điệu nhạc phát ra từ chiếc máy quay đĩa stereo. Anh nhận ra ngay cái giai điệu quen thuộc trích trong bản “Chàng Orpheus” Đen do Vina Guaraldi phối bè, mang tên là “Hãy trao số phận mình cho gió...”. Anh cũng có cái đĩa hát ấy ở nhà. Anh nói với Wandy điều đó, khi hai người ngồi vào bàn ăn.

Lúc hai người thưởng thức đĩa rau sống trộn dầu giấm, Wandy bắt đầu kể cho người bạn mới quăng đời của cô tại cái thành phố nhỏ ở Illinois quê nhà. Lúc dùng sang đĩa đậu tươi xào thịt ướp lạnh, cô gái chuyển sang những ngày đèn sách ở trường đại học tổng hợp Nam Illinois. Malcolm húp sang bát súp khoai tây nấu như thì Wandy kể đến chuyện một chàng trai suýt nữa thì đã đính hôn cùng cô. Vừa nhồm nhoàm nhai miếng bít-tết, Malcolm vừa ái ngại ngẫm nghĩ đến những công việc tẻ nhạt và đơn điệu của cô nữ thư ký tại một văn phòng pháp luật âm đạm ở Washington. Họ

tráng miệng đĩa bánh ga-tô nhân anh đào của hãng Sara Lee trong cảnh im lặng. Cô gái vừa rót cà-phê ra tách, vừa tóm tắt câu chuyện đời mình bằng một câu đầy ngụ ý:

- Nói thật chứ em đã sống những ngày rất chi là tẻ nhạt. Cho mãi đến hôm nay đây, dĩ nhiên.

Khi hai người rửa dọn mâm bát, chàng trai lấy giọng đùa cợt kể cho cô bạn mới rằng vì lẽ gì anh rất căm ghét cái tên mình. Cô gái cũng đáp lại bằng giọng tương tự, và hứa sẽ không bao giờ gọi anh bằng cái tên ấy. Đúng lúc đó, cô sơ ý làm bắt một ít bột xà phòng lên cánh tay chàng trai. Cô vội vàng chùi đi, như thể đó là một cái gì rất đáng ghê tởm.

Rửa dọn xong, Malcolm chúc cô bạn ngủ ngon rồi lên buồng tắm. Anh tháo cái mắt kính cận thị lắp trong mắt ra, cất vào một chiếc hộp riêng rồi đánh răng. Xong xuôi, anh băng qua dãy hành lang, vào phòng ngủ, và thấy khăn trải giường trắng tinh đã trải ngay ngắn. Anh nhét vội chiếc khăn tay dưới gối, để phòng khi hắt hơi, đặt khẩu súng lên mặt táp-đờ-nuy kê cạnh đầu giường, rồi ngả người xuống đệm, kéo chăn lên đến tận cổ. Gần nửa đêm, Wandy nhẹ nhàng bước lên phòng anh, nằm ghé xuống bên cạnh.

Nhưng tối hôm ấy, có nhiều người đã không kịp ngả lưng. Bầu không khí căng thẳng ngự trị tại Langlep càng trở nên gay gắt khi họ nhận được tin về cuộc đọ súng và chuyện Wazerby bị thương. Mấy chiếc ô tô của tổ tác chiến gồm toàn thanh niên trai tráng đầy khí thế, vượt lên trước chiếc xe cứu thương chạy đầu và đến hiện trường trước nhất. Về sau, cảnh sát Washington có phần nản với thượng cấp của họ rằng: một nhóm người lạ mặt tự xưng là nhân viên của liên bang đã gạt họ ra, bắt tay ngay vào việc lấy lời khai các nhân chứng. Cuộc đụng độ của đại diện hai cơ quan chính phủ càng thêm khó dàn xếp vì một tốp nhân viên thứ ba ập đến. Mấy chiếc xe công xịch đỗ bên hiện trường càng làm cho con hẻm chật thêm. Hai nhân vật, dáng điệu rất đường bệ, diện áo sơ-mi trắng, là láng coóng, và com-lê đen, lách người qua đám đông bước vào, tuyên bố với hai viên chỉ huy của hai nhóm đến trước rằng: từ giờ trở đi, FBI sẽ chính thức đứng ra đảm nhiệm việc điều tra nội vụ. “Nhóm lạ mặt” và cảnh sát Washington trình lên cấp trên chuyện đó và họ được chỉ thị là tuyệt đối đừng nhúng mũi

vào nữa.

Sở dĩ nhân viên của FBI đã kéo đến nơi xảy ra cuộc đọ súng là vì các cơ quan có thẩm quyền đã giả định rằng đây là một hoạt động mang tính chất gián điệp, do bọn điệp viên nước ngoài đột nhập vào Mỹ tiến hành.

Đạo luật về an ninh quốc gia năm 1947 ghi rõ: “Cơ quan CIA không có thẩm quyền trong việc duy trì trật tự, trị an công cộng, truy tố trước pháp luật, ngăn chặn tệ phạm pháp, cũng như không có thẩm quyền đảm bảo nền an ninh trong nước”. Sự kiện xảy ra ngày hôm đó rõ ràng là đe dọa đến an ninh trong nước bằng hoạt động có vũ trang, mà việc ngăn chặn nó là nhiệm vụ chủ yếu của FBI. Mitchell cố lờng khùng trong việc cung cấp tin tức về các sự kiện trong ngày cho những nhân vật cầm đầu của tổ chức nói trên, nhưng cuối cùng, do sức ép của họ, viên phó giám đốc CIA đành phải ra lệnh cho Mitchell nhượng bộ...

Tuy nhiên, CIA vẫn giữ lại cho mình quyền tiến hành điều tra những nguyên nhân của các hoạt động thù địch nhằm chống lại nhân viên của Cục, cũng như nguyên nhân của cuộc tiến công trực tiếp vào “Hội”, bắt chập những hoạt động đó xảy ra ở đâu. Bởi thế, Cục vẫn có trong tay một lối thoát dự phòng để các nhân vật có thể lực sử dụng khi tiến hành nhiều chiến dịch hết sức đáng ngờ vực. Lối thoát đó là phần thứ năm của đạo luật 1947. Nó cho phép CIA thi hành những chức trách và nghĩa vụ có liên quan đến công tác hoạt động tình báo và có ảnh hưởng đến nền an ninh quốc gia của Hợp chủng quốc, vốn đòi hỏi phải được Hội đồng an ninh quốc gia chuẩn y. Ngoài ra, đạo luật 1947 cũng dành cho Cục quyền hỏi cung và lấy lời khai bất kỳ ai trong lãnh thổ của Hợp chủng quốc. Chính vì lẽ đó, ban lãnh đạo CIA đã quyết định: phải trực tiếp ra tay điều tra để làm sáng tỏ những nguyên nhân cực kỳ nghiêm trọng của vụ này. Những hoạt động đó có thể và cứ tiếp tục tiến hành cho đến khi nào CIA nhận chỉ thị trực tiếp của Hội đồng an ninh quốc gia ra lệnh đình chỉ. Do tình hình đó, CIA đã thông báo về vụ đó cho FBI dưới một hình thức hết sức lịch thiệp nhưng cực kỳ quyết liệt và ít ỏi, và dĩ nhiên cũng bày tỏ lòng biết ơn về sự cộng tác cũng như sự cảm ơn về mọi sự giúp đỡ và phối hợp hành động có thể có được từ rày về sau từ phía cơ quan FBI...

Rốt cục, cảnh sát Washington đã bị “ra rìa”, chỉ còn nhận được một xác chết và một người bị thương. Hơn nữa, người bị thương thì chỉ trong chốc lát đã bị đưa đi mất và nghe đồn đã được chở về một quân y viện nào đó tại Virginia vì “tình trạng sức khỏe nguy ngập, triển vọng sống sót không thể xác định rõ”. Cảnh sát đã bắt mãi càng bắt mãi thêm, vì những lời cam đoan và giải thích mơ hồ của nhiều cơ quan liên bang khác nhau, nhưng rốt cục đành phải đành chỉ điều tra tiếp vụ án mạng vốn “thuộc thẩm quyền của chính mình”.

Những trò bắt bẻ nhau về chuyện luật pháp và sự thiếu tin cậy lẫn nhau cũng thể hiện ở mức độ ít hơn trong thực tế của hoạt động điều tra, khi mà sự kình địch hết sức nhỏ nhen và tiêu khí giữa các cơ quan cấp cục ngang quyền nhau thật không đáng kể vào đâu nếu so với mạng sống của con người. Đám chỉ huy của các nhóm điều tra do hai cơ quan cử đến thỏa thuận là sẽ phối hợp hành động. Ngay chiều hôm đó, người ta đã ra một thông báo cho dân Washington là sẽ tiến hành một cuộc “điều tra chung” lớn nhất trong lịch sử thủ đô, mà đối tượng là Malcolm. Sáng hôm sau, nhiều chi tiết và nguyên nhân của các sự kiện vừa xảy ra đã được làm sáng tỏ, nhưng việc Malcolm hiện lẫn trốn ở đâu vẫn không ai phát hiện được...

*

* *

... Tất cả những chuyện đó càng làm xấu thêm tâm trạng vốn đã ủ dột của những người có mặt tại cuộc họp tổ chức vào sáng hôm sau, một buổi sáng âm đạm của thủ đô, tại một cơ quan nằm ngay ở trung tâm Washington. Nhiều vị đã phải ở lại nhiệm sở để làm việc suốt đêm qua nên chẳng có lý do đặc biệt nào để vui mừng. Thành phần dự họp hôm ấy là các vị ủy viên của nhóm điều phối và thông tin – gồm tất cả các phó giám đốc của cơ quan CIA và đại diện của tất cả các cơ quan tình báo và mật vụ liên bang. Chủ trì phiên họp là vị phó giám đốc chịu trách nhiệm theo dõi công việc của Cục Mật vụ. Vì vụ án mạng xảy ra trong đơn vị do chính ông đỡ đầu nên ông cũng được trao luôn cho quyền điều hành việc điều tra nội vụ. Quay về phía các đại biểu mặt mày ủ dột đang ngồi trước mặt, ông vẫn tắt thụt lại những biến cố đã thu nhập được của ngày hôm trước rồi kết luận:

- Như thế là có cả thầy tám nhân viên bị giết, một bị thương và một nữa – chắc hẳn là “kẻ hai mặt” – tẩu thoát. Đến hôm nay, ta chỉ mới có một lời giải đáp hết sức đại khái, - vâng, tôi phải thừa nhận là rất đáng ngờ vực – cho câu hỏi: tại sao lại xảy ra chuyện đó?

Một đại biểu mặc quân phục sĩ quan hải quân đứng dậy hỏi lớn:

- Căn cứ vào đâu mà ngài giả định rằng bức thư bọn sát nhân vứt lại tại đó là thư giả, và nguyên nhân viết trong đó là bịa đặt?

Vị phó giám đốc thở dài: ôi dào, lão sĩ quan này suốt đời chỉ toàn bắt người ta phải nhắc lại những điều đã giải thích!

- Chúng tôi chưa kết luận dứt khoát. Chúng tôi chỉ cho rằng có nhiều khả năng như thế. Theo chúng tôi, đó chỉ là một cái bẫy, một mưu toan trút trách nhiệm về hành động giết người lên đầu những kẻ thù ngấm ngầm của chúng ta. Dĩ nhiên, chúng ta biết là chúng hành động rất kiên quyết và có thể đi tới những hành động cực đoan. Tuy nhiên, sự trả thù có vẻ phùng tuồng thế kia không phải là phương pháp quen dùng của bọn chúng, và những bức thư giải thích chi tiết những câu hỏi đang làm chúng ta nát óc cũng như vậy nốt.

- Tôi có thể nêu ra với ngài một vài câu hỏi được chứ, thưa ngài phó giám đốc?

Ông phó giám đốc nghiêng người về phía trước, tỏ đầy vẻ quan tâm:

- Dĩ nhiên, thưa ngài.

- Cám ơn. – Người hỏi câu đó là một đại biểu vóc người nhỏ nhắn, tuổi đã khá cao. Ai chưa quen biết ông ta vẫn tưởng đó chỉ là một ông già hiền hậu, mặt lúc nào cũng ẩn hiện vẻ giễu cợt. – Tôi chỉ muốn nhắc ra đây những điều chỉ còn nhớ mang máng. Mong ngài chữa giúp nếu tôi trót lẫn lộn. Cái người bị giết trong phòng riêng, tên là Heidegger ấy mà, trong máu anh ta đã phát hiện thấy pentonal natri, đúng không ạ?

- Đúng thế, thưa ngài, - viên phó giám đốc đáp, vẻ mặt căng thẳng, cố thử nhớ lại mình có nhớ bỏ sót một chi tiết quan trọng nào hay không khi trình bày nội vụ, lúc mới mở đầu phiên họp.

- Tuy nhiên, trong số những nạn nhân còn lại rõ ràng không một ai bị tra khảo gì như chúng ta đã biết cả đấy. Kể cũng lạ đấy chứ. Bọn chúng đến

nhà anh ta từ khuya, sau đó mới đến sát hại những nhân viên khác, thế mà mãi gần sáng anh ta mới chết. Ấy thế nhưng kết quả điều tra lại cho thấy chàng trai nọ, anh chàng Malcolm của chúng ta, mãi đến tận chiều, sau khi bắn bị thương Wazerby xong, mới ghé tới nhà Heidegger. Ngài nói rằng không có dữ kiện gì xác nhận Heidegger là điệp viên “hai mặt”, đúng không nào? Anh ta cũng không có những khoản chi tiêu tiền bạc mờ ám vượt ra ngoài khuôn khổ đồng lương, không có nguồn thu nhập thêm nào, không có điều tiếng hoặc chuyện khuất tất nào nguy hại để đến nỗi phải bị tống tiền, chứ gì?

- Không có, thưa ngài.

- Thế còn những dấu hiệu về sự mất thăng bằng tâm lý? ()

- Hoàn toàn không, thưa ngài. Ngoài tật nghiện rượu đã được chữa khỏi, anh ta, như hồ sơ cho thấy, là một người hoàn toàn bình thường, khỏe mạnh, nếu không kể đến sở thích ưa ẩn dật và tình trạng sống độc thân.

- Vâng, tôi đã đọc thấy trong báo cáo. Thế việc kiểm tra những nhân viên còn lại cho thấy gì? Không có gì khác thường cả chứ?

- Không, thưa ngài, không có gì.

- Vậy xin ngài làm ơn đọc giúp lại những điều Wazerby nói với bác sĩ sau lúc tỉnh. Nhân tiện cho biết luôn sức khỏe ông ta hiện thời ra sao?

- Rất tốt, thưa ngài. Các bác sĩ điều trị cho biết ông ta sẽ sống, có điều sáng hôm nay, họ sẽ phải cưa đi cái chân bị thương. – Viên phó giám đốc lật lật bản báo cáo cho đến khi tìm thấy đoạn mình cần. – À đây rồi, chỉ lưu ý các vị là phần lớn thời gian ông ta đều ở trong trạng thái hôn mê. Đến lúc tỉnh, ông ta nhìn các bác sĩ điều trị rồi kêu to: “Malcolm đã bắn tôi bị thương. Nó bắn vào hai chúng tôi. Hãy bắt lấy hắn đem giết đi”.

Từ góc bàn xa nhất có tiếng dịch ghế. Đó là viên sĩ quan hải quân chồm người về phía trước. Ông ta nói lắp bắp, nuốt mất cả chữ:

- Tôi cho rằng chúng ta phải tìm bằng được cái thang chó đẻ ấy, lôi hắn ra khỏi hang chuột mà hắn đang chui rúc mới hả giận.

Người cao tuổi phì cười rồi lên tiếng:

- Đúng, tôi tán thành, ta phải tìm cho ra anh chàng Thần Ưng vừa đào tẩu của chúng ta. Nhưng tôi cho rằng sẽ rất đáng tiếc nếu chúng ta lại trừng trị

anh ấy trước khi được nghe anh ấy kể lại chuyện: “Tại sao anh ấy đã nổ súng vào Wazerby làm ông ấy bị thương”. Nghĩa là tại sao ai lại bắn ai. Ngài còn gì để thông báo với chúng tôi nữa không, thưa ngài phó giám đốc?

- Không ạ, thưa ngài. – Viên phó giám đốc đáp, tay cất giấy tờ vào cặp. Tôi nghĩ chúng tôi đã làm sáng tỏ mọi vấn đề. Bây giờ, các ngài đã có đầy đủ mọi thông tin mà chúng tôi hiện nắm được. Tôi xin cảm ơn tất cả các ngài đã chiếu cố đến dự cuộc họp của chúng ta.

Khi các đại biểu đã đứng cả dậy để chuẩn bị ra về, người cao tuổi lại quay sang vị ngồi cạnh, nói khẽ, giọng đầy tư lự:

- Ước gì tôi biết được tại sao Thần Ưng lại nổ súng. – Rồi ông ta mỉm cười, lắc đầu mấy lần liền và ung dung bước ra khỏi phòng...

... Malcolm tỉnh giấc khi Wandy sờ trán anh và lo lắng hỏi:

- Malcolm, anh ốm đấy ư?

Chàng trai không định làm ra vẻ ta đây yêng hùng. Anh gật đầu và cổ mãi mới cất được cái giọng khản đặc nói ra tiếng “vâng” dứt khoát. Vì cổ như thế, anh cảm thấy cổ đau nhói như bị một mũi kim nung đỏ cặp chặt. Hôm nay, không khéo anh sẽ không tài nào nói năng bình thường được nữa.

- Chết, anh ốm thật mất rồi. Há miệng em xem nào, - Wandy ra lệnh và cầm lấy cằm người bạn mới, ấn mạnh, bắt anh há to miệng. – Ôi thôi, chết rồi, họng đỏ rực lên thế kia mà không chịu nói. Em đi gọi bác sĩ ngay đây.

Wandy buông Malcolm ra, toan bước xuống đất thì bị anh bạn níu chặt lấy tay. Cô gái hoảng hốt quay lại, bảo:

- Đừng sợ anh ạ. Rồi đâu sẽ vào đấy thôi mà. Em quen một cô bạn có chồng là bác sĩ. Ngày nào ông ta cũng đi ngang qua đây để đến bệnh viện dưới Washington. Nếu ông ta chưa đi làm, em sẽ mời ông ấy về đây cho anh ngay, bảo là chữa giúp một cậu bạn bị ốm. – Wandy mỉm cười. – Có gì đâu mà anh sợ nhỉ? Ông ấy sẽ không làm lộ chuyện của anh đâu, đừng lo. Vì nói ra với bất kỳ ai là làm lộ bí mật của chính em cơ mà. Được chứ?

Malcolm nhìn chăm chăm vào mặt cô bạn, đoạn buông ta cô ra, gật đầu tỏ ý ưng thuận. Lúc này, anh chỉ muốn được yên tĩnh mà nghỉ ngơi thôi, nên dừng dừng với hết thầy: cho dù lão bác sĩ nọ có lòi về đây thẳng cha đi

cùng với gã Chim Sẻ hôm qua cũng mặc!

Ông bác sĩ là một người béo tốt, tuổi đã ngoài bốn mươi. Nhìn qua dáng người, nét mặt có thể đoán ngay ông không phải hạng người thích nói nhiều. Ông thăm mạch, vắn ngược vắn xuôi chàng trai một hồi rồi đo nhiệt độ, nhìn kỹ cổ họng anh đến nỗi thiếu chút nữa anh đã nôn thốc nôn tháo hết thủy ruột gan ra ngoài. Xong xuôi, ông lên tiếng, mắt nhìn thẳng vào mặt con bệnh:

- Anh bị viêm họng nhẹ, anh bạn ạ. – Rồi quay sang nhìn Wandy đang đứng bên ông, mặt đang dài đuồn ra vì lo, bảo thêm: - Đừng lo, chả có gì ghê gớm lắm đâu. Chúng ta sẽ vực anh ấy dậy được ngay thôi mà

Malcolm theo dõi ông bác sĩ đang lục tìm gì đó trong cái túi sách nhỏ. Rồi ông ta quay lại phía anh, tay cầm một cái xê-ranh.

- Nằm nghiêng lại.

Trong óc Malcolm chợt hiện lại bức tranh ở nhà Heidegger: cánh tay lạnh ngắt, không còn chút sinh khí, và một đốt đò bầm do mũi kim để lại. Anh cứng người lại vì sợ hãi.

- Trời ơi, có đau đớn gì đâu cho cam mà sợ! Một mũi Penicillin thôi anh bạn trẻ ạ.

Tiền cho Malcolm xong, ông bác sĩ quay sang Wandy trao cho cô một mảnh giấy nhỏ, nói:

- Cô cầm lấy cái đơn thuốc này. Mua thuốc về nhớ trông chừng để anh ấy đừng ném đi. Anh bạn trẻ ấy cần được nằm trên giường nghỉ ngơi một vài hôm. – Ông mỉm cười, ghé sát tai Wandy thì thào: - Wandy, tôi muốn nói phải để anh ấy được yên tĩnh hoàn toàn...

Ông cười xòa trong lúc bước ra cửa. Đến phòng ngoài, ông ngoảnh lại, ấp úng hỏi nhỏ:

- Tính tiền công cho ai đây?

Đến lượt mình, Wandy cũng mỉm cười e thẹn và trao cho ông bác sĩ hai mươi đô-la. Ông toan phản đối nhưng Wandy đã ngăn ngay:

- Anh ấy sẽ bực mình nếu bác sĩ từ chối. Anh ấy... chúng tôi... rất cảm ơn bác sĩ về sự giúp đỡ này.

Ông bác sĩ vừa cười hề hề vừa nói, giọng châm chọc:

- Chính anh ấy mới là người đáng được cô cảm ơn. Ồ, tôi trẻ mất tích cả phê sáng rồi. – Rồi nhìn cô gái, ông từ tốn thêm: - Wandy này, tôi cảm thấy chàng trai ấy là phương thuốc công hiệu nhất mà lâu nay cô cần đấy. – Đoạn, ông phẩy tay từ biệt rồi đi thẳng.

Khi Wandy trở lại buồng ngủ thì Malcolm đã ngáy khì khì. Cô gái lặng lẽ thu dọn đồ đạc rồi đi mua sắm. Suốt sáng hôm ấy, Wandy đã lùng mua những thứ ghi trong cái danh sách mà họ cùng lập ra lúc chờ ông bác sĩ đến. Đầu tiên, cô đi mua thuốc cho Malcolm theo cái đơn của ông bác sĩ kê cho. Kế đó cô mua cho anh vài bộ quần áo lót, dăm đôi tất, mấy chiếc sơ mi và quần dài, một áo vét-tông và bốn quyển sách của bốn tác giả vì không biết anh thích nhà văn nào. Khi mang những thứ mới sắm được về nhà thì đã đến giờ làm bữa. Suốt chiều và tối hôm ấy, cô thân nhiên lo liệu việc nhà, chỉ thỉnh thoảng mới chạy lên gác xem bệnh nhân trên ấy xử sự ra sao. Suốt ngày, nụ cười mãn nguyện đã không rời đôi môi cô gái...

*

* *

... Việc điều hành và giám sát chung toàn bộ hoạt động của cái bộ máy tình báo, đặc vụ đồ sộ - và vì thế nên hết sức cồng kềnh – của Hợp chủng quốc là một minh họa khibh điển cho vấn đề “Kẻ điều hành bị điều hành”. Theo đạo luật về an ninh quốc gia năm 1947, Hội đồng an ninh quốc gia đã được thành lập. Đây là một cơ quan mà nhân sự cứ luôn luôn thay đổi mỗi khi một vị tổng thống mới và bộ máy hành pháp của ông ta bước vào Nhà Trắng. Tổng thống và phó tổng thống là những nhân vật nhất thiết phải có chân trong Hội đồng. Ngoài ra, tham gia vào Hội đồng còn có những vị bộ trưởng chủ chốt của chính phủ. Nhiệm vụ chính của Hội đồng là nắm việc điều hành và giám sát chung toàn bộ hoạt động của tất cả các cơ quan tình báo và điều tra của chính phủ, cũng như thông qua những chính sách ấn định hoạt động của các cơ quan đó.

Nhưng các ủy viên của Hội đồng an ninh quốc gia thì không có việc đó cũng đã đủ bận rộn lắm rồi, nên chẳng còn đâu thì giờ mà dành cho các vấn đề về tình báo và đặc vụ. Bởi thế, phần lớn các quyết định có liên quan đến mặt này, trên thực tế, chỉ được thông qua bởi một ủy ban thành phần hẹp

hơn, vẫn quen gọi là “Nhóm đặc trách”. Nhiều nhân vật trong chính giới vẫn gọi tắt họ là “Nhóm 54/12” nhóm được thành lập theo một sắc lệnh mật mang số No 54/12, ban hành trong thời kỳ tổng thống Eisenhower lên cầm quyền.

Thành phần “Nhóm 54/12” cũng biến động luôn mỗi lần có sự thay đổi bộ máy hành pháp, nhưng thường bao giờ cũng gồm giám đốc cơ quan CIA, thứ trưởng Ngoại giao phụ trách các vấn đề chính sách hoặc trợ lý của ông ta, và bộ trưởng cùng thứ trưởng Quốc phòng.

Nắm quyền điều hành thực tế bộ máy tình báo đặc vụ nước Mỹ là giải quyết cả một loạt vấn đề khá rối rắm mà ngay cả những chuyên gia có trình độ cao cũng thấy đau đầu. Một trong những vấn đề loại đó là các ủy viên “Nhóm 54/12” lại bị lệ thuộc vào những người mà họ phải điều hành và giám sát, cũng như tầm quan trọng của việc thu nhận những thông tin nội bộ cần thiết để thông qua các quyết định tương ứng. Tình hình đó đương nhiên sẽ đưa đến những chuyện mơ hồ đủ kiểu.

Ngoài ra, còn phải kể đến vấn đề phân chia phạm vi quyền hạn giữa các cơ quan tình báo, đặc vụ riêng biệt. Nếu tính đến khả năng thực tế là sự kình địch thuần túy hình thức giữa các bộ máy nặng đầu óc quan liêu của các cơ quan có thể biến thành sự thù địch lộ liễu thì đấy cũng là một vấn đề không thể xem nhẹ.

Ngay sau khi thi hành được ít lâu, “Nhóm 54/12” đã thử giải quyết vấn đề thu nhận thông tin nội bộ và phân chia phạm vi quyền hạn. Để làm việc này, Nhóm đã lập ra một tiểu ban an ninh đặc trách và sự hiện diện của nó chỉ có những ủy viên trong Nhóm mới được biết.

Nhiệm vụ của tiểu ban đặc trách là điều phối các hoạt động và đảm bảo mối liên hệ giữa các bộ phận. Ngoài ra, tiểu ban cũng có trách nhiệm giám sát một cách khách quan và độc lập toàn bộ các thông tin truyền cho “Nhóm 54/12” từ tất cả các cơ quan tình báo, đặc vụ. Nhưng nhiệm vụ quan trọng nhất mà tiểu ban được trao cho là có toàn quyền thông qua những quyết định khẩn cấp để bảo đảm an ninh quốc gia.

Để giúp đỡ cho tiểu ban làm việc, trên thực tế “Nhóm 54/12” đã giao cho người đứng đầu tiểu ban đặc quyền là được sử dụng một nhóm chuyên viên

cố định không đông lắm; và ngoài ra, nếu thấy thật cần thiết, có thể luân phiên rút thêm những chuyên viên của các cơ quan an ninh và tình báo khác về làm việc dưới quyền mình.

Các ủy viên của “Nhóm 54/12” biết rõ rằng làm như vậy là đã tự tạo cho chính mình một vấn đề tiềm tàng mới. Tiểu ban đặc trách cho xu hướng vốn có của tất cả các tổ chức thuộc chính phủ, có thể biến thành một bộ máy công kênh và xét cho cùng, thì chuyện đó sẽ làm rắc rối thêm những vấn đề mà để giải quyết chúng họ đã phải lập ra một tiểu ban. Tiểu ban đặc trách trên thực tế đã có trong tay những quyền hạn vô tận và những tiềm lực to tát. Vì thế, ngay cả những lầm lỗi nhỏ nhất mà họ phạm phải cũng có thể đưa đến những hậu quả vô cùng nguy hại. “Nhóm 54/12” chăm chú theo dõi đũa con do mình đẻ ra, chặn đứng mọi biểu hiện của thói quan liêu, phản định nghiêm khắc hoạt động của nó, cố hạn chế công tác điều tra của nó ở mức tối thiểu. Và dĩ nhiên, chỉ cưỡi vào cương vị cầm đầu tiểu ban những người xuất sắc nhất...

... Trong khi Malcolm và Wandy ngồi chờ bác sĩ đến thì tại phòng khách của một công sở lớn, nằm trên đại lộ Pennsylvania, một người cao lớn, cư xử rất dè dặt, cũng đang ngồi chờ một nhân vật quan trọng mời vào tiếp chuyện. Tên người ấy là Kevin Powell. Ruột gan Powell như lửa đốt; toàn bộ tâm trí ông ta đang hướng về cuộc gặp mặt sắp đến: những buổi tiếp chuyện như thế đâu phải ngày nào ông cũng được mời đến? Cuối cùng, cô thư ký cũng đã gật đầu. Powell bước vội vào phòng làm việc của nhân vật mà diện mạo trông như một ông già hiền hậu. Nhân vật ấy ra hiệu mời Powell ngồi.

- A, Kevin, anh đã đến đây à? Tuyệt!

- Rất sung sướng được gặp ngài. Sắc mặt ngài trông tươi quá đi mất.

- Anh cũng vậy, Kevin thân mến ạ, trông cứ như một trang nam nhi vậy. Này, cầm lấy, - ông ta vất cho Powell một chiếc cặp đựng hồ sơ, - và nghiên ngẫm thật kỹ vào nhé.

Trong khi Powell đọc, “ông già hiền hậu” chăm chú nhìn ông ta. Một nhà phẫu thuật đã tỏ ra khéo léo phi thường nên rốt cục cuộc giải phẫu chỉnh hình trên mép tai đã đưa lại những kết quả vượt quá sức mong đợi của bất

kỳ ai... Cặp mắt tinh tường của “ông già hiền hậu” lướt qua cái gờ khó nhận thấy trên chiếc vét-tông ở phía ngực bên trái... Khi Powell ngược mắt lên, “ông già hiền hậu” liền cất tiếng hỏi:

- Sao, anh nghĩ thế nào về chuyện đó, anh bạn?

Powell đáp, cân nhắc từng chữ một:

- Kỳ lạ thực, thưa ngài. Tôi không dám đoán chắc là đã hiểu hết, tuy rằng những gì tôi vừa xem có vẻ rất nghiêm túc.

- Anh dường như đã đọc những ý nghĩ của tôi, anh bạn ạ. Đúng là đã đọc những ý nghĩ của riêng tôi. Cả CIA lẫn FBI đã tung ra đến hàng dặm chục con người, lòng sục khắp thành phố, theo dõi không biết bao nhiêu là sân bay, xe buýt và tàu hỏa như họ vẫn thường làm trong những trường hợp tương tự. Và tôi phải thừa nhận là họ hoạt động khá hữu hiệu. Nếu nói chính xác hơn, thì họ đã hoạt động như thế cho đến tận lúc này.

Ông ta ngừng một lát để lấy hơi và chờ sự tán thưởng cùng sự thích thú trong ánh mắt Powell.

- Họ đã tìm được ông thợ cạo. Ông ta nhớ là đã cắt tóc cho anh bạn đào tẩu của chúng ta đó. Hành động của chàng trai tuy bị người ta đoán trước nhưng phải thừa nhận là rất đáng khen ngợi. Chuyện đó diễn ra sau lúc Wazerby bị thương. Nói thêm cho anh biết là lão đại tá sức khỏe đã khá rõ rệt. Người ta hy vọng rằng tối nay đã có thể lấy cung được lão ta đấy. Tôi vừa dừng lại ở đoạn nào ấy nhỉ? ... À nhớ rồi. Họ đã lòng sục toàn bộ khu vực đó và đã tìm thấy cái cửa hàng mà Malcolm ghé vào mua sắm quần áo. Nhưng sau đó thì mất hút dấu vết. Và bây giờ, họ không thể hình dung nổi phải tìm anh ta ở xó xỉnh nào. Về điểm này, tôi có vài ý nghĩ, nhưng chốc nữa tôi sẽ trở lại. Tôi muốn anh nghe những suy luận của tôi và đặc biệt chú ý đến một số điểm. Nào, để xem anh ta trả lời ra sao những câu tôi sắp hỏi đây. À, chắc anh cũng đang có những điều muốn hỏi lại tôi.

- Vâng ạ. Tại sao lại thế? Vì lẽ gì đã xảy ra tất cả những chuyện ấy? Tại sao bọn chúng lại chọn chính cái tiểu bạn nọ gồm toàn những nhân viên phân tích vô hại và chẳng cần thiết cho ai cả? Vì lẽ gì thưa ngài? Đó, tôi chỉ xin hỏi có vậy.

- Anh hãy chú ý bọn chúng đã hành động ra sao nhé! Tại sao lại ồn ào và lộ

liều như thế? Tại sao lại quảng cáo âm ỉ lên thế? Tại sao anh chàng Heidegger ấy lại bị giết ngay từ đêm hôm trước? Anh ta biết được những gì? Những nhân viên khác có biết điều đó không? Nếu chỉ anh ta mới biết những điều khiến bọn chúng quan tâm thì chúng sát hại những nhân viên khác để làm gì? Nếu Malcolm quả thực đã làm việc cho bọn chúng thì vị tất chúng đã phải tra khảo Heidegger? Vì không có anh ta, Malcolm vẫn có thể kể hết với chúng mọi chuyện kia mà... Đúng không?

Bây giờ ta sang chuyện Malcolm. Nếu anh chàng đó là nhân viên “hai mặt” thì tại sao anh ta lại gọi điện về phòng chỉ huy “Báo động”? Lại nữa: nếu anh ta là đứa “hai mặt” thì vì lẽ gì anh ta lại bằng lòng đến chỗ hẹn và lại giết Chim Sẻ? Còn nếu không phải là gã “hai mặt” thì tại sao anh chàng lại nổ súng vào cả hai người mà chính anh ta yêu cầu đến đón mình, để đưa mình về nơi an toàn? Tại sao sau cuộc bắn nhau đó, anh ta lại tìm đến nhà Heidegger? Và cuối cùng là câu hỏi không thể không đặt ra này: hiện giờ anh ta đang nường nấu ở đâu?

Còn cả một loạt câu hỏi nữa nảy sinh từ những câu hỏi tôi vừa nêu nhưng tôi cho rằng đây là những câu hỏi then chốt nhất. Ý anh thế nào? Tán thành chứ?

Powell gật đầu rồi lên tiếng, vẻ tư lự:

- Vâng, đúng thế ạ. Nhưng tôi phải làm cách nào để có thể nhúng tay vào vụ này?

“Ông già hiền hậu” mỉm cười:

- Kevin thân mến ơi, anh đang có cái may là được tạm điều về làm việc ở tiểu ban đặc trách của tôi. Như anh biết đấy, người ta lập ra cái tiểu ban này với dụng ý là để chấm dứt cái tệ quan liêu tai hại trong bộ máy làm việc của chúng ta. Tôi tin chắc là bọn cạo giấy có từ tâm muốn đem lại sung sướng cho cái linh hồn tội nghiệp của tôi vì trong bụng chúng, chúng vẫn đinh ninh rằng tôi sẽ cứ ngồi yên ở đây cho đến lúc về hưu hoặc sẽ chết ngạt trong đồng giấy mà này nếu được giao phụ trách tiểu ban đó. Nhưng chuyện đó tôi chẳng bận tâm mấy. Vì thế, tôi đã thu xếp công việc sao cho mình được dự phần nhiều nhất vào các hoạt động điều tra. Nhưng tôi sẽ không dại gì lại đem “tung” cả một nhóm nhân viên điều tra tài giỏi vào

cuộc theo con đường hoàn toàn “hợp pháp”, và cũng không mở một “văn phòng giao dịch” y như trong những thời buổi tốt đẹp xa xưa đâu, Powell ạ. Từ trong cái mớ bong bóng đang ngự trị trong hệ thống hoạt động tình báo hiện thời, tôi chặt gạn ra cho mình cái phần béo bở nhất. Một nhà viết kịch tôi quen biết trước đây thích nói rằng phương thức tốt nhất để tạo ra sự hỗn loạn là cứ đưa lên sân khấu thật nhiều diễn viên. Tuy nhiên tôi không ưa cái lối đục nước béo cò tí nào.

Rồi ông ta nhún nhường nói thêm:

- Tôi cho rằng những nỗ lực này nợ của tôi, dù chẳng lấy gì làm to tát cho lắm cũng đã đem lại cho đất nước những lợi ích nhất định.

Còn bây giờ ta trở lại với cái việc nhỏ bé của chúng ta thôi. Việc đó tuy không trực tiếp liên quan đến tôi nhưng nó cũng kích thích trí tưởng tượng của tôi rất dữ. Ngoài ra, tôi còn lo là cả CIA lẫn FBI đều đã nhìn nhận và xử lý việc này không thật thỏa đáng. Một là họ vẫn dùng những phương pháp mòn cũ để ứng phó với cái tình huống cực kỳ lạ đời mới xuất hiện. Hai là họ hành động quá hấp tấp và đúng là giẫm đạp lên nhau, cốt giành cho được cái vinh quang: “chộp” lấy bọn tội phạm trước tiên. Hơn nữa, ở đây còn có một nhân tố tôi cảm nhận được rất rõ, nhưng vẫn chưa thể diễn đạt chính xác bằng lời. Trong vụ này, có một điểm khiến tôi rất lo. Một vụ án mạng phải nói là hoàn toàn không giống như những vụ án mạng thường gặp. Các sự kiện trông có vẻ... kỳ dị đến mức những cặp mắt phàm trần không sao hình dung nổi. Và tôi cho rằng chúng đã vượt ra ngoài những nếp nghĩ quen thuộc của đám nhân viên thuộc hai cơ quan điều tra chủ chốt ấy. Tôi không hề nghĩ là họ bất tài – mặc dù tôi đã nhận thấy một số biểu hiện như thế - mà thực ra, chung quy chỉ vì họ đã nhìn vụ án không phải từ góc độ như tôi vừa nói. Anh hiểu tôi chứ, anh bạn?

Powell gật đầu tỏ ý tán thành:

- Ngài đang nhìn nhận từ góc độ đáng ra phải có, đúng không ạ?

“Ông già hiền hậu” mỉm cười:

- Nói cho đúng ra, tôi đã vén được phần nào tấm màn bí mật lên rồi. Bây giờ, tôi muốn anh phanh phui nội vụ, đi tiếp những bước tôi đã đi. Anh có để ý đến mẫu giấy ghi tình trạng sức khỏe của Thần Ưng không? Đừng tìm

làm gì cho mệt, tôi nói ngay cho mà nghe đây. Anh ta thường hay bị cảm lạnh và viêm họng hoặc viêm phế quản; bởi thế, dù muốn dù không cũng cần phải tìm thầy thuốc để chữa chạy. Kevin này, chắc anh còn nhớ, trong buổi trò chuyện thứ hai với Mitchell, anh ta cũng đã hắt hơi và có nói là đang bị cảm xoàng? Tôi cảm thấy lần này phải gọi mưa tằm gió thế kia, bệnh tình anh ta nhất định thế nào cũng nặng thêm, dù trốn ở đâu, anh ta cũng mò ra hang ổ để tìm bác sĩ. Dĩ nhiên, đây là phát đạn ta bắn từ xa nhưng tôi tin thế nào cũng trúng đích, Kevin ạ.

Powell chỉ nhún vai.

- Phương án truy tìm này có lẽ phải tính kỹ lại thêm, nhưng chắc sẽ thành công đấy ạ.

“Ông già hiền hậu” tuy nghe nói nước đôi ấy nhưng mặt mày cũng rạng rỡ hẳn lên:

- Tôi cũng cho là như thế. Lúc này chưa ai nghĩ đến nó cả. Vì thế, ta có thể hoàn toàn rảnh tay hành động, chẳng sợ bị ai quấy rầy. Tôi đã thỏa thuận để anh được chỉ huy một nhóm điều tra đặc biệt – tôi xoay được bằng cách nào, điều đó không quan trọng, nhưng quả là tôi đã làm được chuyện đó. Mở màn, anh hãy đảo một vòng, thăm các bác sĩ nội khoa trong thành phố Washington này. Cố dò xem có ai trong số họ đã chạy chữa cho một người giống như anh bạn đào tẩu của chúng ta không. Nếu họ quên, anh cố tìm cách gợi chuyện để giúp họ nhớ lại. Anh phải bịa ra một chuyện gì đó cho thật mùi tai vào để họ có thể cư xử cởi mở với anh. À, còn chuyện này nữa. Cố mà che mắt những ai hay tò mò, ưa dòm ngó vào công việc của chúng ta đấy nhé.

Powell đứng dậy để từ biệt:

-Thưa ngài, tôi xin làm tất cả những gì khả năng mình cho phép.

- Tuyệt. Tôi biết ngay là có thể gửi gắm niềm hy vọng của mình vào ai. Anh biết đấy, vụ nay cứ ám ảnh tôi mãi. Nghĩ thêm được gì hay tôi sẽ thông báo cho anh ngay. Chúc anh may mắn.

Powell bước ra khỏi phòng làm việc. Khi cửa đã khép lại sau lưng ông ta, “ông già hiền hậu” lại mỉm cười, vẻ mãn nguyện.

Khi Kevin Powell bắt đầu công việc tẻ nhạt đến cùng cực là đi dò hỏi các vị

bác sĩ nội khoa ở Washington thì người có vẽ ngoài dễ gây ấn tượng bước ra khỏi chiếc tắc-xi, đỗ lại trước cổng cửa hàng quân trang Sunny. Sáng hôm ấy, hẳn ta cũng đã nghiên ngẫm tập hồ sơ gồm những bản sao in theo lối xê-rốc, toàn bộ những văn bản mà Powell vừa nhận được lúc nãy. Hẳn nhận được chiếc cặp hồ sơ nọ từ tay người đàn ông có vẽ ngoài đường bệ. Và một kế hoạch lùng tìm Malcolm của riêng hẳn đã hình thành ngay trong đầu, khi hẳn vừa gấp cặp hồ sơ lại. Trước đấy một giờ, hẳn đã lượn tắc-xi qua khắp các đường ngang ngõ tắt trong khu vực này. Bây giờ, hẳn chuyển sang đi bộ. Hẳn đảo qua khắp các tiệm rượu, các sạp báo, các công sở và nhà tư, nghĩa là bất cứ nơi nào mà hẳn nghĩ là Malcolm có thể dừng chân trong phút chốc. Đến đâu, hẳn cũng chìa bức vẽ của kẻ trốn tránh ra dò hỏi. Nếu ai đó tỏ vẻ bức mình hoặc nói chung không muốn trò chuyện cùng hẳn thì hẳn lập tức rút ra một trong năm tấm giấy chứng nhận mà người đàn ông có vẽ ngoài đường bệ đã xoay cho để bắt người ấy trả lời. Đến 15 giờ 30 chiều thì hẳn đã mệt nhoài nhưng vẫn cố không để lộ sự mệt mỏi đó ra trên nét mặt dễ gây ấn tượng. Rõ ràng chưa bao giờ hẳn tỏ ra nhất quyết như bây giờ. Hẳn ghé vào một tiệm Hotshop để uống một tách cà phê. Lát sau, trước khi bước ra, hết như một chiếc máy bay, hẳn chìa cho cô thu ngân bức vẽ và mảnh giấy chứng nhận là nhân viên FBI. Bất cứ ai ở vào địa vị hẳn chắc cũng đều sững sốt y hết như hẳn, khi nghe cô gái tuyên bố là cô ta nhận diện được người vẽ trong ảnh.

- Đúng thế, chính mắt tôi nhìn thấy thằng chó đẻ ấy. Hẳn ta vội vã đến mức chỉ kịp vớt tiền lên quầy rồi chuồn thẳng. Tôi đã bị rách mất đôi tất dài vì phải chui xuống tận dưới gầm quầy hàng tìm đồng xu hẳn ném đấy.

- Hẳn đi có một mình à?

- Đúng thế. Một mình. Ngừ ấy thì ai còn dám đánh bạn?

- Cô có nhận thấy hẳn chuồn về ngả nào khi rời khỏi đây không?

- Dĩ nhiên là có. Giá có súng trong tay, thế nào tôi cũng đã cho hẳn một phát để tiết nọc cái giống chó đẻ ấy đi. Hẳn chuồn về hướng kia kìa.

Ông khách tò mò lấy tiền ra trả rất mực tử tế và không quên gửi thêm nguyên cả một đô-la để trả công, rồi đi về phía cô ả bán hàng vừa mách. Hẳn chẳng nhận thấy một điều gì có vẻ khác thường hoặc đáng chú ý ở đây

cả... Vừa nghĩ thế, hắn vừa tạt vào một bãi giữ xe. Và chỉ trong chớp mắt, hắn đã biến thành một cảnh sát Washington. Hắn đến bên ông già giữ xe béo ị, đầu đội mũ phớt, hỏi dò.

- Người này ư? Có đấy, tôi có nhìn thấy anh ta. Nhưng anh ta đã lên xe với cô “bồ” của anh ta chuồn mất rồi.

Người có vẻ ngoài dễ gây ấn tượng nheo mắt:

- Trời, “bồ bịch” nào nữa vậy?

- Với một cô ả chuyên đóm điệu cho mấy ngài trạng sư. Văn phòng của họ vẫn thuê tháng cho xe cộ của đám nhân viên giúp việc ở tại bãi này. Cô ả thì của đáng tội, chẳng phải loại nghiêng nước nghiêng thành. Nhưng trông cũng hay hay. Chắc ông hiểu tôi muốn nói gì chứ ạ?

- Vâng, tôi hiểu chứ. – nhà “thám tử” đáp – gì chứ khoản ấy thì tôi hiểu. Thế cô ấy làm gì? Tên họ ả thế nào, bác nhớ chứ?

- Ông chờ cho tí nhé. – chiếc mũ phớt lập tức biến ngay vào cái chòi gỗ cạnh đó. Và chỉ trong nháy mắt, trước mặt viên “cảnh sát” tò mò đã bày ra quyển sổ đăng ký. – Để tôi xem tí nhé. Đây rồi, số phiếu 63... Số 63... À, tên họ đây: Ross, Wandy Ross. Còn đây là địa chỉ nhà riêng: đường Alexandrie, số nhà... - Đôi mắt nheo nheo của gã “cảnh sát” lướt trên dòng chữ, và trí nhớ hắn ghi nhớ ngay những gì vừa nhìn thấy. Rồi đôi mắt đó lại ngược lên nhìn thẳng vào mặt người giữ xe đội mũ phớt.

- Cảm ơn bác. – người có vẻ ngoài dễ gây ấn tượng nói thế rồi trở gót đi ngay.

- Không dám. Này, thế anh chàng ấy đã giở những trò gì vậy?

Hắn dừng bước, quay mặt lại, đáp vội:

- Chẳng có gì đặc biệt. Thật đấy, chẳng có gì. Chúng tôi tìm anh ta vì anh ta đang lâm vào... một thế nguy, thế thôi. Nhưng chuyện đó chẳng việc gì đến bác đâu, đừng sợ. Chúng tôi chỉ muốn biết chắc là anh ta chưa mất mạng, thế thôi...

Mười phút sau, người có vẻ ngoài dễ gây ấn tượng đã đứng trong một chòi điện thoại công cộng. Ở đâu đó, đầu dây đằng kia của thành phố, người có vẻ ngoài đường bộ đã lập tức nhắc máy lên – chiếc máy chỉ năm thì mười họa mới đổ chuông, vì số máy đó không đăng ký trong bất cứ quyển danh

bạ nào.

- Vâng, tôi nghe đây, - ông ta đáp sau khi nhận ra giọng nói của người quen trong máy.

- Tôi vừa lần ra một dấu vết còn mới tinh khô.

- Tôi biết ngay là thế nào anh cũng dò ra. Cắt người theo dõi ngay đi. Nhưng anh hãy dặn trước hẳn là khoan hăng ra tay, chờ đến khi tình thế buột hẳn chẳng thể dùng được nữa đã, nhé. Lần này, tôi muốn chính anh thanh toán, để tránh mọi sơ xuất. Nhưng khoản đó, sau ta hãy tính. Bây giờ, tôi có nhiệm vụ khẩn cấp cho anh đây.

- Về ông bạn “ốm” của cánh ta chứ gì?

- Đúng, chính hẳn. Sức khỏe của hẳn tôi e là “nguy ngập” đấy. Ta gặp nhau tại địa điểm số “bốn”, nhớ đến gấp gấp lên nhé. – Rồi ông ta đặt máy xuống.

Người có vẻ ngoài dễ gây ấn tượng còn ở lại trong chòi điện thoại một lát để gọi thêm một cú dây nói nữa. Xong xuôi, hẳn vẫy một chiếc tắc-xi chạy qua, rồi biến mất trong bóng hoàng hôn đang thong thả buông xuống thủ đô...

Một chiếc xe tải nhỏ, có mui, hãm phanh, đỗ lại ở phía bên kia đường, đối diện với căn nhà Wandy, đúng vào lúc cô gái bưng lên cho Malcolm một đĩa bít-tết nóng sốt. Người lái xe có thể nhìn rõ một cánh cửa ra vào của gian phòng Wandy đang ở, tuy rằng hẳn ta phải chịu khó cúi gập cái thân hình khăng khiu, cao lênh khênh trong một tư thế rất gò bó. Hẳn chăm chú quan sát căn phòng của Wandy, vẻ sốt ruột...

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

Thứ bảy

- Anh thấy trong người ra sao rồi, có khá không?

Malcolm nhìn Wandy và buộc lòng phải thú thực đã khoẻ lên nhiều. Cổ họng hầu như đã hết đau, tuy người vẫn còn thấy hơi mệt. Giấc ngủ li bì gần suốt một ngày đêm đã khiến sức lực chàng trai hồi phục hoàn toàn, đến nỗi khó mà nói là trận ốm vẫn còn hay đã dứt hẳn.

Sức lực càng khá lên bao nhiêu, nỗi lo âu càng day dứt tâm trí Malcolm bấy nhiêu. Anh biết hôm nay đã là thứ Bảy. Nghĩa là các bạn đồng sự của anh đã bị giết và anh nổ súng bắn vào kẻ đi với Chim Sẻ, tính đến nay, vừa chẵn hai ngày. Hiện giờ các nhóm điều tra chắc chắn là đang lùng sục khắp mọi xó xỉnh của Washington để tìm anh, tìm Malcolm cho bằng được. Trong các tổp đó có ít nhất là một bọn chỉ lăm le hạ sát anh. Các tổp còn lại chắc hẳn cũng chả dành cho anh một tình cảm nào đặc biệt. Trong một ngăn kéo của một chiếc tủ com-mốt ở trước mặt đang có một xấp tiền, mà nếu anh không cuồn đi, thì chắc chắn cũng sẽ lọt vào một tay nào đó, đột nhập vào căn phòng người bạn đồng sự bị giết chết một cách thâm hiểm. Thế mà chính anh thì lại nằm khoèo ở đây, ốm đau, không tài nào hình dung nổi tại sao lại xảy ra cái biến cố ghê gớm ấy và chưa biết sẽ làm gì đây. Đã vậy lại còn kẻ bên vách một cô ả ngỗ nghĩnh, miệng lúc nào cũng tươi cười, trên người đang mặc một chiếc áo may-ô mỏng dính.

Malcolm cất giọng khàn khàn:

- Em biết đấy, anh thật chẳng làm sao hiểu nổi những gì đang xảy ra nữa, Wandy ạ.

Thật thế, chàng trai không tài nào hiểu nổi các sự kiện vừa qua. Suốt mấy tiếng đồng hồ miên man suy nghĩ, anh chỉ có thể đi đến một kết luận: có thể có bốn cách cắt nghĩa ít nhiều hợp lý cho biến cố đó – một kẻ nào đó đã bí

mật chui vào hàng ngũ nhân viên ban 17; một kẻ nào đó đã tiến công vào tiểu ban anh; một kẻ nào đó cố mua chuộc Heidegger, dụ dỗ anh ta làm “tay sai” cho hắn, đã để lại một đồng tiền trong phòng anh ta; và một kẻ nào đó đang lăm le khử anh, là Malcolm.

- Thế bây giờ anh định làm gì? – Wandy hỏi.

- Anh chịu đấy, vẫn chưa biết tính liệu sao đây, - Malcolm đáp, giọng vừa tuyệt vọng, vừa hồ nghi. – Chắc chiều nay anh sẽ thử gọi dây nói một lần nữa cho phòng “Báo động” xem sao, nếu em chờ giúp anh tới một chòi điện thoại công cộng nào đó, xa khu vực này một chút.

Wandy chồm hẳn người về phía chàng trai, đặt nhẹ lên trán anh một chiếc hôn.

- Anh muốn đi đâu, em sẽ đưa anh đến đó, - cô gái mỉm cười đáp và lại ôm chầm lấy Malcolm, hôn anh lần nữa.

Khi Wandy trở gót quay ra, Malcolm vào ngay nhà tắm. Tắm xong, anh lắp chiếc mắt kính tiếp xúc vào, rồi lại lên giường nằm. Wandy lại lên phòng ngủ, ăn mặc như sắp đi dạo phố. Cô ném lên giường bốn tập sách mỏng, rồi giải thích:

- Không rõ anh thích đọc gì. Nhưng âu cũng là để anh khỏi nóng ruột trong lúc em đi vắng.

- Em đi đâu? – Malcolm phải nghỉ giữa chừng câu nói, để hớp một hớp không khí, vì cổ họng anh vẫn đau. – Em định đi đâu thế?

Wandy cười:

- Anh gần thật. Em phải đi chợ một lát. Thức ăn thức uống ở nhà hết cả rồi. ngoài ra, em phải mua cho anh một món gì. Anh mà ngoan – kể ra anh cũng khá ngoan rồi đấy, - em sẽ làm cho anh lác mắt một chuyến. – Cô đi ra cửa, nhưng nửa đường lại dừng lại, quay về phía người bạn trai: - Có ai gọi cửa, anh đừng trả lời nhé. Nhưng nếu nghe hai tiếng chuông ngán, rồi một tiếng dài, là em gọi đấy.

Nói của đáng tội, không biết em có đủ tài để nhanh chóng học được những ngón nghề của một nhân viên tình báo giỏi không đây? Khách khứa nhà em ít lắm. Cho nên cứ ở yên trên gác, thì chẳng ai biết trong nhà đang có người

đâu. – Rồi cô gái thêm, nhưng giọng nghiêm túc hơn: - Dẫu sao, anh cũng đừng lo. Đồng ý chứ? Sống trong nhà em, anh sẽ được tuyệt đối an toàn mà. – Nói xong, Wandy quay lại xuống nhà dưới.

Malcolm vừa mới cầm một quyển sách lên đã nghe thấy giọng cô bạn ở ngay trước cửa phòng ngủ:

- Em mới chợt nghĩ ra ý này. Nếu cổ họng em cũng đau không khéo phải xem viêm họng là bệnh truyền nhiễm chứ, anh nhỉ?

Malcolm ném nhanh quyển sách vào cô bạn, nhưng trượt mất.

Khi Wandy mở cửa, đi ra lấy xe hơi, cô không hề nhận thấy gã tài xế ngồi trên chiếc xe tải có mui, đỗ trước nhà, giật mình, như vừa choàng tỉnh sau một giấc ngủ dài. Vẻ ngoài của hắn hết sức bình thường. Chỉ có hơi lạ là sáng nay, mặt trời tiết xuân đang rực rỡ ở trên cao thế kia mà gã vẫn cứ trùm hụp trong chiếc áo mưa rộng thùng thình, dường như sợ sẽ bị tiết trời chơi khăm cho một vố vậ. Gã háu háu đôi mắt nhìn Wandy, cho xe ra khỏi bãi đỗ và lao vút đi. Đoạn gã liếc mắt xem đồng hồ đeo tay. Gã quyết định chờ thêm ba phút nữa...

Thứ Bảy, lễ thường, vốn là ngày nghỉ của hầu hết các viên chức trong chính phủ. Ấy thế nhưng thứ Bảy hôm đó, nhiều viên chức của các công sở này nọ mặt mày lại hết sức ủ dột, vì công việc vẫn bù đầu bù óc. Một người trong số đó chính là viên nhóm trưởng nhóm điều tra đặc biệt Kevin Powell. Ông đã cùng các nhân viên dưới quyền đi dò hỏi 216 bác sĩ, y tá, thầy thuốc trẻ mới ra trường và nhân viên các cơ quan y tế, nghĩa là hơn một nửa tổng số các bác sĩ nội khoa và chuyên gia tai-mũi-họng hành nghề tại thủ đô Washington này. Đồng hồ đã chỉ 11 giờ. Toàn bộ những gì Powell có thể báo cáo lại với “ông già hiền hậu”, đang ngồi sau chiếc bàn gỗ hồng sắc, chỉ vền vện có thể này: không kết quả.

Tuy nhiên, nét mặt ông “già” không hề thay đổi vì cái tin ngán ngấm đó.

- Chả sao đâu, anh bạn ơi. Cứ tiếp tục tìm nữa đi. Đây, lúc này tôi chỉ có thể nói với anh có vậy thôi. Cứ tiếp tục tìm. Nếu để gọi là an ủi, tôi sẽ nói

với anh thế này, Kevin ạ: ta đang đi đúng hướng hơn bất kỳ ai khác. Ta với họ chỉ có mỗi một điểm khác nhau – họ đã dùng hết mọi khả năng của họ rồi, và bây giờ không còn biết làm gì khác hơn là ngồi đợi. Hơn nữa, lại thêm một sự kiện bất ngờ nữa xảy ra: Wazerby đã chết.

Powell sửng sốt:

- Hình như ngài có cho tôi biết là sức khoẻ của lão đã khá lên nhiều rồi kia mà.

“Ông già hiền hậu” nhún vai, dang rộng hai tay:

- Quả có thể thực. Thậm chí họ đã định hỏi cung lão ta đêm hôm qua hoặc sáng sớm nay. Nhưng vào lúc hơn một giờ khuya, nhóm điều tra kéo đến bệnh viện để lấy cung, thì lão đã chết thẳng cẳng.

- Vì lẽ gì thế ạ? Giọng Powell đầy vẻ ngờ vực, thậm chí không chỉ đơn thuần có vậy.

- Vì lẽ gì ư? Tên gác cửa thề sống thề chết là ngoài nhân viên bệnh viện ra, không hề thấy một ai khác vào phòng cả. Vì Wazerby đang điều trị tại cơ sở y tế riêng, đặt ngay tại Langley, nên tôi tin chắc là họ phải cho thi hành mọi biện pháp để đảm bảo an ninh cho lão. Căn cứ vào tình trạng lão bị choáng tại chỗ và bị mất máu nhiều, các bác sĩ cho rằng lão chết chắc chỉ vì vết thương, mặc dù trước đó, họ đã khẳng định lão có đầy đủ mọi cơ hội để sống sót. Người ta hiện đang cho điều tra để làm rõ lý do.

- Kỳ lạ thật, kỳ lạ hết chỗ nói.

- Đúng, kỳ lạ hết sức. Và chính vì thế nên lại càng khả nghi hơn. Nói chung, toàn bộ câu chuyện này thật bí ẩn. Suốt từ đầu chí cuối. Nhưng chuyện đó, ta đã nói với nhau hôm nọ rồi. Bây giờ, tôi sẽ giao thêm một nhiệm vụ nữa cho anh đây.

Powell chồm người lên mặt bàn, lắng nghe. Lúc này, ông ta càng thấy người rã rời vì mệt nhọc.

Người cao tuổi nói tiếp:

- Như tôi đã nói với anh là cách điều tra của CIA, lẫn FBI, đều khiến tôi không hài lòng. Bây giờ, nói chung, họ đã lâm vào bế tắc. Nguyên nhân, theo tôi là họ đã tiếp cận vấn đề không đúng. Họ truy lùng Malcolm hệt như một thợ săn tìm mồi. Dù là những thợ săn lão luyện đi nữa, họ vẫn bỏ

qua một số nhân tố. Tôi muốn nói là anh hãy đi tìm anh ta như kiểu chính anh là con mồi ấy. Anh đã đọc toàn bộ hồ sơ về anh ta, mà chúng ta đã thu thập được trong tay. Anh đã đến tận nhà của anh ta để quan sát. Bây giờ, anh phải “cảm nhận” anh ta như một con người, như một nhân cách, mới được. Anh hãy tự đặt mình vào địa vị anh ta, rồi xem việc đó sẽ dẫn tới đâu. Có thể mới hy vọng thành công.

Tôi nêu cho anh một vài gợi ý bổ ích đây. Ta thừa biết là anh ta nhất định phải dùng một phương tiện di chuyển nào đó mới đến được cái nơi anh ta hiện đang ẩn náu, đúng không nào? Không cần thông thái gì lắm, anh cũng phải đồng ý với tôi rằng đi bộ nhón nhơ ngoài đường cố nhiên là dễ bị để ý và dễ lộ hơn gấp bội. Bên FBI thì họ tin chắc rằng gần như một trăm phần trăm là anh ta không dùng tắc-xi. Tôi không thấy có lý do gì để hoài nghi lập luận hoặc cách hành động của họ. Đã thế, vị tất anh đã dám trèo lên xe buýt, nhất là khi bên nách lại kè kè một bọc quần áo cùng hành trang, vừa mới tậu được ở cửa hàng bán quân trang. Đã bao giờ anh gặp trên xe buýt một người bị truy lùng như thế chưa?...

- Bởi vậy, nhiệm vụ của anh tựu trung là như thế này: chọn lấy một vài cậu, dễ tâm đầu ý hợp và thật chịu khó, rồi bắt đầu truy lùng từ nơi người ta đã gặp Malcolm lần chót. Rồi anh cứ tưởng tượng là mình đang chạy trốn, hết như chính anh ta đang làm.

Trước khi từ biệt, Powell ngược nhìn gương mặt tươi cười của người cao tuổi và nói khẽ:

- Còn một chi tiết kỳ lạ nữa trong toàn bộ câu chuyện này, thưa ngài. Đó là Malcolm chưa bao giờ được đào tạo để làm một điệp viên hoạt động bí mật. Anh ta chỉ là một nhân viên nghiên cứu và phân tích đơn thuần. Thế mà, ngài xem, anh ta hành động tuyệt vời biết bao!

- Đúng, kỳ lạ thật, - người cao tuổi đáp, rồi mỉm cười, nói thêm: - Anh thế nào không biết, chứ riêng tôi, tôi ao ước được gặp mặt Thần Ủng của chúng ta quá đi mất! Cố tìm anh ta đi, Kevin ơi, tìm chóng lên, cho tôi được nhờ với...

... Malcolm thấy thèm một tách cà phê không sao chịu được. Cà phê nóng sẽ sưởi ấm cho cái cổ họng đang đau và giúp đầu óc thêm tỉnh táo. Nghĩ

thế, anh lần xuống bếp. Nhưng chỉ mới kịp đặt ấm pha cà phê lên bếp, anh đã nghe thấy tiếng chuông réo trước cửa.

Anh dừng phắt lại. Khẩu súng ngắn đang còn nằm trên mặt chiếc bàn con, kê cạnh đầu giường. Anh rón rén nhón gót lần ra cửa. Một hồi chuông nữa lại réo vang. Malcolm thở phào nhẹ nhõm, khi anh nhìn thấy qua chiếc kính lúp, lắp trên cửa, một người đưa thư khoác áo mưa, vai đeo cái túi thư nặng trĩch, trên tay cầm một gói bưu kiện nhỏ, vẻ mặt ưỡ oải, như ngái ngủ. “Bực thật, - anh nghĩ bụng, - nếu không mở cửa lúc này, lát nữa ông lại đến quấy Wandy, vì cái gói giấy cầm trên tay kia”. Anh ngăm mình: chỉ mặc độc một cái quần thể thao với chiếc may ô cột tay. “Thây kệ, - anh quyết định, - ông đưa thư, chứ phải ai đâu, mà sợ mất thể diện”. Thế là anh mở cửa.

- Chào ngài, hôm nay ngài thấy trong người đã dễ chịu hơn rồi chứ ạ?

Lời hỏi thăm của người đưa thư chân tình đến mức khiến Malcolm chỉ còn cách mỉm cười để đáp lễ và cất giọng khàn khàn:

- Tôi chỉ cảm qua quít thôi ấy mà. Có thể giúp bác gì đây?

- Có gói bưu kiện gửi cho cô... - người đưa thư chột ắp úng và tỏ ra bối rối, cười với Malcolm như thể xin lỗi, - à, cho cô Wandy Ross ạ. Đây là loại bưu kiện phát riêng, phải mang tận nhà, để người nhận ký vào biên nhận mà.

- Cô ấy đi vắng mất rồi. Lát nữa bác ghé lại, được không?

Người đưa thư gãi gáy, vẻ phân vân.

- Dĩ nhiên là được ạ. Nhưng giá ngài ký giúp một chữ, thì đỡ lách kích cho tôi hơn. Của đáng tội, ông sếp của tôi ở nhà được cái không câu nệ. Ai ký cũng gật, miễn có chữ ký trên biên nhận.

- Được, thế tôi ký cho, - Malcolm nói. – Bác có bút đấy chứ?

Người đưa thư vỗ hết túi trên lại túi dưới, nhưng chẳng tìm ra bút.

- Thế thì bác vào trong này, chờ một lát, - Malcolm mời. – Tôi đi lấy bút đã.

Người đưa thư cảm ơn, rồi bước vào phòng, với tay khép ngay cửa lại.

- Ngài giúp tôi nhiều thế này, thật là quý hoá, - người đưa thư nói một câu nhiều ngụ ý.

Malcolm nhún vai.

- Có gì đâu. Chuyện vặt ấy, nào đáng gì. – Rồi anh quay lại bước xuống bếp, tìm bút. Lúc đã đi khuất, tâm trí anh bất giác sinh nghi, khi thấy người đưa thư đặt gói bưu kiện xuống, mở cái túi đựng thư ra.

Người đưa thư rất lấy làm mừng rỡ vì tình thế đã xoay chuyển theo hướng thế này. Lão chỉ nhận được lệnh dò xét xem Malcolm có thật đang nường nấu trong căn nhà này không, và bí mật theo dõi căn phòng. Lão chỉ được phép ra tay, khi đã nắm chắc phần thắng. Lão thừa biết là nếu thanh toán được Malcolm thật gọn nhẹ, thì nhất định lão sẽ hưởng công hậu hĩnh. Với con bé nọ, lão sẽ tính sau... Nghĩ thế, lão rút khẩu tiểu liên có lắp bộ phận giảm thanh trong chiếc túi đựng thư ra...

Malcolm vừa vòng qua góc nhà để xuống bếp, thì một tiếng “rắc” khẽ vang lên – lão “đưa thư” lắp băng đạn vào súng. Anh không tìm thấy bút, nên chỉ mang cái ấm cà phê và chiếc tách không lên nhà, định bụng sẽ mời bác “đưa thư” để mển một tách cà phê nóng và chắc chắn “bác ta” sẽ rất vui lòng ra về, để lát nữa quay lại.

Lần này, chàng trai sở dĩ thoát chết chẳng qua chỉ vì vừa mới vòng qua góc nhà, để vào phòng, thì anh bỗng thấy lù lù cái họng súng tiểu liên đen ngòm chìa thẳng vào ngực, và không hề ngẫm nghĩ lấy một giây chuyện gì sẽ xảy ra sau đó anh vừa đi vừa ném mạnh cái ấm pha cà phê đang sôi cùng chiếc tách trên tay vào lão “đưa thư”.

Lão “đưa thư” không nghe thấy tiếng bước chân của Malcolm từ dưới bếp đi vào. Vì thế, phản ứng đầu tiên của lão, khi nom thấy những đồ vật đó bay thẳng về phía mình là vội vã giơ cao tay lên, đưa khẩu súng ra che đầu. Cái ấm cà phê rơi xuống báng súng, bật nắp ra, và toàn bộ chỗ cà phê nóng trong đó xối xả trút thẳng lên tay, lên mặt lão.

Lão hét lên một tiếng như phải bóng, vất vội khẩu súng đi, tránh sang một bên. Khẩu tiểu liên lăn long lóc trên sàn nhà một quãng khá xa, rồi chui tọt vào dưới gầm chiếc bàn con mà Wandy đặt chiếc máy quay đĩa và bộ loa stereo. Malcolm tuyệt vọng lao tới, định nhặt khẩu súng nhưng bị gã “đưa thư” ngáng chân, nên ngã dụi. Nhưng nhờ kịp chống hai tay, nên anh nhóm ngay dậy: Gã “đưa thư” tung người, bay ngang qua Malcolm. Giá cú đá của

gã trúng đích, thì chắc chắn chàng trai đã vỡ sọ!

Tuy suốt sáu tháng nay không ghé đến các bãi tập lần nào, nhưng lão “đưa thư” vẫn khéo léo thu gọn người trên không và hạ hai chân xuống sàn nhà đẹp. Ác thay, chiếc thảm trải hành lang của bà ngoại Wandy tặng cô đạo sinh nhật, lại rất trơn. Bởi thế, lúc gượng đứng lên thì hẫng mất thăng bằng, loạng choạng suýt ngã. Dẫu sao hẫng vẫn đứng dậy nhanh hơn Malcolm.

Lúc này, hai địch thủ đã đứng đối diện nhau, mắt gườm gườm như muốn ăn tươi nuốt sống nhau ngay. Malcolm chỉ cần bước thêm ba mét nữa là có thể đến được bên khẩu tiểu liên, đang nằm chờ chỏng dưới gầm bàn ở bên tay phải anh. Rất có thể là anh sẽ lấy được khẩu súng trước gã. Nhưng anh tin chắc mười mươi rằng lúc anh lấy khẩu súng, hẫng đã kịp cho anh một cú đá nữa vào lưng. Ngoài ra, anh cũng ở gần bên cửa ra vào hơn. Có điều cửa lại khoá trái mất rồi. Anh hiểu ngay là mình lại phải phí mất đi mấy giây quý giá để mở cửa. Thế thì nguy mất!

Lão “đưa thư” lặng thinh nhìn Malcolm. Toét miệng cười. Gã di di mũi giày trên mặt sàn, như muốn thử xem có tin cậy được cái của nợ ấy không. “Trơn quá”, - hẫng nghĩ bụng. Bằng một động tác nhanh nhẹn và khéo léo lạ thường, hẫng tuột giày ra khỏi chân, để chỉ còn đi bít-tất không. Tiếp đó, gã bỏ luôn cả tất. Bây giờ, đôi chân trần của gã đứng vững trên mặt sàn đánh xi bóng nhảy.

Malcolm nhìn địch thủ đang mỉm cười. Anh bắt đầu hiểu sự thất bại không thể nào tránh khỏi của chính mình. Và như thế chỉ còn có nước chờ chết. Dĩ nhiên, anh không thể biết địch thủ là một võ sĩ “đai nâu”, đã từng đoạt khá nhiều giải trong các cuộc thi tài về võ karate trước đây. Nhưng anh hiểu rõ rằng mình chẳng có cơ hội nào để thắng cuộc trong lần đọ sức này. Những tri thức thực tiễn của anh về các thủ thuật võ tay không là một con số không tròn trĩnh. Trước đây, anh đã đọc được hàng trăm đoạn miêu tả những cuộc ẩu đả, tỉ thí và thi tài bằng tay không trong các tập truyện trinh thám. Chuyện đó, anh cũng đã được xem trên màn ảnh nữa. Nhưng đánh đấm, thì cả đời, anh mới chỉ dự trận có hai lần. Hơn nữa, lại từ hồi còn bé. Trong hai lần ấy, anh chỉ thắng có mỗi một bận. Hồi còn học ở trường cao đẳng, anh từng được nghe người giáo viên thể dục lên lớp cho suốt ba tiếng đồng hồ

về những thủ thuật khôn ngoan của karate, mà ông học được hồi còn tòng ngũ trong thủy quân lục chiến. Giữa lúc nguy cấp này, Malcolm đã cố huy động trí nhớ, bắt chước những gì thầy giáo đã làm trước đây: hai chân hơi khụy..., hai bàn tay nắm lại..., tay trái che trước ngực, nắm tay hướng lên trên..., tay phải xuôi theo thân người, nắm tay để ngang thắt lưng...

Gã “đưa thư” nhích dần về phía trước, rút ngắn cái khoảng cách bốn thước rưỡi giữa hắn và nạn nhân. Đến lượt mình, Malcolm bắt đầu lùi theo đường vòng cung, để nhích dần sang phải. Anh tự lấy làm lạ: sao địch thủ lại dây dưa thế này? Khi khoảng cách giữa họ chỉ còn đúng hai thước, gã “đưa thư” bắt đầu tấn công. Hắn hét to lên một tiếng, như cánh tay trái sang phải, làm ra vẻ như định tát trái cho Malcolm một cái. Quả nhiên, Malcolm vội vàng né sang trái. Đúng như hắn mong đợi. Thế là hắn thu nhanh tay trái về, đồng thời rút vai trái lại và lấy gót chân trái làm trụ, xoay hắn người về bên phải. Xoay được đúng một vòng, chân phải hắn đột ngột “búng” mạnh về phía trước, nhằm thẳng vào đầu Malcolm.

Nhưng suốt sáu tháng ròng không tập tành gì là một thời gian quá dài để có thể trông đợi vào những kết quả khả quan, ngay cả khi phải đương đầu với một đối thủ nghiệp dư rất lơ mơ về võ nghệ. Cú đá đã không trúng đích – không đúng vào đầu Malcolm, mà chệch vai, và hất bật chàng trai về phía vách tường. Lúc bị dội ra, Malcolm đã hơi chúi người tới trước. Nhờ thế, anh thoát được cú đâm thô sơ của cánh tay bên phải của gã “đưa thư”.

Gã võ sĩ “đai nâu” câu tiết lắm. Đây là lần thứ hai hắn đánh trượt. Địch thủ của hắn, tuy có bị mấy cú đá nên thân, nhưng chưa phải đã là những miếng đòn sấm sét chết người. Hắn tự nhủ thầm: phải gấp gấp luyện tập trở lại, chờ đến ngày gặp một đối thủ xứng đáng hơn, biết rõ là phải làm gì và làm ra sao trong lúc tỷ thí.

Một thầy dạy võ có kinh nghiệm bao giờ cũng lưu ý với bạn rằng: trong môn karate, ngón đòn tâm lý vốn chiếm đến ba phần tư kết quả của cuộc đấu. Hiểu rõ mười mười chuyện đó, gã “đưa thư” liền cố tập trung toàn bộ ý chí về việc nhanh chóng thanh toán đối thủ. Toàn bộ tâm trí hắn đều dồn hết cho việc giải quyết nhiệm vụ này, đến nỗi hắn không nghe tiếng Wandy mở cửa bước vào – cô cố làm thật khẽ, để Malcolm khỏi thức giấc. Cô gái

quay về bất thần, vì bỏ quên mất tập ngân phiếu ở nhà.

Wandy có cảm giác như mình đang nằm mơ. Chứ trong đời thực làm gì có cảnh này: ngay giữa phòng cô, hai người đàn ông đang đứng đối diện nhau trong một tư thế khó lòng hình dung nổi. Một trong hai người là Malcolm của cô, tay trái đang gồng lên, sẵn sàng hàng động. Còn người kia là một kẻ lạ mặt, cô chưa từng gặp bao giờ, đang quay lưng về phía cô. Rồi bất thần cô bỗng nghe kẻ lạ mặt nói khễ, giọng đầy vẻ dọa dẫm: “Thôi, đủ rồi đấy, mày đã gây nên không biết bao nhiêu trò rắc rối, khó chịu!...”. Khi hấn ta từ từ nhích từng bước ngấn về phía Malcolm, cô gái rón rén chạy ngay xuống bếp, xách lên một con dao phay rỗ dài, treo trên một hàng đinh, móc la liệt những dụng cụ làm bếp sáng loáng ánh thép khác. Rồi cô quay ngay lên nhà, thận trọng tiến lại chỗ người lạ mặt đang đứng, từ phía sau tới...

Gã “đưa thư” nhận ra ngay tiếng gót giày nện rất khễ trên sàn gỗ. Hấn lệ làng làm một động tác giả, dọa Malcolm, rồi đường đột quay về phía địch thủ mới. Nhưng khi nhìn thấy đó chỉ là một cô gái mặt mày tái xanh tái xám vì sợ hãi, vụng về cầm một con dao thái thịt bên tay phải, thì nỗi lo lắng vừa mới xâm chiếm tâm trí hấn một giây trước đấy, đã lập tức tiêu tan. Hấn vừa tiến nhanh về phía cô gái, vừa khéo léo làm mấy động tác giả sơ đẳng trong karate. Cô nữ địch thủ tức thì lùi lại, người run bần lên vì sợ hãi và căng thẳng. Hấn chỉ để cô gái lùi đến bên mép chiếc đi văng, thì lập tức xông tới. Cánh tay trái của hấn “búng” nhanh ra trước theo hình vòng cung. Con dao phay tức thì văng ra khỏi bàn tay đỡ của Wandy, khi hấn chém nhanh cạnh bàn tay của mình vào cánh tay cô gái. Tiếp theo, hấn tát trái một cái thật mạnh, đến nỗi gò má bên phải cô gái tức thì đỏ tía lên. Choáng vàng vì cú đòn bất ngờ, Wandy ngã dụi xuống đi văng gần như ngất lịm đi tức khắc.

Nhưng gã “đưa thư” đã quên mất điều răn thứ nhất của môn karate, mà bất kỳ võ sĩ nào cũng phải tuân thủ khi đương đầu với nhiều địch thủ cùng một lúc: hễ bị hai hoặc nhiều người tấn công, bạn phải di chuyển; đồng thời, lần lượt nhanh chóng đánh trả từng đối thủ một. Nếu giữa lúc tỷ thí mà bạn quên không để ý đến dù chỉ một địch thủ thôi thì dẫu có làm vô hiệu những đối thủ còn lại, bạn vẫn có nguy cơ chuốc lấy thất bại. Sau miếng võ quật

ngã được Wandy rồi, đáng lẽ gã “đưa thư” phải lập tức quay lại với Malcolm ngay, tấn công anh tiếp. Nhưng hắn đã không làm thế, mà vẫn muốn trừ khử hắn đối thủ dễ xơi này.

Lúc Wandy bị hắn ta quật ngã, Malcolm có đủ thì giờ để nhặt khẩu tiểu liên lên. Anh chỉ bắn bằng tay trái. Tuy vậy, anh vẫn chia súng vào gã “đưa thư”, ngắm cẩn thận, đúng lúc hắn giơ cao tay trái lên, chuẩn bị giáng cho cô bạn một cú đấm chết người vào mạng mỡ.

- Đẹp cái trò hung hăng ấy đi! – Malcolm thét to.

Gã “đưa thư” quay ngoắt về phía đối thủ chính. Đúng lúc ấy anh bóp cò. Khẩu tiểu liên giảm thanh chỉ im tiếng khi ngược gã đưa thư đầm đìa máu đỏ, từ cả một đám vết đạn lỗ chỗ trào ra. Loạt đạn đã hất cái xác của hắn ra đi-văng và ném thẳng xuống sàn nhà đánh “bịch” một cái.

Malcolm cầm lấy hai tay Wandy kéo mạnh, mắt phải cô gái sừng húp. Một dòng máu đỏ vẫn rỉ ra từ một vết xước nhỏ trên má. Cô gái vừa nức nở không thành tiếng, vừa nhắc đi nhắc lại luôn mồm mấy tiếng vô nghĩa:

- Ôi, trời ơi! Ôi, trời ơi!...

Malcolm phải mất gần năm phút mới trấn tĩnh được cô bạn. Rồi anh mở cửa chớp ra, thận trọng nhìn xuống đường. Tất cả đều im ắng, không một bóng người. Trên chiếc xe tải có mui, đỗ ở bên kia đường, hình như vẫn chẳng có ai. Malcolm trao lại cho cô bạn khẩu tiểu liên, rồi lên gác. Anh dặn cô hãy bắn nát sọ bất cứ ai định xông vào phòng. Anh hối hả mặc áo quần, nhét hết tiền bạc, quần áo và tất cả những gì Wandy đã mua cho mình vào một chiếc vali để không của cô bạn. Lúc anh xuống nhà, thì cơn choáng của cô đã qua hẳn. Anh bảo cô lên gác thu xếp đồ đạc ngay. Trong khi chờ cô bạn, anh lục soát cái xác chết trên sàn nhưng chẳng thấy gì. Mười phút sau, Wandy đã trở lại, với chiếc vali trong tay, mặt đã rửa ráy sạch sẽ.

Malcolm hít một hơi thật dài, rồi mở cửa. Anh khoác chiếc vét-tông trên cánh tay đang cầm khẩu súng ngắn. Anh không thể bắt mình xách theo khẩu tiểu liên, vì đoán biết bọn kia đã dùng nó vào việc gì. Chẳng ai nổ súng vào anh... Anh tiến lại bên chiếc xe tải. Vẫn không thấy ai bắn, và bốn phía không hề có một bóng người... Anh gạt đầu ra hiệu cho Wandy.

Cô nhanh chóng chạy đến bên anh, hai tay xách hai chiếc vali khá nặng. Họ lên xe và anh thận trọng cho xe rời chỗ đó...

... Powell mệt lả người. Ông đã cùng hai thám tử Washington lùng sục không thiếu một đường ngang ngõ tắt nào trong khu vực mà người ta nhìn thấy Malcolm lần chót. Họ cũng đã ghé vào từng nhà để dò hỏi. Ngán ngẫm, Powell tựa lưng vào một cột đèn, nghỉ lấy hơi, cố vắt óc tìm một ý mới, một cách điều tra mới, thì chợt nhìn thấy một thám tử đi cùng hót hơ hót hải chạy lại.

Viên thám tử ấy là Andrew Walsh, làm việc ở ban bài trừ tệ trộm cướp. Vừa đến nơi, anh ta đã phải vịn vào tay Powell, để giữ thăng bằng.

- Tôi nghĩ là tôi đã tìm được một đầu mối, ngài Powell ạ. – Walsh nói một hơi, rồi ngừng lời để thở. – Ngài ra lệnh đi dò hỏi xem có ai đó đã hỏi han gì về vấn đề ta đang bận tâm không. Thế là tôi tìm được một ông giữ xe, ở một bãi giữ xe hơi gần đây. Ông ta cho hay là có một viên cảnh sát đã gặng hỏi ông ta đủ điều hệt như là muốn lập hồ sơ về chuyện đó.

- Lại trò quý quái gì thế nữa? – Powell cảm thấy mệt mỏi đến mức chẳng buồn gỡ tay ra.

- Ông ta nhận diện được Malcolm trên bức vẽ, mà viên cảnh sát nọ chìa ra. Hơn nữa, ông ta còn cho biết đã thấy Malcolm lên xe hơi của một cô gái. Tên và địa chỉ cô ấy đây, thưa ngài.

- Chuyện này xảy ra lâu mau rồi? – Powell cảm thấy như sắp bị ốm nặng.

- Hôm qua, chiều hôm qua.

- Nào, thế thì nhanh chân lên! – Powell lao ngay lại chỗ chiếc xe ông đang đậu. Mặt đầm đìa mồ hôi, viên thám tử vừa thở hỗn hển, vừa hối hả theo sau.

Họ mới qua được ba khúc phố, thì chiếc máy điện đàm trên xe chợt réo vàng.

Powell nhắc máy lên:

- Tôi đây, Powell đây.

- Thưa ngài, nhóm kia vừa mới thông báo là đã tìm được bác sĩ, tên là Robert Knudsen, nhận diện được Thần Ưng. Ông ta tuyên bố: hôm qua, có

đến chữa cho Thần Ưng đang bị viêm họng, tại nhà một cô gái, tên là Wandy Ross. Tôi đánh vần từng chữ đây ạ: E-rơ-ô-es-es...

Powell ngắt lời người đang nói:

- Chúng tôi đang trên đường đến căn nhà ấy đây. Tôi yêu cầu tất cả các nhóm hãy tiếp cận ngay căn nhà. Nhưng đừng đến gần quá, trước lúc tôi có mặt tại đó. Hãy chỉ thị cho họ phải khẩn trương lên, nhưng chú ý phải tuyệt đối giữ im lặng và hết sức khẩn trương. Bây giờ, chuyển máy cho tôi nói chuyện với sếp đi.

Mãi một phút sau, Powell mới nghe thấy giọng nói quen thuộc của sếp khẽ vang lên trong máy.

- Kevin đấy à? Có chuyện gì vậy?

- Chúng tôi đang trên đường tiến đến căn nhà Malcolm nướng náu đây ạ. Cả hai nhóm – cả chúng tôi lẫn nhóm kia nữa – đã cùng một lúc phát hiện được căn nhà ấy. Mọi chi tiết, tôi sẽ trình bày tỉ mỉ sau. Tôi chỉ lo một điều: đã có ai đó dùng giấy tờ cảnh sát, để dò tìm Malcolm, mà không trình báo kết quả phát hiện của anh ta, đúng theo điều lệnh quy định.

Người có tuổi, mãi một lúc sau, mới lên tiếng:

- Điều đó có nhiều ý nghĩa lắm đấy, anh bạn ạ. Nhiều lắm. Nhớ là phải thật thận trọng nhé. Hy vọng là anh sẽ đến được kịp thời.

Sếp ngừng liên lạc, Powell gác máy. Ông cố tìm mọi cách để làm quen với ý nghĩ: chắc chắn là mình đã chậm chân mất rồi.

Mười phút sau, Powell và ba thám tử nữa bấm chuông nhà Wandy. Họ chờ gần một phút mà vẫn không thấy tiếng trả lời. Người to béo nhất trong bọn liền đập mạnh cửa.

Năm phút sau, Powell đã báo lên cho sếp những gì vừa phát hiện được trong phòng:

- Kê lạ mặt, chúng tôi không nhận diện được. Ăn mặc theo kiểu nhân viên đưa thư. Nhưng rõ ràng là hãn giả danh. Trên sàn, vẫn còn nằm khẩu tiểu liên giảm thanh. Chắc bọn chúng đã dùng nó hôm tiến công “Hội Văn-Sử”. Xem xét hiện trường, có thể giả định là hãn và ai đó, - có lẽ là Malcolm thôi, đã quần nhau tay không. Malcolm đã nhanh tay hơn, chớp được khẩu súng. Tôi đoán chắc khẩu súng là của tên kia, vì trong chiếc túi đựng “thư”

có may mắn một ngăn riêng, để cất cái của nợ đó. Theo tôi hình dung thì số Malcolm vẫn đỏ. Chúng tôi cũng tìm được cả ảnh cô chủ nhà. Ngoài ra, cũng phát hiện được cả số xe hơi của cô ta. Ngài có chỉ thị gì không ạ?

- Thông báo qua cảnh sát toàn bộ kết quả cuộc điều tra tại hiện trường, cứ cho là một vụ... án mạng bình thường cũng được. Tin đó sẽ phần nào giảm nhẹ bớt nỗi lo lắng của “anh” nào đó đang chăm chú theo dõi những hoạt động của cánh ta và sử dụng những tài liệu chính thức của ta. Bây giờ, tôi chỉ muốn biết kẻ lạ mặt bị giết kia là ai, và muốn biết thật sớm. Anh hãy gửi ảnh và dấu tay của hắn cho tất cả các cơ quan điều tra, yêu cầu họ tìm hiểu gốc gác hắn và thông báo ngay cho ta kết quả. Nhớ đừng để lộ một tin nào khác, ngoài những gì phát hiện được tại hiện trường. Còn các nhóm của anh, thì anh hãy tung ngay họ đi mọi nơi, để tìm Malcolm và cô bạn anh ta. Trước mắt, chắc ta phải chờ kết quả thẩm xét về lại lịch gã “đưa thư” kia thôi.

Khi Powell và các cộng sự của ông rời văn phòng Wandy, ra ô tô, thì một chiếc Sedan thẫm màu từ từ chạy ngang qua mặt họ. Ngồi sau tay lái là một gã cao lênh khênh và gầy quắt queo. Bên cạnh hắn là người có vẻ ngoài rất dễ gây ấn tượng, giấu cặp mắt tinh tường sau chiếc kính râm to tướng. Hắn ra hiệu cho gã lái xe chạy tiếp, đừng dừng lại khi thấy nhóm Powell đi qua. Không một ai để ý đến hai người ngồi trên xe, kể cả Kevin Powell từng trải...

... Malcolm loanh quanh một hồi trong khu Alexandrie, cho đến lúc gặp một cửa hiệu bán xe hơi cũ, có một bãi đỗ lộ thiên. Anh dừng lại cách đó hai quãng phố, rồi bảo Wandy đi tậu một chiếc ô tô khác. Mười phút sau, Wandy đã lái từ bãi đỗ lộ thiên về một chiếc Dodge đã dùng rồi nhưng còn tốt, sau khi đoan chắc với ông chủ tiệm họ tên mình đích thực là cô Agerton, để ông ta ghi vào phiếu bán xe, và trả thêm cho cửa hiệu một trăm đô-la tiền mặt. Malcolm cho xe bám sát theo sau xe cô bạn. Họ đến một công viên vắng vẻ. Hai người cặm cụi đối số xe cho nhau. Xong xuôi, họ chất hết hành trang lên chiếc Dodge mới tậu, rồi ung dung lên đường.

Malcolm ngồi sau tay lái suốt năm tiếng liền. Dọc đường, Wandy không hề thốt ra lấy một lời. Rồi họ dừng xe lại trước Ô-ten Parisburg ở bang

Virginia. Malcolm khai tên họ là ông bà Evans, để thuê một phòng trọ. Anh cho xe đỗ khuất sau lưng Ô-ten “để chiếc Dodge khỏi bắt bụi của xe cô nướm nượp chạy qua đây” như lời anh cắt nghĩa. Nghe ông khách trẻ nói vậy, bà chủ Ô-ten, một mệnh phụ đã già, chỉ nhún vai, rồi quay ngay lại với chiếc máy thu hình của bà. Trước đây, bà đã từng gặp không ít khách thuê phòng căn cơ chẳng kém.

Wandy ngả lưng ngay trên giường, nằm im, không hề nhúc nhích. Malcolm từ tốn thay áo quần. Anh uống thuốc, lấy chiếc mắt kính cận ra, rồi ngồi xuống bên cô bạn.

- Sao em không thay quần áo đi, rồi ngủ một lát, Wandy?

Cô gái quay đầu lại, từ từ ngược cặp mắt đờ đẫn nhìn Malcolm:

- Tất cả những chuyện ấy phải chẳng là chuyện thực? – cô gái nói khẽ, giọng không còn một mảy may cảm xúc. – Tất cả những chuyện ấy quả thực đã xảy ra ư? Và anh đã giết hẳn ta?... Anh đã giết người đó ngay tại phòng em?...

- Vấn đề rất giản dị - hoặc là hẳn, hoặc là chúng mình. Chuyện đó em thừa biết. Và lại, chính em cũng đã vác dao xông vào đấy thôi.

Wandy quay mặt đi.

- Vâng em biết.

Wandy ngồi dậy, chậm rãi thay áo quần. Rồi cô tắt đèn, lên giường nằm. Lần này, cô không ôm ghì lấy chàng trai, mà cuộn tròn người lại bên mép giường. Một tiếng sau, Malcolm thiếp đi. Nhưng cô bạn vẫn không sao nhắm mắt được...

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

CHỦ NHẬT

- Kevin ạ, tôi nghĩ: thế là ta tiến thêm được ít nhiều rồi đấy chứ!

Câu nói của sếp tuy đầy vẻ phẫn chấn và lạc quan nhưng cái cảm giác mụ mẫm đầu óc đã đánh đai lấy tâm trí Powell suốt hai hôm nay vẫn không sao vơi bớt đi được. Chân tay ông rã rời vì mệt mỏi. Nhưng không phải cái mệt mỏi về thể chất đó khiến ông bồn chồn, lo lắng. Ông vốn quen chịu đựng với những tình thế còn nghiệt ngã, còn căng thẳng hơn nhiều, đến mức gần như không còn thời gian giờ để nghỉ ngơi nữa kia. Nói của đáng tội, suốt ba tháng vừa qua, ông chẳng phải làm gì khác hơn là nằm khàn cho sức lực chóng hồi phục. Chính vì lẽ đó nên ông mới đổ lười và chủ nhật nào cũng quen nằm rồn thêm trên giường cho đến tận chín, mười giờ sáng. Tuy nhiên, lý do chính khiến ông bị kích động là sự mù mờ của nhiệm vụ đang phải cáng đáng hiện nay. Từ trước tới giờ, Powell chỉ tham gia điều tra những vụ mà ngôn ngữ nhà nghề vẫn gọi là “post factum” (việc đã rồi). Hai năm học hành và vốn kinh nghiệm tích lũy được suốt mười năm lăn lộn trong nghề bây giờ chỉ được đem dùng vào giải quyết một công việc phụ là thu nhập những thông tin cũ mèm và vô bổ. Phàm là cảnh sát, anh nào mà chẳng làm nổi thứ công việc ấy. Và chán vạn gì anh đã làm được rất giỏi giang đấy thôi. Vì thế, Powell không thấy lạc quan như sếp của ông.

- Nhưng đã tiến thêm được gì đâu ạ, thưa ngài? - Powell hỏi bằng một giọng cung kính tuy trong thâm tâm ông đang cáu đến cùng cực. – Đã dò ra được dấu vết gì của Thần Ưng và cô bạn của anh ta đâu mà ngài mừng vội thế?

- Khoản ấy thì chưa. – Người cao tuổi mặt mày vẫn rạng rỡ vì mãn nguyện mặc dù đêm qua, mãi tận khuya ông mới được chợp mắt. – Nhưng không loại trừ khả năng là chính cô gái đã tậu chiếc Dodge đó. Tuy vậy, cho đến bây giờ, vẫn chưa ai dò được tăm hơi chiếc xe ấy, mà cũng chẳng ai nhìn thấy mặt mũi nó nữa. Không, ta tiến thêm được ở hướng khác kia: ta đã dò

được tung tích cái gã “đưa thư” bị giết hôm nọ.

Đầu óc Powell tức thì sáng hẳn ra. Người cao tuổi tiếp:

- Tên hẳn là Calvin Lloyd. Trước là trung sĩ thủy quân lục chiến Hoa Kỳ. Năm 1959, đang làm cố vấn cho một đại đội thủy quân lục chiến Nam Triều Tiên thì bỗng dưng biến mất. Có tin đồn – mà chắc là đúng thôi – hẳn đã nhúng tay vào vụ giết mẹ con một bà nội trợ rất nhẵn nhụi ở Seoul. Bộ chỉ huy hải quân có cho điều tra vụ này nhưng không tìm được bằng cứ trực tiếp để buộc tội hẳn. Tuy nhiên, có dư luận cho rằng hẳn và mẹ nội trợ kia thường xuyên làm cái việc bí ối là dặt gài cho đám lính tráng đóng tại căn cứ hải quân nọ. Được ít lâu thì hai bên trực trặc với nhau về chuyện giá cả, lời lãi gì đó. Rốt cục, người ta tìm thấy xác của hai mẹ con ở sau nhà; còn Lloyd thì trốn biệt. Bộ chỉ huy thủy quân lục chiến có cho truy tìm nhưng không tỏ ra hứng thú gì lắm. Đến năm 1961, thì Cục tình báo hải quân được tin hẳn chết bất đắc kỳ tử tại Tokyo. Nhưng hai năm sau, người ta lại được tin: Lloyd đang buôn vũ khí ở Lào. Anh hình dung xem: trong vụ này, hẳn chỉ đảm đương phận sự của một cố vấn kỹ thuật thôi chứ không phải là đứa đầu trò đâu nhé. Chính vào thời gian ấy, hẳn móc nối với một anh chàng mang tên là Vincent Dale Maroule. Về nhân vật này, lát nữa tôi sẽ kể tỉ mỉ sau. Tiếp đó, đến năm 1965, Lloyd lại biệt tăm biệt tích lần nữa. Và cho mãi đến hôm qua, người ta vẫn đinh ninh rằng hẳn đã chết rấp ở đâu đó từ lâu lắm rồi.

Người cao tuổi ngừng lời. Powell hăng giọng như muốn tỏ cho sếp biết ông định hỏi gì đó. Người cao tuổi lễ độ gật đầu tỏ ý bằng lòng. Powell lên tiếng:

- Kể cũng mừng đấy. Ít ra bây giờ ta đã biết gã “đưa thư” nọ là ai. Nhưng tin ấy có thể giúp ích gì cho việc điều tra chúng tôi?

Người cao tuổi giơ ngón tay trở bên trái lên với nhiều ngụ ý.

- Kiên nhẫn một tí chứ, anh bạn. Ta vội mà làm gì, phải đi tuần tự từng bước một. Lát nữa, ta sẽ xem những nẻo đường nào đã giao nhau và chúng gặp nhau ở đâu.

Kết quả khám nghiệm tử thi của Wazerby đã nêu ra một giả thuyết hay hay. Nếu tính đến những biến cố nào được dùng là chỗ dựa cho giả thuyết ấy, tôi

thiên về hướng cho rằng đây là một giả thuyết đầy hứa hẹn. Người ta giả định rằng Wazerby chết vì trong máu lão ta xuất hiện những bọt khí. Tuy nhiên, các nhà giải phẫu bệnh lý từ chối khẳng định dứt khoát điều giả định trên đây. Các bác sĩ điều trị thì khẳng định với ý kiến cho rằng: nguyên nhân của cái chết đó mang tính chất thuần túy ngoại lai; vì thế họ tuyên bố không chịu trách nhiệm về tai biến. Tôi hoàn toàn tán thành ý kiến đó. Rất tiếc là Wazerby đã chết nên chúng ta không thể hỏi cung lão. Nhưng theo tôi nghĩ, đối với ai đó, cái chết của lão ta là một lối thoát đặc địa nhất trong tình cảnh hiện thời của hắn. Tôi muốn nói là không còn lối thoát nào hay hơn nếu anh định gặng hỏi tôi.

Tôi tin chắc rằng Wazerby là một nhân viên “hai mặt” tuy tôi không thể trả lời dứt khoát hắn ta làm việc cho ai. Hồ sơ của “Hội” liên tục biến mất hết tập này sang tập khác; một kẻ lạ mặt mang theo giấy chứng minh nhân dân do các cơ quan nhà nước cấp hẳn hoi đã sục sạo khắp thành phố, tiến hành điều tra riêng và bao giờ cũng đi trước chúng ta đến vài ba bước chân; rồi tính chất và phương pháp tiến hành chiến dịch thanh toán các nhân viên của “Hội”... Tất cả những bằng cứ đó đã chứng tỏ rằng thông tin nội bộ của chúng ta đã bị rò rỉ. Bây giờ, khi Wazerby đã bị khử rồi, ta có thể giả định hẳn chính là thủ phạm của sự rò rỉ đó, nhưng đồng thời chính hắn là mối đe dọa đầy nguy hiểm đối với ai đó còn nguy hiểm hơn hắn nhiều. Ngoài ra, còn vụ bắn nhau đầy khó hiểu trong con hẻm sau dãy rạp chiếu bóng ấy nữa. Vấn đề này, của đáng tội chúng ta đã từng thảo luận đến rồi. Tuy nhiên, trong óc tôi ngay từ lúc đó đã nảy ra một ý mới.

Tôi có yêu cầu một chuyên gia về đạn đạo dưới quyền khám nghiệm một lần nữa vết thương trên xác Chim Sẻ và trên người Wazerby. Ông ta cho rằng: phát đạn làm bị thương Wazerby rõ ràng làm của súng ngắn cỡ 35, đầu đạn làm bằng một thỏi chì mềm. Trong khi đó thì phát đạn trên cổ họng Chim Sẻ gây nên một vết thương khác hẳn: nhỏ và tròn. Theo ý kiến của ông ta, đó là hai vết thương do hai loại vũ khí khác nhau gây ra. Sự kiện đó và cả sự kiện Wazerby không bị hạ sát ngay tại chỗ khiến cho câu chuyện bắn nhau trở nên hết sức khả nghi. Tôi nghĩ: chắc vì một lí do nào đó Malcolm đã nổ súng, nhưng làm Wazerby bị thương xong thì anh ta tẩu

thoát ngay. Wazerby tuy bị què nhưng chưa nặng lắm nên hẳn vẫn thanh toán Chim Sẻ, kẻ đã chứng kiến cuộc đọ súng từ đầu chí cuối. Nhưng đó chưa phải là cái tin thú vị nhất đâu anh bạn ạ.

Từ 1958 đến hết năm 1969, Wazerby đã có mặt ở Châu Á. Trụ sở chính của hẳn đặt tại Hồng Kông nhưng địa bàn hoạt động thì rộng hơn nhiều: Triều Tiên, Nhật Bản, Đài Loan, Thái lan, Cam-pu-chia và cả Việt Nam nữa. Bước đường hoạn lộ của hẳn cứ lên vùn vụt – từ một điệp viên quèn, chẳng mấy chốc hẳn đã leo lên chức giám đốc một trung tâm tình báo khu vực. Chắc anh đã để ý là tại khu vực đó, vào thời gian trên, chính gã “đưa thư” vừa chết của ta cũng đang có mặt. Bây giờ, cho phép tôi đi lạc đề một tí nhé. Những điều tôi sắp nói lý thú vô cùng. Anh có biết người mang tên Maronic là ai không, Kevin?

Powell chau mày, cố dỏng tai lên nghe.

- Chắc hẳn là một thứ điệp viên đặc biệt, chuyên cáng đáng những nhiệm vụ tối mật phải không ạ? Một “nghệ sĩ tự do” như thiên hạ quen gọi, tôi đoán thế...

Người cao tuổi mìm cười, đặc ý ra mặt:

- Đúng thế đấy. Chỉ có điều tôi không dám đoán chắc là mình đã hiểu đúng những gì anh muốn ngụ ý khi dùng từ “đặc biệt” thôi. Nếu anh muốn ngụ ý là “cực kỳ tài giỏi, kín đáo, thận trọng và hết sức hữu hiệu” thì anh hoàn toàn đúng. Còn nếu anh muốn ám chỉ là “trung thành và đáng tin cậy về một phương diện nào đó” thì anh nhầm to, Kevin ạ. Vincent Maronic từng là – và nếu tôi không lầm, thì đến giờ vẫn là một điệp viên xuất sắc nhất, như anh nói, một “nghệ sĩ tự do” ưu tú nhất hiện nay và chắc hẳn là điệp viên tài ba nhất của thế kỷ XX này vì những khả năng và biệt tài của hẳn. Về khoản tổ chức và tiến hành các chiến dịch khẩn cấp hay như vẫn nói, “tức thời” đòi hỏi phải khôn ngoan, khéo léo và thận trọng thì không nghi ngờ gì nữa, hẳn là thánh sống giáng trần. Tay nghề của hẳn thì khỏi nói - ít ai sánh kịp. Chúng ta vẫn chưa biết hẳn tu nghiệp ở đâu. Có điều không ai chối cãi, hẳn là dân Mỹ chính cống, Kevin ạ. Nhưng tư chất và khả năng, xét riêng từng thứ một, thì dĩ nhiên không phải là xuất sắc và siêu phàm, độc nhất vô nhị rồi. Trước kia, mà cả bây giờ cũng thế thôi, từng có những

chuyên gia cao tay hơn trong việc hoạch định các kế hoạch điều tra và tác chiến, có những xạ thủ bắn giỏi hơn, có những phi công, lính dù, v.v... lái máy bay, điều khiển dù,... tài hơn Maronic. Nhưng không một ai bền chí và kiên tâm hơn hẳn trong việc đạt đến những mục tiêu đã định, và không một ai sắt đá, tàn nhẫn hơn hẳn trong hành động. Những tính cách đó đã giúp hẳn rất nhiều trong công việc phát triển những khả năng to tát vốn có, biến chúng thành những trợ thủ hữu hiệu lạ thường mà những địch thủ của Maronic tuy cũng có khả năng không kém nhưng không sao phát huy được. Hẳn là một tên rất cáo già, là một trong những địch thủ vốn, không nhiều lắm, mà tôi không muốn chạm trán tí nào, và thậm chí có thể làm tôi khiếp sợ.

Vào đầu những năm 60, hẳn lại xuất đầu lộ diện. Lần này, hẳn làm việc cho Pháp, hoạt động chủ yếu tại Alger. Anh nên lưu ý là cùng với những hoạt động đó, hẳn còn đảm đương thêm một số việc có liên quan đến một vài quyền lợi mà người Pháp còn duy trì được tại Đông Nam Á. Từ đầu năm 1963, người của ta bắt đầu để ý đến hẳn. Vào những thời gian khác nhau, hẳn đã từng làm việc cho người Anh, người Ý, cho bọn Nam Phi, Cônggô, Canada và thậm chí đã giúp chúng ta tiến hành hai điệp vụ theo yêu cầu của Cục. Ngoài ra, hẳn còn đóng vai cố vấn trong một tổ chức của ta, và như thế là hẳn đã nghiêm nhiên chống lại chủ cũ, tức người Pháp. Việc gì hẳn cũng làm trót lọt không sai phạm, hoàn toàn làm hài lòng những ông chủ đứng ra thuê. Không hề có một chứng cứ nào chứng tỏ hẳn không hoàn thành công việc được giao. Công xá, bao giờ hẳn cũng được trả rất hậu. Người ta đồn rằng tuy thế, hẳn chỉ thích những vụ làm ăn lớn. Nói chung, vẫn chẳng hiểu tại sao hẳn lại thích thế mặc dù cả những vụ nhỏ hẳn cũng được thù lao rất sộp. Tôi cho rằng sở dĩ như thế chung qui vì các vụ làm ăn lớn đã cho phép hẳn thi thố trọn vẹn những tài năng của chính mình, và đáp lại, công lao phải được đền bù xứng đáng – tuy theo con đường bán hợp pháp. Bây giờ, tôi mới kể đến cái chuyện lý thú đã hứa mới rồi.

Năm 1964, Maronic chuyển sang làm ăn tại Đài Loan. Vì một số lí do nào đó không rõ, ta bắt đầu lo ngại. Hẳn chả là một chuyên gia cao tay mà! Hơn nữa, hẳn háms lợi quá quắt, ai thuê cũng làm ngay miễn là vớ được thật

bầm. Nói của đáng tội, lâu nay hẳn chưa hề làm gì phương hại đến ta. Nhưng đó chỉ là chưa có cơ hội thôi. Vì thế, Cục chúng ta quyết định: phải khử gấp Maronic. Nhưng đây mới là điểm chính, Kevin ạ. Anh biết ai đang cầm đầu cơ quan tình báo ta ở Đài Loan khi cái lệnh khử Maronic được gửi đến đó không?

Powell gần như tin chắc một trăm phần trăm vào lời giải đoán của chính mình nên đánh liều đáp ngay câu hỏi đó bằng một câu hỏi:

- Wazerby?

- Hoàn toàn đúng. Chính Wazerby đã đứng ra nhận trách nhiệm thi hành chiến dịch ấy. Sau đó, hẳn thông báo về trung tâm là chiến dịch hoàn tất mỹ mãn trừ một thiệt hại nhỏ. Hẳn cho gài bom vào phòng ngủ của Maronic. Khi bom nổ, cả tên nhân viên gài bom lẫn Maronic đều bị “giết chết”. Hai cái xác dĩ nhiên là bị biến dạng hoàn toàn vì sức nổ của quả bom. Wazerby “đã đến thị sát tại chỗ” và xác nhận kết quả của chiến dịch.

Bây giờ, ta quay lại chuyện cũ một tí nhé. Anh có viết Maronic đã dùng ai làm tay chân để tiến hành ít nhất là năm vụ gần đây không?

Chuyện này chẳng có gì phải đoán cả nên Powell đáp ngay, giọng đầy tự tin:

- Gã “đưa thư” vừa bị giết, trung sĩ Calvin Lloyd.

- Anh lại đúng. Tôi nêu thêm ra đây một bằng cứ quan trọng nữa chứng tỏ là ta đã suy nghĩ đúng. Chúng ta không bao giờ có trong tay đầy đủ mọi thông tin về Maronic. Nói của đáng tội, cũng có vài tấm ảnh hẳn ta đẩy nhưng chất lượng rất tồi. Cả nhân dạng và nhiều thứ nữa cũng có nhưng đều chung chung, đại khái. Anh đoán xem, hồ sơ cá nhân của ai đã mất tích nào? – Người cao tuổi lần này không để cho Powell có cơ hội đoán định nữa mà trả lời luôn câu hỏi của chính mình – Của Maronic, dĩ nhiên. Ngoài ra, cả hồ sơ của trung sĩ Lloyd chúng ta cũng không sao tìm thấy. Họ làm ăn khá đấy chứ?

- Vâng, khá thật. – Powell vẫn chưa tài nào thấu hiểu hết những gì bí ẩn trong vụ này. Ông đành cất tiếng hỏi thẳng, giọng không giấu giếm vẻ ngờ vực: - Nhưng vì lẽ gì ngài lại tin chắc chính Maronic đã nhúng tay vào vụ án mạng tại trụ sở “Hội Văn-Sử”.

Người cao tuổi mỉm cười:

- Tôi thử tìm cách chứng minh cho cách giải đoán của chính mình bằng con đường suy luận lô-gích. Tôi cố lục tìm trong trí nhớ và cố ngẫm nghĩ xem ai là kẻ trù tính và tiến hành cái chiến dịch tàn khốc nhằm sát hại các nhân viên “Hội Văn-Sử”. Đến lúc phát hiện thấy hồ sơ của Maronic bị mất – hẳn là một trong số mười kẻ bị tình nghi là hung thủ - tôi lại càng nghi ngờ tợn. Tiếp đó, Cục tình báo hải quân gửi đến hồ sơ của Lloyd. Tập hồ sơ đã giúp tôi nhận diện được lai lịch kẻ bị giết và cũng giúp tôi phát hiện được rằng trước kia, hẳn đã có thời làm việc cùng Maronic. Óc tôi sáng dần ra. Đến khi biết thêm cả hai đều có dính dáng đến đại tá Wazerby thì bức tranh bắt đầu hiện lên rõ nét hơn. Suốt từ sáng đến giờ, tôi đã bắt cái đầu già nua của tôi phải động não cật lực, mặc dù lẽ ra tôi chỉ nên đi cho bồ câu ăn hoặc ngồi thưởng thức vẻ đẹp cùng mùi hương của anh đào đang độ rộ hoa...

Gian phòng bất thần chìm vào yên lặng: người cao tuổi nghỉ cho đỡ mệt còn Powell thì lặng thinh để suy nghĩ. Đoạn, ông lên tiếng như thể tiếp tục nghĩ to lên những điều đang dẫn dắt đầu óc mình:

- Vậy, theo ngài, Maronic đang tiến hành một chiến dịch bí mật chống lại chúng ta, còn Wazerby trong một thời gian dài đã việc cho hẳn như một nhân viên “hai mặt” phải không ạ?

- Không, tôi đâu nghĩ thế. – Người cao tuổi nhỏ nhẹ phản đối.

Câu trả lời đó khiến Powell sửng sốt. Ông chẳng biết làm gì hơn là ngồi im, mở to mắt, chờ cho sắp lại tiếp tục câu chuyện.

- Câu hỏi chánh yếu và hiển nhiên nhất về vụ này là câu hỏi “tại sao”. Nếu đem toàn bộ những gì đã xảy ra và cách thức diễn biến của chúng ra mà phân tích thì tôi nghĩ rằng không thể giải đáp nổi câu hỏi kia bằng con đường suy đoán lô-gích, điều đó có nghĩa là ta đã bắt tay vào việc điều tra từ một giả thuyết sai: ta đã giả định rằng đối tượng chủ yếu của chiến dịch này là cơ quan CIA. Câu hỏi thứ hai mà ta cần trả lời là “ai chủ mưu”. Ai là kẻ sẵn sàng chi tiền và, như tôi giả định, chi khá hậu cho Maronic, cho Wazerby, và cả cho Lloyd nữa, vì công lao, vì hoạt động “hai mặt”, vì sự năng nổ của bọn họ trong vụ tấn công “Hội Văn-Sử”? Thậm chí dù có để ý đến bức thư giả, dựng một mớ vỏ đạn, tôi cũng không thể vạch mặt chỉ tên

cái kẻ đó – hoàn toàn không thể. Bởi thế, ta lại quay lại điểm xuất phát của ta: ai? Và chúng ta lại đi vòng quanh vô ích, trên thực tế là giẫm chân tại chỗ. Không, tôi cho rằng tốt hơn hết là ta nên tránh những câu hỏi đó và tránh cả câu trả lời nữa. Thay vào đó, ta cần đặt câu hỏi “cái gì?” hay đại để như vậy. Cái gì đã xảy ra trong thực tế? Nếu trả lời được câu hỏi ấy thì mọi câu hỏi khác sẽ tự khắc được đặt đúng chỗ và cả câu trả lời cho chúng nữa. Lúc này, tại thời điểm này, chỉ có một chiếc chìa khóa duy nhất để giải quyết vấn đề - “cái gì đã xảy ra?”. Và chiếc chìa khóa đó là anh bạn Thần Ưng của chúng ta.

Powell ngao ngán thở dài:

- Như thế là ta lại trở về với điểm xuất phát và ta buộc lòng phải truy tìm dấu vết Thần Ưng đã biến mất tăm mất tích.

- Hoàn toàn không phải thế. Tôi đã giao cho mấy nhân viên tìm hiểu thật tỉ mỉ những tài liệu liên quan đến thời kỳ Maronic, Wazerby và Lloyd cùng có mặt tại châu Á. – Để xem cái gì đã gắn bó họ với nhau. Dĩ nhiên, ta không loại trừ khả năng mấy nhân viên kia chẳng phát hiện được gì. Chẳng ai dám nói trước điều đó cả. Ngoài ra, tôi còn phải thêm mấy nhân viên nữa đi dò tìm Maronic.

- Với bộ máy nhận sự ngài đang có trong tay, nhất định ta có thể nhanh chóng phát hiện được ít nhất là một trong hai đối tượng – hoặc là Malcolm, hoặc là Maronic. Hai cái tên đó đặt bên nhau cứ như là hai nhân vật đối đầu trong một vở kịch vui vậy, phải không thưa ngài?

- Nhưng chúng ta sẽ không dùng bộ máy đó, Kevin ạ. Ta chỉ sử dụng những nhân viên trong tiểu ban của ta với một vài thám tử mà tôi đã may mắn tìm được ở Cục Cảnh sát Washington thôi.

Powell thậm chí dám tỏ vẻ bất bình:

- Chết chửa! Ngài chỉ có vồn vện đâu năm chục nhân mạng chứ nào có nhiều nhận gì! Hơn nữa, chắc gì bên cảnh sát họ đã đồng ý cấp thêm người. Trong khi đó thì CIA đã tung ra đến hàng trăm con người để điều tra. Ấy là chưa kể đến đám nhân viên bên FBI và cơ quan An ninh quốc gia. Nếu ngài giao cho họ những thông tin gốc mà ngài vừa thông báo với tôi thì chắc chắn họ sẽ có thể dễ dàng...

Người cao tuổi bình tĩnh nhưng hết sức dứt khoát, cắt đứt giữa chừng chuỗi suy luận đó của Powell:

- Kevin ơi, anh hãy ngẫm nghĩ kỹ một lát đi đã nào. Đây nhé: Wazerby là ket “hai mặt” hoạt động trong Cục chúng ta đúng không nào? Rất có khả năng là một số nhân viên nào đó tuy có chân trong nhóm điều tra nhưng lại làm tay sai cho hắn. Ta cứ giả định rằng chính hắn đã cấp giấy tờ giả cho họ, chuyển giao các thông tin cần thiết cho họ, và thậm chí còn đích thân tham gia vào các chiến dịch điều tra nữa. Nhưng nếu hắn đã là nhân viên “hai mặt” thì bây giờ ai sẽ là người đứng ra tổ chức việc thanh toán hắn, ai sẽ là người dò ra được cái bí mật được giấu giếm rất kỹ về lai lịch của hắn cũng như cung cấp cho tên giết người (mà rất có thể vẫn chính là Maronic thôi) những thông tin cần thiết về hệ thống bảo vệ an ninh trong quân y viện?

“Ông già hiền hậu” ngừng lời, và chờ cho đến khi bắt gặp trên nét mặt Powell cái dấu hiệu chứng tỏ ông ta dù đã hiểu rõ những điều mình định nói mới tiếp tục câu chuyện. – Vâng, đúng thế, còn một kẻ “hai mặt” nữa đang giữ một chức vụ rất cao trong Cục chúng ta. Ta không thể cứ tiếp tục mạo hiểm, bỏ qua cái chuyện tin tức nội bộ bị rò rỉ... Bởi thế, chừng nào chưa thể tin cậy được ai khác thì chừng đó phải tự mình đứng ra mà cáng đáng lấy công việc điều tra thôi Kevin ơi.

Powell nhú trán, phân vân một tí rồi cất tiếng hỏi:

- Tôi có thể phát biểu vài điều được chứ ạ?

Người cao tuổi tỏ vẻ ngạc nhiên thành thực một cách rất mực khéo léo:

- Dĩ nhiên. Sao lại không nhỉ, anh bạn? Tôi đang động não thực sự đây, thậm chí chờ anh không dè dặt gì trong việc chọc tức thượng cấp bằng những suy ngẫm của cá nhân nữa kia mà.

Powell nhếch mép cười mỉm:

- Chúng ta biết, hay ít ra là giả định, rằng tin tức vẫn tiếp tục rò rỉ mà lỗ rò là một nhân vật khá cao cấp. Thế tại sao ta không vừa tiếp tục truy tìm Malcolm, đồng thời vừa dốc sức vào việc bịt lỗ rò ấy lại? Chúng ta có thể xác định một nhóm nhân viên khả nghi nào đó rồi tập trung lại để xác định chính xác xem ai trong số họ là thủ phạm. Các chuyên gia theo dõi nội bộ

của chúng ta nhất định phải tìm ra những kẻ “hai mặt” ấy cho dù hiện nay bọn hắn không để lại bất cứ một dấu vết nào. Nhân tố áp lực buộc chúng, cái bọn “hai mặt” ấy, phải có những hành động này nọ. Ít ra, chúng phải duy trì việc tiếp xúc với Maronic chứ.

- Kevin này, - người cao tuổi nói khẽ - lập luận của anh vững vàng đấy, nhưng những xuất phát điểm mà anh dùng làm chỗ dựa cho giả thuyết này sẽ khiến kế hoạch của anh thành không tưởng. Anh cho rằng ta có thể xác định được những ai là kẻ khả nghi trong việc để rò rỉ tin tức chứ gì? Khốn thay bộ máy tình báo của chúng ta có một nhược điểm – và chính nhược điểm đó đã buộc ta phải lập thêm cái tiểu ban tôi đang phụ trách đây – là nó đồ sộ và phức tạp quá. Vì thế, cái nhóm nhân viên khả nghi anh nói đó có thể là 50 người nhưng cũng có thể là 100, thậm chí 200 nữa kia. Và dĩ nhiên, chính nhược điểm đó đã tạo điều kiện cho sự rò rỉ tin tức đấy. Ngoài ra, việc rò rỉ tin tức có thể không đi theo con đường thẳng mà đã thông qua một nữ thư ký hoặc một chuyên gia thông tin liên lạc nào đó vốn là kẻ “hai mặt”.

Mà cho dù việc rò rỉ tin tức không đi theo con đường “vòng” chẳng nữa – nghĩa là không qua các cô thư ký hoặc các nhân viên thông tin liên lạc – thì theo thôi một số lượng nhân viên đông đảo như thế, trên thực tế, chẳng khác nào theo dõi toàn bộ biên chế nhân sự của bộ máy chúng ta, một chuyện vị tất đã ai làm nổi. Anh có nhắc tôi là người của ta ít quá. Bởi thế, muốn thực hiện đề nghị của anh, ta phải “xoáy” được một mệnh lệnh đặc biệt; hơn nữa lại phải huy động cả những nhân viên có thể nằm trong nhóm bị chúng ta tình nghi vào công việc. Làm thế, dĩ nhiên ta sẽ chẳng thu được một kết quả nào.

Ngoài ra, ta lại phải đối đầu với một vấn đề quá ư quen thuộc đối với cái nhóm nhân viên mà ta có nhiệm vụ thẩm tra. Tất cả các nhân viên đó người nào cũng là dân tình báo chuyên nghiệp. Gì chứ sự phát giác sự theo dõi của ta, họ sẽ làm được một cách rất dễ dàng. Cho dù họ không cảm thấy được sự theo dõi ấy thì hệ thống bảo đảm an ninh riêng mà đơn vị nào trong bộ máy chúng ta cũng đều có, cũng sẽ mách cho họ biết thôi. Ta tránh né sao nổi những “cặp mắt không bao giờ ngủ” đó cơ chứ? Chẳng hạn, các

sĩ quan bên Cục tình báo không quân, đến nay vẫn phải thường xuyên “kinh qua” những cuộc thẩm tra định kỳ có lựa chọn rất cổ lỗ, để xem họ có bị kẻ nào theo dõi không, cũng như những cuộc trò chuyện điện thoại của họ có bị nghe trộm không. Người ra làm thế, phần thì để kiểm tra sự trung thành của đám sĩ quan kia nhưng cái chính là để nắm chắc tình hình xem có ai bị theo dõi không. Cho nên trong quá trình khám phá vụ này, nhất thiết ta phải tránh cả những “cặp mắt không ngủ” của các bộ phận đảm bảo an ninh ấy lẫn sự cảnh giác của chính những điệp viên dày dặn kinh nghiệm và cực kỳ thận trọng bị chúng ta tình nghi nữa.

Hiện giờ, ta đang phải đối đầu với một vấn đề, - người cao tuổi tiếp, hai tay đan vào nhau, - thuộc loại cổ điển của bộ máy hoạt động tình báo, Kevin ạ. Nước ta hiện có một tổ chức, có lẽ là lớn nhất thế giới, để đảm bảo an ninh quốc gia và thu thập tin tức tình báo. Nghĩa là một bộ máy mà mục đích của nó – thật mỉa mai cho số phận – là chặn đứng việc thất thoát tin tức trong nước, đồng thời thu thập thêm nhiều thông tin từ bên ngoài vào. Chúng ta có thể trong nháy mắt tung ra hàng trăm điệp viên và nhân viên được đào tạo rất công phu và rất giỏi tay nghề để xác minh một việc con con: tại sao cái cuống tờ biên lai tính cước hành lý lại bị dán không đúng chỗ quy định. Chúng ta cũng có thể tung “đạo quân” đó ra để chống lại một đám người nào đó và vài ngày sau sẽ biết hết tất cả những gì bọn họ đã làm và bọn họ là ai. Chúng ta cũng có thể gây một áp lực lớn không sao lường nổi với bất kỳ “điểm yếu” nào ta phát hiện được. Nhưng vấn đề của chúng ta thực chất rút lại thế này: chúng ta không thể nào tìm ra cái “điểm yếu” đó trong công việc của chính mình. Ta biết bộ máy chúng ta hiện đang bị rò ở đâu đó. Nhưng mãi đến giờ, ta vẫn chưa cô lập được cái khu vực trong đó có chỗ rò, mà lại không thể cho dừng máy hoặc tháo rời từng bộ phận ra để xác định chính xác lỗ rò đó hiện nằm ở đâu. Những việc làm kiểu đó sẽ hầu như vô ích và không chừng còn nguy hại nữa. Ấy là chưa kể đến chuyện chúng ta sẽ tạo nên một tình thế hết sức khó xử. Ngoài ra, hễ ta bắt tay dò tìm gốc gác của sự thất thoát tin tức, địch thủ của chúng ta sẽ lập tức biết ngay rằng ta đã đánh hơi thấy sự hiện diện của cái “lỗ rò” ấy.

Chìa khóa để giải quyết toàn bộ vấn đề này – đó là Malcolm. Chàng trai ấy

chắc sẽ chỉ được ngay cho chúng ta cái lỗ rò kia, hay ít ra cũng chỉ được cho chúng ta cái hướng để tìm kiếm. Nếu Thần Ưng làm được việc ấy hoặc nếu chúng ta phát hiện được một mối liên quan nào đó giữa cái chiến dịch của Maronic và một nhân viên nào đó trong cơ quan tình báo chúng ta, thì dứt khoát ta sẽ chỉ ra ngay ai là thủ phạm của việc thất thoát tin tức. Nhưng lúc này, ta vẫn chưa biết chắc mối liên quan đó có tồn tại hay không, những hành động của chúng ta chưa có hướng đi dứt khoát và chưa đưa lại một kết quả nào. Cách làm ăn đó, tôi không thích chút nào. Nó chẳng hữu hiệu và hiệu suất rất thấp.

Powel cố giấu vẻ ngượng ngập và bối rối, rồi lấy giọng một nhân viên nói với sếp, nhỏ nhẹ thưa:

- Thưa ngài, tôi có lỗi. Hình như tôi đã ăn nói mà chưa suy nghĩ chín chắn.

Người cao tuổi lắc đầu, kêu lên:

- Trái lại đấy, anh bạn ạ. Anh đã có ngẫm nghĩ đấy chứ, điều đó rất đáng khen. Điều mà hiện giờ ta không tài nào rèn luyện được cho nhân viên chúng ta – đó là suy nghĩ. Thực ra, đấy chính là điều mà những tổ chức to tát như bộ máy chúng ta đang cần phải có. Thà cứ suy nghĩ, cứ đề đạt các phương án riêng do chính các anh lập ra trong khi ngồi đây, ngay tại phòng làm việc này, bất chấp những gì tôi đã nói một cách hơi hấp tấp và chưa suy nghĩ chín chắn lắm, còn hơn cứ hành động như một robot trong tiến trình điều tra và phản ứng một cách mù quáng trước những tình huống mới. Cái trò đó chẳng mang lại cho ta một cái gì khác ngoài những chuyện bực mình. Mà không khéo còn tệ hơn thế nhiều – sẽ gây tổn thất về sinh mạng cho ta nữa. Kevin ạ, hãy ngẫm nghĩ tiếp đi; có điều nên nhớ là phải thật cẩn trọng và tinh tường trong cách tiếp cận vấn đề này.

- Nghĩa là chúng tôi vẫn cứ hành động theo kế hoạch cũ, phải không ạ: tìm Thần Ưng, đưa anh ta lành lặn và an toàn về “nhà”?

Người cao tuổi mỉm cười:

- Không hẳn thế thôi đâu, Kevin ơi! Tôi đã nghĩ rất nhiều về anh bạn Malcolm của chúng ta. Chàng trai đó chính là “chia khóa” của toàn bộ vấn đề. “Bọn họ”, dù chúng là ai đi nữa cũng mặc, chỉ muốn thủ tiêu anh ta và đang dốc hết sức lực ra làm việc đó. Nếu bảo toàn được tính mạng cho

Thần Ưng và nếu biến được chàng trai ấy thành mối đe dọa thật sự cho “bọn họ” khiến “bọn họ” phải dồn hết sức lực vào việc thanh toán anh ta thì lúc bấy giờ, ta mới thực sự biến được Thần Ưng thành cái “chìa khóa” đích thực. Cũng chính lúc đó, Maronic và đồng bọn của hắn sẽ cố sống cố chết để thủ tiêu Malcolm, và bởi thế, chúng sẽ trở thành “ổ khóa” của cái chìa kia. Nếu ta thật thận trọng và nếu ta gặp may, dù chỉ tí đỉnh thôi, ta sẽ sử dụng được cái “chìa” đó để mở chiếc “khóa” kia. Dĩ nhiên, việc trước tiên của ta là phải tìm cho được Thần Ưng đã, mà phải tìm khẩn trương lên, trước một ai đó không phải người của ta làm được chuyện này. Tôi đang cho thi hành nhiều biện pháp bổ sung, khả dĩ giúp ích thêm cho công việc tìm kiếm đấy. Bao giờ tìm được Thần Ưng ta sẽ đưa ngay anh ta vào những hoạt động sắp triển khai, để dò tìm chỗ rò rỉ tin tức.

Bây giờ, anh về nghỉ đi một lát, rồi tôi sẽ cho viên trợ lý của tôi đến gặp, truyền đạt lại những chỉ thị mới và giới thiệu thêm cùng anh những tin tức sốt dẻo bọn tôi vừa nhận được.

Powell đứng dậy và cất tiếng hỏi thêm những câu cuối cùng trước lúc ra về:
- Ngài có thể cho tôi xem một vài thứ hồ sơ cá nhân nào đó của Maronic ngay bây giờ được không ạ?

Người cao tuổi đáp:

- Tôi có yêu cầu một cậu bạn bên Paris gửi gấp bằng máy bay bản sao những hồ sơ cá nhân của Maronic về đây. Mai, máy bay mới cất cánh được. Cũng có thể bảo cậu ấy gửi sớm hơn đấy nhưng tôi sợ đánh động các đối thủ của ta. Hiện giờ, tôi chỉ có thể bổ sung thêm những gì tôi đã nói với anh về Maronic thế này thôi: hắn là người mà vẻ ngoài rất dễ gây ấn tượng, Kevin ạ.

Lúc Powell bước ra khỏi phòng làm việc của sếp cũng chính là lúc Malcolm vừa tỉnh giấc. Anh nằm yên mấy phút, nhớ lại những gì đã xảy ra trong mấy ngày vừa qua. Bất thần, một giọng nói dịu dàng thỏ thẻ bên tai anh:

- Anh không ngủ nữa ư?

Malcolm quay lại: Wandy đang nằm bên anh, tay chống má, nhìn vẻ rụt rè. Cảm giác đau trong cổ họng đã hết hẳn, giọng chàng trai nghe gần như bình

thường lúc anh thốt lên câu nói đầu tiên trong ngày:

- Chào em.

Wandy sôi nổi hẳn lên:

- Em... xin anh bỏ qua cho em về cách cư xử hồi tối hôm qua. Em muốn nói em đã xử sự chẳng ra sao cả. Em... chẳng qua chỉ vì chưa bao giờ nhìn thấy và làm những điều như thế, em bị choáng váng...

Malcolm bịt miệng cô bạn bằng một cái hôn.

- Chẳng có gì đáng lo đâu. Cảnh tượng ấy quá khủng khiếp thực.

- Thế bây giờ ta làm gì hả anh? – Cô gái hỏi.

- Anh cũng chưa biết rõ ta sẽ phải làm gì nữa.

Anh nghĩ chắc phải chờ ở đây ít nhất là một, hai ngày. – Chàng trai đưa mắt nhìn quanh gian phòng trần thiết rất mực đơn sơ – Thế này chắc sẽ buồn lắm đấy, Wandy ạ.

Cô gái nhìn anh và cười khanh khách:

- Không đâu, thế này mà còn buồn gì nữa.

Rồi cô hôn Malcolm, môi chỉ chạm nhẹ vào má anh. Nhưng ngay sau đó lại hôn lần nữa, đoạn ôm ghì lấy đầu anh, siết chặt vào ngực.

Nửa tiếng đã qua đi, nhưng họ vẫn chưa biết làm gì.

- Không lẽ ta cứ nằm bên nhau, âu yếm nhau mãi thế này sao? – Cuối cùng Malcolm cũng lên tiếng.

Wandy xịu mặt, hỏi lại, vẻ thách thức:

- Sao lại không nhỉ? – Nhưng ngay sau khi thốt ra khỏi cửa miệng câu đó, cô đã thở dài tiếc rẻ, dường như muốn thừa nhận Malcolm đã đúng. Em biết ta nên làm gì rồi! – Và cô ngoài người ra mép giường, lần tìm cái gì đó ở dưới sàn. Malcolm phải giữ chặt lấy cánh tay kia của cô bạn cho cô khỏi ngã.

- Gì thế em? Em làm gì dưới ấy? – Anh hỏi.

- Em tìm cái túi xách; em có mang theo vài quyển sách. Em muốn ta cùng đọc với nhau cho vui. Anh bảo anh rất mê thơ của Yeats(). – Wandy lại thò tay xuống gầm giường, lần tìm. – Malcolm, chắc em quên mang theo, chứ sao tìm mãi không thấy thế này? Mọi thứ đều vẫn y nguyên chỉ riêng mấy quyển sách là biến mất. Không khéo... Ái!

Wandy nhồm dậ và chậ vật lảm vẫn không sao rút được tay ra ra khỏi bàn tay của Malcolm bất thần nắm siết lại như hai cái mỏ kìm.

- Malcolm, anh làm gì thế? Đau chết đi được...

- Sách! Những quyển sách mất! – Malcolm quay ngoắt lại, nhìn chăm chăm vào mặt cô bạn. – Trong chuyện này, hẳn phải có gì đó rất hệ trọng đối với những quyển sách bị mất! Không chừng đó chính là nguyên do của tất cả các biến cố đấy!

Wandy chẳng hiểu gì, cứ trở mắt ra nhìn:

- Nhưng đây chỉ là một tập thơ thôi mà! Những thứ sách ấy thì mua đâu mà chẳng được. Rõ ràng là em chỉ để quên lại ở nhà, không mang theo, thế thôi.

- Ồ không, anh có nói đến những quyển sách ấy đâu! Sách anh đang nói là sách ở đảng “Hội” kia, sách mà Heidegger cho là đã thất lạc ấy!

Rồi Malcolm kể lại cho cô bạn nghe câu chuyện giữa anh và Heidegger về số sách của “Hội” bị mất.

Chàng trai càng kể, càng bị kích động.

- Nếu thuật lại với họ chuyện mất sách, chắc họ sẽ có một đầu mối để truy tìm nguyên nhân vụ án mạng đấy. Chắc hẳn chính quyển sách ấy là ngọn nguồn dẫn đến việc tiểu ban anh bị tiến công. Bọn hung thủ có lẽ đã đánh hơi được việc Heidegger sục sạo vào đồng hồ sơ tài vụ ngày trước của “Hội” và cố truy tìm vì lẽ gì những quyển sách ấy lại bị mất. Thành ra chúng đã phải thủ tiêu toàn bộ những ai làm việc tại “Hội”. Để ngộ nhờ có ai đó đã biết chuyện thì cũng không còn dịp nào mà nói lộ ra. Nếu anh chuyển được cái tin này về Cục, dù không đầy đủ, dù thiếu đầu thiếu đuôi chẳng nữa, chắc Cục sẽ sắp xếp lại các chi tiết vụn vặt của bài toán đầu tiên này và dò ra căn nguyên thực thụ, Wandy ạ. Bây giờ, ít ra anh cũng đã có được một điều gì đó để báo tin về chứ không phải chỉ có chuyện riêng anh là hể anh mà ló mặt ra ở đâu, là ở đó y như rằng sẽ có người bị giết. Nếu không, họ vẫn còn bực mình với chuyện này và sẽ cư xử với anh y hệt như một con chiêu ghẻ vậy.

- Nhưng anh làm thế nào để chuyển cái tin đó về Cục? Anh không nhớ chuyện gì đã xảy ra trong lần gọi điện mới rồi ư?

Malcolm cau mày:

- Anh biết em muốn ám chỉ đến chuyện gì rồi. Nhưng cuộc gặp mặt đó là do chính họ dàn xếp đấy chứ. Thậm chí nếu kẻ thù của chúng ta có lọt được vào hàng ngũ các nhân viên ở Cục, và cho dù chúng có nắm được những tin tức chuyển về cho bộ phận chỉ huy “Báo động” chẳng nữa, anh vẫn cho rằng hiện giờ, anh đang tạm thời được an toàn. Giờ đây, khi tình thế đã xoay chuyển đến mức loạn xạ thế này thì số nhân viên được huy động để điều tra vụ án mạng hẳn phải lên đến dăm, bảy chục. Trong số đó, không lẽ hết thấy đều gian manh cả hay sao. Một vài người trung thực nhất định sẽ chuyển được những tin tức anh báo về qua đây nói cho những ai cần đến chúng. Anh tin chắc như thế. Và nhất định sẽ có người đứng ra cáng đáng lấy công việc, suy nghĩ thật nghiêm túc vấn đề này. – Chàng trai nín lặng trong giây lát rồi đột ngột bảo cô bạn: - Nào, ta thu xếp đi em. Phải về ngay Washington thôi.

- Khoan đã! – Wandy cố tóm lấy cánh tay Malcolm, giữ anh lại nhưng hụt vì chàng trai đã lẹ làng chồm dậy, biến vào buồng tắm. – Nhưng ta đưa nhau về trên ấy để làm gì mới được kia chứ?

Malcolm mở vòl búp sen:

- Phải thế thôi em ạ. Điện thoại nội thành nhắc máy lên là có thể gọi được ngay. Còn điện thoại liên tỉnh thì phải chờ đợi, lích kích lăm, tốn mất khối thời giờ...

Tiếng những tia nước bắn vào thành bồn tắm nghe rào rào, mỗi lúc một mạnh.

- Nhưng ta có thể bị giết ngay tức khắc!

- Em bảo gì?

Wandy phải hét to cho át tiếng nước chảy, mặc dù cô vẫn cố giữ cho giọng nói thật bình tĩnh.

- Em bảo là họ có thể giết chúng mình!

- Việc đó thì cả ở đây nữa, họ vẫn có thể làm. Kỳ hộ lượng anh tí rồi anh sẽ kỳ trả...

- Tôi ngán ngấm lắm rồi, Maronic ạ.

Câu nói nghe rất chối tai và không có cái giọng chối tai đó, khung cảnh trò chuyện giữa hai người cũng đã căng thẳng lắm rồi. Người có vẻ người đường bệ hiểu ngay rằng mình đã phạm sai lầm khi nói câu ấy, vì ông ta nhìn thấy ánh mắt đối khác của người cùng trò chuyện.

- Tôi tên là Levin kia. Tôi yêu cầu ngài đừng quên điều đó. Tôi muốn dặn trước ngài: từ nay trở đi, đừng có nhịu miệng như thế nữa.

Câu nói đầy vẻ gay gắt mà người có vẻ ngoài dễ gây ấn tượng vừa thốt ra khiến người kia hơi mất tự tin. Nhưng ông ta vẫn cố giấu đi nỗi xúc động.

Ông nói:

- Nhầm lẫn của tôi có đáng kể gì so với những sai lầm mà có người đã phạm liên tiếp trong mấy ngày qua.

Người ngoài cuộc hẳn đã nghĩ rằng kẻ đã khăng khăng đòi phải gọi mình bằng cái tên Levin không hề để lộ một tí xúc cảm nào khi nghe lời tuyên bố đó. Nhưng những ai biết rõ hẳn hơn, thế nào họ cũng sẽ nhận thấy ngay một sự bức tức pha lẫn căm ghét và ngỡ ngàng thoáng hiện rất nhanh trên nét mặt hẳn nếu họ chịu khó ngắm kỹ hơn.

- Nhưng chiến dịch này đã kết thúc đâu. Của đáng tội, ta đã phạm một vài sơ xuất nhỏ và đã để lỡ một dịp may. Nhưng tình thế hiện thời đâu đã hoàn toàn tuyệt vọng. Vì nếu ta mà sai lầm nghiêm trọng thì cả tôi lẫn ngài lúc này đâu còn được đứng đây nữa? – Nói đến đây, Levin khoát rộng tay, chỉ về phía đám đông đang dạo chơi quanh chỗ họ đứng: chủ nhật nào trước tòa nhà Quốc Hội trên Đồi Capitol cũng đông nghịt khác thập phương về tham quan.

Người có vẻ ngoài đường bệ đã lấy lại được dáng dấp tự tin. Ông nói khẽ, gần như nói thầm nhưng đầy vẻ cương quyết:

- Tuy thế, những thất bại nhỏ đó cũng có ý nghĩa của nó đấy. Đúng như anh vừa nhận xét một cách hết sức tinh tường, chiến dịch vẫn chưa kết thúc. Nhưng chắc hẳn tôi khỏi phải nhắc lại với anh là lẽ ra nó đã phải kết thúc cách đây ba hôm rồi. Ba hôm kia nhé! Trong thời gian đó, bao nhiêu chuyện có thể xảy ra. Tuy nhiên, mặc dù phạm phải nhiều sai lầm, nhưng phải nói là chúng ta cũng đã gặp may ghê gớm. Có điều chiến dịch mà càng kéo dài thì nguy cơ càng tăng thêm và điều đó càng khiến cho mặt này mặt

nọ của chiến dịch có nguy cơ bại lộ và bị phát hiện. Cả anh lẫn tôi, hai ta đều biết rõ điều đó có thể dẫn đến những tai họa khủng khiếp đến mức nào.

- Những gì có thể làm được, ta đã làm cả rồi, bây giờ phải chờ một dịp may mắn hơn thôi.

- Nhưng nếu dịp may đó không xuất hiện thì sao? Lúc đó sẽ xoay xử thế nào đây anh bạn? Tình cảnh ta lúc đó sẽ thế nào hả?

Người có tên là Levin quay lại, nhìn chăm chăm vào mặt kẻ đang trò chuyện cùng mình. Ông ta lại tỏ ra nóng nảy, Levin thấy thế liền nói một câu nhiều ngụ ý:

- Thế thì ta phải tạo ra thôi, cái cơ hội may mắn đó.

- Ồ thế thì còn gì tuyệt bằng. Có điều tôi chỉ muốn hy vọng rằng từ nay trở đi ta sẽ cố tránh... mọi sơ xuất, nhầm lẫn.

- Tôi không thấy gì đáng phải lo cả.

- Tuyệt. Tôi sẽ thông báo cho anh mọi tin tức và tình hình ở Cục. Tôi mong rằng về phía mình, anh cũng sẽ hành động hết như tôi. Xem ra hôm nay ta đã bàn hết mọi chuyện rồi đấy nhỉ? Anh thấy cần bàn thêm gì nữa không?

- Tôi chỉ thêm một nhận xét nữa, - Levin bình tĩnh nói. – Trong quá trình tiến hành những chiến dịch kiểu này, lắm khi hay xảy ra những “thất bại nhỏ trong nội bộ” mang tính chất khá đặc sắc. Những “thất bại nhỏ”... loại đó vẫn thường rơi vào đầu một loại nhân viên nhất định. Chúng đã được những nhân vật chỉ huy chiến dịch, như ngài chẳng hạn, dự tính sẵn trước, và xin lưu ý ngài, chúng thường mang tính chất cố hữu, thường xuyên. Tên gọi quen dùng nhất của loại “thất bại” đó là “trò chơi hai mặt” hoặc “phản bội”. Giá ở địa vị ngài, thế nào tôi cũng hết sức tránh, không để cho những thất bại ấy có cơ xuất hiện. Ngài tán thành với nhận định đó chứ, thưa ngài? Nhận thấy người cùng trò chuyện đột nhiên tái mặt đi. Levin rút ra kết luận: ông ta chia xẻ ý kiến với mình. Hắn lịch duyệt mỉm cười, gật đầu chào rồi bỏ đi ngay. Người có vẻ ngoài đường bộ nhìn theo bóng Levin bước vội dọc dãy hành lang bằng đá hoa cương cho đến lúc hắn đi khuất hẳn. Ông ta bỗng thấy người run lên bần bật và hơi choáng váng. Rồi ông trở gót ra về để cùng vợ, cậu con trai và cô vợ chưa cưới trẻ trung, bằng những của cậu ta hưởng nốt cảnh nhàn tản, tẻ nhạt của nửa ngày chủ nhật còn lại...

... Trong lúc Malcolm và Wandy thay quần áo chuẩn bị lên đường và hai người kia sau khi trò chuyện với nhau, đã rời khỏi tòa nhà Quốc Hội trên Đồi Capitol ra đi thì một chiếc micrô-buýt chở theo một tốp nhân viên điện thoại từ từ lăn bánh đến bên cánh cổng sắt đồ sộ của Tổng hành dinh cơ quan CIA tại Langley. Chờ cho bộ phận kiểm tra giấy tờ và xác minh mục đích của chuyến công tác đột xuất xong, tốp nhân viên nọ liền cho xe tiến thẳng vào toàn nhà của Trung tâm liên lạc. Cùng đi với hai nhân viên bảo trì đường dây điện thoại còn có một sĩ quan an ninh đặc phái do một cơ quan quan trọng khác cử đến thi hành nhiệm vụ này, vì các nhân viên của Cục phần đông đều đã bị tung vào cuộc truy tìm Thần Ưng. Tên họ ghi trong giấy chứng nhận của viên sĩ quan an ninh nọ là thiếu tá David Burros. Nhưng kỳ thực đó chẳng phải ai xa lạ mà chính là Kevin Powell của chúng ta. Còn hai người nhân viên điện thoại kia, tiếng là được phái đến để kiểm tra xem đường dây có đặt máy nghe trộm không, nhưng thực ra họ là những chuyên gia điện tử tuyệt vời vừa mới được một chuyên cơ đưa từ Colorado về Washington cách đây đúng bốn tiếng đồng hồ. Làm xong nhiệm vụ được giao, họ phải được cô lập hoàn toàn: sống trong phòng cách ly ba tuần lễ. Ngoài việc kiểm tra các thiết bị nghe trộm, họ phải lắp vào đường dây một số chi tiết máy và máy móc chuyên biệt, cũng như sửa đổi lại một số mạch liên lạc hiện hành theo một phương thức cực kỳ phức tạp. Cả hai cố giữ vẻ than nhiên trong khi làm việc. Chốc chốc, họ lại mở bản sơ đồ hệ thống liên lạc của Cục, trên góc có đóng một dấu son đỏ chói: “Tuyệt mật” ra để đối chiếu. Mười lăm phút sau, họ đã có thể gửi tín hiệu gọi về một trạm điện thoại nằm cách đây bốn dặm. Đến lượt mình, trạm nọ đã thử quay số rồi chờ mấy giây. Nhận được tín hiệu đáp lại, người đó rất hài lòng, gác ngay máy, bỏ đi chỗ khác. Một trong hai người chuyên gia điện tử liền gật đầu với Kevin, ra cách báo: “Mọi chuyện đã đâu vào đấy”. Cả ba liền thu xếp dụng cụ, đồ nghề, rồi lặng lẽ ra về, cũng kín đáo như khi họ đến. Một tiếng sau, Powell đã ngồi trong một phòng làm việc nhỏ ngay giữa trung tâm Washington. Trước cửa phòng có hai cảnh sát mặc thường phục đứng canh. Ba nhân viên trong nhóm Powell, mỗi người chia nhau một góc phòng, rồi ngã người xuống sa-lông chờ. Cảnh chiếc bàn chỗ Powell đang

ngồi, còn đặt hai chiếc ghế dựa. Powell nói vào một trong hai chiếc máy điện thoại đặt trên bàn:

- Chúng tôi đã chỉnh lý xong đường dây và sẵn sàng tiếp nhận tín hiệu gọi rồi đấy ạ. Chúng tôi có thử lại hai lần độ tin cậy của toàn bộ thiết bị lắp thêm. Tất cả đều làm việc tốt. Người của ta trong phòng chỉ huy “Báo động” xác nhận rằng ở đó mọi thứ cũng đều đã chu tất. Từ giờ phút này, mọi tín hiệu gọi của Thần Ưng về bộ phận “Báo động”, ta đều thu được hết. Nếu chàng trai quay số tới, chúng tôi sẽ trò chuyện được với anh ta ngay. Còn nếu như anh ta không gọi điện về nữa, thì chúng ta chỉ còn nước hy vọng... là sẽ gỡ máy nghe trộm vừa lắp cho thật êm thắm nữa thôi. Dĩ nhiên là vào bất cứ lúc nào, ta cũng có thể thủ tiêu ngay sự “can thiệp” đó và đường dây liên lạc sẽ thông suốt với phòng “Báo động” chứ không rẽ về đây nữa, thưa ngài.

Giọng sếp trong ống nghe lộ rõ vẻ mãn nguyện khi ông ta đáp:

- Tuyệt. Anh bạn thật là cừ khôi. Nhưng việc khác đã đến đâu rồi?

- Thưa, Marianna cho biết trong vòng một tiếng nữa sẽ thỏa thuận được với báo Washington Post. Hy vọng rằng ngài đã hiểu rõ ta đang ngồi trên thùng thuốc súng. Một ngày đẹp trời nào đó, ta buộc phải tường trình lại cho Cục chuyện ta đã nghe trộm điện thoại trên đường dây “Báo động”. Chuyện đó vị tất làm họ thích...

Người cao tuổi cười phá lên:

- Đừng lo, Kevin ơi. Ta ngồi trên thùng thuốc súng lần này đâu phải là lần đầu. Hơn nữa, ở Langley họ cũng có được ngồi yên đâu. Tôi nghĩ họ sẽ không nặng lời với bọn ta lắm đâu, nếu ta thực hiện trót lọt chiến dịch này để phụng sự cho chính họ. Có tin gì về các nhóm điều tra không?

- Không ạ. Không một ai thấy mặt cả Malcolm lẫn cô bạn anh ta. Thần Ưng mà đã ẩn mình là ẩn mình kín đáo lắm.

- Đúng thế. Riêng tôi, tôi cũng đã nghĩ nát óc về chuyện đó. Tôi không cho rằng địch thủ của ta sẽ tìm được Thần Ưng. Thời gian biểu của tôi anh nắm được rồi đấy chứ?

- Rồi ạ, thưa ngài. Chúng tôi sẽ báo cho ngài ngay nếu có động tĩnh.

Người cao tuổi đặt máy xuống. Powell lập tức ngả người cho thoải mái hơn

trong chiếc xa-lông, hy vọng rằng mình sẽ không phải ngóng đợi quá lâu...
... Wandy và Malcolm về đến Washington lúc trời ngả về chiều. Anh cho xe tiến thẳng về trung tâm rồi đỗ lại bên đài kỷ niệm Lincoln. Lấy hết hành lý ra, anh khóa cửa xe thật cẩn thận – để phòng xa. Lần này, họ về lại Washington qua ngã Betesda, từ hướng Maryland tới. Trên đường, họ dừng lại một lúc để mua sắm vài thứ vật dụng, một ít áo quần, bộ tóc giả màu vàng nhạt và cặp “vú cao su” cỡ đại, để giúp Wandy cải trang “thay hình đổi dạng cho quyến rũ hơn”. Ngoài ra, Malcolm cũng mua thêm một cuộn dây điện, một thứ đồ nghề và một hộp đạn “chì” cho khẩu súng ngắn cỡ 24 nĩa.

Chàng trai quyết định mạo hiểm chuyển nĩa nên chuẩn bị hết sức chu đáo trước lúc vào cuộc. Theo nguyên tắc mà Edgar Poe đã dùng trong truyện Bức thư bị đánh cắp, cho rằng nơi nường nấu lộ liễu nhất đối với cặp mắt của người ngoài cuộc thường lại là nơi nường nấu an toàn nhất, họ nhất định nhảy lên một chiếc xe buýt chạy về hướng Đồi Capitol. Họ thuê một phòng trọ dành cho du khách trên đường Capitol Đông, cách trụ sở của “Hội Văn-Sử” chừng một phần tư dặm. Bà chủ ngôi khách sạn nhỏ nhắn và vắng khách này nồng nhiệt đón mời “đôi vợ chồng trẻ người Ohio về tham quan thủ đô”. Khách trọ của bà phần nhiều đã ra về sau hai ngày thăm thú các danh thắng ở Washington. Bà hoàn toàn dửng dưng với việc “đôi vợ chồng mới” không có nhẫn cưới và vết thâm khá lớn dưới mắt cô gái trẻ. Để bà chủ tin hơn họ là đôi vợ chồng vừa kết hôn, Malcolm đã kịp rí tai bà ta rằng: tối nay, họ xin phép được đi nghỉ sớm...

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

THỨ HAI

(Từ sáng đến trưa)

Hồi chuông đồng đột trên chiếc máy màu đỏ đã lôi Powell ra khỏi trạng thái mơ ngủ vừa thập thóm, vừa bồn chồn. Ông vồ lấy ống nghe, trước lúc hồi chuông thứ hai kịp ngân lên. Mấy nhân viên đang có mặt trong phòng lập tức bắt tay vào việc “dò tìm”, nghĩa là dùng máy dò số, để xác định hồi chuông ấy từ đâu gọi về và chuẩn bị ghi âm lại cuộc đàm thoại. Để tâm trí vào hai tai, Powell chỉ còn nhận thấy lờ mờ bóng họ đi lại tất bật trong căn phòng còn tranh tối tranh sáng, lúc mặt trời còn chưa lên hẳn. Ông hít một hơi thở rõ dài, rồi đỉnh đạc nói:

- 493 – 7289 đây.

Giọng nói ở đầu dây đằng kia, bị cố làm cho lạc tiếng đi, khẽ vọng đến bên tai Powell, khiến ông có cảm tưởng như người đó hẳn đang từ cõi xa xăm nào đó gọi về...

- Thần Ưng đây.

Powell bắt đầu cuộc trò chuyện đã được chuẩn bị hết sức chu đáo từ mấy hôm nay:

- Thần Ưng, tôi nhận ra giọng anh. Trước tiên, anh hãy nghe tôi nói đã. Nghe cho kỹ đấy. Dịch đã cho người lọt vào Cục chúng ta. Hẳn là ai, chúng tôi chưa biết đích xác, nhưng chúng tôi hoàn toàn tin chắc là anh chẳng hề dính dáng một mảy may nào tới kẻ đó – Powell nhận được ngay những lời phản đối của người ở đầu máy đằng kia, nhưng ông lập tức nói át đi. – Anh đừng phí thời giờ thanh minh về sự vô tội của anh, Thần Ưng ạ. Chúng tôi chỉ coi đó là giả thuyết để làm việc thôi mà. Hơn nữa, anh hoàn toàn vô can. Bây giờ thì anh nói đi – tại sao anh bắn Wazerby, khi ông ta đưa người kia đến đón anh?

Giọng Thần Ưng pha chút ngạc nhiên:

- Ở kia, thế Chim Sẻ không kể lại à? Chính hẳn, chính tên Wazerby

đó, đã bắn tôi trước! Chính hắn là kẻ đã ngồi trong chiếc ô tô đỗ cạnh trụ sở “Hội” hôm sáng thứ Năm. Hắn lại dùng cũng chính chiếc xe ấy để đón tôi đây.

- Chim Sẻ bị giết rồi. Anh ấy bị hạ sát ngay tại chỗ, tại chính cái con hẻm đó.

- Tôi không...

- Chúng tôi biết. Chúng tôi biết chắc là Wazerby đã bắn ông ấy. Hơn nữa, chúng tôi cũng biết ít nhiều về anh và cô bạn của anh. – Powell ngừng một lát, để người nghe hiểu rõ những điều vừa nghe. – chúng tôi có dò được dấu vết của anh và đã đến được tận căn phòng cô bạn nọ. Chúng tôi cũng đã thấy tận mắt cái xác chết nằm tại đó. Anh giết hắn, phải không Thần Ưng?

- Chính hắn đã ra tay trước. Suýt nữa thì cả hai chúng tôi đã đi đời.

- Anh có bị thương tích gì không?

- Không. Hiện giờ, tôi chỉ thấy hơi mệt trong người, và hơi chóng mặt.

- Anh hiện không bị ai rình rập đấy chứ?

- Có lẽ thế. Ít ra là trong lúc này.

Powell đang trong trạng thái cực kỳ căng thẳng. Ông chồm hẳn người về phía trước, chuẩn bị nêu ra một câu hỏi mà ông có cảm tưởng sẽ chẳng ăn thua mấy, nhưng lại rất đổi quan trọng đối với toàn bộ công việc đang mưu tính:

- Anh có hình dung được chút đỉnh gì về nguyên do của cuộc tiến công khủng khiếp vào tiểu ban của anh không?

- Có.

Bàn tay ướt nhoét mồ hôi vì căng thẳng của Powell càng giữ chặt thêm cái ống nghe, trong suốt thời gian Malcolm vội vã thuật lại với ông về chuyện mất sách và chuyện nhập nhằng về hoá đơn cùng sổ sách tài vụ, mà Heidegger đã phát giác được.

Khi Malcolm ngừng nói, Powell kinh ngạc hỏi thêm:

- Hoá ra anh không hiểu tí nào về nội vụ à?

- Hoàn toàn không. Thôi được, ta sang chuyện khác. Anh có định tìm

cách đưa tôi về nơi an toàn không đây?

Powell hiểu là đã đến lúc phải tiến thêm bước nữa, bước quyết định.

- Anh biết đây, ở đây có một chút rắc rối nhỏ. Không phải chúng tôi không thực sự muốn cho anh sớm thoát nạn đâu, Thần Ưng ạ. Vấn đề là ở chỗ: lúc này, kẻ đang nói chuyện với anh đây không phải là chỉ huy trưởng bộ phận “Báo động”.

Malcolm thấy bụng nôn nao, mặc dù anh đang ở cách xa Tổng hành dinh những năm dặm đường, tại một trạm điện thoại công cộng, kế bên khách sạn Holiday Inn. Anh chưa kịp đáp gì, thì Powell đã nói tiếp:

- Lúc này, tôi chưa thể đi sâu vào các chi tiết. Tuy thế, mong anh hãy tin chúng tôi. Vì kẻ thù đã len lỏi được vào Cục và theo chúng tôi hình dung, mức độ rất trầm trọng, nên chúng tôi quyết định phải tự đứng ra điều tra. Chúng tôi đã lắp đặt một thiết bị đặc biệt vào đường dây điện thoại “Báo động”, để nhờ đó, bắt liên lạc với anh. Khoan hãy bỏ máy xuống, Thần Ưng nhé! Chúng tôi phải tìm cho ra kẻ “hai mặt” đó trong Cục, để làm sáng tỏ thực chất mọi chuyện. Anh chính là niềm hy vọng duy nhất của chúng tôi đây. Vì thế, chúng tôi mong anh giúp chúng tôi phanh phui vụ này. Anh chẳng còn lối thoát nào nữa đâu, Thần Ưng ạ.

- Quý quái ở đâu ra thế này! Có thể là anh thực sự làm việc ở một Cục khác, nhưng cũng có thể là không, ai biết được? Nếu đã vậy, thì tôi còn biết giúp gì cho các anh đây? Đó hoàn toàn không phải là việc của tôi. Lâu nay, tôi chỉ toàn ngồi đọc truyện trinh thám thôi, chứ chẳng nhúng tay vào những trò quý quái ấy bao giờ.

- Thần Ưng, anh nên nghĩ đến những hậu quả có thể xảy ra với anh, - giọng Powell trở nên lạnh lùng. - Anh chả gặp may mãi được đâu, Malcolm ạ. Ngoài chúng tôi ra, anh còn đang bị những kẻ khác sừng sỏ hơn và năng nổ hơn sẵn lòng nữa. Anh nói đúng: việc này quả không liên quan gì đến anh thật. Có điều anh hãy nhớ là đến một lúc đẹp trời nào đó, kẻ đáng sợ ấy nhất định sẽ chộp được anh. Nếu không có chúng tôi giúp, thì bây giờ anh chỉ còn trông mong vào một khả năng để sống sót thôi, Thần Ưng ạ; ai đó trong đám nhân viên an ninh trung thực sẽ tìm được anh trước kẻ kia. Sự tình bây giờ là thế này: nếu chúng tôi là nhân viên an ninh thực

thụ, chỉ muốn điều tốt cho anh, thì mọi chuyện cố nhiên là êm thấm rồi. Còn như chúng tôi chỉ là những kẻ trá hình, thì ít ra anh cũng biết trước là chúng tôi muốn gì ở anh. Đẳng nào thì thế vẫn tốt hơn là nhắm mắt làm liều. Hơn nữa, hễ không thích, thì bất cứ lúc nào anh cũng có thể bỏ ngoài tai những lời chỉ dẫn của chúng tôi kia mà. Và đây là lý lẽ cuối cùng, có ý nghĩa quyết định. Chúng tôi đang giám sát đường dây liên lạc giữa anh với Cục, tôi muốn nói đến đường dây của bộ phận chỉ huy “Báo động” ấy. Ngoài ra, một nhân viên của chúng tôi đang thường xuyên nghe trộm các tuyến liên lạc điện thoại thông thường của Cục nữa (của đáng tội, điểm này Powell có hơi phóng đại). Cho nên, khả năng duy nhất để trở về bình yên là anh tự vác xác đến Langley. Tôi tin chắc anh không dại gì mà làm chuyện đó, nghĩa là cứ đơn phương độc mã quay về Tổng hành dinh. Đúng không nào?

Powell ngừng một lát, nhưng không chờ trả lời, ông đã tiếp luôn:

- Tôi hỏi thế thôi, chứ tôi biết mười mười, anh sẽ trả lời ra sao rồi. Việc tôi đề nghị không nguy hiểm gì cho anh lắm đâu. Trên đại thể, tôi chỉ muốn anh cứ tiếp tục ăn náu, để khiến kẻ thù của chúng ta phải “mất ăn mất ngủ”, nghĩa là làm cho chúng phải gấp gáp xuất đầu lộ diện. Bây giờ, ta hãy cứ tạm bằng lòng như thế đã, vì đến hôm nay, ta chỉ biết có vậy thôi.

Powell vẫn tắt thuật lại cho Malcolm hết thảy những thông tin nhóm ông thu thập được. Lúc ông kể xong, viên cộng sự chịu trách nhiệm dò số máy, vội vã đến bên ông, im lặng nhún vai ra cách bảo: “chưa dò ra”. Sừng sốt, Powell lại tiếp:

- Thực ra, còn một cách nữa để chúng ta liên lạc với nhau. Anh biết nguyên tắc làm việc của mật mã số, truyền qua một ấn bản nào đó, rồi chứ gì?

- Không rành lắm... Tốt hơn hết là anh cứ nhắc lại cho lần nữa.

- Được thôi. Trước tiên, anh hãy tìm mua quyển “Bí mật của phái đẹp” bìa giấy. Quyển này chỉ xuất bản có một lần. Như thế, anh sẽ đỡ gặp chuyện lòi thối khi giải mã. Nhớ rồi chứ? Tuyệt. Tôi cắt nghĩa tiếp đây. Bao giờ chúng tôi cần liên lạc với anh, chúng tôi sẽ đăng trên báo Washington

Post ngay ở phần đầu, mục rao vặt với nhan đề “Những con số may mắn của đợt xổ số hôm nay”. Ở đó, anh sẽ thấy một dãy số in đậm. Số đầu tiên trong dãy đó chính là số trang của quyển Bí mật của phái đẹp. Số thứ hai – chỉ dòng chữ, tính từ trên xuống. Số thứ ba – chỉ chữ cần tìm. Nếu không tìm được một chữ nào thích hợp trong quyển sách nói trên, chúng tôi sẽ sử dụng một thứ mã cực kỳ đơn giản: mã “số-chữ cái”. Số 1 ứng với chữ A, số 2 – với chữ B, v.v... Khi giải mã, anh nhớ là trước cái chữ cần thông tin, bao giờ chúng tôi cũng đặt con số 13. Báo Washington Post sẽ chuyển đến cho chúng tôi bất cứ thông tin nào anh muốn gửi về. Để dễ nhận, trên phong bì, ngoài địa chỉ và họ tên của anh, anh nhớ ghi thêm: “Ban xổ số, hộp thư No1, Washington Post”. Anh hiểu cả rồi chứ?

- Hiểu rồi. Thế từ nay trở đi, tôi không nên sử dụng đường dây “Báo động” nữa chứ gì?

- Tôi nghĩ tốt nhất là nên thôi đi. Vì nguy hiểm lắm.

Powell thấy viên cộng sự có nhiệm vụ dò số máy, ngồi ở góc phòng đằng kia, giận dữ thì thào một câu gì đó vào một ống nghe phụ.

Powell hỏi tiếp Malcolm:

- Anh có cần gì nữa không?

- Không, tôi chẳng cần gì nữa đâu. Bay giờ, anh cứ nói rõ đi là tôi sẽ phải làm gì?

- Lát nữa, anh có gọi điện về Cục bặt nữa được không?

- Nhưng lại sẽ nói dài như lần này nữa ư?

- Trái lại. Anh chỉ cần một vài phút là cùng.

- Được. Nhưng dù sao tôi cũng muốn chuyển sang máy khác đã. Mà như thế thì phải mất nửa tiếng nữa mới gọi lại được.

- Không sao. Anh cứ gọi về ban chỉ huy bộ phận “Báo động”. Chúng tôi chỉ nghe được câu chuyện của anh thôi, chứ không thể xen vào được đâu đấy. Anh cứ bảo với Mitchell thế này...

Powell vẫn tắt dạn Malcolm cần nói những gì. Khi cả hai đều đã nói hết những gì cần nói và cả hai đều rất hài lòng, vì đã hiểu rõ nhau, Powell liền tiếp: - Còn điểm này nữa. Anh hãy nói tên một khu trong Washington, mà hôm nay anh không định ghé đến đi nào.

Malcolm ngẫm nghĩ một lát, rồi lên tiếng:

- Chevy – Chase.

- Tuyệt, - Powell đáp. – Đúng một tiếng nữa, tôi sẽ phao tin đi khắp nơi là có người đã bắt gặp anh tại khu Chevy-Chase. Rồi nửa tiếng sau, sẽ có tin là một cảnh sát thuộc đồn Chevy-Chase đã “bị thương” trong cuộc truy tìm một đàn ông và một đàn bà, có nhân dạng tương tự anh và cô bạn gái của anh. Những tin đồn ấy sẽ khiến ai nấy đều đổ dồn chú ý vào khu vực đó. Cho nên, anh cứ việc ung dung mà đi lại và hành động chẳng sợ sệt gì. Từng ấy thời gian đã đủ cho anh chữa, Thần Ưng?

- Anh có lùi giúp tất cả những trò phao tin đồn nhảm ấy muộn thêm một tiếng nữa được không?

- Dĩ nhiên là được.

- À, tôi đang trò chuyện với ai thế nhỉ? Ý tôi muốn hỏi quý danh anh là gì?

- Cứ gọi tôi là Rogers vậy, Thần Ưng nhé.

Cuộc trò chuyện đến đây là chấm dứt. Powell chưa kịp đặt ống nghe xuống, thì viên công sự chịu trách nhiệm dò số máy, đã lao đến bên ông:

- Anh có biết thằng chó đê ấy đã chơi trò gì không? Nó đã giở ngón gì, anh biết chứ? – Powell lắc đầu, vẻ ngỡ ngàng. Tôi sẽ nói cho anh biết thằng chó đê ấy chơi trò gì. Hẳn đã đảo một vòng, gần như qua khắp mọi xó xỉnh của khu trung tâm Washington này; đến đâu hẳn cũng dùng dây điện nối ba bốn máy công cộng lại với nhau. Đến khi hẳn nhắc một máy lên gọi, thì máy ở tất cả các trạm khác cũng đều làm việc luôn một thể. Chứ cuộc trò chuyện giữa anh và hẳn diễn ra chưa đầy một phút, tôi đã dò ngay ra được số máy. Tôi lập tức phái người đến đó. Nhưng đến nơi, họ chỉ thấy một chòi điện thoại trống không, bên ngoài treo tấm biển: “Máy hỏng”. Xem kỹ thì thấy một đoạn dây đã nối máy với đường cáp chính. Họ phải lập tức gọi về, yêu cầu tôi dò máy khác. Nhưng dò thêm ba bốn số nữa, đều thấy tình trạng giống hệt như ở trạm đầu. Có trời biết thằng chó đê ấy đã nối những bao nhiêu trạm như thế lại với nhau.

Powell ngả hẳn người vào lưng ghế và cười phá lên, vui vẻ thực lòng, một

chuỗi cười vui vẻ đầu tiên sau suốt mấy ngày trời buồn bực. Đến lúc moi trong hồ sơ cá nhân của Malcolm ra một chi tiết là có lần, trong một dịp hè, anh ta đã từng làm công cho một công ty điện thoại, để kiếm thêm tiền ăn học, thì Powell lại cất lên một tràng cười giòn giã nữa...

Malcolm rời chòi điện thoại, tiến về một bãi đỗ xe. Trên một chiếc xe thùng nhỏ bé, mang biển số của bang Florida, thuê của hãng “Tự lái lấy”, chễm chệ một cô gái tóc vàng, đeo kính râm, có bộ ngực đồ sộ, mồm nhồm nhoàm nhai kẹo cao su, đang ngồi đợi sẵn. Anh dừng lại dưới một tán cây. Chăm chú quan sát các bãi đỗ đến vài phút đồng hồ. Rồi chàng trai lẹ làng đến bên xe, trèo vào ca-bin. Anh giơ cả hai ngón tay cái lên, ra hiệu cho Wandy là “ổn thoả cả” và khẽ cất tiếng cười.

- Sao, có chuyện gì vậy? – cô gái hỏi. – Sao mà cười khoái chí thế?
- Trông em như một con búp bê ấy, ngộ nghĩnh quá đi mất!
- Nhưng bộ tóc giả với cặp vú cao su này là do anh bày ra, chứ có phải ai khác đâu, mà cười! Em hoàn toàn vô tội, nếu...

Malcolm gơ cao tay tỏ ý phản đối và ngắt lời cô ta:

- Đó chưa phải là tất cả đâu, Wandy ạ, - anh vẫn cười hì hì. – Giá em được ngắm nhìn mình một lát bằng cặp mắt của người ngoài, em sẽ hiểu ngay thôi.
- Ồ, thì em đã nói đấy: em đâu có lỗi, nếu em trông xinh đẹp hẳn ra. – Và cô liền ngả hẳn người vào lưng ghế, đặc ý. – Thế nào, anh, họ nói những gì?

Trên đường cho xe chạy đến một trạm điện thoại khác, Malcolm đã thuật lại cùng cô bạn nội dung cuộc nói chuyện mới rồi...

... Mitchell vẫn ngồi trực tại phòng chỉ huy “Báo động” suốt từ hôm Malcolm gọi điện về lần đầu đến giờ. Chiếc giường xếp của lão vẫn đặt kê bên bàn viết, cách chừng vài bước chân. Kể từ hôm thứ Năm tệ hại đó đến nay, lão chưa hề được nhìn thấy mặt trời lần nào. Lão cũng chưa tắm nữa. Ngay cả lúc vào toa-lét, lão cũng kè kè bên người chiếc máy điện thoại. Viên chỉ huy trưởng bộ phận “Báo động” đã phải tính xem có nên tiêm cho Mitchell một liều thuốc tăng lực hay không. Ngài phó giám đốc thì quyết

định cứ để cho lão tiếp tục trực ở đây, vì ngoài Mitchell ra, không ai còn nhận diện được giọng nói của Thần Ưng giỏi bằng, nếu chàng trai lại gọi điện về lần nữa. Mitchell mệt rã rời nhưng lão vẫn cố gắng chịu đựng. Hơn nữa, lúc này thần kinh lão đang căng thẳng tột độ. Lão vừa áp môi vào tách cà phê cũ “mười giờ sáng”, thì một hồi chuông dài bỗng réo vang. Suýt sặc cà phê, nhưng Mitchell vẫn vội vàng vồ lấy ống nghe:

- 493-7282 đây.
- Thần Ưng đang ở bên máy.
- Quý ở đâu ấy, từ hôm đó tới giờ anh lần đi đăng nào hả?
- Đừng ngắt lời tôi vội. Tôi biết lúc này anh đang cố dò số máy của tôi. Vì thế, tôi ít thời giờ lắm. Nhưng trong khi còn chưa phải bỏ máy xuống, tôi muốn báo ngay với anh chuyện này: ở Cục đã có “kẻ lạ” chui vào đấy.
- Cái gì?!
- Nhân viên của Cục có ai đó là nhân viên “hai mặt”. Cái người đến đón tôi trong con hẻm ấy mà, - Malcolm suýt buột miệng nói “Wazerby”, nhưng anh đã kịp chữa lại, - chính hắn ta đã nổ súng vào tôi trước. Tôi nhận diện được hắn, vì hôm sáng thứ Năm tuần trước, chính kẻ đó đã ngồi chờ trong ô tô, đỗ ngay cạnh trụ sở “Hội”. Còn người đi cùng kẻ kia, có lẽ nói ra các anh không thích nhưng dấu sao... - Malcolm cố ý ngừng một lát chờ nghe lời phản đối nhất định sẽ được thốt lên ở đầu dây đăng kia.
- Chim Sẻ đã bị giết ngay tại chỗ. Chính anh.
- Không phải tôi bắn anh ta đâu! Việc gì tôi lại phải làm thế kia chứ?Ồ, thề ra anh chưa biết gì sao?
- Chúng tôi chỉ biết đã có thêm hai người nữa bị giết, kể từ khi anh gọi điện về cho bộ phận chúng tôi lần thứ nhất đến giờ.
- Có lẽ, tôi đã hạ thủ kẻ bắn tôi, nhưng tôi không phải là người bắn chết Maronic.
- Ai cơ?!
- Maronic chứ ai nữa. Cái người mà các anh gọi là Chim Sẻ ấy.
- Nhưng tên thật người đó đâu phải là Maronic. Tên họ anh ấy khác hẳn kia mà.

- Khác ư? Thế tại sao cái người bị tôi bắn đó lại kêu toáng lên “Maronic” khi hấn quy xuống? Vì nghe hấn gọi thế nên tôi mới định ninh rằng Chim Sẻ tên thật là Maronic. – (Malcolm tự dặn mình: “dịu giọng một tí, đừng cương lên quá; cái chính lúc này là phải giữ cho thái độ thật ngây thơ, không thì lộ tẩy mất”). – Nhưng thôi, cái đó lúc này chả quan trọng đâu, vì còn ít thời gian lắm. Những kẻ tiến hành thủ tiêu các nhân viên của tiểu ban chúng tôi rõ ràng là họ chỉ muốn biết những gì Heidegger đã nắm được thôi. Anh ta có kể với chúng tôi là đã phát giác được nhiều chỗ nhập nhèm trong sổ sách chi thu. Anh ấy bảo trước sau gì cũng sẽ báo lên thượng cấp chuyện đó. Bởi thế tôi rút ra kết luận: có kẻ “hai mặt” đang hoạt động trong nội bộ chúng ta. Heidegger chắc hẳn đã chuyển cái tin đó không phải cho người cần chuyển.

À, này, ngoài ra, tôi cũng phát hiện một chuyện thú vị ở nhà Heidegger. Tôi nghĩ: nếu có thì giờ, tự tôi, tôi cũng sẽ phanh phui được chuyện này, chẳng cần ai giúp cả. Tôi tin chắc là anh sẽ thu xếp được cho tôi chút ít thì giờ. Tự tìm về Tổng hành dinh một mình hoặc để cho các anh đưa người đến đón, tôi đều rất ngại. Giá anh hạ lệnh ngừng truy tìm ít lâu, cho đến lúc tôi phanh phui được cái chuyện lý thú mình đã phát giác được kia, thì hay quá. Nếu được thế, thì tôi có thời giờ, vừa khiến những kẻ lúc nào cũng lăm le thịt tôi càng mất ăn mất ngủ. Sao anh, xem thử đi, có ra lệnh tạm thời đình chỉ việc truy nã được không?

Mitchell cố nấn ná thêm vài giây. Gã nhân viên chịu trách nhiệm dò số máy rồi rít huơ chân múa tay, ra hiệu cho lão cố kéo dài câu chuyện thêm một lúc nữa. Lão rốt cục đành lên tiếng, giọng chẳng mấy dứt khoát:

- Tôi không biết sức chúng tôi có làm nổi việc đó không. Chắc hẳn, nếu như...

- Tôi gác máy đây, vì đã trò chuyện lâu quá rồi. Bao giờ dò tìm thêm được gì, tôi lại gọi điện cho anh sau.

Malcolm cắt liên lạc. Mitchell quay sang nhìn gã chỉ huy phó, nhưng hấn chỉ lắc đầu đáp lại.

- Anh có hiểu được ít nhiều những điều Thần Ưng vừa nói không?

Mitchell ngả người trong chiếc xe lăn, lắc đầu:

- Chịu, tôi cóc hiểu gì. Hơn nữa, chuyện đó không thuộc phận sự của tôi. Tìm hiểu và đánh giá là chuyện người khác, ít ra là những vấn đề như loại đó.

Mitchell đưa mắt nhìn xem gian phòng. Khi cặp mắt lão dừng lại trên khuôn mặt một nhân viên mà lão coi là chuyên gia dày dặn nhất trong nghề mật vụ, lão cất tiếng hỏi:

- Jason, cái tên Maronic chắc là gợi lên trong trí anh điều gì đó thì phải?

Người có tên Jason chậm rãi gật đầu, tỏ ý xác nhận

- Đúng, cái tên ấy tôi nghe quen lắm.

- Tôi cũng vậy, - Mitchell nói, rồi hồi hả nhắc ống nghe lên, hỏi: - Lưu trữ đấy à? Gửi ngay cho tôi hồ sơ của tất cả những ai có tên là Maronic, mà anh đang giữ trong tay nhé. Bất kể cái tên đó được viết ra sao, theo lối Anh hay lối Ý. Dĩ nhiên là chiều hôm nay tôi sẽ cần đến một số bản sao; bởi thế hãy khẩn trương lên.

Mitchell đặt máy xuống, rồi quay số để liên lạc ngay với ngài phó giám đốc...

... Trong lúc Mitchell đang chờ tổng đài nối đường dây với ngài phó giám đốc CIA, thì Powell cũng gọi dây về cho sếp.

- Thưa ngài, chúng tôi đã thành công mỹ mãn trong cuộc trò chuyện với anh bạn quý của chúng ta. Anh ta cũng vừa trò chuyện rất tuyệt với Mitchell đấy ạ.

- Tôi rất vui thích được nghe anh thuật lại đấy Kevin ạ. Phải nói là cực kỳ vui thích mới đúng.

Powell nói tiếp, nhưng giọng đã bình thản hơn:

- Ta đã tung được một ít tin thật cộng với một số tin giả, nguy trang rất khéo. Việc này có thể khiến ai đó mất ăn mất ngủ đấy ạ. Từ nay, CIA sẽ phải bắt đầu tìm kiếm theo hướng lẽ ra phải có. Cầu trời cho họ cứ tin đó là chuyện thật, chứ không phải là trò chơi, do ta dàn dựng. Nếu ngài đúng, thì cả Maronic nữa, hẳn cũng phải chột dạ. Và nhất định bọn họ sẽ săn tìm Thần Ưng ráo riết hơn. Ngài có tin gì mới cho bọn tôi không ạ?

- Không có gì. Người chúng ta đang tiếp tục lục tìm lai lịch hồi xưa

của hết thấy những ai ta đang quan tâm. Ngoài nhóm chúng ta ra, chỉ bên cảnh sát mới biết mối liên quan giữa Malcolm và người đàn ông bị giết trong phòng cô gái. Cảnh sát lo an báo chính thức: trường hợp đó, cũng như việc cô gái mất tích, đều là những mắt xích của một vụ án mạng thông thường và hoàn toàn quen thuộc. Đến một lúc nào đó, chi tiết nhỏ này sẽ rơi vào tay những người cần thiết. Theo nhận định của tôi thì các sự kiện hiện đang phát triển đúng như kế hoạch ta đề ra. Tôi dự đoán là chỉ một lát nữa thôi, lại phải đến dự một phiên họp thường kỳ cực kỳ buồn tẻ, lại phải tỏ vẻ rất quan tâm lắng nghe và nhẹ nhàng gợi ý cho các bạn của chúng ta hãy triển khai việc điều tra theo hướng cần thiết nào. Tôi nghĩ nhiệm vụ của anh lúc này là hãy cố kiên nhẫn mà ngồi nghe những cuộc trò chuyện trên đường dây “Báo động”. Nhưng nhớ là chỉ nghe thôi, chớ đừng bắt liên lạc với Thần Ưng nữa. Và hãy sẵn sàng hành động khi thời cơ đến.

- Tuân lệnh. – Powell đặt máy xuống, ngược nhìn những viên công sự tươi cười đang có mặt trong phòng. Đoạn, ông ngả người thoải mái trong xa-lông, để thường thức tách cà phê nóng đặt trước mặt...

- Quỷ tha ma bắt tôi đi, nếu tôi hiểu được một chút ít những điều vừa nghe thấy! – Viên sĩ quan hải quân đập mạnh tay xuống bàn như để nhấn mạnh thêm những lời vừa phát biểu, rồi ngồi xuống ghế. Phòng họp rất oi bức.

Áo ông ta, dưới hai nách, ướt đẫm mồ hôi. Thậm chí, cả chiếc ki-tel của ông cũng thấm đen đi mấy mảng sau lưng. Ông nghĩ bụng: “Cái máy điều hoà chết tiệt, lại đi hỏng đúng vào hôm nay”.

Viên phó giám đốc CIA cố lấy giọng thật bình tĩnh giảng giải:

- Trong chúng ta đây cũng chẳng một ai dám nói dứt khoát là đã hiểu đến nơi đến chốn những gì Thần Ưng cung cấp. – Ông ho khê, rồi nói tiếp câu vừa bỏ dở. – như tôi đã nói, ngoài những thông tin mà Thần Ưng vừa chuyển về chưa biết chính xác đến mức nào, trên thực tế, ta chẳng tiến thêm được bước nào, kể từ lần họp trước.

Viên sĩ quan hải quân nghiêng người sang bên phải, nói to với gã đại diện cho FBI cái điều khiến ông ta lấy làm lạ:

- Đã vậy thì triệu tập làm quái gì cái phiên họp chết tiệt này?

Cái trùng mắt của ngài phó giám đốc không hề làm viên sĩ quan nọ nao núng.

Viên phó giám đốc tiếp:

- Như các ngài đã biết, hồ sơ của Maronic đã bị cuỗm đi mất. Chúng tôi đang yêu cầu các đồng nghiệp bên Anh gửi cho bản sao. Ba tiếng nữa, máy bay của không quân ta sẽ mang về đây. Bây giờ, xin tất cả các vị hãy cho biết ý kiến riêng hoặc bất kỳ nhận xét nào mà các vị xem là cần lưu ý chúng tôi.

Người đại diện của FBI lên tiếng ngay:

- Tôi cho rằng Thần Ưng có lý, nhưng chỉ trong một chừng mực nào đó thôi. Trong hàng ngũ của nhân viên CIA, quả có kẻ giấu mặt len vào. – Đồng nghiệp của ông ta, đại diện của Tổng hành dinh nghe nói vậy liền sa sầm mặt lại. – Tuy nhiên, tôi nghĩ sự kiện đó ta nên dùng nó ở thời quá khứ mới đúng. Nghĩa là, kẻ “hai mặt” đó trước đây mới tồn tại. Không nghi ngờ gì nữa, Wazerby chính là tên giấu mặt đó. Chắc hẳn đã dùng ban 17 của hắn như một thứ bàn đạp để tiến thân. Heidegger đã tình cờ phát giác được chuyện đó. Biết được vậy, Wazerby liền quyết định thanh toán hết tiểu ban 9. Thần Ưng là “đầu mối” độc nhất còn sót lại, buộc phải “bị” đi. Nhưng Wazerby đã bắn trượt. Không loại trừ khả năng một số tay chân thuộc nhóm hắn vẫn còn sống và tiếp tục hoạt động trong Cục, nhưng tôi nghĩ số phận đã để mắt đến chúng rồi, nên chuyện tin tức bị rò rỉ thế là đã chấm dứt. Theo tôi hình dung thì công việc chủ chốt của chúng ta lúc này là phải tìm cho được Thần Ưng. Dùng những tài liệu anh ta có thể cung cấp cho ta, ta sẽ truy tìm những tên đồng phạm trong nhóm Wazerby, kể cả cái tên Maronic ấy nữa, nếu của đáng tội quả hắn là có thật, và sẽ biết rõ khối lượng tin tức đã bị rò rỉ là bao nhiêu.

Viên phó giám đốc đưa mắt nhìn quanh những người ngồi họp. Ông đã toan tuyên bố bế mạc, thì người cao tuổi ngược nhìn ông, ngó ý muốn nói gì đó.

- Ngài cho phép tôi nêu thêm vài nhận xét nữa, được chứ ạ, thưa ngài phó giám đốc?

- Ồ, dĩ nhiên. Chúng tôi luôn luôn hoan nghênh những lời phát biểu

của ngài.

Các đại diện lại ngả người lên lưng ghế cho thoải mái hơn, chờ đợi. Viên sĩ quan hải quân cũng đổi lại thế ngồi, mặc dù nét mặt vẫn cố tỏ cho ai nấy biết: ông ta làm thế chẳng qua chỉ vì lịch sự, chứ trong thâm tâm ông đã chán ngán và bực dọc lắm rồi.

Trước khi lên tiếng, người cao tuổi liếc nhìn vị đại diện của FBI với vẻ đầy hiếu kỳ.

- Tôi xin nói ngay là tôi không đồng tình với những nhận định của ông bạn đồng nghiệp của chúng ta bên FBI. Những lời giải thích ta vừa được nghe, tuy rất có lý, nhưng tôi thấy có vài điểm thiếu nhất quán và một đôi chỗ hở, khiến tôi rất lo ngại. Nếu Wazerby là chỉ huy của nhóm đó, thì vì lẽ gì hắn ta lại chết? Tôi biết đây là một vấn đề chưa được nhất trí, nhưng ít ra cho đến lúc này, các chuyên gia vẫn còn đang tiến hành kiểm nghiệm thật thấu đáo và toàn diện nguyên nhân cái chết nói trên. Tôi tin chắc rằng trước sau gì rồi họ cũng sẽ đi đến kết luận sau đây: Wazerby bị giết, chứ không phải bị chết đơn thuần. Và như thế có nghĩa là hắn đã bị cấp trên hạ lệnh thủ tiêu. Ngoài ra, tôi cảm thấy rất đáng ngờ về mối liên quan mà vị đại diện bên FBI giả định: hãn tình nguyện làm điệp viên “hai mặt” chỉ vì muốn tiến thân. Tôi hiện chưa có bằng cứ cụ thể, đây mới chỉ là linh cảm của tôi thôi. Nhưng tôi cho rằng trên đại thể, chúng ta cần tiếp tục triển khai những công việc lâu nay đã tiến hành – chỉ cần thêm hai điểm sửa đổi nhỏ. Một là, cần dò kỹ lai lịch, tông tích trước kia của tất cả những ai ta đang quan tâm, để xem thử bước đường của họ có chỗ nào gặp nhau không. Biết đâu ta lại không tìm được một manh mối thú vị nào đó? Hai là phải tạo điều kiện cho Thần Ưng “bay nhảy”. Thế nào anh ta cũng phát giác thêm được chuyện này, chuyện nọ. Hãy chấm dứt chuyện truy lùng ồ ạt của chúng ta lâu nay, để cho chàng trai nọ rảnh tay và tập trung toàn bộ lực lượng của chúng ta vào việc tìm hiểu thật cận kề lai lịch những kẻ mà ta tình nghi. Tôi đã nghĩ ra được một vài gợi ý, nhưng muốn đề đạt với quý vị trong phiên họp sau, nếu quý vị không phản đối, dĩ nhiên. Đây, tôi chỉ xin phát biểu có vậy. Cám ơn ngài, thưa ngài phó giám đốc.

- Rất cám ơn ngài. Thưa quý ngài, quyết định cuối cùng dĩ nhiên là

tùy thuộc vào ngài giám đốc của chúng tôi. Tuy thế, mong các ngài tin rằng, những đề nghị của chúng ta nhất định sẽ được quan tâm thích đáng. Trong khi chờ đợi những quyết định dứt khoát của cấp trên, tôi có ý định là ta cứ tiếp tục hành động theo hướng như đã triển khai.

Người cao tuổi nhìn viên phó giám đốc một lát, rồi tiếp:

- Ngài có thể tin tưởng là về phía mình, chúng tôi luôn sẵn sàng hỗ trợ và ủng hộ ngài trong chừng mực khả năng chúng tôi cho phép.

Viên đại diện của FBI lập tức hưởng ứng:

- Ngài có thể hoàn toàn tin cậy chúng tôi! – Rồi ông ta quay sang nhìn người cao tuổi với vẻ thách thức, trong khi ông này chẳng hiểu lẽ gì lại chỉ mỉm cười đáp lại, một nụ cười kỳ lạ và đầy ngụ ý.

- Thưa quý ngài, - viên phó giám đốc nói tiếp, - tôi muốn cảm ơn các ngài về sự hỗ trợ mà quý ngài dành cho chúng tôi hiện nay, cũng như trước đây. Xin cảm ơn quý ngài đã đến dự họp cùng chúng tôi. Nay mai tôi sẽ thông báo ngày giờ của phiên họp sắp đến, xin tạm biệt!

Khi các đại biểu đứng dậy ra về, viên đại diện của FBI tình cờ bắt gặp ánh mắt đầy vẻ ranh mãnh lộ liễu của người cao tuổi. Ông ta vội rời ngay phòng họp. Còn viên sĩ quan hải quân, trước khi bước ra, đã quay sang phía viên đại diện bộ tài chính, cầu nhàu:

- Trời ơi, ước gì tôi được trở về với hạm đội của chúng tôi như ngày trước! Những cuộc họp tế nhị kiểu này đã làm tôi ngấy đến tận cổ rồi! Ông ta “xì” một tiếng đầy vẻ khinh bỉ, chụp chiếc mũ lưỡi trai bành bao lên đầu, rồi bước ra. Người ra về sau cùng là viên phó giám đốc CIA...

- Tất cả những thứ ấy tôi thật chẳng thích tí nào!

Hai người thông thả dạo bước trên những lối đi ngay ngắn trong một công viên nằm trải dài trên đồi Capitol. Họ tách biệt hẳn với mọi người. Càng về chiều, cảnh khách du lịch tấp nập ở đây càng lắng xuống. Những viên chức chậm chân cũng đã rời các công sở từ lâu rồi. Thứ hai thường không phải là ngày nhiều việc nhất của Quốc Hội và các công sở trực thuộc.

- Tôi cũng vậy, tất cả những khoản ấy, tôi có thích đâu. Nhưng ta phải chấp nhận thực trạng, đúng như chúng đã có, chứ không phải như ta thích,

anh bạn ạ, - người có vẻ ngoài đường bệ dò xét liếc nhìn người có vẻ ngoài dễ gây ấn tượng, rồi nói tiếp: Lúc này, ít ra ta đã biết thêm được một ít thông tin nữa, khá hơn trước. Chẳng hạn giờ đây ta biết chắc như đinh đóng cột rằng, phải thanh toán gấp Thần Ưng.

- Tôi cho rằng không phải chỉ mỗi một mình hãn đâu.

Một làn gió nhẹ rất dễ chịu đưa câu nói của kẻ có vẻ ngoài dễ gây ấn tượng đến bên tai người kia, khiến ông này rùng mình, mặc dù tiết trời hôm ấy rất ấm áp.

- Anh muốn ám chỉ gì trong câu nói đó?

Người kia đáp lại, rõ ràng là có pha thêm về bực tức:

- Ở đây, rõ ràng có đôi chỗ tiền hậu bất nhất đấy, thưa ngài. Wazerby là một điệp viên sừng sỏ và rất có kinh nghiệm. Tuy bị thương, nhưng cậu ta vẫn hạ thủ được Chim Sẻ một cách rất mau lẹ. Một người như Wazerby, mà ngài tin là có thể gào tướng họ tên tôi lên trước lúc gục ngã được sao? Thậm chí, dẫu có bản trượt chãng nữa, thì thử hỏi cần gì cậu ấy lại phải gọi tên tôi ra cơ chứ? Không, ở đây hãn có cái gì bịa đặt đấy, chứ chuyện đó nghe chẳng có lý lẽ, chẳng có ý nghĩa gì cả, tôi tin như thế.

- Thế anh thử nói tôi nghe đi, thực chất ở đó là gì nào?

- Thực chất là gì, tôi không thể nói đích xác. Nhưng dứt khoát ở đây đã có xảy ra một điều mà chúng ta chưa biết. Hay ít ra chỉ mình tôi là chưa biết.

Người có vẻ ngoài đường bệ lên tiếng, giọng rõ ràng có vẻ tức tối và lo lắng:

- Anh không ngụ ý là tôi đã giấu anh một phần những gì tôi được nghe thông báo, khi nói như thế đấy chứ?

Chỉ có tiếng gió lao xao lên trong khoảng thời gian im lặng kéo dài. Rồi Levin Maronic chậm rãi đáp:

- Tôi không hề ngụ ý gì, nhưng cái khả năng đó cũng không nên loại trừ. Ngài đừng lo và đừng cãi, vì tôi không định tìm cách làm sáng tỏ chuyện đó đâu. Tôi chỉ muốn ngài nhớ lại cuộc trò chuyện mới đây giữa chúng ta.

Hai người thong thả dạo bước một lúc, chẳng ai nói năng gì. Đoạn, họ rời

công viên và khoan thai bước đi trên đường Capitol Đông, chạy ngang qua trước toà Thượng thẩm. Mãi sau người có vẻ ngoài đường bộ mới phá tan không khí im lặng:

- Nhóm của anh có nhận được tin gì mới không?

- Không. Chúng tôi vẫn theo dõi sát sao mọi cuộc trò chuyện điện thoại giữa các nhóm điều tra của CIA và FBI. Vì chỉ còn có ba nhân mạng thôi, nên bọn tôi không đủ sức tự đứng ra truy lùng Thần Ưng được nữa. Kế hoạch của tôi là thế này: chộp lấy cái nhóm dò ra Thần Ưng và đưa hẳn ta về nơi an toàn, ngay giữa lúc họ đang trên đường về căn cứ. Ngài có bố trí cho họ gặp gỡ và đón hẳn tại một địa điểm thích hợp nào đó được không? Hay chỉ cần nắm các kế hoạch hành động từ nay về sau của họ thôi cũng được? Vì chuyện đó sẽ giúp ích chúng ta rất nhiều: đảm bảo cao hơn khả năng ăn chắc.

Người vẽ ngoài đường bộ gật đầu, tỏ ý tán thành. Maronic lại tiếp:

- Tôi vẫn cảm thấy hơi lạ về câu chuyện của Lloyd. Như tôi đã nắm được, thì cho đến giờ, cảnh sát vẫn không hề dả động gì đến mối liên quan giữa hẳn và công việc của cánh ta. Trong gian phòng đó thì thiếu gì dấu tay của Thần Ưng. Vậy mà cảnh sát vẫn câm như hến. Tôi không tin là họ không phát hiện được gì. Hay là họ im chuyện đi, không báo cáo, như điều lệnh quy định? Khoản đó tôi chả thích tí nào. Hẳn phải có mưu mẹo gì đây, chứ chẳng phải đùa. Ngài dò tìm giúp lý do chuyện đó, được chứ ạ? Nhưng nhớ là đừng đánh động họ và đừng vẽ đường cho hươu chạy.

Người có vẻ ngoài đường bộ lại gật đầu. Họ vẫn thông thả bước tiếp, như thể hai người vừa tan sở. Chỉ một lát sau, họ đã ở cách điện Capitol chừng ba dãy phố và đang sóng bước trong một khu dân cư. Cách họ chừng hai đoạn phố ngắn, một chiếc xe buýt dừng lại bên vỉa hè. Khi chiếc xe lại rời bến, trên vỉa hè vẫn còn hai người khách chậm chân. Tuy thế, hình như họ không vội, mà cứ nhắm thẳng hướng điện Capitol chậm rãi đi tiếp.

Trước đó Malcolm đã cân nhắc hồi lâu: nên hay không nên trả lại chiếc xe tải bé nhỏ mà họ đã thuê của hãng “Tự lái lấy”? Có xe thì được cái là chủ động trong đi lại. Nhưng bất lợi là để lộ quá. Tại cái đất Washington phong nhã này, chẳng mấy ai lại ngự trong ca-bin cái thứ xe tải cỡ nhỏ có thùng ở

phía sau, nhất là ở hai bên hông lại lù lù một dòng chữ to tướng: “Tự lái lấy”. Ngoài ra, giá thuê cũng chẳng rẻ mấy: mà Malcolm lại muốn để dành một ít tiền, phòng khi trái gió trở trời. Rốt cục, anh quyết định: cứ dùng các phương tiện giao thông công cộng, để đi lại nơi này nơi kia, mà anh đã dự tính trong kế hoạch. Wandy đành miễn cưỡng nghe theo. Chứ trong thâm tâm, cô vẫn thích tự lái lấy chiếc xe tải con con ấy.

Sự việc sau đây xảy ra đúng vào lúc họ đi ngang qua mặt hai người khách đang sóng bước bên nhau trên vỉa hè đối diện, mà ta đã biết. Một cơn gió mạnh thành linh giật đứt tung cái dải băng mảnh, giữ bộ tóc giả trên đầu Wandy, khiến bộ tóc bay vèo đi, và lăn long lóc ra giữa lòng đường.

Vì quá bất ngờ và lúng túng, cô gái đã buột miệng kêu to:

- Malcolm, bộ tóc em! Nhặt giúp đi, nhanh lên!

Tiếng kêu thất thanh đường đột đó át cả tiếng gió lao xao và tiếng xe cộ chạy trên đường. Trên vỉa hè bên kia, Levin Maronic bất thần níu lấy tay người bạn đồng hành, giữ ông ta lại.

Malcolm hiểu ngay cô bạn mình đã phạm một sai lầm lớn: gọi to tên anh! Anh ra hiệu, bắt Wandy nín thinh ngay và lách người giữa hai chiếc xe đỗ nối đuôi nhau, bước vội xuống lòng đường, để nhặt lại bộ tóc giả. Chàng trai nhận thấy hai người đàn ông dừng bước ở bên kia đường đang dõi mắt nhìn sang. Vì thế, anh cố tỏ vẻ thản nhiên, mặc dù trong thâm tâm anh đang sợ thay cho người vợ trẻ.

Levin Maronic chậm rãi, nhưng dứt khoát, bước dẫn tới, vừa căng mắt ra để nhìn cho rõ hơn hai người đang ở bên kia đường, vừa thầm so sánh nhận dạng. Vốn là một nhân viên điều tra sừng sỏ, hăn khấp khởi mừng thầm về sự ăn khớp rất đối thần kỳ đang được chứng kiến và dồn ngay toàn bộ tâm trí vào cái cơ hội ngàn năm có một đó. Hăn giơ tay trái lên cời hai chiếc cúc vét-tông. Khoé mắt Malcolm đã bắt gặp động tác đó. Anh lập tức dõi theo mọi cử động của kẻ lạ mặt, không bỏ sót mất động tác nhỏ nào. Nhưng ác thay, anh vẫn phải để mắt đến bộ tóc nằm ngay dưới chân. Wandy tiến đến bên người bạn trai, lúc anh đang đứng thẳng lên, giữ trong tay cái của nợ tai ác nợ.

- Chết chửa, khéo cái của khi ấy bẹp dúm mất rồi! Wandy giật lấy bộ

tóc rối bù trong tay Malcolm. – Em rất mừng là ta không phải chạy mãi sang tận bên kia đường để nhặt nó lên. Bận sau, em sẽ phải nịt thêm một sợi dây chun nữa, cho rõ chắc.

Người bạn đồng hành của Maronic đã từ lâu rồi không còn trực tiếp dự phần vào các chiến dịch kiểu này. Vì thế, ông ta cứ đứng sững ở bên kia đường nhìn sang, mắt không rời khỏi cặp vợ chồng trẻ. Cái nhìn quá chăm chú ấy khiến Malcolm chột dạ. Đứng vào lúc chàng trai vẫn còn chưa tin hẳn vào linh cảm của chính mình, thì ông ta thốt lên một tiếng kêu. Malcolm không nghe rõ ông ta nói gì, nhưng anh hiểu rằng ở đây tất phải có một cái gì bất ổn, khó tránh khỏi. Chính lúc đó, người bạn đồng hành của ông ta đã lách người qua một chiếc xe đang đỗ và vội vã băng xuống đường. Malcolm nhận thấy chiếc vét-tông đã cởi hết khuy và cánh tay phải của hắn ta cứ giữ chặt lấy một cái gì đó bên hông, sẵn sàng lôi ra bất cứ lúc nào.

- Chạy đi! – Anh xô mạnh Wandy ra và lao nhanh đến bên một chiếc xe thể thao đỗ cạnh đó. Khi đã ngồi thụp xuống sau chiếc xe, Malcolm định ninh trong bụng là mình bị thần hồn nhát thần tính, và đã xử sự như một thằng ngốc mặt hạng trước cái tình huống ngẫu nhiên này.

Maronic hiểu mười mười rằng không nên băng bừa qua giữa quãng phố trống ở đây để đuổi theo một kẻ có súng ống hần hoi, đồng thời lại đã có chỗ núp cẩn thận. Hắn định bụng hãy như đối thủ rồi bỏ chỗ núp cho dễ bề hành động. Nhưng đúng lúc đó cô bạn của kẻ đang bị săn đuổi nọ lại vùng bỏ chạy. Không nên bỏ dịp may, Maronic giữ nguyên cánh tay phải đang giơ cao trước mặt, gồng người lên và đưa ngay toàn bộ thân người vào tư thế ngắm bắn kinh điển, để sẵn sàng nhả đạn. Khẩu súng giảm thanh trên tay hắn bỗng nắc khẽ một tiếng.

Chạy được bốn, năm bước rất nhanh, Wandy bỗng phân vân, vì chợt hiểu ra rằng chẳng rõ vì có gì mình lại làm thế. Cô gái vừa chạy tiếp, nhưng đã chậm bước hơn, vừa tự nhủ: “Vớ vẫn ở đâu ấy!”. Đến được khoảng trống giữa hai chiếc xe đậu bên lề đường, cô gái chuyển sang chạp lúp xúp. Giá

chạy thêm vài bước nữa thôi là cô đã có thể lẩn vào sau dãy xe buýt của khách du lịch đổ nối đuôi nhau trên vỉa hè, tạo thành một bức tường chắn không đạn nào bắn xuyên thủng, nhưng cô không làm thế mà lại quay đầu nhìn sang phía Malcolm. Đúng lúc đó viên đạn đầu bọc thép xuyên qua cổ cô. Wandy chồm người lên rồi từ từ quay một vòng và khụy xuống, trông hệt như một cô vũ nữ ba-lê trên sân khấu múa rối.

Malcolm hiểu ngay phát súng đó nhằm vào ai, nhưng anh muốn biết chắc hơn cái gì đã xảy ra. Anh cố bắt mình ngoảnh mặt sang trái. Anh lập tức nhìn thấy trên vỉa hè một thân người với thế nằm kỳ dị, chỉ cách chỗ anh đang nấp có sáu bước chân. Wandy đã chết. Anh biết nàng đã chết rồi! Mấy ngày gần đây, anh đã nhìn thấy tận mắt nhiều xác chết, đến nỗi chỉ cần liếc mắt trông qua cũng đã có thể nhận ra ngay thế nào là người đã chết, một dòng máu nhỏ loang dài trên vỉa hè, hướng thẳng về phía anh. Tay Wandy vẫn còn giữ chặt bộ tóc giả.

Malcolm lôi khẩu súng ngắn ra. Nhưng anh vừa nhô đầu lên thì một phát súng của Maronic lại lập tức bay đến. Phát đạn cày trên vỏ xe một vết xước rõ dài. Chàng trai lại vội rụt đầu lại. Maronic bắt đầu chạy dích dặc để lao qua đường. Hộp đạn của hắn chỉ còn bốn viên. Thế mà trong lúc chạy, hắn còn nổ thêm hai phát nữa để dọa Malcolm, không cho chàng trai có cơ hội ngóc đầu lên.

Số phận thật trớ trêu: đồi Capitol ở Washington vừa là khu vực nổi tiếng về số vụ phạm tội cao nhất, đồng thời vừa lại là nơi lăm cảnh sát nhất. Mấy phát súng của Maronic và những tiếng kêu thét đầy kinh hoàng của khách du lịch vọng đến tai một viên cảnh sát giao thông. Ông ta lập tức ba chân bốn cẳng chạy đến nơi xảy ra sự kiện. Viên cảnh sát đó tên là Arthur Stabbins, vóc người tầm thước, tính tình vui vẻ. Ông dự định là chỉ thừa hành phận sự dăm năm nữa rồi về quê, vui thú điền viên. Vừa nghiêng người, lúc bên này, lúc bên kia, chạy vội đến nơi vừa phát ra tiếng nổ, Stabbins vừa đình ninh trong bụng rằng chỉ vài giây nữa thôi, hàng chục đồng sự của ông sẽ lao ngay đến hỗ trợ. Điều đầu tiên mà Stabbins nhận

thấy là một người đang thận trọng băng qua phố, khẩu súng ngắn lăm lăm trong tay. Nhưng đó cũng là cảnh tượng chót cùng mà viên cảnh sát tận tụy nhìn thấy trong đời: ông đã bị một phát đạn của Maronic xuyên thủng ngực.

Maronic hiểu ngay là hắn đã lâm nguy. Nhưng hắn vẫn hy vọng là phải một phút nữa cảnh sát mới ập đến được. Trong khoảng thời gian đó, hắn sẽ kịp thanh toán xong Thần Ưng và tẩu thoát. Nhưng hắn bỗng thấy hai người cảnh sát nữa vừa chạy, vừa rút súng ra. Hắn đánh giá nhanh chóng tình thế, rồi đưa mắt nhìn quanh, tìm đường tháo lui.

Đúng lúc đó, một viên chức của hạ viện, dáng mệt nhọc và râu rĩ, lái một chiếc Volkswagen sơn đỏ rời sở phóng về nhà. Đến bên một ngã tư, ông ta bỗng hãm xe lại ngay sau lưng Maronic, để nhường đường cho luồng xe cộ nối đuôi nhau lao vun vút trên tuyến chính. Ông ta chưa kịp hiểu mô tê gì, thì Maronic đã giật mạnh cửa xe, lôi chủ nhân ra, giáng ông ta một quả thui vào giữa mặt, rồi nhảy lên xe, lao vút đi.

Người bạn đồng hành của Maronic vẫn như bị chôn chân ở chỗ ban nãy. Đến lúc hiểu ra rằng Maronic đã tẩu thoát được, ông ta liền quyết định phải tính cách chuồn gấp. Chạy thêm những chục bước chân trên đường Capitol, đến bên chiếc Mercedes đen, ông ta vội vã ngồi sau tay lái, rồi phóng vút đi. Malcolm ngẩng đầu lên vừa đúng lúc dãy số xe sau đuôi chưa nhoà nét. Anh ghi nhớ ngay con số đó.

Đoạn, anh quay sang phía mấy người cảnh sát đang tất bật bên xác người bạn xấu số của họ. Một viên cảnh sát dùng máy bộ đàm liên lạc với cấp trên. Anh ta kể rõ nhân dạng của Maronic và đặc điểm của chiếc Volkswagen sơn đỏ, rồi yêu cầu cho người đến tăng cường và cả xe cấp cứu nữa. Malcolm hoặc giả không được họ chú ý hoặc giả bị coi là một khách qua đường, tình cờ chứng kiến cảnh đồng sự của họ bị bắn chết, nên chẳng được ai hỏi han gì. Chàng trai lặng lẽ đưa mắt nhìn quanh. Đám người xúm xít sau đuôi mấy chiếc xe đỗ cạnh anh hoặc dọc những bãi cỏ được xén tỉa cẩn thận gần đó, quá đỗi kinh hoàng đến mức không kịp kêu lên tiếng nào,

ít ra là cho đến lúc Malcolm còn có mặt tại hiện trường. Lợi dụng thời cơ, chàng trai rảo bước đi nhanh về hướng từ đó chiếc Volkswagen lao ra. Trước lúc rẽ sang con đường ấy, anh còn ngoái nhìn lần nữa thi thể của Wandy đang có một cảnh sát ngồi bên cạnh. Malcolm cố nuốt một cái gì đang nghẹn nơi cổ họng, rồi quay mặt đi, bước tiếp. Vượt qua ba đoạn phố, anh vẫy tắc-xi, về lại trung tâm thành phố. Ngồi trên ghế sau, chàng trai ngả lưng vào lần đệm êm ái cho đỡ mệt, người khẽ run lên vì những tiếng nước nở cổ nén lại, đầu óc như ngùn ngụt lửa...

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

THỨ HAI (Chiều)

- Thưa ngài, tình thế thật tệ hết chỗ nói. Hết như dưới hoả ngục vậy, - giọng Powell lộ vẻ luống cuống, mà ông đang lâm vào lúc này.

- Anh muốn ngụ ý gì vậy Kevin? – Người cao tuổi ở đầu dây đằng kia cố căng tai lắng nghe để khỏi bỏ sót bất cứ lời nào của người trợ thủ mẫn cán.

- Trên đồi Capitol bọn họ vừa hạ sát cô bạn gái của Thần Ưng. Hai người chứng kiến cảnh bắn nhau đã nhận diện được Maronic, tuy không dứt khoát lắm, khi họ được cho xem ảnh hân chụp trước đây. Ngoài ra, họ cũng nhận diện được cả Malcolm nữa. Anh ta đã tẩu thoát. Rõ ràng là anh chàng đã không hề hấn gì sau cuộc đọ súng. Maronic, trong lúc hành sự, còn bắn chết một cảnh sát.

- Hai người thiệt mạng trong một ngày? Xem có nhiều quá không, ngay cả đối với một tay “sừng sỏ” như Maronic, đi nữa?

- Thưa ngài, tôi không nói là cô gái bị giết ạ.

Sau một lúc im lặng chẳng hiểu vì sao, giọng nói căng thẳng của sếp lại vang lên:

- Maronic, nhưng anh thừa biết đấy không bao giờ hấn bắn trượt đâu! Thế cô gái không chết ư?

- Không ạ, thưa ngài. Cô ấy vẫn sống, vì Maronic chỉ chệch có một tí tẹo thôi: giá chỉ già nửa milimet nữa là cô ta vỡ sọ. Nhưng đầu sao vẫn bị thương khá nặng. Hiện đang được đưa vào điều trị tại quân y viện ở Langley. Phải mổ cho cô ta một lần nữa, nhưng chỉ là một ca tiểu phẫu. Lần này, tự tay tôi cho thi hành các biện pháp canh phòng rất đáng tin cậy. Chỉ một gã Wazerby thôi cũng đủ khiến ta sáng mắt ra rồi! Cô gái lúc này vẫn đang mê man bất tỉnh. Các bác sĩ bảo rằng: nếu bệnh trạng thế này, thì chắc chắn chỉ vài hôm nữa là cô ta sẽ tỉnh. Họ cam đoan là nhất định sẽ qua khỏi.

Người cao tuổi lên tiếng hỏi, giọng đầy hy vọng:

- Cô ta rồi có kể lại được gì không đây? Chắc phải nói được vài điều chứ nhỉ?

- Không đâu, thưa ngài, - Powell ngao ngán đáp – Cô ta đã bị bất tỉnh ngay từ lúc bị thương. Tôi có cử đến hai người túc trực ngay trong phòng điều trị của cô ta. Ngoài nhiệm vụ kiểm tra xem ai ra ai vào, họ còn đang chờ dịp để trò chuyện với cô gái nữa.

Lại còn chuyện này nữa, thưa ngài. Cảnh sát họ đang nổi trận lôi đình lên đấy ạ. Họ định tung hết lực lượng ra, để tìm bằng được Maronic. Đối với họ, cái chết của người bạn đồng ngũ và cô gái bị thương trên đồi Capitol có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều so với chuyện chúng ta sẵn lòng gián điệp. Tôi đã tạm trấn an họ được chút đỉnh, nhưng tôi chắc họ chẳng chịu để yên lâu đâu. Nếu họ mà ra tay truy lùng thật sự, bới tung mọi chuyện ra, thì nhất định CIA sẽ biết hết cơ mưu của chúng ta. Vậy, tôi phải làm gì, nếu tình hình ngã sang chiều hướng đó?

Người cao tuổi lặng im chốc lát, rồi lên tiếng:

- Thôi được, anh cứ thông báo với họ toàn bộ những tin tức ta nắm được. Có điều nhớ gia giảm ít nhiều, cốt sao cho họ chỉ có đủ thông tin về Maronic thôi. Bảo họ là cứ tung hết lực lượng ra mà truy lùng hăn. Nhớ cam đoan với họ là khi cần, ta sẽ giúp họ hết sức mình. Điều duy nhất mà ta phải đòi bằng được là dành cho mình quyền ưu tiên hỏi cung Maronic, nếu hăn rơi vào tay họ trước. Nếu thoả thuận được như vậy rồi, thì anh hãy thông báo với họ là tôi sẽ xoay ngay được một giấy phép chính thức để đảm bảo cho yêu cầu đó. Ngoài ra, nhớ nói với họ là nên tiếp tục dò tìm Malcolm luôn một thể. Kevin này, theo anh thì có phải là Maronic đã đứng sẵn ở chỗ đó, để chờ “đón tiếp” Thần Ưng không?

- Xem ra chẳng phải thế đâu ạ. Chúng tôi đã tìm được chỗ Malcolm và cô bạn anh ấy thuê phòng. Tôi nghĩ là Maronic đã tình cờ đến đồi Capitol và hăn tấn công họ cũng lại là chuyện tình cờ nốt. Giá không có cảnh sát, chắc hăn đã “xơi tái” Thần Ưng rồi. À vâng, còn một sự kiện quan trọng này nữa ạ. Một nhân chứng cứ một hai thề rằng Maronic không đi một mình. Ông

ta, của đáng tội, không trông rõ lắm mặt người bạn đồng hành của hắn, nhưng ông ta cam đoan rằng kẻ đó già hơn Maronic. Bắn nhau xong thì kẻ ấy biến mất.

- Thế những nhân chứng khác bảo sao?

- Chẳng một ai nhận thấy điều đó. Nhưng tôi thì tôi vẫn tin lời ông ta, người nhân chứng đó. Rõ ràng, đó chính là kẻ “hai mặt” quan trọng nhất mà ta đang truy tìm. Đồi Capitol là nơi lý tưởng nhất cho những cuộc hò hẹn kiểu đó mà. Đấy cũng chính là lý do để giải thích tại sao lại có sự chạm trán tình cờ giữa Maronic và cặp uyên ương kia.

- Đúng thế, tôi hoàn toàn tán thành ý kiến anh. Thôi được, hãy chuyển gấp cho tôi những gì anh vừa thu được về gã Maronic bí ẩn nọ, nhé. Này, không biết người nhân chứng ấy có giúp ta phác họa lại chân dung của kẻ kia hay nhớ số xe số xiếc gì của hắn không nhỉ? Anh đã thử tìm hiểu chuyện đó chưa?

- Rồi ạ. Rất tiếc là ông ta không thể nói được một điều gì cụ thể. Nếu tình lại, chắc cô gái sẽ giúp được ta rất nhiều về khoản này đây.

- Ừ, - người cao tuổi dịu giọng nói, - đó quả là một thành công to tát đấy, Kevin ạ.

- Ngài có điều gì chỉ thị tiếp nữa không ạ?

Người cao tuổi im lặng một lúc, đoạn lên tiếng:

- Cho đăng ngay trên Washington Post một thông báo đi. À, không, cứ đăng luôn hai thông báo thì tốt hơn. Chàng trai của chúng ta, lúc này dù ở đâu chẳng nữa, chắc cũng đang nóng lòng chờ tin tức. Tôi sợ anh ấy đang phải trốn tránh, chưa tìm được quyển sách để giải mã mà ta đã dặn. Cho nên, anh cứ đăng cùng một lúc hai thông báo, một bản thường, một bản bằng mật mã, nội dung như nhau: yêu cầu Thần Ưng bắt ngay liên lạc. Trong bản thông báo mật mã, anh nhớ báo tin là cô bạn của anh ta vẫn sống, và kế hoạch hành động mà ta đã dự kiến lúc đầu, sẽ đổi khác; chúng ta đang cố tìm cách để đón anh ấy về nơi an toàn. Bây giờ, ta cần kiểm tra xem, anh ấy đã kiếm được quyển Bí mật của phái đẹp chưa. Dĩ nhiên, trong bản thông báo không mã hoá, ta không thể thông tin một điều gì quan trọng cả, vì không thể chắc ngoài Thần Ưng ra, còn ai khác nữa sẽ đọc đến nó.

- Các bạn đồng nghiệp của ta, sau khi đọc hai bản thông báo này sẽ rút ra ngay kết luận là ta đã nghĩ được một phương án mới.

- Dĩ nhiên, đó là chuyện khá khó chịu. Tuy vậy lúc nào ta cũng phải chú ý đến điều này: rốt cục, ta vẫn sẽ phải giải bày hết với họ về vấn đề đang mưu tính. Nhưng tôi nghĩ rằng tôi sẽ thu xếp được chuyện đó và sẽ thuyết phục được họ.

- Theo ngài thì Malcolm sẽ hành động ra sao?

Người cao tuổi lại lặng thinh chốc lát, rồi mới đáp:

- Tôi không dám quả quyết lắm về điểm này. Nhiều điều còn tùy thuộc vào anh ta biết được gì trong thực tế. Tôi có cảm tưởng là anh ta tin rằng cô bạn mình đã chết. Anh ấy chắc sẽ hành động theo cách khác nếu cho rằng cô bạn vẫn còn sống. Có lẽ, ta phải dùng cô ấy ít ra như một “con mồi”: vừa để nhử Malcolm, vừa để dụ các đối thủ của ta. Nhưng phải chờ ít lâu nữa, xem tình hình diễn biến ra sao đã.

- Ngài có yêu cầu gì khác nữa không?

- Có đấy. Nhưng phải để tôi ngẫm nghĩ thêm đã, chứ lúc này chưa thể có chỉ thị cụ thể, Kevin ạ. Anh cứ tiếp tục tìm Malcolm, Maronic và đồng bọn của hắn. Cố dò các tin tức có thể soi sáng cho câu chuyện rối rắm này. Và nhớ giữ liên lạc thường xuyên với tôi. Họp với các ông bạn đồng nghiệp kia xong, tôi sẽ về dùng cơm với thằng con trai...

- Làm việc mà như thế, theo tôi là tệ hết sức! – Viên đại diện FBI chồm người qua mặt bàn, nhìn xia xói vào mặt người cao tuổi. – Ngay từ đầu, ngài đã biết vụ án mạng ở phố Alexandrie có liên quan cực kỳ mật thiết đến vụ này, thế mà ngài chẳng thềm thông báo cho chúng tôi lấy một câu. Hơn nữa, ngài lại còn cấm cảnh sát ra thông báo chính thức và cấm họ bắt tay điều tra nguyên nhân vụ án mạng theo các quy tắc và thể lệ hiện hành. Đúng là chơi khăm nhau, không hơn không kém! Giá không thế, thì giờ đây, chúng ta đã dò ra được Malcolm và cô bạn của anh ta, và cả hai hắn đã được đưa về nơi an toàn rồi. Và chúng ta chỉ còn việc phải truy lùng bọn còn lại nữa thôi. Chuyện tự ái vật và kình địch lẫn nhau giữa các Cục, tôi đã nghe nhiều rồi, nhưng thật chưa thấy ở đâu có những trò như thế này cả.

Mà đây là an ninh quốc gia, chứ đâu phải chuyện đùa! Tôi xin được nhắc nhở ngài rằng: chúng tôi, những cộng sự của FBI, không thể cho phép ai hành động theo kiểu đó!

Người cao tuổi mỉm cười đáp lại những lời giảng giải tràng giang đại hải ấy. Đó là ông chỉ mới “xì” ra có mỗi một chuyện thôi đấy: mối liên quan giữa Maronic và vụ án mạng tại đường Alexandrie! Không biết họ sẽ còn giận dữ đến đâu, nếu họ được nghe hết những tin tức mà ông đang có trong tay. Thôi, đã đến lúc phải dàn hoà với họ hoặc ít ra trấn an họ rồi đây. Ông nghĩ bụng thế, khi ngắm những nét mặt đầy sự sốt của cử tọa.

- Thưa các ngài, thưa quý vị. Tôi hiểu rõ nỗi bức bối của quý vị. Nhưng tôi cũng nghĩ rằng hẳn quý vị sẽ thông cảm với tôi ngay khi hiểu được những nguyên do đủ quan trọng buộc tôi phải hành động như vậy.

- Như tất cả quý vị đã biết rất rõ, tôi cho rằng trong cơ quan CIA đang xảy ra chuyện thất thoát tin tức. Tôi muốn nói thêm: một sự thất thoát rất đáng kể và gần như ai cũng nhận thấy. Tôi đã từng kiên trì ý kiến cho rằng lỗ rò đó rất có thể sẽ biến mọi cố gắng mà chúng ta dốc vào việc điều tra vụ ấy thành một trò đùa. Bởi thế, chúng tôi tự đặt cho mình một mục đích: chấm dứt tình trạng đó, cho dù chúng ta muốn hay không muốn thừa nhận nó. Chắc quý vị sẽ hỏi tôi: do đâu mà tôi dám đoán chắc sự rò rỉ tin tức đó không phải xuất phát từ nhóm chúng tôi? Vị tất đã có gì đảm bảo là nhóm chúng tôi không bị nguy cơ đó đe dọa?

Nói đến đó, người cao tuổi ngừng lại và hít một hơi thở thật dài cho đỡ mệt. Những người dự họp ngồi quanh ông đều là những người hết sức từng trải trong nghề tình báo, đặc vụ, nên chẳng ai ngờ nghếch gì trong việc công khai chĩa vào nhau những cái nhìn dò xét. Người cao tuổi ngay lúc ấy cảm thấy không khí trong phòng mỗi lúc một thêm căng thẳng. Ông lặng lẽ tự chúc mừng mình về cái thắng lợi nhỏ này.

- Bây giờ, - ông nói tiếp, - tôi muốn nói rằng có lẽ tôi đã không hoàn toàn đúng, tuy tôi giấu hết toàn bộ những tin tức đã thu thập được với các thành viên trong nhóm chúng ta, mặc dù riêng về phần mình tôi không nghĩ như thế. Vấn đề không phải ở chỗ tôi buộc tội ai trong số chúng ta ngồi đây hoặc hoàn toàn loại trừ khả năng ai đó trong chúng ta đây đã để cho tin tức

bị thất thoát. Tôi vẫn tiếp tục cho rằng những hành động của tôi là hoàn toàn có lý do để biện minh và hoàn toàn lô-gich. Và tôi vẫn tiếp tục tin rằng tình thế vị tất đã đổi khác, đã trở nên tốt hơn, bất chấp những lời cam đoan của ngài đại diện, thay mặt cho cơ quan FBI, người bạn quý mến của chúng tôi. Tôi vẫn kiên trì quan điểm cho rằng, chắc chúng ta vẫn sẽ giảm chân tại chỗ, hết như hôm nay thôi, nếu tôi hành động khác đi. Nhưng điều chủ yếu không phải là ở đó, ít ra cũng chẳng phải vào thời điểm này. Vấn đề chính là ở chỗ ta sẽ làm gì nữa đây và làm như thế nào đây.

Viên phó giám đốc nhìn quanh các vị đại biểu. Xem ra chẳng còn ai muốn nêu lên ý kiến của cá nhân hoặc định trả lời câu hỏi vừa nêu. Dĩ nhiên, đứng trước tình hình đó, ngài phó giám đốc phải đích thân nhận trách nhiệm ấy. Nhưng đó lại là điều ông ta ngại nhất. Ông sẽ phải thường xuyên tự dằn mình, là chớ có làm ai chạm nọc và cũng đừng xúc phạm ai trong số những người ngồi đây. Ông cảm thấy thoải mái hơn nhiều, khi tham gia và các chiến dịch cụ thể, khi chỉ phải nghĩ và lo đến mỗi một thứ - địch thủ. Ông cất tiếng ho khẽ, rồi làm cái việc mà người cao tuổi đang mong theo cảm nghĩ của ông:

- Ngài có đề nghị gì mới không, thưa ngài?

Người cao tuổi mỉm cười. Một ông già Dansworth nhân hậu kia mà. Trò chơi ấy dĩ nhiên là ông biết rõ, nhưng sử dụng thì không thạo mấy. Trong một chừng mực nhất định, ông không muốn tự đặt mình vào tình thế khó xử. Ông nhìn tránh đi chỗ khác, rồi ngược mắt lên trần nhà, vẻ tư lự.

- Thực tình, thưa ngài phó giám đốc, tôi cũng chưa biết phải đề nghị gì đây. Nói chung, tôi chẳng có gì để phát biểu đâu ạ. Nhưng điều chủ yếu, theo tôi nghĩ, là ta phải tiếp tục hành động.

Viên phó giám đốc chợt dạ. Tình thế lại xoay chuyển sang hướng ông phải tự đứng ra quyết định lấy. Ông đưa mắt lần lượt nhìn quanh các vị đại biểu đang ngồi trên bàn họp. Ai nấy tức thì cụp mắt xuống, mất ngay vẻ tự tin và nhiệt tình. Họ nhìn băng quơ. Đâu cũng được, trừ ông ra. Tuy thế, ông thừa biết họ đang chăm chú theo dõi từng cử chỉ của ông. Ông lại cất tiếng ho khẽ. Ông quyết định phải chấm dứt càng sớm bao nhiêu càng hay bấy nhiêu cái công việc chẳng dễ chịu chút nào này.

- Như vậy, theo tôi được biết, không còn vị nào có ý kiến hoặc đề nghị mới nữa. Vì thế, tôi đi đến kết luận là sẽ hoàn toàn lô-gích, nếu chúng ta cứ tiếp tục hành động theo hướng ta đã triển khai trước đây. (“Nghĩa là thế nào? Thật tối nghĩa!” – ông tự nhủ). Nếu không có đề nghị nào khác..., - ông ngừng lại một giây, - tôi đề nghị ta hãy kết thúc phiên họp tại đây.

Viên phó giám đốc thu xếp giấy má, cất vào cặp và nhanh nhẹn bước ra.

Khi những người còn lại đứng dậy để theo gương ông ta, viên đại diện Cục tình báo quân đội nghiêng người về phía ông sĩ quan hải quân, nói lớn:

- Tôi cảm thấy mình y hệt như là một chú rể ngựa ngơ trong tuần trăng mật ấy. Chẳng biết phải làm ăn ra sao cả!

Viên sĩ quan hải quân ngược nhìn ông bạn đồng nghiệp, nói còn to hơn:

- Gì chứ những vấn đề kiểu đó thật chưa từng gặp bao giờ...

... Malcolm đổi tắc-xi ba lần liền, trước khi bảo tài xế cho mình đến một căn phố ở đông-bắc Washington. Anh trả tiền cho tài xế lúc đứng bên một cửa ô vắng vẻ, rồi đi bộ tiếp, loanh quanh trong các phố xá ngoại thành. Ngay từ khi còn ngồi trên tắc-xi, anh đã nghĩ được cho mình một kế hoạch hành động – tuy hãy còn quá chung chung và chưa thật rõ nét mấy, nhưng dù sao lúc này anh cũng đã có một kế hoạch hành động. Điểm đầu tiên trong kế hoạch đó là tìm một chỗ nướng náu thật an toàn, để có thể tránh được mọi cặp mắt đang rình rập.

Anh chỉ mất đúng hai mươi phút để làm việc đó. Nhận thấy một cô gái để ý đến mình và chậm rãi bước đi cùng chiều ở bên vỉa hè đối diện, anh liền chậm bước lại. Đến ngã tư, cô ta băng qua đường, nháy lên vỉa hè, nhưng “vấp ngã” và chúi hẳn người về phía anh, rồi ôm chầm lấy. Hai tay cô gái lần nhanh dọc hai bên sườn “ân nhân”. Anh cảm thấy toàn thân cô căng lên khi chạm phải khẩu súng giắt ở thắt lưng. Cô lùi ngay lại, và đôi mắt màu nâu nhạt, long lanh một vẻ khác thường, chăm chú nhìn anh, dò xét:

- Cảnh sát à?

Nghe giọng nói thì chắc chỉ mới 17, 18 là cùng. Malcolm đưa mắt nhìn những vòng tóc xoắn dựng ngược lên như lò xo và bị thuốc nhuộm tóc làm cho bệch bạc hẳn đi, nhìn làn da tái mét của cô ả. Cả tóc tai, cả quần áo đều nồng nặc mùi nước hoa, dốc từ trong mấy chiếc lọ mà một một cửa hiệu tạp

hoá nào đó ở đầu phố trưng ra cho khách hàng xúc thử.

- Không, cảnh sát gì thứ tôi, - anh nhìn thẳng vào gương mặt lộ rõ vẻ hoảng sợ của cô gái. – Có điều, như thiên hạ vẫn nói, tôi đang có một việc khá dễ mất mạng.

Anh thấy cô ả vẫn chưa hết sợ, nhưng anh hiểu ngay là cô ta đang cố để khỏi bỏ lỡ mất dịp kiếm thêm tiền.

Cô ả lại chồm về đằng trước và ôm chặt lấy người Malcolm, nói:

- Thế anh làm gì ở khu vực này?

Malcolm mỉm cười:

- Tôi muốn được giải buồn chốc lát với một cô nàng nào đó, kiểu như cô, và sẵn sàng trả rất hậu. Mà cho dù tôi có là cảnh sát thật chẳng nữa, tôi cũng không thể lấy quyền gì để bắt cô vì tội “ăn sương” bởi lẽ chính tôi đã mở miệng đề nghị trước. Sao, gật chứ?

Đến lượt mình, cô gái lại cười mỉm, đáp:

- Dĩ nhiên là được thôi. Tôi hiểu. Nhưng anh định giải muộn trong bao lâu? Malcolm nhìn cô gái. “Chắc là người Ý, - anh nghĩ bụng, - hoặc một nước Trung Âu nào đó”.

- Thế, cô em đòi bao nhiêu?

Cô gái ngăm Malcolm, rõ ràng là để lượng định về “khả năng tài chính” của anh chàng trắng gió lạ đời.

- Hai mươi “đô” một bận – Trông thì thấy ngay cô ta chỉ đòi anh phải bằng lòng, chứ không cho phép mặc cả mặc kiếc lôi thôi gì hết.

Malcolm hiểu rõ là mình nên tránh phờ mặt ngoài đường càng sớm bao nhiêu càng hay bấy nhiêu. Anh lại nhìn mặt cô gái.

- Tôi không phải vội đi đâu, - anh nói. – Tôi sẽ trả cô... bảy mươi lăm đô-la cho suốt đêm nay. Ngoài ra, tôi chịu luôn cả tiền ăn sáng nữa, nếu tôi được sử dụng phòng cô từ giờ đến mai.

Cô gái chau mày ngẫm nghĩ. Chỗ tiền ấy, cô phải làm suốt cả ngày đến tận nửa đêm, may ra mới kiếm được. Dầu sao, cô cũng cứ thử vùi thêm. Cô từ từ chìa tay ra, chạm vào người Malcolm.

- Này, anh bạn, cái giá đó dĩ nhiên là rất hậu, nhưng... – Cô ta đột nhiên ngừng lại và toan gạt phắt ý định cũ, nhưng nghĩ sao không biết, lại vẫn nói

tiếp: - Trả cho em một trăm chẵn, nhé. Sao, được chứ? Em sẽ hầu hạ anh như một ông hoàng!

Malcolm nhìn cánh tay đang chìa ra và gật đầu, toé ý ưng thuận:

- Thôi được, thì một trăm! Tôi sẽ nghỉ lại phòng cô suốt đêm nay đây. – Rồi anh rút trong túi ra một tờ ngân phiếu năm mươi đô-la trao cho cô gái. – Trả trước ngay một nửa, còn một nửa nữa, sáng hẵng hay. Này, nhớ là đừng có giở mánh ra với tôi hay đi rước thêm một thằng cha quý quái nào đó nữa đấy nhé.

Cô gái giật lấy tờ ngân phiếu trên tay Malcolm.

- Ai lại dám giở mánh với anh! Em chỉ có một mình thôi mà. Nhưng ai, chứ với anh thì em cố hết lòng cung phụng.

Cô gái cầm lấy tay anh lôi đi.

Đến ngã tư tiếp theo, cô ghé tai Malcolm, nói nhỏ:

- Đứng chờ em một tẹo, nhé. Em cần nói với người này mấy câu thôi mà.

Cô gái buông tay anh ra, và Malcolm còn chưa kịp phản ứng, thì cô ta đã nhanh nhẩu bước đến chỗ ông già mù, ngồi bán bút chì ở góc phố. Malcolm áp lưng vào vách tường một ngôi nhà bên đường, cho tay vào trong vạt áo vét-tông, cầm lấy báng khẩu súng ngắn, bỗng chốc đã ướm nhoẹt mồ hôi.

Anh thấy cô gái trao tờ giấy bạc năm mươi đô-la cho ông già mù. Ông ta lẩm bẩm mấy câu gì đáp lại. Đoạn, cô ả chạy đến một chòi điện thoại gần đó, không để ý gì đến một chàng trai cố tình ãy vào người. Ngoài cửa, treo lủng lẳng tấm biển “Máy hỏng”. Nhưng cô gái bất chấp, cứ giật cửa ra. Cô lật lật một lát quyển danh bạ, hoặc ít ra Malcolm có cảm tưởng là cô làm thế. Anh không thấy rõ cô ả đang làm gì trong ấy vì ả quay lưng về phía anh. Rồi ả khép vội cửa, rảo bước lại bên chỗ Malcolm đang đứng chờ.

- Xin lỗi vì bắt anh phải chờ. Có chút việc bận. Anh không giận đấy chứ?

Lúc họ đi ngang qua chỗ ông lão mù, Malcolm dừng phắt lại gạt cô gái sang một bên, và giật chiếc kính đen trên mặt ông già. Tuy chăm chú theo dõi vẻ mặt kinh ngạc của cô gái vì hành động đó, Malcolm vẫn liếc nhìn ông già bán bút chì. Đến khi thấy hai hốc mắt không tròng, anh lại đeo kính trở vào cho ông ta. Rồi anh dúm tờ mười đô-la vào tay ông lão, nói nhanh:

- Xin lỗi bố già, nhé!

Ông lão mù cười hề hề, cất giọng khàn khàn đáp:

- Chả sao đâu, thưa ngài.

Khi họ đã đi xa, cô gái ngược nhìn anh, ngạc nhiên hỏi:

- Làm thế để làm gì vậy hả?

Malcolm nhìn nét mặt sững sốt của cô gái:

- Chỉ để kiểm tra tí thôi.

Chỗ cô gái ở chỉ là một căn phòng nhỏ với một giàn bếp rất hẹp và một phòng tắm con con, gắn một cái vòi búp sen tự làm lấy, trông chẳng ra hình thù gì. Vào phòng xong, cô gái khoá trái cửa lại, cài chốt cẩn thận. Malcolm tiện tay móc luôn cả sợi xích vào một chiếc đinh to tướng – cho chắc ăn hơn!

- Em sẽ quay lại ngay đây, cưng ạ. Anh thay quần áo đi. Rồi em sẽ chỉ chỗ cho mà “kênh”. – Và cô ta chui ngay vào sau tấm màn ngăn cửa buồng tắm với bếp.

Malcolm nhìn ra ngoài cửa sổ. Tầng ba. Thế này thì đừng hòng trèo từ bên ngoài vào. Tuyệt. Cửa rất vững chãi, lại cài then cẩn thận. Anh tin chắc chẳng ai thèm theo dõi họ, mà thậm chí ngay cả chuyện để ý cũng khỏi phải lo. Anh chậm rãi cởi áo ngoài, đặt khẩu súng ngắn xuống chiếc bàn kê bên đầu giường, rồi lấy một tờ tạp chí cũ đập lên trên. Cái giường rên lên một tiếng “kẹt” dài, khi anh ngã lưng xuống. Đầu anh nhúc như búa bổ, người thì mỏi như, nhưng anh biết phải xử sự cho thật tự nhiên, để khỏi bị ngờ vực.

Tấm màn bị gạt ra, và cô gái lại quay vào. Cặp mắt ả sáng lên một cách khác thường. Trên người ả lúc này đã mặc một chiếc áo ngủ tay dài, may thâm, mỏng như giấy, nên có thể nhìn thấy rõ cả bộ ngực vừa gầy, vừa lép. Hơn nữa, cả thân hình ả cũng chẳng béo tốt gì hơn, đến nỗi gần như là da bọc xương. Giọng ả nghe như từ cõi xa xăm nào đó vọng về:

- Xin lỗi nhé, em lại bắt anh phải chờ, “cục cưng” của em.

Ả trèo lên giường rồi ôm lấy đầu Malcolm ghì vào ngực.

Họ nằm như thế hồi lâu. Rồi Malcolm liếc nhìn sang. Người cô ả đang rung lên nhè nhẹ. Thì ra, ả đã ngủ. Thấy thế, anh liền se sẽ ngồi dậy, đi tắm. Trên nắp cái thùng chứa nước, kê trong góc gian buồng tắm bồn thiêu, anh thấy một cái thìa, một ống cao su, một hộp diêm và một chiếc xê-ranh tự làm. Một gói ni lông nhỏ đựng một thứ bột màu trắng, đã dùng mất đi non nửa, vắt bên cạnh. Mãi lúc này, Malcolm mới hiểu ra vì lẽ gì cô ả diện chiếc áo ngủ dài tay. Hoá ra để che những nốt đen lấm tấm do kim tiêm để lại.

Malcolm ngấm căn phòng. Anh tìm thấy bốn bộ quần áo lót, ba chiếc áo ngắn, một đôi vớ, một đôi áo dài, một cặp quần jean's và một chiếc săng-day đỏ đã ngả sang màu tím sẫm, nằm vật vạ trên sàn. Trong chiếc tủ liền tường, chơ chỏng một chiếc áo mưa sờn rách. Trong cái hộp các tông dùng để đựng giày cao gót, anh tìm thấy sáu tờ biên lai của nhà tù Washington cấp cho cô ả, khi ả nhận lại những tư trang bị giữ lúc bị bắt giam. Anh còn bối được trong cái hộp ấy ra một tấm thẻ học sinh trung học, có giá trị trong thời hạn hai năm, đề tên: Mary Ruth Rosen. Trong bếp chẳng còn qua món gì ăn được, ngoài năm thẻ sô-cô-la, một dùm hạnh nhân và lưng hộp nước hoa quả. Anh chén sạch mọi thứ, anh moi được dưới gầm giường ra một chai rượu không, nhãn hiệu Mogen David. Anh đem đặt nó bên ngưỡng cửa ra vào. Theo lý thuyết thì nếu có ai đẩy cửa đi vào, cái chai sẽ đổ chổng kèn, phát ra tiếng động. Xong xuôi, anh bế bổng cô ả lên, đặt vào chiếc ghế xa-lông đã trơ cả nệm, rồi phủ lên người ả chiếc khăn mỏng. Cô ả vẫn chẳng buồn cựa quậy. Vị tất đã có nghĩa lý gì, nếu đêm nay ả phải ngủ trên chiếc xa-lông chả ra làm sao kia. Rồi Malcolm tháo chiếc kính cận trong mắt ra, cất đi và ngả lưng xuống giường. Năm phút sau anh đã ngủ mùi mẫn.

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

THỨ BA

(Từ sáng đến đầu hôm)

Malcolm chỉ thức giấc lúc quá bảy giờ. Nhưng anh còn nằm thêm cả một tiếng đồng hồ nữa, cân nhắc mọi phương án có thể có. Cuối cùng anh quyết định: dù gì thì gì vẫn cứ theo phương án đã dự tính hôm qua. Anh ném một cái nhìn sang phía xa-lông. Cô ả đã lăn xuống sàn từ khi đêm, và lúc này vẫn đang còn trùm chăn ngủ, ngực phập phồng những hơi thở nặng nhọc.

Malcolm ngồi dậy và ì ạch một hồi mới đặt được ả lên giường. ả vẫn chẳng thèm cựa quậy, y như tối hôm qua.

Cái vòi búp sen tự chế chẳng qua chỉ là một ống cao su được lắp thẳng vào đường dẫn nước. Vì thế, Malcolm đành phải tắm một thứ nước chỉ hơi âm ỉm. Thậm chí, anh còn cạo được cả râu bằng một lưỡi dao bào mà chắc hẳn ai đó đã dùng rồi. Duy có chuyện đánh răng thì anh đành chịu thua: anh ghê cả người khi phải cho vào miệng chiếc bàn chải của người khác.

Malcolm liếc nhìn lần cuối cô gái đang ngủ trước lúc bước ra khỏi phòng. Khoản tiền một trăm đô-la đã thỏa thuận, anh mới trả được phân nửa. Anh biết chỗ tiền này cô ả sẽ đem dùng vào việc gì nên anh chẳng thích thú mấy khi phải nhét tờ giấy bạc năm mươi đô-la vào chiếc túi sách treo trong tủ áo. Suy cho cùng thì đấy cũng chẳng phải là tiền mồ hôi nước mắt gì của anh. Thôi thì mặc: của thiên trả địa!

Đi qua được khúc phố, anh tìm thấy một quán ăn kiểu Hot shop mà dân quanh vùng này đang ùn ùn kéo vào điểm tâm trước lúc đến giờ. Ăn sáng xong, anh ghé ngay vào một cửa tiệm Drug store gần đó, mua vài thứ

đồ dùng lật vạt rồi tạt vào một nhà vệ sinh vắng vẻ của một trạm bán xăng Gulf đánh răng. Lúc này đã 9:30 sáng.

Tìm được một chòi điện thoại công cộng, Malcolm ném vào máy xu lẻ đổi được ở cái trạm Gulf ban này gọi đi hai nơi. Đầu tiên là gọi về phòng “Chỉ dẫn”. Khi hỏi được số máy, anh liền liên lạc với một sở nhỏ đặt trụ sở tại khi Baltimore.

- Phòng đăng ký xe hơi đây. Ngài cần giúp gì ạ?

- Tôi tên là Wintrop Asthas, nhà ở đường Alexandria, - Malcolm từ tốn đáp. – Tôi muốn phiền cô mách giúp địa chỉ của một người có nhã ý giúp tôi một cách rất đổi vô tư, để tôi đến cảm ơn ông ta.

- Tôi chưa thật hiểu rõ điều ngài muốn nhờ.

- Chỉ là thế này thôi. Hôm qua, trên đường đi làm về, xe tôi tự dưng chết máy ngay giữa phố. Thì ra cái bình điện chết tiệt đã bị đổ nghiêng, bật tung nắp đây. Tôi sửa đâu vào đấy nhưng vẫn không sao nổ máy được: a-xít trong bình điện đổ mất đi khá nhiều, chỉ còn đâu có phân nửa. Tôi đã toan bó tay, định dỡ bớt đồ đạc trong xe xuống rồi đẩy nó vào bên vệ đường thì bỗng dưng có một chiếc Mercedes đen chạy tới. Người ân nhân của tôi thấy thế, liền ghé mũi xe vào đẩy hộ cho đến khi máy của tôi nổ giòn. Làm thế, mũi xe ông ta có cơ trầy trụa hết, nhưng ông ta bất chấp. Tôi còn chưa kịp mở miệng cảm ơn thì ông ta đã phóng xe, lao vút đi. May là tôi còn đọc kịp số xe. Thành ra, tôi muốn gửi đến ông ta một bức thiệp bày tỏ lòng biết ơn hoặc mời ông ta đi uống vài cốc rượu, hoặc có chút quà mọn gì đó gọi là tỏ lòng cảm kích. Ở cái đất Washington này chẳng dễ gì tìm được một người cư xử cao thượng như thế với một khách qua đường tình cờ đâu!

Cô gái ở đầu dây đằng kia cũng cảm động nói:

- Vâng, quả có thể thực, những người như thế, dễ có thập đuoác lên tìm chưa chắc đã thấy. Dám dí mũi chiếc Mercedes của mình vào để đẩy giúp xe người khác! Thật là một tấm lòng vàng! Nghĩ là tôi hiểu – số xe ông ấy đã đăng ký ở Maryland chứ gì? Và ngài muốn nhờ tôi kiểm tra lại số đăng bộ xem chủ chiếc xe đó là ai, đúng không ạ?

- Vâng, đúng thế, đúng thế. Cô giúp được chứ?

- Chà...chuyện này lẽ ra không được phép đâu. Nhưng vì một chuyện như thế mà phạm lề luật thì đâu phải là một trọng tội, đúng không ạ? Ngài đọc giúp số xe đi, thưa ngài.

- Maryland. E – 49387.

- E – 49387. Có đăng ký đấy. Ngài chờ cho một lát nhé, tôi sẽ nói cho ngài hay tên họ và địa chỉ ông ta.

Malcolm nghe tiếng ông ta đặt máy xuống bàn. Ngay sau đó có tiếng chân vang lên. Rồi tiếng chân bị át đi trong tiếng “lách tách” của mấy chiếc máy đánh chữ. Một thoáng sau, tiếng chân lại bước đến bên máy.

- Ngài Asthas đấy phải không ạ? Tôi dò ra rồi, xe Mercedes màu đen, đăng ký dưới tên Robert T.Attwood, địa chỉ nhà riêng số 42, phố Elwood, tôi đánh vần từng chữ đây: A-t-t-w-o-o-d khu Chert-Chase. Những người ở khu ấy, ai cũng giàu nứt đổ vỡ vách cả ấy mà. Đó là một trong những khu thanh lịch nhất thuộc vùng ngoại ô Washington. Một vài vết xước trên xe hẳn chẳng mùi mẽ gì với những người như ông ấy. Nhưng dẫu sao tôi cũng thấy lạ. Thường thì những người như ông ấy họ chả bao giờ thềm ngó ngàng gì đến những nỗi hoạn nạn của thiên hạ đâu, thưa ngài. Chắc ngài hiểu tôi muốn ngụ ý gì rồi chứ?

- Vâng, tôi hiểu cô muốn nói gì. Xin cảm ơn cô, cảm ơn cô lắm.

- Gì mà ơn với huệ. Tôi rất lấy làm mừng được giúp ngài trong dịp may hiếm có này thôi. Nhưng chỉ mong ngài đừng lạm dụng cách này. Chắc ngài rõ tôi muốn nói gì chứ ạ? Ngài đừng lộ chuyện với ông Attwood đấy nhé! Ngài cần giúp gì nữa không?

- Xin cảm ơn cô. Tôi sẽ giữ kín.

- Chắc ngài ghi được cả rồi chứ? Robert Attwood, nhà số 42, phố Elwood, Chevy-Chase.

- Vâng, tôi đã ghi được cả rồi. Một lần nữa xin đa tạ cô.

Malcolm treo ống nghe, đã gấp mẫu giấy ghi địa chỉ họ tên vào túi. Vị tất anh phải cần đến nó mới nhớ được cái tên Attwood kia? Không rõ vì lẽ gì, nhưng anh lại quay trở lại cái quán ban nãy, gọi thêm một tách cà phê. Ngắm kỹ nét mặt của khách hàng ở đây anh biết chắc chẳng ma nào thèm để ý đến mình.

Trên quầy quán rượu chơ chỏng một tờ Washington Post số ra buổi sáng. Như một cái máy, Malcolm vồ lấy tờ báo, mê mải đọc. Bản thông báo gửi cho mình, anh tìm thấy ở trang 12. Đúng, họ đã quyết định hành động chắc ăn hơn. Bản thông báo dài gần mười phân, in bằng chữ đậm với nội dung như sau: “Thần Ưng, gọi điện về nhà ngay”.

Malcolm phì cười và thậm chí chẳng thèm liếc mắt sang cột báo bên cạnh, in cùng bản thông báo đó, bằng mặt mã dưới hình thức kết quả xổ số đợt vừa qua. Nếu anh mà gọi điện về, thế nào họ cũng yêu cầu anh hoặc là về gặp, hoặc là ẩn nấp cho kín đáo hơn. Nhưng cả hai chuyện đó, lúc này anh đều không thích. Anh biết là họ không thể thông báo một tin gì khả dĩ lí thú với anh hơn, ngay cả bằng mặt mã nữa. Và lại lúc này, mọi chuyện đối với anh đều vô nghĩa. Những lời chỉ thị của họ đã mất hết toàn bộ giá

trị của chúng kể từ hôm qua, sau cái sự kiện xảy ra trên đồi Capitol.

Malcolm chau mày, cố gạt hết mọi thứ đi để suy ngẫm cho thật thấu đáo dự tính anh đang ôm ấp. Nếu kế hoạch này mà không thành thì mọi thứ coi như hoàn toàn sụp đổ. Hơn nữa đối với anh, như thế có nghĩa là hết đời. Tuy nhiên, điều đó không hề khiến Malcolm xúc động bao lắm. Điều anh lo nhất lúc này là nếu thất bại, những tin tức quý giá đó sẽ mất đi mãi mãi. Nhưng anh không muốn ai đó sẽ biết được những tin tức quý giá kia trước khi anh thử thực hiện cái kế hoạch đang dự tính. Mà nếu vậy thì có cơ trở nài mất. Cho nên anh phải tìm cách làm thế nào để tin đó đến muộn hơn.

Tấm biển hiệu chói sáng bên kia đường đã gọi cho chàng trai một ý hay. Anh liền bắt tay ngồi viết, lợi dụng mọi thứ giấy má đang có sẵn trong tay. Hai mươi phút sau, anh đã ghi xong mọi chuyện xảy ra trong năm hôm nay cùng những đánh giá về khả năng diễn biến tiếp theo sau đó rồi cho vào ba chiếc phong bì nhỏ xin được của một cô hầu bàn. Mấy mảnh giấy chùi miệng, anh gửi cho FBI còn những thứ giấy má moi được trong ví ra – cho CIA; riêng cho báo Washington Post thì là tấm bản đồ thủ đô Washington mà anh nhón được ban này ở trạm bán xăng Gulf. Đoạn, anh cho cả vào một chiếc phong bì lớn mua được ở cửa hiệu Drus store. Loay hoay mãi, Malcolm mới nhét được chiếc phong bì dày cộm ấy vào thùng thư. Ở mặt trước, anh đọc thấy dòng chữ: “Lần mở thứ hai: 14:00 giờ”. Lá thư để gọi cho ngân khoản của Malcolm tại một nhà băng mà chẳng hiểu vì lẽ gì cũng đóng cửa vào thứ ba hàng tuần, lúc 14:00 giờ. Như thế là, theo tính toán của anh, chiếc phong bì ấy chỉ được các viên chức ở nhà băng nọ bóc ra vào hôm sau và chuyển đến cho các địa chỉ ghi ở bên ngoài. Cho nên anh còn dôi ra ít nhất hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa. Trong khoảng thời gian ấy, anh sẽ thực hiện cái kế hoạch đã dự tính. Malcolm thở phào nhẹ nhõm: anh hoàn toàn không còn bị gì ràng buộc nữa – hết thấy những gì anh biết về vụ này đều đã được chuyển đến những nơi đáng được biết cả rồi...

...Chiều hôm ấy, Malcolm trà trộn vào đám du khách đứng nối đuôi nhau bên chân tượng đài George Washington, chờ đến lượt được trèo lên nóc ngắm quang cảnh thủ đô. Trong khi đó thì đám nhân viên mật vụ và cảnh sát, ai nấy đều lồng lộn lên, ngậm đũa nuốt cay sục sạo tìm anh khắp mọi xó xỉnh của thủ đô. Họ đã đụng đầu nhau không biết bao nhiêu lần trong khi chạy theo hết tin giả này đến tin giả khác về nơi Malcolm ẩn náu. Ba tốp nhân viên điều tra do ba cơ quan an ninh độc lập cử ra, đã cùng một lúc đỗ xe trước cửa một khách sạn nhỏ để kiểm tra những tin tức về nơi Malcolm trú ngụ mà họ nhận được một cách độc lập với nhau. Những tin tức ấy hóa ra cũng lại là tin giả. Bà chủ rất cục cằn chẳng hiểu đã xảy ra chuyện gì, ngay cả sau khi những tốp điều tra nọ bực tức ra về. Một viên chức làm ở tòa nhà Quốc Hội, diện mạo nom tựa tựa như Malcolm đã bị một tốp nhân viên do FBI phái đi tuần tra phố xá Washington bắt giữ. Nửa tiếng sau, người ta đã xác minh được lai lịch của anh ta và ra lệnh thả thì ngay lập tức anh chàng lại bị bắt giữ để thẩm vấn – nhưng lần này là do cảnh sát đô thành tiến hành. Đám phóng viên báo chí đã làm cho các nhà chức trách vốn đã cáu tiết khi chưa bị họ quấy rầy phải phát chán lên bởi những câu hỏi bất tận về vụ đọ sung bí ẩn trên đồi Capitol. Các cơ quan và các cục chuyên lo về công tác tình báo và an ninh, đã phải phát điên lên với những cú điện thoại của các nghị sĩ thượng viện, hạ viện và chính khách thuộc đủ mọi xu hướng và đại diện cho đủ mọi lợi ích, yêu cầu giải thích những tin đồn đang xôn xao khắp nơi về chuyện những thông tin mật có liên quan đến nền an ninh quốc gia bị rò rỉ. Dĩ nhiên, bất cứ ai nhận được những cú điện thoại đó cũng đều từ chối bàn bạc những vấn đề nêu trên qua dây nói.

Kevin Powell lại cố giải bài toán về Thần Ưng và tìm kiếm Malcolm. Trong ngày xuân đẹp trời đó, những câu hỏi bí ẩn nọ vẫn tiếp tục giày vò ông giữa lúc ông đang lững thững dạo bước trên đường Capitol Đông. Không một gốc cây nào, không một ngôi nhà nào dọc hai bên đường phố này gợi nhắc cho ông dù là một lời giải đáp còn con con đi nữa. Vì vậy, lúc 11:00 giờ, ông không còn đủ kiên nhẫn nữa, đánh thất thểu quay về gặp sếp – người chỉ huy thực thụ của toàn bộ chiến dịch săn tìm này.

Powell đến hơi trễ nhưng ông hối hả bước vào phòng làm việc của sếp, thì cái nhìn của người cao tuổi vẫn không hề tỏ ra chút gì là quở trách cả. Trái lại, hôm nay sếp càng tỏ ra hồ hởi hơn mọi ngày. Thoạt tiên, Powell nghĩ rằng thái độ niềm nở đó hẳn là chỉ dành cho ông khách lạ đang ngồi sau chiếc bàn con kia. Nhưng càng lúc ông càng hiểu rằng mình nhầm to: sếp vui vẻ một cách thực lòng.

Ông khách lạ nọ là một trong số những người cao to nhất mà Powell từng gặp trong đời. Cửa đáng tội, khi người ta ngồi, thì chẳng dễ gì đoán định nổi tầm vóc. Tuy nhiên, Powell vẫn nghĩ thầm: “Bỏ rỏ cũng phải cao đến hai thước một, hai thước hai!”. Dáng người bệ vệ, cân nặng phải tạ rưỡi là ít. Toàn thân bị bó rọ trong một bộ com-lê đắt tiền, cắt rất khéo. Mái tóc đen rậm chải chuốt rất công phu. Powell nhận thấy cặp mắt nhỏ của ông ta đang thả nhiên, chăm chú ngắm nhìn mình như thể muốn lượng định tài cán, tư chất của ông vậy.

- A, Kevin, - người cao tuổi lên tiếng – tuyệt quá! Chúng tôi đang mong anh về góp chuyện đây. Hình như anh đã quen biết tiến sĩ Lofts rồi thì phải?

Powell không quen riêng ông ta, nhưng anh có biết ít nhiều về công việc của vị tiến sĩ này. Crawford Lofts có lẽ là vị tiến sĩ chuẩn đoán bệnh tâm thần xuất sắc nhất nước. Tuy thế, chỉ một số nhân vật trong chính giới là biết tiếng ông ta. Hiện nay, tiến sĩ đang điều hành “Trung tâm phân tích và chuẩn đoán tâm thần học” trực thuộc CIA.

Sau khi gọi thêm cho Powell một tách cà phê nữa, người cao tuổi quay sang phía ông, nói tiếp:

- Tiến sĩ Lofts hiện đang giúp chúng ta khảo nghiệm về trường hợp Thần Ưng. Suốt mấy hôm nay, tiến sĩ đã gặp gỡ và trò chuyện với đủ mọi

loại người để tìm hiểu thêm về chàng trai ấy. Tiến sĩ cũng đã nghiên cứu hồ sơ cá nhân của anh ta, công việc của anh ta, thậm chí còn sống hàng mấy giờ liền trong căn hộ anh ta nữa. Nếu tôi không nhầm thì người ta quen gọi công việc đó là “tái tạo hình ảnh thực” của đối tượng nghiên cứu. Tiến sĩ, xin ngài đích thân giảng giải cho chúng tôi về những khoản đó; như thế, chúng tôi sẽ dễ hình dung hơn.

Powell lấy làm ngạc nhiên với cái âm hưởng dịu dàng trong giọng nói của ông tiến sĩ – hộ pháp họ.

- Tôi nghĩ ngài đã nói gần hết cả rồi đấy thôi. Cái chính mà tôi đang cố hình dung là Malcolm sẽ hành động, sẽ ứng xử ra sao trong tình thế này hoặc tình thế khác, bằng cách chú ý đến quá khứ và hiện tại của anh ta. Tôi tạm đưa ra mấy kết luận: chàng trai ấy sẽ ứng xử một cách hết sức bất ngờ và đầy sáng tạo vì bị chi phối bởi cảm hứng tức thời. Do vậy, anh ta sẽ chẳng đếm xỉa gì đến mọi lời dặn dò, chỉ vẽ của ngài, một khi những lời chỉ vẽ, khuyên bảo đó không hợp với những điều anh ta mong muốn.

Rõ ràng là tiến sĩ Lofts không thích thú mấy với việc khuếch trương sở trường của ông ta dù vì bất cứ lý do gì. Điều đó cũng khiến Powell kinh ngạc. Và ông cũng không ngờ rằng vị chuyên gia lỗi lạc ấy lại ngừng lời đường đột như vậy.

- Thế ngài sẽ làm gì để giải quyết vấn đề này? – Powell hỏi giọng lấp bắp và ông cảm thấy mình lỗ bịch hết sức khi nghe thấy câu hỏi đầy vẻ tùy hứng của chính mình.

Tiến sĩ Lofts đứng dậy định ra về. Đúng, ông ta cao phải đến 2,15 mét là ít.

- Tôi đã phái các nhân viên của chúng tôi đến các khu vực khác nhau trong thành phố, nơi mà tôi có cảm tưởng là Malcolm sẽ xuất hiện.

Nếu ngài cho phép, tôi muốn xin được trở lại với các cộng sự của tôi để xem công việc tiến triển đến đâu rồi.

Tiến sĩ Lofts lịch sự gật đầu chào người cao tuổi và Powell rời rời ngay phòng làm việc.

Powell đưa mắt nhìn sếp:

- Ngài nghĩ sao? Ông ta có hy vọng thành công không ạ?

- Không đâu, cũng chẳng hơn gì so với bất kỳ ai. Thì chính ông ta cũng hiểu thế mà lại. Ông ta vấp phải cả một đống các nhân tố thường xuyên biến động. Vì thế cũng chẳng biết làm gì khác hơn là đưa ra những lời giải đoán dựa trên những suy luận thuần túy lô-gíc. Hiểu được những khả năng hạn hẹp của chính mình là đức tính quý giá nhất của ông ta, Kevin ạ.

- Thế thì cần gì phải nhờ đến ông ấy, thưa ngài? Vì ta có thể xin thêm bao nhiêu nhân viên tùy theo tình hình đòi hỏi kia mà, cần gì phải cầu cứu trung tâm nghiên cứu tâm thần học nữa.

Ánh mắt người cao tuổi lóe ra những tia sáng ranh mãnh nhưng giọng nói của ông vẫn khá lãnh đạm:

- Nhưng việc đó chính là để khỏi cản trở chúng ta xin thêm “thợ săn”, dĩ nhiên là nếu đám “thợ săn” đó biết săn lung theo nhiều kiểu khác nhau. Tôi tha thiết tìm Malcolm nên tôi không bỏ qua bất cứ cơ hội nào, dù là nhỏ đến bao nhiêu đi chăng nữa. Nào, bây giờ anh kể đi, công việc đến đâu rồi?

Powell vẫn tắt trình bày với sếp những việc mà các cộng sự của ông đang tiến hành. Những thông tin đó thực ra vẫn chỉ là những gì họ đã biết

từ lúc mở đầu chiến dịch. Nghĩa là không nhích thêm lên được bước nào...

... Lúc 16:30, Malcolm quyết định: đã đến lúc phải ra tay xoay một chiếc xe. Anh cân nhắc trong óc hàng loạt cách thức “đánh thó” một phương tiện giao thông, nhưng lại nhanh chóng lần lượt loại bỏ từng phương án một vì nhìn chung đều quá mạo hiểm. Vận may đã nhập thân vào “ Binh đoàn Hợp chủng quốc” và một thứ sản phẩm cụ thể của một nhà máy rượu ở bang Kentucky, giúp Malcolm giải quyết dễ dàng bài toán nan giải nọ.

Giá không có “ Binh đoàn Hợp chủng quốc” và cuộc hội thảo toàn quốc của tổ chức đó về đề tài “ Thanh niên và nạn ma túy” thì Alvin Phillips chắc hẳn sẽ không bao giờ có dịp về thăm thủ đô và càng không có được cái vinh dự đến tham quan đài kỷ niệm tổng thống George Washington. Thủ lĩnh của tổ chức đó tại bang Indiana đã chọn chính Alvin đi dự cuộc hội thảo toàn quốc nọ và đài thọ mọi khoản chi phí, để anh ta được dịp tìm hiểu mọi tác hại có thể có của các chất ma túy đối với thanh niên. Người ta đã cấp cho chàng trai một giấy ra vào để đến tham dự bất cứ cuộc họp mặt nào tổ chức trong dịp hội thảo. Mẫu giấy đó, ngoài những quyền lợi khác, còn cho phép anh ta không phải đứng vào hàng người rông rảnh nối đuôi nhau bên chân đài kỷ niệm mà có thể leo tót lên tận ngọn chiếc “ bút chì” tạc trên đó. Ác thay, tối qua chàng ta đã đánh mất mẫu giấy quý hóa kia. Tuy nhiên, Alvin lại cảm thấy có nghĩa vụ phải xem bằng được cái tượng đài bề thế này, dù chỉ là đứng từ xa mà nhìn để mai kia còn có cái mà múa may ba tấc lưỡi với đám trai trẻ ở nhà.

Còn nếu như không có cái thứ nước trong vắt, cay cay của nhà máy rượu ở bang Kentucky kia thì Alvin hẳn đã không chân nam đá chân chiêu đúng vào lúc ấy. Số là để góp phần bài trừ nạn nghiện ma túy, nhà máy nọ có nhã ý biểu không cho mỗi đại biểu tham dự cuộc hội thảo một chai Whisky thượng hảo hạng. Chiều hôm đó, bộ phim tài liệu chiếu chiếu dài đã khiến Alvin buồn bực, vì nó chứng minh rất đỗi hùng hồn rằng ma túy

thường chỉ đẩy những thiếu nữ mặng tơ đến những hành vi vô đạo đức, đến nỗi anh chàng nốc sạch chai rượu kia ngay từ khi còn ngồi trong khách sạn. Thứ Whisky đó khiến Alvin khoái khẩu đến mức chàng liền mua thêm một chai nữa để “đè bẹp cơn say” theo lối “dĩ độc trị độc” và ăn mừng xứng đáng ngày bế mạc cuộc hội thảo. Và ngay từ lúc chưa kết thúc các phiên họp tàn thế, anh chàng đã kịp “đánh vơi” mất đi già nửa, rồi lên đường đến đài kỷ niệm ngay tuy chân căng có phần hơi lão đảo.

Thực ra, không phải Malcolm đã cất công đi tìm Alvin mà chính là chàng trai tình lẻ nọ đã tự nguyện nhập bọn với đám du khách chờ tham quan đài kỷ niệm. Khi đã đứng vào hàng, anh chàng liền bô bô với hết thấy những ai chịu khó nghe mình rằng sở dĩ anh ta đành phải phơi mình dưới cái nắng đáng nguyên rủa này chẳng qua chỉ vì lòng yêu nước mà thôi. Lẽ ra anh ta cũng chẳng phải xếp hàng thế này đâu, mà trèo tót lên tận cái đỉnh đài kia rồi nếu như anh ta không bị một con nồm đường đầu xó chợ, quí tha ma bắt rút mất chiếc ví, trong đó anh cất tấm thẻ ưu tiên quý quái ấy. Anh ta dĩ nhiên đã nói ngon nói ngọt với con bé rằng trong ví không có xu nào; nó chỉ đựng toàn những tờ tín phiếu do “Bình đoàn Hợp chủng quốc” cấp cho những thứ mà ai cũng có thể bỏ tiền ra mua để thực hiện những chuyến viễn du thú vị. Của đáng tội, con bé có bộ ngực tuyệt quá, mà tài tình thật, bỏ qua thì kể cũng hoài. Khốn nỗi chung qui cũng tại anh ta – ai bảo cứ muốn lôi nó vào chiếc ô-tô mới tậu?

Vừa nghe đến hai tiếng “ô-tô”, Malcolm đã lập tức “chia sẻ” ngay với chàng trai khốn khổ nỗi thù hận bọn con gái ăn sương và tỏ lòng ái mộ nồng nhiệt với “Bình đoàn Hợp chủng quốc” bang Indiana, với Whisky Kentucky và với chiếc Chrysler mới tậu của Alvin. Sau vài lời nhận xét chung, anh liền nói cho Alvin hay người đang trò chuyện cùng anh ta là một cựu chiến binh, từng tham gia một trong những cuộc chinh chiến vì tổ quốc Hoa Kỳ và - thật là kỳ ngộ - cũng rất máu me chuyện xe pháo.

- Nào, anh bạn, ta làm thêm mỗi thùng một chai nữa đi Alvin nhé!

- Thật chứ? Cậu cũng rành xe hơi lắm hả?

Nghe nói đến những điều trọng đại như vậy, Alvin tạm quên chai rượu trong chốc lát. Tuy nhiên, tình bạn mới nảy nở không lý lại cản trở họ muống mừng?

- Cậu có muốn được nhìn tận mắt một con “tuấn mã bằng thép” thực thụ không? Tớ vừa tậu nó đấy - một chiếc Chrysler mới toanh nhé! Tớ lái thẳng một mạch từ Indiana về đây đấy anh bạn ạ. Đẳng ấy đã đến Indiana của tớ bao giờ chưa ấy nhỉ? Thế nào cũng phải đến chơi với tớ một bận! Thăm mình với bà lão nhà mình một thể. Của đáng tội, chẳng sắc nước hương trời gì lắm đâu, nhưng trông cũng chẳng đến nỗi nào. Tớ với cậu không khéo cùng tuổi đấy! Nhìn tớ, ai dám bảo ngoài ba mươi chứ? À quên, tớ đang nói đến đâu ấy nhỉ? Nhớ rồi, bà lão nhà mình. Bà lão tốt tuyệt trần. Phải cái hơi béo nhưng không sao, tớ đã nói là...

Lúc này, Malcolm đã khôn khéo lôi Alvin ra khỏi đám đông và đưa anh ta đến chỗ bãi đỗ xe. Đã năm, sáu lần anh ghé miệng vào chai rượu của Alvin. Nhưng hai môi vẫn mím chặt. Anh chỉ vờ phồng má ra, làm như nốc những ngụm rượu lớn, rất khoái trá. Anh không muốn để cho rượu làm mất đi sự linh hoạt của những phản ứng mà mình cần có tối nay. Nhưng đến lượt Alvin thì anh ta uống thả cửa. Khi họ đến được chỗ đỗ xe, chai rượu chỉ còn không đầy ba lóng tay.

Malcolm và Alvin vừa đi vừa sôi nổi trò chuyện về đám thanh niên bị chúa nguyên rủa và những trò nghiện ngập ma túy quý quái của họ. Họ nói nhiều đến những cô gái, đám gái tư chuyên khiêu vũ theo những điệu nhạc rộn rịp của dàn nhạc binh trong những dịp lễ lạc trọng thể và những trò mua vui cho công chúng tại bang Indiana. Đúng thế, làm tất cả chỉ vì cái thứ ma túy đáng nguyên rủa ấy. Làm tất! Malcolm nhắc khéo cho cậu bạn mới rằng anh biết có thể tìm ở đâu hai cô gái xinh đẹp chỉ chờ cơ hội để

làm bất cứ trò gì anh thích, miễn là được thưởng thức cái món cần sa đáng nguyên rủa ấy. Alvin ngắt lời bạn và hỏi, giọng buồn buồn:

- Đẳng ấy biết thật đấy chứ?

Alvin ngẫm nghĩ một lúc, khi Malcolm (“John”) cam đoan với anh ta đúng thế thực. Malcolm cố lái câu chuyện theo hướng anh cần rồi lấy giọng thật thà như lúc xưng tội, nói cho Alvin biết là mình sẽ giúp cho anh ta tiếp xúc với những cô gái đó, để lúc về bang Indiana quê nhà, anh ta có thể kể lại với dân ở đó người ta đã làm gì trong thực tế với thanh niên và các chất ma túy ưa thích của bọn họ. Thực thế! Vì các cô gái đó hiện giờ đang ở tại “chỗ chung chạ” nên chắc hẳn mọi chuyện sẽ ổn hơn nếu chỉ một mình anh, “John”, đi gặp họ rồi chở họ về đây. Tiếp đó, cả bốn người sẽ đưa nhau về khách sạn của Alvin để trò chuyện cho thoải mái. Thật thế. Nếu họ trò chuyện ở đó thì tốt hơn nhiều so với ở đây, ngay trước mắt thiên hạ. Khi chỉ còn bốn người, anh ta có thể dễ dàng tìm hiểu việc tại sao họ lại sẵn sàng làm tất cả, sẵn sàng làm t-ấ-t c-ả chỉ vì cái món cần sa đáng nguyên rủa ấy. Alvin trao cho Malcolm chìa khoá, khi họ đã đến bên chiếc xe mới, bóng loáng nước sơn.

- Bình đây xăng đầy, tha hồ chạy. Này, cậu không cần tiền sao, John? – Alvin nấn túi và lôi ra chiếc ví đầy căng. – Này, cần từng nào lấy từng ấy; con quỷ cái hôm qua chỉ lôi mất chiếc ví đựng tín phiếu thôi mà.

Malcolm cầm chiếc ví. Trong lúc Alvin nâng chai rượu bằng hai cánh tay run rẩy kê lên môi, người bạn mới của anh ta đã thó hết sạch giấy tờ, kể cả tấm thẻ đăng bộ của chiếc Chrysler mới tậu. Rồi anh trao lại chiếc ví cho Alvin.

- Này, cầm lấy, - anh nói – mình nghĩ họ chẳng muốn đòi tiền của cậu đâu, Alvin ạ. Ít ra là ngay lúc này.

Anh mỉm cười, cái cười của kẻ mưu mô. Khi nhìn thấy nụ cười ấy,

Alvin cảm thấy tim mình đập nhanh thêm. Nhưng lúc này, anh ta đã quá say rồi, đến mức vị tất đã đủ sức để bộc lộ trên nét mặt một cảm xúc nào khác nữa.

Malcolm mở cửa xe. Trên ghế sau nằm chơ chỏng một chiếc mũ lưỡi trai nhàu nhò màu xanh, dưới sàn là một hộp các-tông vuông vắn đựng sáu lon bia mà Alvin trữ sẵn phòng khi bị cơn khát dày vò. Malcolm chụp chiếc mũ lên đầu bạn, đổi cho hẳn cái hộp bia để lấy chai rượu rỗng. Anh nhìn khuôn mặt đỏ rừ và cặp mắt lơ đãng của Alvin. Đã mấy tiếng đồng hồ dang nắng rồi nên anh ta lúc này đã sẵn sàng ngả lưng xuống cỏ, thưởng thức bia lon. Malcolm mỉm cười và chỉ bãi cỏ:

- Khi chở mấy cô ấy về, tớ sẽ ra thẳng bãi cỏ kia tìm cậu đấy. Rồi ta cùng về khách sạn nhé! Cậu sẽ nhận ra chúng mình ngay vì cả hai ngực đều đầy đặn lắm. Không khéo cậu chưa thanh toán xong chỗ bia này, tớ đã về đến nơi rồi cho mà xem. Đừng lo gì.

Anh thân mật đẩy Alvin về phía vườn hoa, sau khi anh ta lảo đảo ôm lấy bạn, hôn mấy cái rồ kêu rồi từ từ buông ra. Rời bãi cỏ, Malcolm còn nhìn thấy người bạn mới một lần nữa qua tấm gương chiếu hậu: Alvin đã ngồi thụp ngay xuống bãi cỏ, dạng hai chân ra, ôm lấy thùng bia, cách xa tất cả những đám du khách đang ngồi nghỉ chân trong vườn hoa. Malcolm còn chưa kịp ngoặt tay lái rẽ sang phố khác thì cậu bạn đã mở cái hộp giấy, háo hức lôi ra một lon bia và chậm rãi nhấp từng ngụm lớn.

Thùng xăng sau xe gập như còn đầy nguyên. Malcolm rẽ sang con đường vòng cung, chạy quanh đô thành. Anh dừng xe lại một lúc bên một hiệu ăn nhỏ dành cho khách qua đường trong khu Chevy-Chase, ăn một khúc bánh mì kẹp pho-mát rồi tiện thể tạt luôn vào nhà vệ sinh của cửa hiệu. Nhân ngồi trong đó, anh cũng lôi khẩu súng ngắn ra kiểm tra.

Nhà số 42 đường Elwood quả là một dinh cơ thênh thang. Từ ngoài

phố nhìn vào, khách qua đường chẳng thấy gì khác hơn là bóng toà nhà gác đồ sộ hai tầng thấp thoáng sau những hàng cây cổ thụ cành lá um tùm. Muốn đến được toà nhà phải đi qua một cánh cổng sắt vững chãi: rồi một lối đi hẹp, lượn khúc quanh co trong một vuông đất rộng thênh thang cũng là tài sản của chủ nhân. Người hang xóm gần nhất của Attwood cũng ở cách đó đến nửa cây số. Ba mặt còn lại của toà nhà đều được cây cối rậm như rừng bao bọc. Khoảng đất ở mặt tiền, cây cối có phần quang hơn, Malcolm chỉ liếc mắt nhìn qua chứ không dám đỗ hẳn xe lại để quan sát kỹ cái dinh cơ bề thế ấy nên anh chỉ biết một điều: toà nhà quả đồ sộ thật. Đó là một sai lầm không thể tha thứ.

Anh ghé vào một cây xăng nhỏ, ở cách đường khá xa, kiểm một tấm bản đồ của khu vực này. Anh cả mừng khi biết mặt sau toà nhà là những ngọn đồi thấp không có ai sinh sống. Anh kể với người bán xăng mình là một nhà điều học, chuyên sưu tầm những loài chim quý. Trong kỳ nghỉ phép năm nay, anh tình cờ phát hiện được ở đây một con chim lạ, sắc lông rất ưa nhìn, có giọng hót tuyệt hay, muốn bắt về nuôi. Người bán xăng liền miêu tả cặn kẽ cho “nhà điều học” mọi đường ngang, ngõ tắt không ghi trên bản đồ, khả dĩ giúp anh tìm được giang sơn của con mồi tuyệt diệu nọ. Malcolm mừng thầm: có một con đường nhỏ chạy ngang qua sát sau lưng toà nhà số 42, phố Elwood kia! Thật vừa khéo!

Nhờ người bán xăng tận tâm nọ, Malcolm tìm được khá dễ dàng con đường đang ao ước ấy. Tuy toàn hố rãnh, không rải nhựa và chỉ còn trơ một ít đá dăm, nhưng may thay vẫn còn đi lại được. Loanh quanh một hồi dưới chân những ngọn đồi thấp, rồi men theo những khe suối nông chòen, chàng trai bắt đầu ra đến những lối mòn ngang dọc, mấp mô, mà xưa kia hẳn là đường đi của các đàn gia súc chần thả trong vùng. Rừng ở đây rậm đến mức tầm mắt của anh chỉ nhìn được những gì ở cách hai bên vệ đường chừng bảy, tám thước.

Nhưng rồi rốt cục chàng trai vẫn gặp may. Lên đến đỉnh ngọn đồi tiếp theo,

anh đã nhìn thấy toà nhà cần tìm, nhô cao lên giữa những ngọn cây cổ thụ lớn ở mé tay trái, cách chỗ anh đang đứng khoảng năm trăm mét. Malcolm rời ngay đường, cho xe rẽ vào một lối mòn đầy gò đống, hố rãnh rồi tiến thẳng đến một khoảng đất trống khá rộng.

Rừng cây đứng lặng như tờ; nền trời bắt đầu nhuộm ánh đỏ của chiều hôm. Malcolm bước vội, lách người qua những gốc cổ thụ cao to. Anh biết phải đến thật gần toà nhà trước khi đêm đến; nếu không thì chẳng còn biết đường nào mà lần trong bóng tối.

Chàng trai phải cật lực mất nửa tiếng đồng hồ. Khi nắng chiều tắt dần và hoàng hôn buông xuống, anh đã trèo lên được tận đỉnh một ngọn đồi cao và cơ ngơi của nhà Attwood lúc này đã ở ngay dưới chân đồi, cách chỗ anh đứng chưa đầy ba trăm mét. Malcolm ngồi thụp xuống cố thở đều cho lồng ngực căn phòng làn không khí trong lành tươi mát. Anh cố ghi nhớ thật kỹ mọi cảnh vật chung quanh, khi mắt vẫn còn nhận rõ chúng trong ánh chiều dần dần tắt. Anh thấy thấp thoáng trong mấy khung cửa sổ những bóng người đi lại. Mảnh sân rộng thênh thang được vây quanh bởi một bức tường đá khá cao. Sau nhà, chơ vơ một nếp kho nhỏ cũ kỹ.

Malcolm nằm chờ cho trời tối hẳn...

Robert Attwood ngồi dựa ngửa trong chiếc xa-lông ưa thích của lão. Trong khi thân thể lão đang bất động, thì đầu óc lão vẫn suy nghĩ rất lung về đủ mọi thứ chuyện. Lão chẳng muốn tiếp Maronic và đồng bọn của hắn chút nào vào tối hôm nay, nhất là lại tiếp tại đây, ngay trong tư dinh của lão. Lão biết bọn hắn đang lâm vào tình thế nguy ngập, bị sức ép ghê gớm của một loạt nhân tố bên ngoài. Lão cũng biết bọn họ sẽ cố buộc lão phải bằng lòng dẫn thân vào một cách giải quyết đầy mạo hiểm: được ăn cả, ngã về không. Lúc này, Attwood còn chưa biết nên xử trí ra sao. Một loạt biến cố mới xảy ra gần đây đã làm thay đổi hẳn bức tranh chung. Hiện giờ, nhiều điều còn tùy thuộc ở cô ả nọ. Nếu hồi tỉnh, ả có thể nhận mặt được lão.. Kể cũng tiếc thật, nếu cơ sự lại xoay chuyển sang chiều hướng đó. Trong tình cảnh này mà phái Maronic mò vào quân y viện, thanh toán ả ta, thì mạo hiểm quá. Hơn nữa, bọn kia đã tăng cường mọi biện pháp an ninh để canh giữ cô ả

rồi. Attwood bật lên một chuỗi cười gằn. Mặt khác, sự kiện cô ả sống sót có thể ảnh hưởng một cách rất lý thú và thuận lợi đến tiến trình các biến cố, nhất là về phương diện mối quan hệ giữa lão và Maronic. Attwood cười to hơn. Maronic chưa bao giờ bắn chệch đích; thế mà hôm đó hắn đã bắn trượt! Nói của đáng tội, chỉ một tí ti thôi, nhưng đầu sao vẫn là trượt. Không loại trừ khả năng người ta sẽ dùng cô như một nhân chứng sống để kết tội Maronic. Attwood còn chưa biết tính sao đây, nhưng lão tạm nhất quyết: cứ để cho Maronic vẫn đinh ninh trong bụng là cô ta đã chết rồi. Có thể sẽ dùng cô ả trong trò chơi ú tim này cả từ nay về sau nữa đây. Bây giờ, hăng cứ để cho Maronic dốc toàn lực vào việc truy tìm Malcolm đã. Lão hiểu là Maronic, sợ dĩ cứ nằng nặc đòi tổ chức cuộc gặp mặt tại đây, ngay trong dinh cơ lão, chẳng qua chỉ cốt muốn buộc chặt thêm lão vào công việc của hắn. Chắc chắn là Maronic sẽ cố thu xếp thế nào để cuộc viếng thăm này không thể lọt ra ngoài những cặp mắt tò mò của hàng xóm láng giềng; vì ít nữa những người này sẽ khai ra với cảnh sát, nếu tình thế chẳng may sẽ xoay sang hướng bất lợi đối với lão. Làm như vậy, hắn hy vọng rằng ít nữa sẽ nhờ cậy được vào sự trung thực vờ của lão. Attwood cười phá lên. Lão đã nghĩ ra được cách để biến những công sức của Maronic thành công dã tràng. Có lẽ cô ả nọ chưa hẳn đã là người giữ vai trò cuối cùng trong vụ này. Nếu...

- Thôi, em đi đây, anh nhé.

Attwood quay sang phía người đàn bà vừa nói, một mệnh phụ tóc hoa râm, dáng đầy đà, mặt một bộ quần áo rất đắt tiền, cắt cực khéo. Lão đứng dậy, tiễn vợ ra cửa. Lệ thường, hễ cứ ở bên cạnh vợ, bao giờ lão cũng liếc nhìn những mũi kim nhỏ li ti chạy dọc hai bên mép vết sẹo dài trên cổ và ngay sát nơi chân tóc, mà một nhà phẫu thuật chỉnh hình đã khâu cho mục, khi ông ta tiến hành một ca mổ tài tình để kéo căng da mặt ra làm cho mục trẻ thêm ra đến vài tuổi. Attwood mỉm cười, nghĩ đến ca mổ đó và những giờ phút dài bất tận mà mục vợ vẫn thường ngồi trong các mỹ viện sang trọng và thời thượng, cốt giữ cho nhan sắc khỏi phai tàn, nhằm mỗi chài gã nhân tình trẻ măng mà lão biết khá tường tận.

Elein Attwood đã ngoài năm mươi, nghĩa là trẻ hơn chồng đến năm tuổi,

nhưng lớn hơn gã nhân tình nọ đến những hăm tư tuổi.

- Nghe hoà nhạc xong, chắc em ở lại đằng nhà Jane luôn đấy. Anh có muốn em gọi điện về không?

- Chả cần đâu, em ạ. Nếu trước nửa đêm mà em chưa về, thì anh biết ngay là em đã nghỉ lại ở nhà cô ấy rồi. Đừng lo gì cho anh. Gửi lời chào Jane, nhé!

Hai vợ chồng ra khỏi nhà. Attwood hờ hững chạm khê đôi môi vào cái má bự phấn của vợ. Trên đường ra chỗ chiếc xe (một ô tô thể thao Mỹ chính cống, chứ không phải chiếc Mercedes đen kia) đang đỗ trên một lối đi rải nhựa ngay trước mặt nhà, hẳn mục ta chỉ nghĩ đến gã nhân tình và cả một đêm dài đang chờ họ. Còn Attwood thì ngay khi cửa xe chưa dập lại, lão đã trở về với những ý nghĩ lao lung của lão về Maronic.

Malcolm đã chứng kiến toàn bộ cảnh tiễn biệt trước thềm, nhưng vì đứng khá xa nên anh không nhìn rõ mặt của hai vợ chồng. Việc vợ Attwood ra đi càng khiến anh thêm vững tâm. Malcolm quyết định: cố chờ thêm nửa tiếng nữa, rồi hăng bắt đầu ra tay.

Nhưng chỉ mười lăm phút sau, tình thế đã đổi khác đi nhiều: anh nhìn thấy hai bóng người chậm rãi xuất hiện trên con đường rải nhựa. Họ tiến về phía ngôi nhà. Cả hai đều như nhoà đi trong bóng tối dày đặc. Giá họ không đi mà cứ đứng nguyên một chỗ thì chưa chắc Malcolm đã nom thấy. Điều duy nhất mà anh còn nhận rõ được là trong hai người đó, một người thì cao lênh khênh và gầy nhom như quý đỏi. Anh cảm thấy đáng hẳn quen quen, nhưng dù cố đến mấy cũng không sao nhớ nổi đã gặp hẳn ở đâu. Hai bóng người dừng lại trước cửa, bấm chuông rồi trong thoáng chốc đã chui tọt vào nhà.

Ví thử có ống nhòm, chắc anh đã nom thấy xe của bọn ấy. Nó đỗ lù lù trước cổng, ngay bên con đường nhựa dẫn thẳng đến trước thềm nhà. Tuy vẫn muốn cho ai đó có thể biết rõ cuộc viếng thăm đêm hôm này, nhưng Maronic vẫn không thích thiên hạ để mắt đến số xe của hẳn.

Malcolm đếm từ một đến năm mươi, rồi bắt đầu lạng lẽ lên đường. Ba trăm

mét. Trời tối mò. Phải chột vật lăm anh mới nhìn rõ được những cành cây, những gốc cây cứ chực níu lấy chân anh, quật anh ngã sấp mặt xuống đất. Anh bước đi thật chậm, không thềm bận tâm gì đến những bụi gai, những cành gãy đâm vào da thịt đau điếng. Đi được hơn nửa đường, Malcolm vấp phải một gốc cây rách toạc cả mảng quần, lại dập luôn đầu gối. Chột vật lăm anh mới nén được một tiếng kêu. Một trăm mét. Tuy hơi khập khiễng nhưng anh vẫn nhảy nhanh qua một bụi cây và một vạt cỏ cao, rồi ngồi xuống bên chân bức tường đá. Anh rút khẩu súng ngắn nặng trích giặt bên hông ra, cầm trên tay và cố giữ cho nhịp thở thật đều. Bên đầu gối bị dập vẫn đau nhói, nhưng anh cố không nghĩ đến nó. Bên kia bức tường này đã là mảnh sân rộng trước nhà. Ở góc sân, mé bên tay phải là gian nhà kho cũ kỹ dùng để cất giữ dụng cụ làm vườn. Giữa gian kho ấy và ngôi nhà thấp thoáng dăm khóm cây cảnh xanh tươi quanh năm.

Malcolm ngược nhìn trời. Trăng vẫn chưa lên. Mây thưa thớt. Nền trời lung linh muôn ngàn vì sao xanh biếc. Anh nín thở chờ đợi và tự trấn an mình rằng không hề nghe thấy một tiếng động khả nghi nào trong bóng đêm dày đặc. Anh đu người lên, trèo qua bức tường đá, rồi lẹ làng chạy đến sau bụi cây gần nhất. Chỉ còn chừng năm mươi mét nữa thôi.

Một bóng đen se sẽ rời gian nhà kho và nhanh chóng biến mất trong bóng đêm. Malcolm lẽ ra phải để ý đến cái bóng đen đó, nhưng tiếc thay anh lại bỏ qua.

Anh chạy thêm một quãng ngắn nữa, và lúc này chỉ còn cách toà nhà chưa đầy hăm nhăm mét. Ánh đèn từ mấy khung cửa sổ hắt ra chiếu sáng rực bãi cỏ xanh rì, ngăn cách Malcolm với khóm cây tiếp theo. Dãy cửa sổ của toà nhà này trở rất thấp. Malcolm không thích bị một cặp mắt nào đó tình cờ nhìn ra, thấy anh chạy ngang qua bãi cỏ trống trải. Thế là anh nằm sấp xuống, chậm rãi bò. Mười mét. Đã nghe giọng nói lao xao, vọng qua mấy khung cửa mở rộng. Anh chẳng thềm đếm xia gì đến những tiếng sột soạt lạ tai sau lưng mà vẫn tự trấn an mình rằng đó chẳng qua chỉ là chuyện thần hồn nhát thần tính hoặc tiếng lá xao xác trong vườn.

Malcolm hít một hơi thở dài và bắt đầu trườn nhanh đến bên khóm cây mọc ngay dưới một khung cửa sổ mở toang. Nhưng mới nhích được thêm mấy bước, thì sau lưng chợt nổi lên tiếng những bước chân gấp gáp. Đúng lúc ấy, anh bị cú đòn điếng người nện ngay vào giữa gáy, nghe đánh “rắc” một tiếng.

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

THỨ BA (Đêm)

THỨ TƯ

(Rạng sáng)

Malcolm hồi tỉnh ngay. Mi mắt anh run run, và một cảm giác mơ hồ về thực tại đã trở về với trí não. Bất thần, anh cảm thấy mình phải vùng dậy. Anh chồm người ra đằng trước, đầu nghênh cao, và lập tức va phải một cái xô mà ai đó đã đặt phòng hờ từ trước. Khi không còn chồm tới được nữa, anh cố mở to cặp mắt cay xè để hình dung xem mình đang ở đâu.

Anh chớp chớp mắt, để lau sạch nước bám trên đôi mắt kính cận thị gắn ngay trên giác mạc và thấy mình đang ngồi trên mặt sàn một gian phòng khách bài trí cực kỳ lộng lẫy. Dưới chân bức tường trước mặt là một lò sưởi nhỏ. Trên hai chiếc ghế xa-lông sang trọng, đặt ngay chính giữa khoảng trống từ chỗ anh ngồi đến cái lò sưởi ấy, chễm chệ hai gã đàn ông. Đó chính là kẻ đã nổ súng hạ sát Wandy và ông bạn đồng hành của hắn ta. Anh lại chớp mắt lần nữa. Bên phía tay phải, Malcolm nhìn thấy lờ mờ hình bóng một kẻ thứ ba, vóc người cao lênh khênh và gầy như quỳ đói. Anh định quay về phía hắn để nhìn cho rõ mặt hơn thì một kẻ nào đó, đứng ngay sau lưng, túm lấy tóc, quay ngoắt mặt anh về phía hai kẻ lạ mặt. Anh thử cử động hai tay, nhưng cả hai đều bị trói chặt sau lưng bằng một chiếc cà vạt lụa, nút buộc được giấu rất kỹ lưỡng.

Gã cao tuổi hơn trong số hai người đàn ông đang ngồi trên xa-lông trước mặt anh toét miệng ra cười. Trông cũng biết ngay là lão đang rất đặc ý.

- Cậu đấy à, Thần Ưng? – Lão nói. Rất hân hạnh được tiếp đón cậu tại “tổ ấm” của chính ta.

Kẻ ngồi bên cạnh lão xem ra rất dửng dưng, nhưng trông cặp mắt sắc lạnh

của hắn, anh cảm thấy như ánh lên một vẻ tò mò, pha lẫn thích thú.

- Bọn này đã mất bao thời giờ để tìm cậu đấy, Malcolm thân mến ạ, - lão nói tiếp, - nhưng bây giờ, khi cậu đang ngồi đây, ta thậm chí còn lấy làm mừng là anh bạn Maronic của ta đây đã không hạ thủ nốt cả cậu, ngay hôm ta chạm trán với nhau trên đồi Capitol. Ta muốn hỏi cậu dăm câu đây. Có câu ta đã biết lời đáp, nhưng còn đôi câu thì chưa thật rõ. Bây giờ chính là lúc ta sẽ được nghe những lời giải đáp ấy. Cậu bằng lòng chứ?

Malcolm thấy cổ khô khốc. Tên gầy gò tức thì kê cốc nước vào môi anh. Uống xong, anh ngược nhìn hai kẻ đang ngồi trước mặt, cổ mãi mới nói nên lời:

- Tôi cũng có vài câu hỏi. Tôi rất vui lòng đánh đổi để nghe những lời giải đáp của các ông.

Gã lớn tuổi đáp ngay, miệng tùm tùm cười:

- Anh bạn thân mến ơi, rõ ràng là cậu không hiểu tình cảnh của cậu rồi. Ta cóc cần biết cậu muốn hỏi gì. Ta cũng chẳng hơi đâu mà phí thì giờ để trả lời. Vì lẽ gì ta lại phải trả lời những câu hỏi của cậu kia chứ? Chuyện đó thật vô nghĩa. Còn cậu, thì trái lại, cậu phải trả lời. Cutler, hắn đã tỉnh hẳn chưa hay mà đã quá mạnh tay với hắn rồi hả?

Tên giữ tóc Malcolm đáp, giọng trầm đục:

- Tôi nghĩ hắn đã tỉnh thật rồi đấy ạ.

Hai cánh tay rắn chắc của hắn đánh nhoáng một cái đã hất ngửa Malcolm ra sàn. Ngay lúc đó, gã gầy gò chồm tới, giữ chặt lấy chân anh. Maronic lập tức trật quần anh ra, chọc kim vào đùi, tiêm thẳng vào mạch máu Malcolm một chất lỏng trong suốt. Hắn làm nhanh và khéo đến mức một chuyên gia pháp y tài giỏi may ra mới phát hiện được vết kim tiêm bé tí ở ngay sát bẹn.

Malcolm hiểu cái gì đang chờ đợi mình. Anh cố cưỡng lại điều không thể tránh khỏi. Anh huy động hết mọi cố gắng của ý chí để bắt óc hình dung ra một bức tường gạch, cố cảm nhận được cái mùi hăng hắc của vôi vữa, hình thể của bức tường và biến cả chính bản thân mình thành một bức tường gạch ấy. Anh mất hết mọi cảm giác về thời gian, nhưng dẫu sao vẫn đạt

được điều mình ao ước: bức tường gạch trở thành một thứ vật thể hữu hình có thể cảm nhận được, sờ nắn được. Một loạt câu hỏi dồn dập đổ xuống đầu anh, nhưng anh đều biến hết thảy mọi câu hỏi đó thành những viên gạch xây nên bức tường kia.

Nhưng rồi dần dà thứ “nước thánh của quý sứ” (1) kia đã bắt đầu gặm mòn bức tường từng ít một, ít một.

Những kẻ tra khảo anh đã tới tấp nện những nhát búa – câu hỏi vào bức tường nọ một cách rất có bài bản, đúng phương pháp: “Tên mày là gì?”, “Năm nay bao nhiêu tuổi?”, “Mẹ mày tên gì?”. Bức tường bắt đầu rạn nứt, vôi vữa bắt đầu bong ra từng mảnh một. Rồi nó vỡ dần những mảng lớn hơn: “Mày làm việc ở đâu?”, “Công việc đang làm là công việc gì?”, “Đâu là thực chất của thứ công việc ấy?”. Tiếp đến, gạch cũng long ra, hết viên này đến viên khác: “Chuyện gì đã xảy ra hôm thứ năm tuần trước?”, “Mày biết nhiều hay ít?”, “Mày đã kịp đối phó những gì?”, “Tại sao mày làm thế?”.

Malcolm cảm thấy bức tường xây sụp đổ dần. Tuy tiếc ngán tiếc ngơ, nhưng anh không tài nào buộc ý chí chặn đứng quá trình sụp đổ đó. Rồi, rốt cục, trí não anh mệt nhoài và bắt đầu hàng phục. Những câu hạch hỏi bất thần ngừng bật và anh bỗng thấy mình rơi tòm vào cõi hư không. Tiếp đó, anh cảm thấy lại bị một mũi kim nhỏ tí đâm vào đùi, và cảm giác về sự trống rỗng kia tức thì nhường chỗ cho cảm giác đờ đẫn toàn thân.

Sở dĩ xảy ra tình trạng đó chung quy chỉ vì Maronic đã tính sai. Sự sơ xuất ấy, của đáng tội, rất dễ hiểu: làm sao tính đúng được liều lượng ma túy cần dùng để đạt được hiệu quả mong muốn đối với một kẻ hoàn toàn xa lạ, mà hoạt năng sinh lý của kẻ đó hẳn chưa từng biết cận kề. Maronic đã lén đổ bớt đi phân nửa lượng ma túy đựng trong cái xê-ranh mà Attwood trao cho, vì hẳn định ninh rằng, chỉ cần chích thêm chừng ấy nữa thôi, lượng thuốc cũng đã thừa đủ để đẩy Malcolm vào tình trạng mất ý thức. Rốt cục, lượng

pentotal natri chứa trong hai mũi kim tiêm đó không tước bỏ được hoàn toàn ý thức của Malcolm mà chỉ khiến anh cảm thấy mờ dần toàn thân.

Malcolm chỉ thiếp đi. Mi mắt anh sụp xuống, nhưng không khép lại hoàn toàn. Mọi động tĩnh bên ngoài vọng đến tai anh lúc này tựa như được lọc qua một máy tăng âm stereo chuyên khuếch đại những hồi âm. Anh nhận biết được, nhưng không thể xác định thật phân minh những gì vọng đến bên tai.

- Sao, ta thanh toán hẳn thôi chứ ạ? – một giọng trầm đục thốt lên.

- Ừ, nhưng đừng làm ở đây.

- Ai sẽ ra tay?

- Giao cho Charles, vì hắn thích máu. Anh đưa con dao của anh cho hắn.

- Dao đây, ngài đưa giúp nhé. Tôi còn phải đảo qua một vòng xem có động tĩnh gì không?

Tiếng bước chân xa dần. Cửa kẹt mở, rồi lại khép ngay lại. Hai bàn tay ai đó sờ nắn khắp người anh. Bỗng một vật gì rơi đánh soát lên mặt Malcolm.

- Rõ khi!

Trên sàn, kể bên vai Malcolm là một mảnh giấy màu hồng phấn. Nước mắt lăn dài trên đôi mắt kính cận thị gắn chặt vào giác mạc. Tuy thế, Malcolm vẫn còn đọc được: “Chuyến No27, hãng hàng không Trans World Air lines, khởi hành lúc 6 giờ sáng”.

Cửa lại mở, rồi đóng ngay vào. Có tiếng chân bước đến gần.

- Attwood với Cutler đâu rồi?

- Ra ngoài vườn, xem thử hắn có đánh rơi gì ở dọc đường không?

- À, suýt nữa thì quên. Tôi đã dặn nhân viên bán vé để dành cho anh một chỗ rồi đấy. Phiếu hẹn đây. Nhớ tự xưng là James Cooper nhé.

Tiếng giờ tờ giấy sột soạt.

- Tuyệt. Nào ta đi thôi.

Malcolm cảm thấy mình bị xốc dậy, lôi ra ngoài sân. Gió đêm mát rượi. Thoang thoang hương hoa tử đinh hương đang kỳ rộ nở. Rồi anh bị hất lên

ô tô. Ý thức anh bắt đầu hồi phục dần. Anh nhận biết các tình tiết mỗi lúc một nhiều thêm; có điều chúng vẫn không liền mạch. Anh đang nằm duỗi dài trong xe, ngay dưới chỗ để chân của hàng ghế sau. Một đôi giày cao cổ nặng trĩch đè lên lưng. Xe bắt đầu chuyển bánh, loanh quanh hồi lâu trên một lối đi gập ghềnh. Mãi sau, xe mới đỗ lại. Động cơ câm bật. Rồi cửa xe mở rộng ra.

- Charles này, cậu mang hẳn vào rừng, lên trên ngọn đồi ở mãi tít trong kia, cách đây chừng dặm chục mét, được chứ? Để tôi về lấy xẻng mang ra. Chờ tôi quay lại đã nhé. Tôi muốn hai chúng mình sẽ cho hẳn được về thăm ông bà ông vải theo một nghi lễ đặc biệt khác thường.

Charles cười ồm ồm trong cổ họng:

- Khỏi lo đi!

Malcolm thấy mình bị xốc lên, đặt trên một bờ vai xương xẩu, đưa đi trên một lối mòn mấp mô – thân thể chưa hoàn toàn hồi phục cảm giác của anh bị dồi lắc như đang ngồi trong một khoang thuyền giữa lúc biển động. Những cú thúc đường đột điếng người khiến cho cảm giác của anh nhanh chóng phục hồi. Khi gã cao kều lẳng anh xuống đất, thì Malcolm đã tỉnh hẳn. Người anh vẫn đờ đẫn nhưng trí óc hoạt động trở lại bình thường và mắt bắt đầu nhìn mọi vật rõ hơn. Dưới ánh sao khuya lung linh, anh nom rõ cái miệng mở rộng của gã cao kều. Anh đưa mắt nhìn quanh, cố tìm bằng được đâu là nơi phát ra những tiếng “phập, phập” kỳ quặc – tiếng gã cao kều mở ra đóng vào luân tay con dao xếp tự động một cách nôn nóng.

Chợt nổi lên tiếng cành cây gãy rãng rắc và tiếng lá khô lạo xạo dưới đế giày của ai đó đang rón rén bước đi. Người có vẻ ngoài dễ gây ấn tượng hiện ra ở rìa bãi đất trống giữa rừng. Hẳn cầm bên tay trái một ngọn đèn lồng. Ánh đèn rọi xuống mặt Malcolm khi anh thử cố ngóc đầu lên. Cánh tay phải của hắn buông thõng dọc đùi. Giọng nói lãnh lút của hắn buột ra, khiến Malcolm thôi ngay, không thử ngồi dậy nữa.

- Thần Ưng của chúng mình ra sao rồi? Vẫn sống đấy chứ?

Gã cao kều sốt ruột đáp ngay:

- Vâng. Nhưng anh Maronic này, hẳn sống hay chết lúc này có gì là quan trọng đâu. Kể cũng lạ, mới chích mấy mũi thuốc xong, thế mà hẳn đã tỉnh lại được. – Gã cao kều nín lặng, đưa lưỡi lên liếm cặp môi khô khốc. – Anh đã sẵn sàng chưa đấy?

Ánh đèn di chuyển và chiếu thẳng vào khuôn mặt khát máu của Charles. Maronic hạ giọng đáp:

- Rồi, xong cả rồi đây.

Nói chưa dứt lời, hẳn đã giơ tay phải lên, dí khẩu súng ngắn có lắp ống giảm thanh vào giữa ức gã cao kều nọ.

Viên đạn xuyên qua ngực Charles, đâm thẳng vào xương sống hẳn. Charles bị hất ngửa ra đằng sau. Hẳn chới với trên hai gót chân, rồi nặng nề khuỵu gối xuống và ngã vật ra đất. Maronic chậm rãi bước lại gần cái xác bất động, dài ngoẵng, mặt úp sấp ở sát bên chân Malcolm. Hẳn bồi thêm một phát nữa vào đầu, - cho chắc ăn hơn!

Đầu óc Malcolm vẫn còn chưa tỉnh táo hẳn. Anh không thể nào tin vào mắt mình. Maronic đã lại đến bên anh, bước chậm rãi. Hẳn cúi xuống, kiểm tra những nút dây trói trên cổ tay và cổ chân anh. Thấy ưng ý rồi, hẳn liền ngồi xuống một súc gỗ, cứ như đã được ai đó kê sẵn cho hẳn, tắt ngọn đèn lồng rồi lên tiếng:

- Nào, ta trò chuyện với nhau dăm ba câu chứ nhỉ? Anh bạn là kẻ tình cờ bị lâm vào thế kẹt và đã vùng vẫy mù quáng để trốn thoát, bất chấp hết thảy mọi thứ. Tớ phải thú thật cùng cậu là những gì xảy ra trong năm ngày vừa qua đã khiến tớ, một tay anh chị trong nghề, phải ngả mũ bái phục cậu, như bái phục một cao thủ ngang tài. Tuy thế, cái đó chẳng hề ảnh hưởng gì đến dự tính của tớ: tạo cho cậu một cơ hội để thoát thân, thậm chí còn hơn thế nữa – để trở thành một đấng anh hùng.

Đầu đuôi câu chuyện chỉ thế này thôi. Năm 1968, để giúp đỡ cho một chính phủ chống cộng ở Lào, đang bị bao vây, cơ quan CIA đã quyết định đứng

ra nâng đỡ cho một số bộ tộc miền núi người Mèo, chuyên sống bằng nghề buôn lậu ma túy, để đảm bảo phi ấy gia tăng những hoạt động quấy nhiễu hậu phương của bọn cộng sản. Mặc dù chiến sự đang xảy ra rất ác liệt tại vùng đó, nhưng các tổ buôn thuốc phiện, xưa nay từng kình địch nhau, vẫn sát phạt nhau không chút nể nang. Người của ta đã cấp cho một trong những tổ phi đó một vài máy bay vận tải, giúp bọn họ chở thuốc phiện nguyên khai đến các nơi tiêu thụ, theo những đường bay thương mại hợp pháp. Nhưng theo tở thì nhiều vị tai to mặt lớn ở ta rõ ra rất bất bình: lẽ nào chính phủ Hoa Kỳ lại đi nhúng tay vào việc khuếch trương thứ mặt hàng bẩn thỉu nọ?

Cậu còn lạ gì, buôn thuốc phiện là một nghề rất chóng giàu. Nhóm chúng tở, nhiều đứa cậu đã gặp rồi đấy, liền quyết định: đừng nên bỏ lỡ dịp may; phải chớp ngay lấy thời cơ, để kiếm thêm tí đỉnh, cho bỏ cảnh băng rừng lội suối mà! Thế là bọn tở chia tay nhau đi mua gom thuốc phiện nguyên khai loại thượng hạng trên thị trường chính thức, rồi tung đi các nơi kể cả Tây Âu và nước ta, bằng những con đường khác. Công sức chúng tở bỏ ra quả đã được đền bù xứng đáng.

Hồi mới đầu, tở không tán thành lắm cách làm ăn của Attwood. Thay vì bán ngay nguyên liệu ở Thái Lan cho các cơ sở chế biến tại đây, mà kiếm chút ít lời lãi phải chằng thôi, thì lão cứ nằng nặc đòi phải chở thuốc phiện bánh sơ chế kia về thẳng Mỹ, bán chúng cho những giới kinh doanh bên ta, vốn không muốn qua nhiều tay trung gian. Những khoản tiền lãi bạc triệu đã giúp lão thắng cuộc. Thế là chúng tở buộc phải dùng đến ngày một thường xuyên hơn các đường dây liên lạc bí mật của CIA.

Tiểu ban của cậu, sở dĩ được bọn chúng tở ưng ý là vì hai lẽ. Một là, chúng tở đã dọa nạt được gã thủ quỹ, - cái gã trước kia cơ, chứ không phải Heidegger đâu, - buộc hẳn phải quy hàng. Hai là, chúng tở cũng đã mua chuộc được một gã kế toán khác; hẳn bằng lòng làm trò quỷ thuật với hoá đơn mua sách và nhập sách. Nhờ thế, toàn bộ các vụ mua bán ma túy của tở

đều thuận buồm xuôi gió. Vậy là bọn tớ bắt đầu ung dung chuyển thuốc phiện về Mỹ bằng các thùng sách báo tuyệt mật của CIA, chẳng sợ gì chuyện khám xét của bọn hải quan. Đến nơi, gã nhân viên của chúng tớ tại cơ sở Seattle cứ việc đàng hoàng mở hòm ra, chuyển những thứ chở bên trong cho đám buôn ma túy trong nước. Nhưng những chi tiết ấy chẳng có liên quan gì đến chuyện hôm nay cậu đã mò đến đây.

Kẻ khai mào cho toàn bộ chuyện này là gã Heidegger, bạn cậu. Khiếp, người đầu mà tò mò kinh thế không biết! Để loại trừ khả năng có thể bị ai đó phát giác những điều khả nghi ấy, chúng tớ buộc lòng phải thanh toán Heidegger. Để lấp liếm vụ án mạng đó và đề phòng chuyện Heidegger đã bô bô cái mồm với đám đồng sự, bọn này cũng buộc phải thủ tiêu toàn bộ tiểu ban cậu. Nhưng run rủi thế nào không biết, cậu lại thoát nạn.

Malcolm đặng hăng:

- Thế tại sao anh lại tha chết cho tôi lần này?

Maronic cười:

- Vì tớ biết tường tận chân tướng lão Attwood. Lão còn mất ăn mất ngủ, chùng nào tớ và bọn cộng sự của tớ đây còn sống. Chúng tớ là những nhân chứng duy nhất có thể khai ra sự dính líu của lão với vụ buôn bán này mà! Dĩ nhiên là phải trừ cậu ra. Đẳng nào thì bọn này cũng phải chết thôi. Bây giờ, Attwood chắc đang nát óc tìm cách tẩy bọn tớ đấy. Lão định sáng mai sẽ tung bọn này vào cuộc đánh thố mấy lá thư của cậu gửi ở đẳng nhà băng đây. Tớ dám đánh cuộc một nghìn ăn một là bọn tớ sẽ không một mống nào sống sót, - vì nếu không bị bắn vỡ sọ trong vụ “ăn cướp” ngân hàng, thì cũng nát xương trong một “tai nạn” xe hơi nào đó dọc đường. Hoặc chỉ đơn giản là “mất tích”. Attwood bao giờ cũng làm ra vẻ ngây ngây, dại dại, nhưng thực ra hăn chẳng ngờ nghếch chút nào đâu.

Malcolm nhìn cái bóng đen đồ dài trên mặt đất ngay bên cạnh mình.

- Dấu sao tôi cũng chẳng hiểu, vì lẽ gì mà anh lại giết Charles.

- Ồ, tớ cũng muốn xoá dấu vết, thế thôi. Hăn là gánh nặng nguy hiểm của

tớ. Đối với tớ thì những lá thư của cậu hoàn toàn vô nghĩa. Lai lịch của tớ thì cả CIA lẫn FBI không cơ quan nào là không biết rõ. Tớ chỉ việc lạng lẽ chuồn sang đâu đó bên Cận Đông, thế là xong. Một tay anh chị như tớ đây, thì ở đâu mà chẳng sống được?

Nhưng thú thật là tớ không muốn vào một ngày đẹp trời nào đó, vừa mới ló mặt ra góc phố, đã chạm trán phải một tốp điệp viên Mỹ đứng chờ. Vì thế, tớ muốn tặng lại cho tổ quốc một món quà, hy vọng là họ sẽ cư xử với tớ như với một con chiên ghẻ lạc đàn đã tỉnh ngộ, chẳng hơi đâu mà phải cất công lùng bắt nữa. Món quà tiền biệt đó là lão Robert Attwood. Tớ tha chết cho cậu chẳng qua cũng chỉ vì lẽ ấy. Hơn nữa, cũng muốn tạo cho cậu một dịp để trang trải sòng phẳng món nợ riêng với ngài Attwood. Chính lão là kẻ đã gây cho cậu những đau khổ trong suốt năm ngày qua đấy. Vì xét cho cùng, chính lão ta phải chịu trách nhiệm về tính mạng của tất cả từng ấy con người. Còn tớ đây thì chẳng qua là kẻ thừa hành – thân phận tớ thì cũng chẳng khác gì thân phận cậu đâu, Thần Ưng ạ. Tớ rất lấy làm ân hận vì đã trót nhờ tay với cô bạn cậu mới quen. Nhưng cậu nghĩ xem, tớ đâu còn con đường nào khác. Trâu bò đã húc nhau, ruồi muỗi tránh sao khỏi chết?

Malcolm lạng thình hồi lâu. Mãi anh mới lên tiếng.

- Thế anh dự tính sẽ làm gì nay mai?

Maronic đứng dậy. Hắn vắt con dao xuống bên chân Malcolm. Đoạn lại tiêm thêm cho anh một mũi thuốc nữa. Giọng hắn trở nên hết sức dửng dưng, chẳng còn lấy một mảy may tình cảm:

- Đây là một thứ thuốc tăng lực cực mạnh. Nó dựng được dậy cả những ai đã tắt thở đến hàng năm, bảy tiếng đồng hồ. Nó sẽ tiếp thêm sức cho cậu, để cậu còn trang trải nợ nần với lão Attwood. Lão già thật đấy, nhưng vẫn còn rất nguy hiểm. Cởi trói được rồi, cậu cứ quay ngay lại cái chỗ rừng thưa mà bọn tớ đã đỗ xe ban nãy. Nếu nhờ có quên thì cũng đừng lo: đó cũng chính là cái bãi đất trống mà cậu đã dùng trước lúc trèo vào dinh cơ lão già ấy thôi. Ở trên ghế sau, tớ đã để sẵn mấy thứ, hẳn sẽ được việc cho

cậu lắm đấy. Xe, cậu cứ đỗ ở bên công, rồi đi vòng ra phía sau nhà mà vào. Nhớ là phải trèo lên cây, chui qua cửa sổ, để lọt vào bên trong. Cửa ấy không khoá đâu. Rồi, muốn tính nợ thế nào với Attwood tùy thích. Nếu nó hạ được cậu, thì đã có những lá thư kia, với mấy cái xác chết chôn đó kết tội lão. Muốn tránh, lão cũng chẳng tránh được nào!

Maronic cúi nhìn cái xác đang nằm sóng xoài dưới chân Malcolm.

- Vĩnh biệt nhé, Thần Ưng. Này, nhớ lấy lời khuyên cuối cùng của tớ đây: từ giờ về sau, cứ tiếp tục làm nghề nghiên cứu là thượng sách. Mọi cơ may mà trời ban cho cậu, thế là cậu đã “xài” sạch cả rồi. Đừng có dại mà đâm đầu vào những điệp vụ phải dùng đến súng, đến dao. Khoản đó, xem chừng chẳng hợp với cậu lắm đâu.

Vừa dứt lời, Maronic đã biến ngay vào bóng đêm dày đặc trong rừng.

Vài phút sau, giữa cảnh đêm khuya thanh vắng, bỗng vang lên tiếng động cơ ô tô. Rồi tiếng máy tắt dần. Malcolm bò đến bên con dao xếp, cách chỗ anh nằm chừng vài bước chân.

Phải mất gần nửa tiếng, mấy đoạn dây trói mới được cởi bỏ. Hai lần, lưỡi dao đã phạm vào da, nhưng may thay, cả hai vết thương đều không sâu lắm, nên chỉ vừa ngừng tay là máu đã cầm ngay lại...

... Rốt cục, anh cũng tìm được chỗ đỗ xe. Bên hông xe đã dán sẵn một mẫu giấy. Cạnh cửa xe là xác của Cutler, với một phát súng bắn vào lưng. Hẳn nằm cuộn tròn dưới đất, trong một tư thế rất gò bó. Mẫu giấy chắc đã được viết lúc gã cao kều vác Malcolm vào rừng. Chỉ nguệch ngoạc mấy chữ: “Súng ngắn của cậu, nòng đã bị nhét đầy bùn. Khẩu cac-bin có 10 viên đạn. Hy vọng là cậu biết “xài” thứ đó!”

Khẩu cac-bin đặt sẵn trên ghế sau. Đây là một thứ súng để tập bắn, cỡ nòng 0,22. Trước, Cutler vẫn dùng nó để bắn bia. Maronic để nó lại cho Malcolm, vì hẳn nghĩ: bất kỳ ai, dù là chưa mò đến súng đạn bao giờ, cũng

sẽ dễ dàng dùng được thứ vũ khí cực kỳ đơn giản này. Ngoài ra, hắn còn để thêm một khẩu tiểu liên có lắp ống giảm thanh, ngay bên cạnh. Thăng cha cẩn thận thật! Malcolm bóc mẫu giấy, rồi lên đường ngay.

Malcolm cảm thấy đã bắt đầu ngấm thuốc, khi anh đỗ xe lại bên cổng nhà Attwood. Nhịp đập dập dồn của mạch máu từ hai bên thái dương đã dịu đi. Đầu đã nhẹ bớt, cái đau trên toàn thân đã lắng xuống. Anh thấy người tràn trề sinh lực và đầy tự tin. Tuy thế, anh thừa biết: gì thì gì chứ cũng chớ nên khinh suất, quá tin vào công hiệu của liều thuốc tăng lực mà Maronic mới tiêm cho.

Anh dễ dàng trèo lên gốc sồi sau nhà. Cửa sổ đúng là không khoá. Hạ khẩu cac-bin trên vai xuống, anh dí nòng súng vào khung cửa, đu khế. Cánh cửa mở ra ngay. Đoạn anh lên đạn, rồi trèo vào.

Malcolm rón rén lần từng bước một trên tấm thảm quý trải dọc hành lang. Đến đầu chiếu nghỉ cầu thang, Malcolm đã nghe rõ mồn một những giai điệu hùng dũng trong bản ouverture(2) Năm 1812 của Tchaikovsky, vọng lên từ dưới căn phòng bọn họ tra khảo anh ban nãy. Anh cũng nghe rõ cái giọng quen thuộc của chủ nhà, chốc chốc lại hát đệm theo những đoạn hùng tráng nhất của bản nhạc. Anh lần theo từng bậc một rón rén xuống cầu thang.

Khi Malcolm bước vào phòng thì Attwood đang đứng quay lưng về phía cửa. Lão đang mài chọn đĩa hát trên cái giá gắn vào tường. Rồi lão cầm lên bản giao hưởng số năm của Beethoven.

Malcolm lặng lẽ gạt chốt an toàn, rồi giương súng lên ngắm. Phát đạn trúng đích: nó đâm thẳng và đầu gối bên phải của Attwood.

Mắt lão đầy vẻ kinh hoàng và đau đớn, khi lão quay ngoắt lại và nhìn thấy Malcolm đang sắp sửa nổ tiếp phát thứ hai. Lão rú lên lúc phát đạn tiếp

theo xuyên vào đầu gối bên kia. Mồm lão méo xệch, lộ rõ vẻ đau xót, như cất lên tiếng hỏi không thành lời “Sao lại thế này?”.

- Câu hỏi ấy thật không đúng chỗ. Tôi muốn ông không được đi đâu trong chốc lát, khi tôi đang còn phải lo liệu mọi chuyện.

Malcolm bắt đầu hành động một cách hết sức dứt khoát. Đầu tiên, anh lấy khăn bàn, băng ngay hai vết thương đang còn rỉ máu trên chân Attwood. Đoạn, anh trói nghiêng hai tay lão vào chân chiếc bàn con để báo chí, đặt bên cạnh chiếc đi-văng lộng lẫy, rồi lao nhanh lên gác, lục soạn lung tung mọi thứ trong mấy gian phòng trên ấy, để giải thoát bớt những sức lực đang thừa thãi trong người. Phải cố sức lắm, anh mới bắt được mình bình tĩnh lại chút đỉnh. Anh chợt nghĩ bụng: “Maronic tiêm cho mình ống thuốc thế mà lại hoá hay”. Attwood, kẻ đã tính liệu sắp đặt cho toàn bộ chiến dịch, chỉ huy việc tiến hành nó và là “linh hồn” của cả bọn, thì lúc này đang không bị gì đe dọa đến tính mạng cả, nhưng lại quẫn quại vì đau đớn ở dưới kia. Bọn lâu la đã bị thanh toán cả rồi. Kẻ độc nhất còn sống sót là Maronic. Maronic là đứa giết người thuê, Malcolm bỗng nhớ lại giọng nói của những nhân viên nhà nghề ở đầu đường dây “Báo động”, những người cũng y hệt như Maronic vậy. “Không, - anh nghĩ bụng, - cuộc săn lùng từ trước đến giờ chỉ nhằm vào mỗi một mình mình. Vấn đề đặt ra chỉ có thế này: họ chống lại mình, họ hại mình. Hơn nữa, việc Maronic giết Wandy càng làm cho toàn bộ câu chuyện mang tính riêng tư đậm nét thêm. Đối với đám dân nhà nghề thì đó chỉ là công việc làm ăn, không hơn không kém. Họ không xúc động mấy may về những hậu quả do họ gây nên”. Thế là những tình tiết mù mờ đã bắt đầu gắn kết lại với nhau, hình thành nên một kế hoạch hành động cụ thể, phù hợp với những ý định tức thời của chính anh. Anh hối hả chạy vào phòng ngủ của Attwood, cởi hết quần áo đang mặc trên người, lôi bộ quần phục choáng lộn của Attwood treo trong tủ ra diện vào. Đoạn, anh rẽ xuống bếp, ăn vội vàng một cái đùi gà quay nguội ngắt và một chiếc bánh ga-tô, rồi lại mãi một trở lại căn phòng khách của Attwood, giữa lúc lão đang nằm rên rỉ dưới sàn. Malcolm hối hả đảo mắt nhìn quanh gian phòng một lượt, rồi chạy như bay ra xe, phóng vút đi...

... Malcolm ra đi được một lúc rồi, lão Attwood vẫn còn nằm yên trên sàn, bất động. Mãi sau, lão mới bắt đầu chậm chạp lết đi, lôi theo cả chiếc bàn con. Nhưng sức lão cứ kiệt dần, kiệt dần... Tất cả những gì lão làm được lúc đó chỉ là cố khều cho cái khung ảnh đặt trên bàn rơi xuống. Nhưng cái khung, ác thay, lại rơi ngửa: tấm kính không chịu vỡ ra. Lão chẳng còn biết lấy gì để cắt mảnh khăn bàn đang buộc chặt hai tay. Bây giờ, lão đành phó mặc tính mạng cho số phận...

Thân thể lão đã đờ đẫn, bất lực. Lão chẳng còn biết làm gì khác hơn là nằm chờ cái kết cục không thể tránh khỏi đang đợi mình ở phía trước. Lão liếc nhìn tấm ảnh trong khung và nảo nuốt thở dài. Đó là ảnh của chính lão: một quân nhân vẻ ngoài đường bệ, mặc bộ lễ phục choáng lộn của sĩ quan hải quân Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

Chú thích:

(1) Tiếng lóng, ám chỉ dung dịch Cô-ca-in mà dân nghiện ma túy vẫn chích vào máu.

(2) Ouverture: khúc nhạc mở đầu của một bản kịch.

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

THỨ TƯ (Sáng)

Mitchell đã ở mấp mé bên cái trạng thái suy sụp tâm thần; hay nói khác đi, trong trạng thái mà các bác sĩ thần kinh của Cục gọi là “ngưỡng khủng hoảng” hay “tinh thần phân lập cấp 4”. Suốt sáu hôm nay, thần kinh của lão đã căng thẳng kinh người, như một chiếc lò xo nén hết cỡ. Thế mà, rốt cục, lão đã thích nghi được với trạng thái đó. Tình thế căng thẳng, đòi hỏi phải làm việc cao độ, đối với lão lại là chuyện bình thường – một tiêu chuẩn quen thuộc. Tuy nhiên, lão vẫn tiếp tục làm việc với hiệu suất cao và đưa ra những quyết định đúng đắn, chừng nào lão còn đang được sống trong những điều kiện khác thường, vốn là ngọn nguồn đưa đến cái trạng thái ấy. Bất cứ một sự can thiệp từ bên ngoài nào cũng có thể làm đổ sụp sự tập trung nội lực cao kia và đẩy lão vào trạng thái mất thăng bằng. Một trong những nguyên do khiến Mitchell căng thẳng là lão không sao hiểu đến đâu đến đâu thực chất của những biến cố vừa qua. Vì thế, lão thấy thần kinh bị kích động. Lý trí và kinh nghiệm nhắc lão là phải bình tâm và quả nhiên, lão đã có thể vượt qua được sự mỏi mệt và căng thẳng đầu óc của mấy ngày gần đây. Thành ra, mãi lúc này, mặc dù đã 4 giờ 20 phút sáng, lão vẫn thấy không buồn ngủ. Đầu tóc bơ phờ, người nhợt nháp vì đã sáu ngày trời không tắm rửa, nhưng Mitchell vẫn ngồi bên bàn làm việc, xem đi xem lại đến lần thứ một trăm những báo cáo của các nhóm điều tra gửi về. Lão lẩm nhẩm hát thầm. Lão không hề hay biết gì là có hai nhân viên mới của Cục an ninh đang ngồi trong phòng, cạnh chỗ pha cà phê, để theo dõi lão. Một người là “chỉ huy kếp”, ngang hàng với lão, còn người kia là một chuyên viên tâm thần, do tiến sĩ Lofts cử đến, vừa để theo dõi trạng thái thần kinh của lão, vừa để nghe trộm câu chuyện giữa lão với Thần Ưng.

“R-r-r-e-e-eng!”

Hồi chuông đã khiến ai nấy trong phòng lập tức bưng tỉnh. Mitchell ra hiệu

cho mọi người im lặng, đồng thời nhắc máy lên nghe. Những động tác gãy gọn của lão trông chẳng khác nào những thao tác đầy tự tin của một tuyển thủ thể thao hoặc một cỗ máy vừa được tra dầu mỡ.

- 493 – 7282 đang nghe đây.

- Thần Ưng đây. Tôi sắp hoàn thành những gì tôi muốn rồi đây.

- Tôi hiểu. Thế tại sao anh vẫn chưa...

- Tôi vừa nói “sắp” kia mà. Bây giờ, anh hãy nghe cho kỹ đây và nhớ ghi lại thật cẩn thận nhé. Maronic, Wazerby và đồng bọn của hắn đều hoạt động dưới quyền chỉ huy của một người tên là Attwood. Bọn chúng đang cố xoá sạch mọi dấu vết của một vụ làm ăn phi pháp vào năm 1967 – buôn lậu ma tuý. Chúng chuyên chở hàng hoá bằng đường dây liên lạc tuyệt mật của CIA. Chuyện này, Heidegger đã tình cờ phát giác được. Còn những diễn biến sau đó, thì anh đã biết rõ cả rồi.

Tôi đang còn phải giải quyết nốt một việc cuối cùng nữa. Nếu không thành, thì rồi anh cũng sẽ biết thôi. Dẫu sao, anh cũng nhớ rõ cho điều này: tôi đã gửi mấy lá thư về chỗ ngân khoản của tôi, tại một ngân hàng, nhờ họ chuyển đến những địa chỉ cần thiết. Anh cứ chờ, sáng nay thư thế nào cũng đến tay các anh đấy. Còn bây giờ thì hãy phái ngay một tổ điều tra đến nhà Attwood. Gấp lên! Địa chỉ của lão ta đây: phố Elwood, số 42, khu Chevy-Chase.

Viên “chỉ huy kếp” của Mitchell nghe vậy tức thì đứng bật dậy, nhắc ống nghe trên chiếc máy màu đỏ lên, khẽ ra lệnh. Một nhóm nhân viên đang túc trực sẵn ở đầu nhà, liền nhanh chóng chạy ra mấy chiếc xe đang chờ họ. Một nhóm nữa cũng lập tức được một trực thăng quân sự kiểu Cobra, đậu trên nóc toà nhà, đưa ngay đến địa chỉ trên.

- Nhớ đem theo một bác sĩ nữa. Hai tên trong băng của Maronic thì đang nằm trong cánh rừng sau nhà ấy, nhưng cả hai đều đã chết cả rồi – bị chính Maronic giết. Nào, chúc tôi thành công đi chứ, anh bạn.

Malcolm bỏ máy trước lúc Mitchell kịp phản ứng. Lão đưa mắt nhìn người nhân viên dò số máy, ra cách hỏi: “Dò được không?”. Nhưng người này lắc

đầu.

Căn phòng tức thì lại nhộn nhịp hẳn lên. Máy nọ máy kia thi nhau gọi đi, gọi về dồn dập. Những hồi chuông giật giọng ấy đã khiến nhiều người ở các khu vực khác trong Washington phải chồm dậy. Tiếng máy đánh chữ nổ giòn, đám liên lạc viên chuyển công văn, giấy tờ bắt đầu chạy như cò lông công. Còn những ai không phải đảm đương một việc gì cụ thể, thì bước tới bước lui trong phòng. Nhưng sự tất bật và nhộn nhịp đó hoàn toàn chẳng tác dụng gì đến Mitchell cả. Lão ngồi bên bàn của lão, bình thản tiến hành những thao tác mà quy trình chỉ huy báo động đã ấn định. Trán lão không rịn lấy một giọt mồ hôi, hai tay lão vẫn khô không khốc. Duy ở đâu đó trong đám mắt lão thì ngọn lửa tò mò vẫn rực cháy.

... Malcolm treo máy lên, rồi ném thêm một đồng mười xu nữa vào hộp đựng tiền. Chỉ sau hai hồi chuông ngân, anh đã nghe có tiếng trả lời.

Cô gái đáp lại Malcolm có một giọng nói thật dịu dàng và niềm nở. Hẳn vì giọng nói đó mà cô được thu nhận vào làm tại cái công ty hàng không béo bở này.

- Chào ông. Thưa, công ty hàng không Trans World Airlines đây ạ. Ông cần giúp gì chăng?

- Tôi là Henri Cooper. Rốt cục, hôm nay anh tôi mới bằng lòng lên đường đi nghỉ phép – một dịp nghỉ mà cả nhà từng mong ngóng. Chả là anh ấy muốn dứt bỏ hoàn toàn mọi công việc nọ, cùng những nỗi lo toan vẫn dẫn vật suốt mấy tháng nay. Cô hiểu tôi muốn nói gì rồi chứ nhỉ? Anh ấy không hề báo cho ai lấy một lời là sẽ đi đâu, vì anh ấy vẫn chưa quyết định dứt khoát. Tôi chẳng cần gì hơn là đem đến cho anh tôi một sự bất ngờ - trao một món quà nhỏ của gia đình, nhân dịp anh ấy lên đường. Anh tôi sẽ ra sân bay rất sớm. Nhưng cả nhà nghĩ là 6 giờ chuyển bay No27 mới cất cánh. Cô dò giúp sổ sách xem có phải anh ấy đã dặn giữ chỗ trong chuyến bay ấy không?

Người ở đầu máy đằng kia lặng yên một lát, rồi đáp:

- Đúng ạ, thưa ông Cooper. Anh của quý ông đã dặn giữ chỗ cho chính

chuyến ấy, để bay... đến Chicago. Nhưng vé vẫn chưa thấy đến lấy.

- Tuyệt. Xin thành thật cảm ơn cô. À, cô làm ơn giúp cho điều này nữa: đừng bảo gì với anh ấy là chúng tôi gọi điện đến nhé? Vì điều bất ngờ ấy sẽ chính là chị Wandy của chúng tôi. Chị ấy rất có thể sẽ đi cùng hoặc sẽ đáp chuyến máy bay tiếp theo.

- Dĩ nhiên, thưa ông Cooper. Thế tôi có phải dành chỗ cho chị ấy không ạ?

- Không đâu. Cảm ơn cô. Tôi nghĩ tốt nhất là cứ nên chờ xem những gì sẽ xảy ra trên sân bay vào sáng hôm nay. Máy bay sẽ cất cánh đúng 6 giờ chứ?

- Vâng, đúng 6 giờ ạ.

- Tuyệt. Chúng tôi sẽ đến ngay đấy. Cảm ơn cô nhé.

- Cảm ơn ngài đã có nhã ý chiếu cố đến hãng chúng tôi.

Malcolm vừa rời trạm điện thoại tự động, vừa phủi bụi bám trên ống tay áo của bộ quân phục choáng lộn. Phải nói thật rằng bộ lễ phục sĩ quan hải quân đó của Attwood cứ như là may cho chính anh vậy. Đôi giày cao cổ, tuy có hơi rộng và thỉnh thoảng vẫn khê “két” dài một tiếng mỗi lúc đi nhanh, nhưng bù lại đã được đánh xi bóng lộn, khi anh rời bãi đỗ xe hơi, tiến vào phòng đợi của sân bay National. Malcolm định đặc bước đi, chiếc áo mưa vắt trên tay và chiếc mũ lưỡi trai bánh bao kéo sụp xuống gần tận mắt.

Anh nhét vào hòm thư một chiếc phong bì nhỏ, không dán tem, đề địa chỉ bên ngoài: “Gửi Cục Tình báo Trung Ương”. Trong thư, anh trình bày tường tận hết thấy những gì anh biết, kể cả chuyện Maronic định bay lên Chicago, dưới cái tên giả là James Cooper, và chuyến bay của hắn. Thần Ưng hy vọng rằng nếu bưu điện Hoa Kỳ làm ăn tắc trách với những bức thư hôm qua, thì lá thư do chính tay anh gửi này cũng sẽ mang được những tin tức cần thiết nọ về cho những người cai quản Cục Tình báo Trung Ương.

Phòng đợi mỗi lúc một đông khách dần. Đó là những hành khách đầu tiên trong số những dòng hành khách tất bật sẽ đi tới đi lui trong suốt cả ngày trời trong gian phòng không lấy gì làm rộng rãi lắm này. Người phu quét

rác cố nhịn thở dồn hết những mẩu thuốc lá thừa vương vãi trên mặt tấm thảm trải sàn màu đỏ sẫm... Một bà mẹ đã hết cả hơi mới đỡ được đứa bé đâm ra trái nết vì mệt nhọc... Một cô sinh viên trẻ măng cứ nhấp nhồm đứng ngồi không yên, vì đang lo không hiểu có được mua vé ưu đãi, chỉ phải trả có phân nửa tiền không, bằng tấm thẻ sinh viên mượn được của cô bạn cùng phòng, mà kỳ nghỉ này không định đi đâu... Ba anh lính trẻ thuộc quân chủng lính thủy đánh bộ, được về Michigan thăm gia đình, tò mò ngắm cô gái nọ, thầm đoán non đoán già về kết cục câu chuyện... Một người đàn ông khá giả, hẳn là một nhà doanh nghiệp lớn, đã về hưu, và một anh chàng nát rượu, không một xu dính túi đang ngủ gà ngủ gật trên hai chiếc xa-lông đặt cạnh nhau, để chờ hai cô con gái ở tận trên Detroit đáp máy bay về thăm bố... Khổ sở vì mấy cốc rượu “gin” đã quá chén đêm qua, viên quản trị trưởng công ty Fuller brush cứ phải ngồi ngây như tượng trên ghế, thấp thỏm lo cho những hậu quả khó chịu sắp sửa xảy đến trên chuyến bay đường trường bằng máy bay phản lực... Một đạo diễn của một công ty truyền thanh tư nhân, chuyên phục vụ cho hành khách đi máy bay, quyết định mở đầu chương trình ca nhạc sáng bằng những bản Jazz, nên trong ống nghe đeo tai bắt đầu vang giọng một giai điệu trích từ chương trình biểu diễn của băng Beatles, do một dàn nhạc vô danh trình tấu.

Malcolm từ tốn đến bên dãy xa-lông kê ở góc phòng để từ đó có thể phóng tầm mắt nhìn bao quát toàn bộ những diễn biến xảy ra bên các quầy bán vé của công ty hàng không Trans World Airlines... Anh ngồi bên ba chàng lính thủy đánh bộ, hầu như chẳng thèm để ý gì đến sự có mặt của viên sĩ quan hải quân trầm lặng, rồi với tay ra cầm lên một tờ tạp chí. Anh giở tạp chí ra, nhưng khéo léo che lấp đi đến gần nửa khuôn mặt của mình, mắt vẫn nhìn chăm chăm về phía dãy ghi-sê bán vé. Tiếp đó, anh luồn bàn tay phải vào dưới vạt áo ki-tel, lôi ra khẩu súng ngắn tự động nhét vào dưới chiếc áo mưa đặt trên đui và bắt đầu chờ...

Đúng 5 giờ 30, Maronic ung dung bước qua cổng chính, đi vào. Hẳn đã nghĩ ra được một cách nguy trang mới, - đi bằng dáng đi hơi khập khiễng. Người ngoài nhìn vào thường thường vẫn cố làm ra vẻ không để ý gì đến

cái bên chân hơi ngắn kia, nhưng thực ra toàn bộ tâm trí hầu như đều dồn cả vào cái khuyết tật tội nghiệp nọ. Dáng đi khập khiễng ấy cung cấp cho trí tưởng tượng của họ bao điều để phỏng đoán; vì thế, người ta sẽ bỏ qua đi rất nhiều chi tiết khác về diện mạo, mà lẽ ra phải để mắt đến. Bộ quân phục thật oách thường cũng gây được những hậu quả tương tự.

Ngoài ra, Maronic còn “nuôi” thêm một bộ ria mép khá rậm, mua được ở một cửa hàng bán đạo cụ sân khấu trên đường ra sân bay. Diện mạo hẳn, vì thế, nom lạ hẳn đi, đến nỗi Malcolm không thể nào nhận ra ngay, khi hẳn vừa dừng chân bên cửa ghi-sê bán vé. Nhưng giọng nói mềm mỏng của Maronic đã thu hút sự chú ý của anh. Anh rướn người lên, cố nghe cho rõ những gì hẳn nói.

- Tôi là James Cooper. Chắc cô đã dành sẵn cho tôi rồi thì phải?

Cô gái ngồi sau quầy khẽ hất đầu, để gạt một lọn tóc màu hạt dẻ rũ xuống trán.

- Vâng, thưa ngài Cooper, chuyến No27, lên Chicago. Ngài còn những mười lăm phút nữa để thu xếp đấy ạ.

- Tuyệt. – Maronic trao tiền vé, gửi chiếc va-li độc nhất xách trên tay cho phòng hành lý, lấy phiếu gửi, rồi rời ngay ghi-sê.

Hắn đưa mắt nhìn quanh, rồi nhủ thầm: “Nhà ga gần như chưa có ai. Ổn đấy. Vài gã quân nhân – bình thường; bà mẹ với đứa con nhỏ - bình thường; hai lão say rượu – không có gì đặc biệt; một ả sinh viên non choẹt – cũng bình thường nốt... Xung quanh chẳng có một bóng đàn ông nào đứng suông, chẳng biết làm gì, hoặc vờ làm ra vẻ bận bịu. Không ai hối hả chạy đi gọi điện, kể cả cô ả tóc nâu ngồi trong ghi-sê kia. Mọi thứ đều bình thường chẳng có gì khả nghi”.

Hắn bình tĩnh hẳn, và khoan khoái đi qua gian phòng, mắt chăm chú nhìn hai bên, khẽ vung vẩy đôi chân cho thoải mái trước lúc sẽ phải chịu cảnh ngồi bó rọ suốt hàng nửa ngày trời trên máy bay. Hắn chẳng chú ý gì đến

viên sĩ quan hải quân đang thận trọng theo dõi hắn, cách đó vài chục bước.

Malcolm đã toan từ bỏ ý định, khi nhìn thấy Maronic ra đi với một dáng dấp đầy tự tin và dứt khoát đến thế. Nhưng thay đổi ý định lúc này thì đã muộn mất rồi. Sự giúp sức mà anh cầu cứu lúc này biết đâu có thể không đến kịp, và thế là Maronic có thể chuồn mất. Hơn nữa, đây chính là việc anh phải tự cáng đáng lấy. Anh cố kìm giữ những sức lực thể chất đang chực trào ra, vì liều thuốc tăng lực kia, mà mãi lúc này vẫn chưa hết công hiệu. Nếu để dịp khác, thì cơ may sẽ chẳng bao giờ còn đến với anh nữa.

Sân bay thủ đô National, tuy chẳng phải là một kiệt tác của nghệ thuật kiến trúc, nhưng vẫn có một cái gì đó đầy sức thu hút. Maronic đã tự cho phép mình buông thả trong giây lát, để ngắm những đường nét can đối của gian phòng đợi và những dải hành lang, mà hắn đang đi qua. Những sắc màu êm dịu đẹp lạ thường, những đường nét thanh tú, uyển chuyển biết bao.

Thình lình, hắn bỗng dừng phắt lại. Malcolm vừa kịp lách người vào sau dãy sách, bày bán những tập comics. Cô hàng sách ngược mắt nhìn chăm chăm vào mặt anh, nhưng chẳng nói năng gì.

Maronic nhìn chiếc đồng hồ đeo trên tay và dường như ngẫm nghĩ gì đó trong giây lát, như thể để lượng định nó trong óc vậy. Phải, còn chán thời giờ.

Thế là Maronic lại đi tiếp, không còn giữ cái dáng ung dung của kẻ đang nhàn nhã nữa. Hắn bước vội vã hơn, dứt khoát hơn.

Malcolm theo sau ngay, cố không gây một tiếng động nhỏ nào trong mỗi bước chân, khi phải nện gót trên đoạn hành lang bằng đá hoa cương, không trải thảm.

Maronic bất thần rẽ ngoặt bên phải và biến mất sau một cánh cửa tự đóng mở, mà lúc này vẫn đang còn lay động, vì chưa hết đà.

Malcolm nhanh chóng theo vào. Tay anh vẫn lăm lăm khẩu súng giấu dưới chiếc áo mưa, bỗng ướt đầm mồ hôi; phần vì nóng, phần vì công hiệu của thuốc và sự căng thẳng thần kinh. Anh dừng bước trước một cánh cửa sơn màu nâu. Phòng vệ sinh nam giới. Anh nhìn quanh. Không một bóng người. Thôi, quyết đi: hoặc là lúc này, hoặc là không bao giờ nữa!

Anh rút khẩu súng ra, quăng chiếc áo mưa xuống một chiếc ghế gần ngay đây. Tim đập đờ hời, anh lấy vai đẩy mạnh cửa.

Cánh cửa nhẹ nhàng và êm ái hé rộng ra vài phân. Qua khe cửa, Malcolm nhìn thấy bức tường lát gạch men bóng loáng và bốn cái bồn rửa tay. Trong phòng cũng chẳng có ai hết.

Anh mở hẳn cửa ra, bước vào trong. Cánh cửa tự động khép lại “kẹt” khẽ một tiếng rõ dài và đập vào lưng anh một cái rõ mạnh.

Phải, ở đây sáng hơn là ở ngoài đường, dù là trong một ngày xuân trong trẻo như hôm nay. Điệu nhạc trên dây loa bên ngoài vọng vào, bị vách tường lát gạch men hắt ngược trở lại, biến thành những âm thanh lạnh lẽo và chua loét.

Ở cuối phòng vệ sinh, có ba ngăn nhà xí. Dưới mép cánh cửa của ngăn đầu cùng bên trái lộ ra hai chiếc giày cao cổ đánh xi bóng lộn. Màu đen càng nổi bật trên nền gạch men trắng tinh.

Tiếng sáo vang ra từ chiếc loa gắn trên trần như thể nêu lên cho dàn nhạc một câu hỏi vui. Lập tức tiếng dương cầm thánh thót đáp lại.

Malcolm từ từ nâng súng lên. Tiếng sáo lúc này như lại nêu ra một câu hỏi nữa, bằng những tiết tấu dìu dặt hơn ban nãy.

Cái chốt an toàn trên khẩu súng ngăn vừa bật lên một tiếng “tách” khẽ, thì

tiếng dương cầm liền tuôn ra một hoà âm thiết tha đáp lại.

Khẩu súng nảy nhẹ trên tay Malcolm. Cánh cửa sắt mỏng trước gian bên trái thủng ngay một lỗ. Hai bàn chân ở bên trong thoát tiên giật giật, rồi hơi nhấc cao lên. Maronic bị thương nhẹ ở cổ, tuyệt vọng lôi khẩu súng nhét trong túi sau ra. Thường, hắn vẫn giắt súng bên hông, trong một cái bao vải riêng, hoặc đeo ngay dưới nách. Nhưng sáng hôm nay, hắn đã tính cứ vất lại, vì ngại phải chịu cảnh “rơi điện” của đám nhân viên an ninh trước giờ lên máy bay. Hơn nữa, hắn cho rằng hiện thời theo kế hoạch đã vạch, hắn sẽ không cần mớ đến súng nữa, nhất là lúc ngồi trong gian phòng rộng đông người như thế này. Nhưng vì thận trọng, rốt cục, Maronic cũng giắt theo khẩu súng, nhưng nhét mãi trong túi sau, - đề phòng bất trắc, tuy biết mười mươi rằng như thế sẽ rất khó lòng xoay sở.

Malcolm lại bắn tiếp phát nữa. Viên đạn thứ hai xuyên qua cánh cửa sắt, đâm vào ngực Maronic, hất hắn ngã dúi vào tường.

Malcolm bắn thêm phát thứ ba, rồi thứ tư, thứ năm và thứ sáu. Vỏ đạn từ trong ổ súng văng ra, rơi lanh canh trên sàn gạch. Mùi thuốc đạn khét lẹt ngập ngụa gian phòng.

Phát đạn thứ ba của Malcolm khiến Maronic thủng bụng. Hắn khẽ rên một tiếng và bắt đầu trượt dài dọc the thành bên phải của tấm vách ngăn bằng sắt tây.

Phát thứ tư không ghim vào người Maronic, lúc này đã bất động, mà va vào vách tường, bắn ra những viên chì lụn vụn, đập rào rào vào mấy bức vách ngăn hai bên, thậm chí bắn lên cả trần nhà. Dăm ba viên chì đó bắn vào lưng Maronic, nhưng lúc này hắn đâu còn hay biết gì nữa.

Phát thứ năm ghim vào đùi bên trái, hất cái xác của Maronic xuống sàn.

Nhìn qua cái khe bên dưới cánh cửa, anh thấy chân tay hắn nằm vắt chéo

trên chỗ ngồi đi đại tiện. Trên mặt sàn lát gạch men lấm tẩm máu vệt máu tươi. Rồi, cả thân người của Maronic từ từ, như thể hẫng còn đang ngẫm nghĩ, lăn dài ra dưới sàn. Malcolm chỉ tin chắc là mọi chuyện đã xong xuôi, khi nào nhìn thấy khuôn mặt của Maronic. Vì thế, anh bóp cò thêm hai lần nữa, cho đến lúc không còn viên đạn nào trong ổ súng. Xác Maronic đã nằm sòng sượt trên sàn, giật khẽ mấy lần liền, rồi mới hoàn toàn bất động. Anh nhìn thấy một phần khuôn mặt tái nhợt của hã. Cái chết đã xoá đi những nét dễ gây ấn tượng vốn có trên khuôn mặt của Maronic, biến nó thành một bộ mặt bình dị, khô khan. Đến lúc này, Malcolm mới vớt súng xuống chân. Khẩu súng nảy lên mấy lần, rồi lăn đến bên xác chết.

Phải mất đến mấy phút đồng hồ, chàng trai mới tìm thấy trạm điện thoại. Rốt cục, một cô chiêu đãi viên hàng không dễ thương, dáng dấp rất phương Đông, đã phải giúp cho viên sĩ quan hải quân hơi đãng trí. Thậm chí, anh còn phải xin cô gái ấy một đồng mười xu nữa để gọi điện.

- 493-7282 đây. – Giọng Mitchell hơi run.

Malcolm chẳng có gì để vội nữa. Anh chậm rãi lên tiếng, giọng hết sức uể oải:

- Malcolm đang ở đầu dây đây. Mọi chuyện thế là xong. Maronic chết rồi. Sao, anh có định phái người đến đón tôi không đấy? Tôi đang có mặt tại sân bay National. Cả Maronic cũng đang ở đây. Tôi cải trang trong bộ quân phục sĩ quan hải quân rất oách. Tôi ngồi chờ ở góc tây-bắc của phòng đợi.

Ba chiếc xe chở theo một tốp nhân viên CIA phóng đến sân bay. Họ đến sớm hơn xe cảnh sát hai phút. Cảnh sát chắc sẽ phải còn lâu mới hay tin về vụ án mạng, nếu ông già quét rác họ không phát hiện thấy trong phòng vệ sinh nam giới, ngoài những cái chậu đi tiêu bẩn thỉu, còn có mấy thứ linh tinh khác nên đã hối hả chạy đi trình báo cho nhà chức trách.

James Grady

Sáu ngày của Condor

Dịch giả: Nguyễn Đức Dương

THỨ TƯ (Chiều)

- Thật chẳng khác gì là bắn chim nhốt trong lồng!

Ba người vừa ngồi trò chuyện, vừa ung dung nhấp từng ngụm cà phê. Powell nhìn nụ cười rất tươi trên gương mặt của người cao tuổi và tiến sĩ Lofts.

- Maronic chẳng còn một mảy may nào hy vọng qua khỏi nữa đâu.

Người cao tuổi ngược nhìn sang tiến sĩ Lofts:

- Ngài chắc là có thể giải thích đôi lời về hành động của Malcolm chứ ạ?

Tiến sĩ ngẫm nghĩ một lúc, rồi mới đáp:

- Tôi chưa trò chuyện được gì thật thấu đáo với chàng trai ấy cả, vâng, đúng thế. Tuy nhiên, nếu lưu ý đến vốn kinh nghiệm mà anh ấy tích lũy được trong mấy ngày vừa qua, nhất là đến cái chết của bạn hữu và sự tin chắc rằng cô bạn mình không còn sống nữa, cũng như đến học vấn, đến sự đào tạo và cái tình thế chung mà anh ấy rơi vào, thì tôi cho rằng phản ứng của anh ta là hoàn toàn lô-gich. Cố nhiên, ta hẳn tạm bỏ qua những tác dụng có thể có của mấy mũi thuốc.

Powell gật đầu tỏ ý tán thành. Ông quay sang sắp hỏi:

- Thế Attwood ra sao ạ?

- Ồ, lão sẽ sống thôi, ít ra là lúc này. Sự ngờ nghệch, vụng về của lão lúc nào cũng khiến tôi sửng sốt. Lão gặp may nhiều quá, nên đâm ra lú lẫn, mới đi đóng cái vai ấy trong tấn tuồng kia. Sẽ dễ dàng thay thế lão thôi. À này, ta thu xếp ra sao về cái chết của Maronic ngoài sân bay?

Powell cười hề hề:

- Rất dè dặt ạ. Tuy cảnh sát chẳng thích thế, nhưng ta cứ ép buộc, bắt họ phải “tin” là “tên giết người trên đồi Capitol” đó đã tự sát trong nhà vệ sinh nam giới của phi trường National. Dĩ nhiên là chúng tôi đã phải trảm miệng ông lão quét rác ít nhiều, để bắt ông ta hứa là sẽ “quên đi” những gì mình chứng kiến. Nhưng, nói chung, chẳng có vấn đề gì quan trọng đâu ạ.

Chiếc máy điện thoại đặt trên bàn, ngay bên cạnh khuỷu tay của người cao tuổi, réo dài. Chỉ nghe có vài giây, ông ta đặt máy xuống và ấn một cái nút nhỏ ở kế bên chiếc máy điện thoại. Cửa mở toang.

Malcolm tỉnh trí dần sau khi đã thuốc. Suốt ba giờ liền, chàng trai như rơi vào trạng thái động kinh. Trong khoảng thời gian ấy, anh cứ nói luôn mồm, không nghỉ lấy một phút. Powell, tiến sĩ Lofts và người cao tuổi đã ngồi nghe câu chuyện của suốt sáu ngày ấy qua lời kể vắn tắt của chính chàng trai tội nghiệp. Khi Malcolm ngưng lời, người ta báo cho anh hay là Wandy vẫn còn sống. Anh chàng đã mệt nhoài, đến mức suýt ngã dụi xuống sàn bệnh viện, khi người ta đưa anh đến gặp cô bạn gái. Anh nhìn không rời mắt cái thân hình đang ngủ say, được phong kín trong tấm chăn trắng trên giường bệnh, và tựa hồ như chẳng nhận thấy mấy cô nữ y tá đang đứng ngay cạnh. “Mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp thôi”, Wandy nhắc lại hai lần câu đó, nhưng anh vẫn hoàn toàn đứng đưng, chẳng phản ứng gì. Tất cả những gì anh được nhìn thấy lúc bấy giờ chỉ vồn vện có thể này: mái đầu nhỏ bé của Wandy quấn đầy băng trắng, thân hình cô bạn dưới tấm chăn dày, một mớ dây điện và ống dẫn bằng nhựa trong suốt nối giữa cô và một chiếc máy rất phức tạp.

- Trời ơi! – chàng trai khẽ kêu lên, lòng vừa thấy thư thái, vừa trĩu nặng khổ đau. – Trời ơi!

Họ cho phép Malcolm đứng sát bên cô bạn anh vài phút, nhưng phải tuyệt đối giữ im lặng. Đoạn, đưa anh đi tắm rửa. Lúc này, anh đã thoải mái trong bộ quần áo của chính mình mà người ta đã cất công mang từ nhà lại cho anh thay, nhưng anh vẫn cảm thấy rất ngỡ ngàng, xa lạ.

- À, Malcolm, anh bạn quý của tôi, ngồi xuống đi. Chúng tôi chẳng giữ lâu đâu. – Người cao tuổi lúc này mặt mày rất rạng rỡ. Tuy thế, dù cố mấy chẳng nữa, ông vẫn không gây được ở chàng trai cái ấn tượng mà ông đang mong mỏi: anh chàng vẫn hoàn toàn đứng đưng với câu nói vừa rồi.

- Thế đấy. Chúng tôi không muốn làm anh xúc động, vì bất cứ lẽ gì. Chúng tôi đã quan tâm đến mọi điều, đã đặt mọi thứ dưới sự giám sát nghiêm ngặt. Bao giờ anh nghỉ ngơi thoải mái xong, chúng tôi sẽ mời anh đến đây bạn nữa. Lúc ấy, ta sẽ trò chuyện tỉ mỉ hơn. Anh bằng lòng chứ? Nào, anh nghĩ

sao, cậu bé yêu quý của tôi?

Malcolm chậm rãi đưa mắt nhìn khắp lượt ba người đang ngồi trước mặt.

- Thì tôi đâu còn con đường nào khác, phải không ạ? – chính anh cũng cảm thấy giọng nói mình già đi, đầy vẻ mệt nhọc. Anh cảm thấy nó sao mà lạ lẫm, như chưa từng nghe thấy bao giờ.

Người cao tuổi mỉm cười, vỗ bồm bộp vào lưng Malcolm mấy cái, rồi vừa lâu bầu mấy tiếng gì đó trong cổ họng, vừa tiến anh ra cửa. Lúc ông quay vào, ngồi vào chỗ, Powell liền ngược nhìn ông rất nhanh, nói:

- Thôi, vậy là xong. Thần Ưng của chúng ta, từ nay trở đi, thế là sẽ sống yên trong “tổ ấm”.

Mắt người cao tuổi ánh lên những tia lửa:

- Kevin ơi, đừng quá tự tin; đừng quá tự tin anh bạn ạ

HẾT



Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vy.

Đánh máy: Darwin92, Sunlight, nhoc2207

Nguồn: sunlight

Nhà xuất bản: Hội Văn nghệ Quảng Nam - Đà Nẵng Năm 1986

Được bạn: Ct. Ly đưa lên

vào ngày: 27 tháng 9 năm 2010